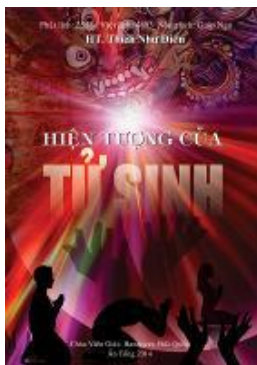


Hiện Tượng Của Tử Sinh



HT Như Điển

---oOo---

Nguồn

<http://www.tuvienquangduc.com.au/>

Chuyển sang ebook 11-07-2015

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihei.org](http://www.phapthihei.org)

Mục Lục

Lời Nói Đầu

Chương Một - SỐNG và CHẾT theo quan niệm của Phật Giáo

Chương Hai - Con người và những động vật khác trước khi sinh ra

Chương Ba - Hiện tượng trước khi chết

Chương Bốn - Thân trung ấm

Chương Năm - Tâm thức của người mất sau 49 ngày

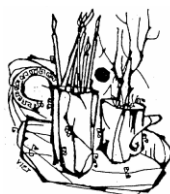
Chương Sáu - Sống như thế nào và Chết sẽ đi về đâu?

Chương Bảy - Hiện tượng của những hồn ma

Chương Tám - Cái chết có phải là một việc đáng sợ không?

Lời Cuối Sách

---o0o---



Lời Nói Đầu

Kể từ năm 1974, khi tôi còn ở tại Nhật Bản; cho đến nay năm 2014 đang ở tại Đức, đúng ra là 40 năm. Trong 40 năm ấy tôi đã sáng tác và dịch thuật tất cả là 63 tác phẩm. Đó là chưa kể những bản dịch của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, quyển thứ 32 thuộc luận tập bộ toàn cũng có trên 3.000 trang đánh máy đã được đăng trên trang nhà Viên Giác, Quảng Đức và Hoa Vô Ưu. Ngoài ra cũng có trên 100 bài viết về đủ thể tài. Từ văn hóa đến giáo dục, từ Tôn giáo đến xã hội, từ tự truyện cho đến tường thuật v.v... kể ra cũng đầy đủ mọi đề tài. Như vậy chia ra cho mỗi năm trong 40 năm ấy, tôi sẽ có con số trung bình là một tác phẩm rưỡi của những tiêu đề trên. Có người hỏi rằng trong 63 tác phẩm ấy, tác phẩm nào Thầy thích nhất? thì đây là một câu hỏi khó trả lời. Vì lẽ nếu không thích, thì tôi đã không tạo ra một đứa con tinh thần cho mình như vậy. Cho nên mỗi quyển sách, mỗi tập truyện nó có một giá trị tinh thần đích thực của nó.

Năm 1974 lần đầu tiên tôi đặt bút dịch từ tiếng Việt sang tiếng Nhật quyển “Truyện cổ Việt Nam - tập I” của ông Nguyễn Đồng Chi. Lý do để tôi dịch truyện này, vì ông Thầy dạy thêm phần tiếng Nhật tại Đại Học Teikyo lúc bấy giờ muốn tôi giới thiệu văn hóa Việt Nam cho ông ta đọc và đó cũng là cách để ông ta kiểm điểm khả năng Nhật ngữ của tôi khi đang học Giáo Dục tại Đại Học này từ Semester thứ nhất đến Semester thứ tư. Thế là việc tự nhiên đã đến; nghĩa là tôi trở thành người dịch truyện cổ. Các báo chí Nhật Bản lúc bấy giờ đã đăng tin và nhiều ký giả đã tìm đến chùa Honryuji ở Hachioji thuộc Tokyo để phỏng vấn lấy tin và đăng báo. Tôi tự nhiên trở thành như vậy và cứ cầm bút mãi cho đến ngày nay.

Nhiều người bảo tôi là văn sĩ. Tôi chối từ. Bảo tôi là người viết tiểu thuyết. Tôi cũng chưa chấp nhận. Có kẻ cho tôi là dịch giả. Tôi cũng chưa

thuận ý, mà tôi chỉ đơn thuần là một Tu Sĩ Phật Giáo đi làm nhiệm vụ chuyên chở chữ nghĩa cũng như văn chương đến với mọi người ở nhiều hình thức khác nhau, nhằm cung cấp cho ai đó, thích đọc hay xem thử tư tưởng Phật Học có gì mới lạ không? Và biết đâu trong số những độc giả ấy sẽ có một vài người hiểu được điều mình muốn truyền đạt đến. Thế là đủ rồi.

Có nhiều quyển sách nghiên cứu khó đọc, chứ chưa nói đến chuyện hiểu; cho nên nhiều người than: Tại sao lại phải như thế? Đời nay người ta chỉ muốn cái gì cho nhanh, gọn, mau hiểu. Còn cái gì đó bắt buộc phải suy nghĩ và tốn thì giờ; thôi thì cứ xếp sách để lại đó, lần sau sẽ tính. Đôi khi lần sau ấy, không bao giờ có dịp đến với người đọc khó tính kia nữa.

Cũng có lắm người đọc hết sách, nhưng sau khi gấp sách lại, hỏi rằng: Tác giả muốn nói gì trong sách ấy, lại trả lời chẳng thông. Có người đọc, chỉ để đọc mà thôi. Ngược lại cũng có lắm người thuộc lòng từng câu văn, từng lời đối đáp trong một quyển sách nào đó; khiến cho tác giả cũng chạnh lòng.

Đa phần nhiều người than rằng: Sách dày quá lại khó hiểu. Do vậy quyển sách này tôi cố gắng viết cô đọng lại và mỏng hơn, không làm phiền người đọc sách nữa. Nếu cách đây gần 100 năm nhà văn nhà thơ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu than rằng:

Văn chương hạ giới rẻ như bèo; nên ông mới mang chữ nghĩa lên bán cho ông Trời và Trời cũng tự hỏi rằng:

Khách hà nhân giá

Cớ làm sao suồng sả dám đưa thơ?

Chốn Thiên Cung ai kén rể bao giờ

Chỉ những sự ngẩn ngơ mà giấy má

Chức Nữ tảo tùng giai tế giá

Hằng Nga bất nại bảo phu miên...

Còn ngày nay thì sao? có khác với 100 năm trước không? Câu trả lời xin để dành lại cho độc giả vậy.

Theo Khổng Tử của Trung Quốc ngày xưa, đời người chia ra làm nhiều giai đoạn của mỗi 10 năm; đến 60 tuổi là “thuận nhĩ”. Nghĩa là mọi việc đều phải thuận theo tai mình nghe, mắt mình thấy, không cần phải đính chánh cũng không cần phải nông nổi để phê phán một vấn đề gì. Năm nay tôi đã 65 tuổi tây và 66 tuổi ta, lại có 50 năm xuất gia hành đạo. Do

vậy với tôi bây giờ không thương riêng ai mà cũng chẳng ghét riêng ai. Không buồn, không lo, không hờn, không giận; không vui, chẳng khổ. Đây là những nguyên tắc sống của tôi lúc tuổi về chiều. Có thể có người cho rằng đây là bi quan; nhưng với tôi, đây là cách tốt nhất để cho tâm mình an ổn.

Quyển sách này nhan đề là “**Hiện tượng của Tử sinh**”. Sinh và tử vốn là một hiện tượng; chứ không phải là sự có thật. Vì chết sống trong đời này chỉ là lần tiếp theo của những lần trước mà thôi. Chúng ta đã có không biết bao nhiêu lần chết đi và cũng đã có nhiều lần sống lại. Sống ở cõi này hay những cõi khác. Chết vốn là điều đáng nói, còn sống vốn là chuyện tự nhiên của cuộc đời. Khi được sinh ra đời, mọi vật đều phải sống. Có người sống đến 100 năm; nhưng cũng có nhiều người chết non khi mới vừa lọt lòng mẹ. Lại cũng có lắm kẻ phải sống cho qua một kiếp người. Vui, khổ, giàu, nghèo v.v... vốn đan chéo với nhau bởi nhiều mối dây ràng buộc của nhân quả, khó mà định nghĩa cho hết được.

Chết mới là sự bắt đầu; chứ không phải khi sinh ra là bắt đầu. Cũng giống như ngày chủ nhật mới là ngày đầu tuần; chứ đầu tuần không bắt đầu từ thứ hai. Trong các dân tộc ở Á Đông, người Nhật thể hiện rõ nét nhất về cách gọi của bảy ngày trong tuần như sau:

- Nichijobi = ngày chủ nhật = ngày của mặt trời
- Getsujobi = ngày thứ hai = ngày của mặt trăng
- Kajobi = ngày thứ ba = ngày của lửa
- Suijobi = ngày thứ tư = ngày của nước
- Mokkujobi = ngày thứ năm = ngày của cây
- Kinjobi = ngày thứ sáu = ngày của vàng
- Dozobi = ngày thứ bảy = ngày của đất

Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ là ngũ hành vận chuyển trong trời đất này bởi âm dương là mặt trời và mặt trăng. Đây là cách ứng dụng rất tuyệt vời văn học của Trung Quốc vào nền văn hóa của Nhật Bản. Trong khi đó chữ Hán xuất phát từ Trung Hoa mà họ không ứng dụng hoàn hảo vào cuộc sống tài tình như người Nhật, Họ gọi các ngày trong tuần là:

Shin chiru = Tinh kỳ nhật = ngày chủ nhật

Shin chii = Tinh kỳ nhất = ngày thứ hai

Shin chie = Tinh kỳ nhị = ngày thứ ba

Shin chisan = Tinh kỳ tam = ngày thứ tư

Shin chisi = Tinh kỳ tứ = ngày thứ năm

Shin chiu = Tinh kỳ ngũ = ngày thứ sáu

Shin chiru = Tinh kỳ lục = ngày thứ bảy

Thật ra cách gọi của Trung Hoa không rõ ràng bằng cách gọi của người Nhật. Từ đó chúng ta, người Việt Nam có thể tạo ra một cách riêng để gọi cho việc này, chắc cũng chẳng phải là điều quá đáng vậy.

Người Việt Nam chúng ta ngày xưa hay nhớ ngày giỗ kỵ của ông bà cha mẹ và những người thân thuộc trong gia đình nội ngoại kỹ càng hơn là ngày sinh ra của những thành viên trong gia đình. Vì lẽ người Việt Nam xem trọng cái chết, hơn là sự sống. Vì chết không phải là hết, mà chết mới chỉ là một sự bắt đầu. Do vậy những người con gái Việt Nam ngày xưa khi về nhà chồng, những điều căn bản nơi nhà chồng mà cô dâu cần phải biết; trong đó có vấn đề lo nhớ ngày giỗ quảy trong gia đình chồng. Có thể chính ngày sinh của cô dâu ấy và ngay cả cha mẹ sinh ra cô ta nữa, cô ta cũng chẳng nhớ; nhưng điều bắt buộc phải nhớ là những ngày giỗ của nhà chồng, chứ chẳng phải bên nhà cha mẹ sinh ra mình.

Ở Việt Nam thuở xa xưa, người ta không tổ chức ăn mừng sinh nhật, dầu cho người ấy có tuổi thọ là bao nhiêu đi chăng nữa, mà chỉ chú mục vào đám giỗ và đám tang của một người thân. Lý do như bên trên đã trình bày. Người Việt Nam chúng ta cũng có hai loại tuổi. Một loại tuổi Tây, tính theo ngày sinh, giống như Tây phương. Một loại tuổi khác, gọi là tuổi Ta. Tuổi này tính theo âm lịch. Cứ mỗi cái Tết âm lịch đến, đều tính một tuổi. Vì lẽ chín tháng mười ngày thai nhi được cưu mang trong bào thai của người mẹ cũng đã là một tuổi khởi đầu của cuộc sống mới rồi. Do vậy người Việt Nam gọi tuổi Ta là vậy. Tuổi này cũng là tuổi của Phật Giáo nữa. Vì lẽ một chúng sinh theo Phật Giáo không phải được khởi sự chỉ lúc mới được sinh ra, mà chúng sanh ấy được bắt đầu qua sự tác ý của cha mẹ và sự hiện hữu của một tâm thức và việc hội đủ nhân duyên để cho một chúng sanh thành tựu. Do vậy sự sống manh nha từ tư tưởng

hội ngộ của ba nguồn dữ liệu ấy. Nếu thiếu một trong hai hay trong ba điều kiện trên, thì một chúng sanh không thể thành hình.

Gió không từ đâu tới; gió cũng đã chẳng đi về đâu. Gió hiện hữu, rồi gió tan biến, xa lìa. Tử sinh cũng như thế. Tuy có đó, tuy mất đó; nhưng nó không thật. Vì sự sống chết chỉ là một hiện tượng. Đã là một hiện tượng thì thực tướng của nó là không và cái không này đã bị vô thường cũng như khổ chi phối. Ai hiểu được điều này thì sẽ hiểu được Đạo Phật. Giáo lý của Đức Phật không phải khó hiểu, để cho chúng ta phải đóng khung vào đó, rồi tự nhủ rằng: Mình không thể bước ra khỏi sự nhọc nhằn kia. Điều khác nhau giữa một con người tỉnh thức giác ngộ và một người chưa tỉnh thức là biết đúng thời, đúng lúc và chưa biết đúng sự thật mà thôi. Khi chúng ta nhìn thế gian này với con mắt nhị nguyên, thì rõ ràng rằng cái gì cũng có đấy chứ! nhưng khi nhìn kỹ lại thì cái có ấy bị chi phối bởi vô thường; nên căn bản của nó là không thật có. Đã không thật có thì đau khổ hay sầu muộn theo đó để làm gì?

Khi đã rõ lối đi về như vậy rồi thì người Phật Tử chúng ta không sợ chết nữa, mà chết chỉ là một khoảnh khắc để thay đổi chiếc áo nghiệp lực mà lâu nay chúng ta đã mặc vào, bây giờ chúng ta chỉ cần chọn một chiếc áo khác để thay đổi hành trình sanh tử của chúng ta mà thôi.

Nhiều người khi cha mẹ, anh chị em qua đời rất buồn khổ; nhưng họ quên rằng: Trong chính thân tâm ta cũng đang mang sự hiện hữu của cha mẹ và anh em cùng huyết thống mà. Trong bản thân hiện hữu của chúng ta, vẫn có sự tồn tại của cha mẹ.

Do đó ta đâu có mất cha hay mất mẹ. Tất cả chỉ là một sự luân lưu, một sự hoán chuyển; nhưng chúng ta chưa và không quán triệt đầy thôi.

Tôi mong rằng với tác phẩm nhỏ này sẽ giúp cho người Phật Tử chúng ta rõ được chốn đi về của tử sinh, để từ đó chúng ta không sợ chúng và chúng ta sẽ làm chủ những hiện tượng này, để cho cuộc đời của chúng ta bớt khổ và có ý nghĩa thực tiễn nhiều hơn.

Mong rằng tất cả chúng ta đều có được một ý niệm vững vàng như vậy để cuộc sống của ta mang theo được nhiều ý nghĩa hơn.

Tác giả: Thích Như Điển

---o0o---

Chương Một - SỐNG và CHẾT theo quan niệm của Phật Giáo

Trước khi đạo Phật ra đời, đã có nhiều đạo khác hiện hữu trên thế gian này. Ví dụ như Ấn Độ Giáo và Khổng Giáo chẳng hạn. Trước những Đạo này xuất hiện còn có Đạo thờ các Thần núi, Thần sông, Thần cây, Thần sấm sét v.v... Nghĩa là khi con người lúc còn sống đơn giản với thiên nhiên, với tư cách như là dân du mục, họ chưa có văn hóa nhiều và nền văn minh chưa phát triển; họ cũng phải sống và phải chết; nhưng họ cũng phải tìm nơi tinh thần để nương tựa vào một đấng tối cao nào đó, khiến họ mới an tâm. Vì lẽ sau họ, còn có không biết bao nhiêu người thân của họ cũng phải bước theo con đường ấy nữa.

Khi khả năng của con người còn giới hạn, chưa chinh phục được thiên nhiên qua khả năng tự có của mình, thì họ hay tin vào những điều gì có thể tin được, cốt để an ủi người thân hay chính họ khi bị đau yếu hoặc giả lâm chung. Đây là một đề tài rất lớn trong cuộc đời; nhưng nó cũng rất nhỏ so với cuộc sống đơn sơ của con người cách đây cả hàng triệu triệu năm về trước. Họ cũng đau khổ, cũng hy vọng, cũng muốn có một nơi để nương tựa vào; nhưng thời gian ấy phải trải qua hàng nhiều năm tháng; chỉ đến khi con người có đời sống định cư hẳn hoi thì các Đạo giáo mới ổn định và từ đó các Tôn Giáo mới thiết lập tư tưởng của mình về hai sự kiện quan trọng trong cuộc đời. Đó là sống và chết.

Việc gần chúng ta nhất thì cũng đã trên dưới 5.000 năm rồi. Làm thế nào để chúng ta có thể tìm lại được quan niệm của việc sống chết này của con người vào một thuở xa xưa ấy? Nhưng cái chết có đáng sợ không? Ngày nay xem lại một số phim ảnh hoạt họa ghi lại đời sống của người tiền sử, chúng ta thấy họ vẫn có cách sống riêng của mình trong từng bộ tộc một và mỗi bộ tộc như thế đều có một cách riêng cho vấn đề này. Đến khi Ấn Độ Giáo có mặt tại Ấn Độ, Khổng Giáo có mặt tại Trung Hoa thì mọi lễ nghi, tư tưởng mới được hình thành một cách rõ ràng.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Giáo chủ của Phật Giáo. Người cũng đã từ những Đạo thờ Thần khác, chính thức bước ra khỏi những tư tưởng đương thời, để tìm cho mình và hậu thế một con đường mới và con đường ấy giờ này đã có mặt khắp nơi trên quả địa cầu này. Tuy cũng là một Đạo Phật ở Trung Quốc; Đạo Phật của Trung Quốc khác với Đạo Phật ở Việt Nam và Nhật Bản. Ngày nay Đạo Phật đã có mặt tại các xứ Âu Mỹ này lại càng khác xa Đạo Phật nguyên thủy có từ thời Đức Phật. Bởi lẽ trước khi Đạo Phật du nhập vào các xứ này; tại chính những bản địa ấy đã có những Đạo thờ ông bà, tổ tiên hay ngay cả Đạo Thiên Chúa hay

Hồi Giáo. Do vậy Đạo Phật phải thích nghi để tồn tại và phát triển tại các xứ này; nên phải hội nhập như thế.

Tại Tây Tạng có Đạo Bon, trước khi Phật Giáo được du nhập vào và ngày nay trong các buổi tế lễ cầu nguyện của Kim Cang Thừa, Phật Giáo Tây Tạng vẫn còn bị ảnh hưởng của Đạo Bon không ít. Ví dụ như thần Bốn Mạng của mỗi Đức Đạt Lai Lạt Ma. Mỗi khi có vấn đề trọng đại gì của quốc gia, các vị Đại Thần và các vị Đại Sư đều phải cầu nguyện với vị Thần bốn mạng này để được soi sáng những việc cần phải làm trong thời gian kế tiếp. Việc này nó tương tự như đồng cốt ở Việt Nam. Thế nhưng Đạo Phật tại đó vẫn còn có thể chấp nhận được. Vì lẽ trong cái này có cái kia và trong cái kia lại có cái này.

Ở Trung Quốc, khi Phật Giáo mới được du nhập vào, tại đây đã có Đạo Khổng, Đạo Lão; vốn là những nguồn đạo tôn trọng Tam Cương Ngũ Thường và Tam Tông Tứ Đức. Cho nên nhiều vị Tổ Sư của Phật Giáo tại Trung Hoa đã không loại bỏ tư tưởng sống chung để tồn tại và phát triển đó. Ví dụ như Ngài Shantao (Thiện Đạo), Tổ thứ 3 của Tịnh Độ Tông của Trung Quốc đã cho vào một trong những điều kiện để được vãng sanh về Tịnh Độ là phải có hiếu với Cha Mẹ và Thầy Tổ. Việc này vốn dĩ trong kinh điển nguyên thủy hầu như ít thấy đề cập đến.

Hoặc giả ở Nhật Bản, Phật Giáo đã có mặt ở đây từ thế kỷ thứ sáu. Trước đó họ đã thờ Shinto (Thần Đạo) vốn là một đạo tôn sùng các bậc quân vương. Sau khi băng hà, những ông vua này trở thành Thần và vẫn ngự trị trong quốc gia của họ. Cho nên nhiều người Phật tử Nhật ngày nay khi vào chùa lễ ra họ chỉ chấp tay đánh lễ Phật và chư vị Bồ Tát là đủ. Thế nhưng nhiều người Phật tử vẫn vỗ vào hai tay mình 3 tiếng thật lớn, đoạn mới chấp hai tay lại và sau đó mới cầu nguyện. Hoặc giả họ hơi khới nhang đang cháy để áp vào bụng, vào đầu. Những tục lệ như thế trong Phật Giáo không có; nhưng ngày nay vẫn còn tồn tại ở rất nhiều chùa Nhật Bản. Nhiều người Phật tử Nhật vẫn tin rằng: Phật là Thần, Thần là Phật.

Việt Nam chúng ta cũng không kém gì về phong tục của những nước đã nêu trên; nhất là những ngôi chùa ở miền Bắc. Trong chánh điện chùa vẫn thờ Phật và các vị Bồ Tát; nhưng gian bên cạnh đó hay một nơi biệt lập ở ngoài vườn chùa đều có những miếu để lên Đồng. Đồng cốt vốn là tín ngưỡng của dân gian, không phải của Phật Giáo; nhưng cả trên dưới 2.000 năm nay khi Phật Giáo đã có mặt tại Việt Nam, bản thân Phật Giáo cũng đã chẳng loại bỏ được hoàn toàn những tín ngưỡng nhân gian này. Vả chẳng Phật Giáo yếu thế, hay Phật Giáo không muốn độc tôn? hoặc giả

muốn „dĩ hòa vi quý“? Tất cả những câu trả lời đều có thể, không khẳng định mà cũng chẳng phủ định. Điều này không có gì lạ. Vì Phật Giáo vốn là một tôn giáo lấy sự Từ Bi, lợi tha làm bốn nguyện trong khi mang Đạo vào Đời. Do vậy hòa mình vào và hiện thân ở nhiều khía cạnh khác nhau trong đời thường; vốn dĩ cũng là hạnh nguyện của chư Phật và chư Bồ Tát khi vào đời để cứu khổ độ mê. Cho nên tâm Bồ Tát là tâm Bồ Đề và Bồ Đề ấy sẽ mang con người vào nền Đạo đến chỗ cao cả tốt ráo hơn. Có như thế Đạo Phật mới có thể tồn tại trong dòng sinh mệnh của dân tộc trong suốt cả mấy ngàn năm lịch sử được.

Rồi ngày nay Đạo Phật đã có mặt khắp nơi trên các xứ Âu Mỹ. Trước khi họ đến với Đạo Phật, các Phật tử này đã theo Cơ Đốc giáo hay Thông Thiên Học hoặc Chính Thống giáo. Những tôn giáo này vốn là những Tôn Giáo độc thần và tính mệnh của tín đồ của các Tôn giáo này đều sẵn sàng an bài dưới sự thưởng phạt của Đức Chúa duy nhất qua tội phước của mỗi người. Nếu họ có theo Đạo Phật, họ vẫn đứng trên nhân sinh quan của các Tôn Giáo này để nhận định Phật Giáo. Do vậy có một số các bậc Đại Sư như: Đức Đạt Lai Lạt Ma, Ngài Tuyên Hóa và Thiền Sư Nhất Hạnh, vì muốn cho Đạo Phật hiện hữu trên những phần đất của thế giới còn lại này; nên họ vô hình chung đã chấp nhận những người này vừa là Phật tử mà cũng vừa là một tín đồ ngoan đạo của họ đang theo. Dĩ nhiên khi đi xa hơn và sâu hơn vào Đạo Phật thì phải phát bỏ đề tâm và thọ trì những giới cấm của Phật chế. Lúc ấy họ phải tự chọn con đường họ phải theo. Có lẽ lúc đó họ phải biết cái nào quan trọng với Đức Tin của họ nhiều hơn và có thể giúp cho họ thăng hoa vào cuộc sống tâm linh của mình, thì họ sẽ nương vào đối tượng ấy để tu tập và hành trì.

Sau đúng 50 năm (1964-2014) xuất gia hành đạo và 42 năm (1972-2014) sinh hoạt Phật sự tại ngoại quốc; từ Á sang Âu, từ Âu sang Mỹ, Úc và Phi Châu, riêng tôi có một nhận xét cũng như một cái nhìn hơi khác về sự tồn tại cũng như phát triển Phật Giáo tại các xứ này như sau:

Nếu ví Thiên Chúa giáo giống như một bông hoa hồng. Tin Lành như một hoa cẩm chướng; Chính Thống giáo, Do Thái giáo và ngay cả Hồi Giáo là những bông hoa vạn thọ, hoa thược dược hay hoa bưởi v.v... thì Phật Giáo là hoa sen. Chúng ta sẽ trồng tất cả những cây hoa ấy vào trong một vườn hoa tâm linh tại đây. Vào một ngày nào đó, chúng sẽ được nở ra những bông hoa tươi thắm nhiệm màu, hương thơm bay khắp đó đây. Như vậy há không đẹp mắt hay sao? Nếu trong một vườn hoa tâm linh chỉ có một loài hoa độc nhất trở bông, thì trông ra cũng buồn thảm lắm. Cũng trong vườn hoa ấy nếu có nhiều loài hoa đang đua nhau khoe sắc

thắm, phải chăng có đẹp đẽ hơn nhiều? Dĩ nhiên là hoa nào tự giữ gìn bản sắc loài hoa của mình và cùng nhau khoe sắc màu trong một khung cảnh tự do, tự tại thì người ngoài nhìn vào sẽ thích thú hơn. Đây là chủ trương cá thể của tôi. Có nhiều người không đồng ý. Nhưng đây cũng chỉ là một cách nhìn trong nhiều cách nhìn khác trên cánh đồng tâm linh của mọi Tôn Giáo mà thôi.

Nếu hỏi ngày nay trên thế giới này có bao nhiêu Tôn Giáo đang tồn tại và bao nhiêu Tôn Giáo đã trôi vào dĩ vãng? Câu trả lời chắc khó khẳng định được. Tuy nhiên Tôn Giáo nào hợp với lòng người thì Tôn Giáo ấy sẽ tồn tại lâu hơn trên quả đất này. Thế giới ngày nay vẫn còn ngự trị của nhiều Tôn Giáo theo thời gian như sau:

- 1) Ấn Độ giáo có mặt tại Ấn Độ 5.000 năm
- 2) Khổng và Lão giáo có mặt tại Trung Hoa trên 2.600 năm
- 3) Phật Giáo có mặt tại Ấn Độ gần 2.600 năm
- 4) Do Thái giáo có mặt tại Israel trên 2.000 năm
- 5) Thiên Chúa giáo có mặt tại Âu Châu cũng trên dưới 2.000 năm lịch sử
- 6) Hồi Giáo có mặt tại Trung Đông 1.600 năm

Nếu chúng ta sắp theo thứ tự số tín đồ theo Tôn giáo ấy thì sẽ trở thành như sau:

- 1) Thiên Chúa giáo có trên 1 tỷ tín đồ.
- 2) Ấn Độ giáo gần 1 tỷ tín đồ.
- 3) Hồi Giáo gần 800.000.000 tín đồ.
- 4) Phật Giáo 600.000.000 tín đồ (chưa kể những tín đồ tại Trung Hoa lục địa).
- 5) Do Thái giáo độ 300.000.000 tín đồ.
- 6) Khổng giáo và Lão giáo chỉ còn hiện hữu tại Trung Quốc và những nước có người Hoa sinh sống; nhưng vì Tôn giáo này không có Tăng sĩ truyền thừa. Do vậy sự tồn tại và phát triển khó bề lý giải được.

Như vậy chúng ta sẽ căn cứ vào đâu để biết rằng: Tôn giáo ấy mạnh hay yếu? có hợp với Tín đồ hay không và còn hợp thời nữa không?

Nhìn vào quá khứ để biết hiện tại và tương lai. Có những Tôn giáo ra đời rất là đông đảo người theo; nhưng dần dà số tín đồ không còn bao nhiêu nữa. Vì tín lý không vững; do vậy đức tin của tín đồ bị bào mòn và khó tồn tại qua thời gian năm tháng được. Ngược lại có những Tôn giáo mới phát triển; nhưng có số tín đồ theo rất đông. Vì lẽ Tôn giáo này có nhiều phương tiện để triển khai niềm tin đi vào cuộc sống. Họ giúp nhau để tự tồn và thăng hoa cuộc sống tâm linh cũng như vật chất. Theo dõi, han hỏi, góp ý về nhiều lĩnh vực khác nhau, khiến cho Tín đồ của Tôn giáo ấy vững được và từ đó họ theo đạo cũng như phát triển đạo.

Ngược lại có một số Tôn giáo khác thiếu hẳn phần chăm sóc về tâm linh cho tín đồ; nên số người theo đạo càng ngày càng giảm đi và họ đã tìm đến những Tôn giáo khác hợp với cơ duyên của họ (xem sự phát triển Tôn giáo ở Đại Hàn thì rõ); nhằm giải quyết vấn đề thời gian, hoàn cảnh sống và ngay cả đức tin của những người này.

Nhưng thế nào là một tôn giáo?

Một Tôn giáo phải đầy đủ ba hay nhiều hơn những điều kiện như sau:

- 1) Giáo chủ
- 2) Giáo lý
- 3) Giáo hội

Nếu một Tôn giáo không còn đầy đủ 3 yếu tố này, thì không còn gọi là một Tôn giáo nữa. Bây giờ thì chúng ta đã yên tâm chỉ để đi vào lãnh vực sống và chết theo quan niệm của Phật Giáo mà thôi.

Tục ngữ Âu Châu có câu: “Khi tôi sinh ra trong cuộc đời này bằng những tiếng khóc chào đời, thì mọi người chung quanh tôi đều cười để đón mừng sự ra đời của tôi. Rồi suốt trong khoảng thời gian tôi sống trên cõi đời này, có thể là 30, 50 hay những đến 100 năm đi nữa, tôi phải làm một cái gì đó cho thật có ý nghĩa, để rồi một ngày nào đó tôi phải ra đi, mỉm cười buông xuôi hai tay về nơi chín suối, để mọi người chung quanh tôi đều khóc”. Cuộc đời bắt đầu bằng tiếng khóc và nụ cười và kết quả cũng bằng nụ cười và tiếng khóc. Nếu có khác chăng, chỉ là nhân vật chính trong câu chuyện bị đổi vai mà thôi. Nguyễn Công Trứ ngày xưa đã có viết trong bài “Chữ Nhàn” rằng:

... Thoạt sinh ra thì đà khóc chóc

Trần có vui sao chẳng cười khi

Khi hỷ lạc, khi ái dục, khi sầu bi

Chứa chi lắm một bầu nhân dục

Tri túc, tiện túc, đãi túc, hà thời túc

Tri nhàn, tiện nhàn, đãi nhàn, hà thời nhàn

...

Đó là quan niệm của Nho gia vào một thuở xa xưa trên quê hương đất Việt mình. Còn Phật Giáo thì sao ?

... Ba vạn sáu ngàn ngày là mấy

Kiếp phù sanh trông thấy mà đau...

Đạo Khổng thì cho rằng:

“Nhân sinh thất thập cổ lai hy”

Như vậy thì đúng, sai hay tốt xấu theo quan niệm của từng Tôn giáo một, vẫn là những điều cần phải đề cập đến nhiều hơn, để làm rõ cho vấn đề sống chết cho mỗi tự thân của chúng ta.

Sống là một động từ dùng để chỉ cho con người, động vật và những sự vật còn chuyển động; nghĩa là chưa chết. Con người còn hơi thở ra vào, còn đi, còn đứng, còn trò chuyện, còn hiểu biết... đấy gọi là sống. Còn chết có nghĩa là tim ngừng đập, mũi không còn hít thở không khí của đất trời nữa. Mọi sự đều ngưng đọng; nhưng tâm thức vẫn hoạt động. Con người khi còn sống làm đủ nghề nghiệp để nuôi thân, thực hiện nhiều động tác khác nhau để bảo vệ cho sự sống của mình. Khi hơi thở không còn vào ra ở buồng phổi nữa. Điều ấy có nghĩa là sự chết đã gọi mời.

Cây cỏ sống thì xanh tươi, hấp thụ phân, nước và không khí để tồn tại. Rồi một ngày nào đó cây cỏ cũng phải chết qua cái nóng thiêu đốt của mùa hè hay cái băng giá của đông sang; nhưng trong sự chết ấy cũng tồn tại những sự sống khác nữa. Đó là những nhân tố, mầm mống, hạt giống của cỏ cây khi còn sống đã để lại. Điều này cũng giống như con cá Hồi sau khi đẻ trứng xong, lại tự mình lội ngược dòng nước để chết, như là một sự về nguồn của loài thủy tộc này.

Con bò, con heo, con kiến, con vi trùng v.v... mỗi loại, cũng đều có sự sống riêng của nó và mỗi con khi chết cũng có mỗi hoàn cảnh khác nhau; chứ không hẳn đã giống nhau. Ví dụ con cọp, beo, cá mập, cá sấu. Chúng sống vì ăn thịt những loài động vật khác. Chắc chắn một điều là những động vật khác rất khổ sở với những loài răng nhọn này. Khi chúng chết, hầu như ít có loài động vật nào giết nó, ngoại trừ con người, hầu như nó tự biết; rồi cái chết ấy sẽ chết dần theo nhiều sự chết khác để cho các

động vật và những thực vật ấy càng ngày càng khan hiếm hơn trên quả địa cầu này; trong khi đó loài người càng sanh ra nhiều hơn và thực phẩm càng trở nên khan hiếm trầm trọng. Mỗi ngày trên quả địa cầu này có cả hàng vạn đứa trẻ được sinh ra và cũng có hàng ngàn trẻ em đã thiếu dinh dưỡng như thực phẩm; nên đã đi vào chỗ chết chóc, kết liễu sinh mạng của mình khi tuổi đời còn quá nhỏ.

Nhà Bác học Pascal há đã chẳng nói: “Con người là một cây sậy; nhưng cây sậy có lý tưởng”. Hay nói chính xác hơn: “Con người là một động vật; nhưng động vật này có tánh linh cao hơn những động vật khác”. Điều ấy hẳn đúng, không cần phải chối cãi vào đâu được. Vì con người tạo ra cái ách để đeo vào cổ bò để con bò đi cày; chứ con bò không tạo ra cái ách cho con người được. Từ cỗ xe bò đơn sơ ấy, con người đã tạo ra xe kéo, rồi xe máy, rồi máy bay, rồi phản lực v.v... Không biết rồi đây trong tương lai sẽ còn gì nữa; nhưng vấn đề căn bản vẫn là sự thăng hoa của ý thức. Nhờ đó mà con người càng ngày càng có nhiều phương tiện hơn; đồng thời con người cũng tự giết lại mình nhiều hơn khi trên quả đất này có quá nhiều khí thải CO₂ (Oxy Carbonic). O₂ (Oxy) càng ngày càng thiếu, quả đất này sẽ trở nên bệnh hoạn. Bầu trời xám xịt nhiều hơn, không còn màu xanh như những thuở xa xưa nữa. Quả là khổ; nhưng con người đã bị cái khổ và cái sung sướng tiện nghi vật chất kia nó trói buộc bằng nhiều sợi dây vô hình, chưa có khả năng thoát xác được.

Tục ngữ Việt Nam có câu: “Hùm chết để da, người ta chết để tiếng”. Câu này có thể hiểu cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Nghĩa là da hùm beo rất tốt, sau khi chết vẫn còn dùng được và con người khi chết đi, tiếng tốt xấu vẫn còn truyền lại nơi đời. Cho nên làm gì thì làm, chúng ta phải xem trọng chữ tín và đức tin vào một Tôn giáo, để cho tiếng tốt hay ngay cả tiếng xấu; nó chỉ là một chuyện bình thường trên thế gian này; chứ không phải là chuyện thị phi của nhân thế, để sau khi chết, vẫn còn là đề tài cho thiên hạ luận bàn. Mọi việc, mọi vật trong đời này cũng sẽ chìm sâu vào dĩ vãng. Nó cũng giống như những thành phố bị các trận đại hồng thủy của những thời kỳ xa xưa cũ, nhấn chìm vào lòng đại dương. Chúng cũng giống như những ngọn núi lửa; tuy trong hiện tại đang ngưng hoạt động; nhưng bên trong vẫn còn đang sôi sùng sục để chờ ngày tái hoạt động ở một hình thức khác. Quả thật cuộc đời này, có nhiều mặt và muôn vạn lối đi về; chứ không phải chỉ có hai lối sống riêng biệt của bên phải hay bên trái mà thôi. Rồi đây sẽ có xe hơi tự động bay lên cao để tránh việc xe bị ùn tắc. Ăn uống sẽ được Robot gọi mời. Cung

trăng đang chờ ta dừng bước và xa hơn nữa, ở những cõi xa xăm khác đang chờ đợi gọi mời.

Tôi không sợ chết; nhưng vừa rồi cũng đã đi ra Chương Khế để chứng nhận cho những nguyện vọng của mình và sau đó những di chúc kia được niêm phong tại Tòa án Hannover, để một ngày nào đó nhất định, tôi cũng phải ra đi, các đệ tử hãy y cứ vào đó thực hành thì có thể tránh những phiền não cho người sống cũng như kẻ chết về sau này. Ngày xưa các vị Tổ Sư từ Ấn Độ đến Trung Hoa rồi sang Việt Nam, Đại Hàn và Nhật Bản các Ngài chỉ truyền có một tâm. Đó là mạng mạch của Phật Pháp. Còn ngày nay qua hơn mấy ngàn năm của lịch sử, Phật giáo đã biến thiên quá nhiều nên tôi đã thể hiện bằng nhiều việc sau đây.

Di Chúc thứ nhất về bản thân của tôi khi bệnh hoạn. Nếu những ngày cuối đời mà Bác sĩ hay Hội đồng y khoa bảo rằng: người này nếu muốn sống phải nương vào ống chuyền hơi thở cũng như thức ăn ký sinh, thì lúc ấy tôi sẽ tự quyết định sự sống của mình, theo Di chúc đã ký tên sẵn, để cho đệ tử xuất gia cũng như tại gia không khó xử về sau này.

Di Chúc thứ hai liên quan về vấn đề tài sản, tiền bạc của cải. Tất cả những bảo hiểm và của cải của tôi đang có, đều là của Tam Bảo; gia đình, thân nhân và ngay cả đệ tử của tôi không được chia phần, mà hãy làm theo di chúc như đã được niêm phong tại Tòa án Hannover.

Cả hai phần di chúc này đều có sự quan hoài của Chương Khế và Tòa án.

Riêng phần di chúc thứ ba có liên quan đến vấn đề tinh thần. Đó là việc truyền thừa Trụ Trì của Tổ Đình Viên Giác thì luật sư và tòa án chỉ ghi nhận những gì mà tôi đã ghi rõ trong di chúc; chứ họ không có quyền trong lãnh vực này. Đây là những điều căn bản mà nội dung của những bản di chúc đã được chính tay tôi viết và được Chương Khế thừa nhận cũng như Tòa án Hannover lưu giữ.

Tại sao tôi phải làm điều này? Vì lẽ tôi đang ở Đức; cho nên phải sống theo luật pháp của Đức và ứng dụng luật pháp của Đức vào đời sống của mình; nên tôi đã chấp nhận những việc làm trên như là một sự tự nhiên và không ai có quyền ép buộc cá nhân cũng như những tư duy của tôi cả.

Sống suốt gần nửa thế kỷ ở ngoại quốc, tôi đã dỗi theo không biết bao nhiêu cái chết ở trong cũng như ngoài nước; cả người trong Đạo lẫn kẻ ngoài Đời, tôi nhận thấy cần phải làm việc này để cho người kế thừa khỏi gặp khó khăn về vấn đề hành chánh; còn người mất đã vui khi tử sinh không có gì để chi phối được nữa, thì có gì để phải lo cho nhọc nhằn.

Trời có lúc nắng, lúc mưa, lúc đẹp, lúc xấu và tâm con người cũng có lắm lúc đổi thay. Mới ngày nào đó là bạn thân chí thiết; nhưng bỗng dưng đã trở thành lạnh nhạt khó lường, cũng chỉ vì một quyền lợi nào đó mà thôi. Thầy trò, tử đệ là những người có nhân duyên với nhau trong nhiều đời, nhiều kiếp; nên bây giờ mới trở thành Sư Phụ và Đệ Tử. Sự sinh hoạt nhịp nhàng ấy tưởng chừng như chúng có thể kéo dài đến vô tận; nhưng bỗng một hôm có tin sét đánh là người Đệ Tử ấy không muốn tiếp tục con đường tu. Lúc ấy Sư Phụ sẽ ra sao? Nếu tất cả đều hy vọng vào người Đệ Tử cho một tương lai gần kề?

Vợ chồng, hai người đầu ấp tay gối với nhau cho đến khi tóc bạc răng long; bỗng một hôm người chồng nhận được đơn xin ly dị từ tòa án gửi về nhà, chỉ vì tiếng ngáy to của chồng, mà người vợ chẳng ngủ được.

Có nhiều câu chuyện rất đơn giản; nhưng những cái chấp thủ của mỗi người quá nguyên tắc; nên đã phải ly dị nhau, chỉ vì một sự việc vô cớ. Mới đây ở Đài Loan có một cặp vợ chồng sống với nhau hằng mấy chục năm rất hạnh phúc; nhưng đã đưa đơn ra tòa ly dị; chỉ vì một lý do đơn giản về một quả táo.

Chồng bảo rằng: Ngày nay táo bị thuốc hóa học rất nhiều, hãy gọt bỏ vỏ trước khi ăn.

Vợ cãi lại: Chính vỏ táo mới chứa sinh tố C, ăn vào mới bổ dưỡng cho cơ thể. Tại sao lại bỏ đi.

Câu chuyện chỉ có thể và có không biết bao nhiêu phương pháp để có thể giải quyết, mà cả chồng và vợ đều có thể ăn được quả táo kia theo ý nghĩ của mình. Ở đây thì ngược lại, họ đã cố tình ly dị. Vì giọt nước cuối cùng đã đầy ly; khiến cho tình nghĩa vợ chồng đã trở thành người dưng nước lã; đôi khi lại còn trở thành kẻ thù không đội trời chung.

Từ Vua quan, Thủ tướng, Tổng thống, Chủ tịch cho đến thứ dân. Mỗi một tầng lớp trong xã hội lại có một hay nhiều vấn đề khác nhau; chẳng ai giống ai cả. Cuối cùng rồi chỉ vì cái chấp thủ của mỗi người mà thôi; nhưng trên thực tế cái này nó không hiện hữu. Nó giống như một loại quyền lực của Thành Cát Tư Hãn, của Hitler, của những ông hoàng Ả Rập, bà chúa Âu Châu. Nó có đó rồi mất đó, đâu có ai mang nó theo nơi huyết mộ để biện minh giúp mình khi đối diện với Diêm Vương ở cõi vô hình đâu?

Nếu đời là thật; cuộc sống này trường cửu thì đã không có những trận Harican tày trời, đã không có những trận Tsunami cuốn hút đi không

biết bao nhiêu vạn sinh linh tại Nhật Bản vào ngày 11.3.2011 vừa qua, cũng như bạo lực đã xảy ra tại New York vào ngày 11.9.2001. Hoặc giả nước này thôn tính nước kia cũng chỉ vì một mối lợi. Rồi máy bay mất tích, con người lo âu, sợ hãi vô cớ cho mọi vấn đề trong cuộc sống hằng ngày. Vậy ở đâu là chốn an bình trong khi sống hay lúc chết? Đây là một câu hỏi rất lớn, đại diện cho sinh tử, chỉ có các Tôn giáo mới có thể trả lời một cách dứt khoát mà thôi.

Có nhiều bạn trẻ bây giờ nói rằng: Tôi không cần đến Tôn giáo nào cả. Điều ấy hẳn cũng đúng mà cũng sai. Có người nào đó khi mạnh khỏe lại bị hỏi rằng: Anh có cần nhà thương hay thuốc Aspirin chẳng? Chắc chắn sẽ được anh ta trả lời rằng: KHÔNG. Vì lẽ anh ta đâu có đau đầu mà uống thuốc Aspirin. Vả lại đang lúc mạnh khỏe thì cần nhà thương để làm gì? Nhưng trong chúng ta mấy ai lại dám nói rằng: Chúng ta sẽ không bao giờ cần đến những thứ này.

Tôn giáo sẽ giúp cho bạn có một niềm tin, một sự sống thật là tràn đầy ý nghĩa, để đến khi chết, bạn sẽ không ân hận là tại sao cuộc sống nó thiếu ý nghĩa. Trên thực tế, mỗi cuộc đời của chúng ta có những nốt nhạc tuyệt vời như một cung đàn với sự biến thiên của Đồ Rê La Xôn Đa Xí Đố. Có thể là như thế, nhưng tùy theo cách sắp xếp của nhạc sĩ và vần điệu mà bản nhạc ấy trở thành bất hủ. Cũng như vậy, ngôn ngữ là những vần điệu ghép ráp lại với nhau từ 24 chữ cái; nhưng lại có kẻ nghịch đời hỏi ta rằng: Chữ nào của tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Nhật, tiếng Tàu, tiếng Việt làm cho con người khi đọc lên, thấy dễ chịu nhất? Sau một hồi thử nghiệm và phân tích các dân tộc trên đều có cùng một kết luận là chữ:

Mother	theo tiếng Anh
Mutter	theo tiếng Đức
Mère	theo tiếng Pháp
Hahaoya	theo tiếng Nhật
Mushin	theo tiếng Tàu
Mẹ	theo tiếng Việt...

là gần gũi, thân thương và khi người ta đọc đến dễ có cái cảm nhận nhẹ nhàng, dễ chịu. Từ hình ảnh con người, đến hình ảnh con thú, lúc nào Mẹ

cũng là một điệp khúc khiến cho ta dễ tin tưởng và dễ dàng bày tỏ nỗi niềm hơn. Dĩ nhiên cũng có nhiều loài động vật khi đẻ ra không nuôi con mình như rùa, ba ba... nhưng lắm loài, đầu độc ác đến đâu như hùm, beo, sư tử con mẹ đều chăm sóc cho con mình một cách chu đáo. Đôi khi sư tử đực ganh ghét với con, qua sự chăm sóc của sư tử cái; nên sư tử đực đã giết con mình; nhưng đa phần loài có vú và đẻ trứng, con nào cũng có tình thương mẫu tử như con người vậy.

Một hôm tại một Thánh Đường có một sinh viên bước vào để cầu nguyện. Chàng ta trông lên hàng ghế đầu, thấy nhà Bác học Ampère, cha đẻ của điện năng, đang cầu nguyện một cách chí thành. Sau khi cầu nguyện, nhà Bác học trở về lại phòng nghiên cứu của mình tại đại học. Chàng sinh viên ấy vẫn dõi bước theo vị Bác học này. Đến nơi, chàng sinh viên gõ cửa xin vào và thưa.

- Thưa nhà Bác học, em muốn hỏi một điều
- Em cứ tự nhiên – nhà Bác học trả lời và tiếp:
- Em cần ta giúp gì? Có phải muốn giải dùm cho em một phương trình toán học?
- Thưa Ngài: Không !
- Hay em cần ta chứng minh cho một định đề vật lý?
- Thưa Thầy: Không ! Em là sinh viên của khoa ngôn ngữ, chứ không phải phân khoa toán học, thưa Thầy.
- Vậy em cần gì nơi ta?
- Em xin hỏi Thầy rằng: Có khi nào người ta vừa là một con chiên ngoan đạo dưới chân của Chúa và vừa là một nhà Bác học vĩ đại không?
- Ồ! Em lầm rồi! Chính khi người ta cầu nguyện, người ta mới vĩ đại; chứ nhà Bác học không phải là vĩ đại.

Đọc xong mẫu đối thoại trên, ta thấy được gì? Trong kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật dạy rằng: “Tín vi đạo nguyên công đức mẫu”. Nghĩa là niềm tin chính là Mẹ của các công đức. Chính niềm tin vào một Tôn giáo, công đức sẽ được phát sanh. Cũng như thế ấy; nhờ niềm tin, mới có một nhà Bác học vĩ đại như ông Ampère; chứ không phải nhờ Bác học mà có thể sinh ra niềm tin được.

Vào ngày 8 tháng 8 năm 2013 vừa qua, Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

Âu Châu, kiêm Viện chủ Chùa Khánh Anh tại Pháp đã thuận thế vô thường và ra đi một cách an nhiên tại bệnh viện Turku ở Phần Lan, sau khóa tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 26 tổ chức tại đó. Ngài có tuổi thọ 75. Mặc dầu Ngài sinh năm 1940 như trong Sổ Thông Hành ghi; nhưng kể theo Dương Lịch thì Ngài mới hơn 73 tuổi rưỡi; còn Âm Lịch thì Ngài sinh vào cuối tháng 11; nên vẫn là tuổi thọ 75. Một cuộc đời, trên hai vai tự mình mang theo trách nhiệm của Giáo Hội vào, rồi cũng đang khi thi hành trách nhiệm ấy, lại ra đi một cách nhẹ nhàng, khiến cho nhiều nỗi tiếc thương, kính nhớ được bày tỏ qua thơ văn đã được đăng trên báo Viên Giác số 197 tháng 10 năm 2013 và Kỷ Yếu viết về Ngài nhân lễ Đại Tường của năm 2015 sắp đến.

Cuộc đời này vốn dĩ thân nhiên với mọi việc như thế. Bên này dòng sông có kẻ sinh ra và người mất đi. Ở bên kia rặng núi ấy có người đã tự tử và gia đình đang tang tóc. Ở dưới kia có cặp vợ chồng đang hạnh phúc bước đi bên nhau và ở phía ấy có những người già cô đơn đang trách móc con cái. Cuối dòng sông kia có những người làm biển khổ cực với công việc của mình. Ở tận trên lầu cao kia là chỗ làm việc của một ông giám đốc. Ở đây họ cãi cọ với nhau nhiều quá. Đàng kia có những Thiền sinh đang thực tập thiền. Tại đây có tai nạn máy bay, xe hơi, xe lửa. Ở đàng xa kia có những người băng qua đường bị xe cán chết. Tại đó có những đứa bé đi ăn xin. Ở đây có những sinh viên ưu tú đang chờ đón lễ tốt nghiệp v.v... và v.v.... Cả hằng trăm, hằng ngàn, hằng vạn sự kiện như vậy xảy ra trong từng sát na trên quả địa cầu này với hơn 6 tỷ con người. Ai ngồi đó mà tính, mà đong, mà xét, mà đoán, mà luận tội, mà tranh tài? Và chẳng nghiệp lực và tạo hóa cứ mãi xoay vần để cho con người và mọi vật phải đến, đi, còn, mất. Rồi vào ra ba cõi, xuống lên sáu đường, đã chẳng dừng nghỉ một chút nào cả. Cho nên trong kinh nói rằng: Trùng trùng duyên khởi, trùng trùng biến hiện là vậy.

Đọc kinh Trường A Hàm, Trung A Hàm và Tạp A Hàm xong, tôi thấy Đức Phật, Ngài quá vĩ đại. Vĩ đại nhất trong những cái bình thường của một con người; nhưng lại trên tất cả những con người bình thường khác. Chuyện kể lại rằng:

Một hôm, Ngài đi trì bình khát thực như thường lệ, đến trước cửa nhà của một người Bà La Môn, Ngài dừng chân tại đó, có ý hóa duyên. Thế nhưng chủ nhà đi vắng, chỉ có con chó chạy ra sủa vang rền một hồi rồi đứng đó. Đức Phật nhìn con chó rồi bảo:

Mày bị làm thân súc vật không biết xấu hổ mà còn sủa cái gì?

Con chó dường như hiểu được tiếng người. Nó cụp đuôi xuống, chạy vào nhà rồi leo lên giường nằm im thím thíp. Mãi cho đến khi chủ nó về, nó cũng chẳng nhảy xuống mừng rỡ như mọi khi. Người chủ thấy vậy mới hỏi gia nhân tại sao như vậy và người nhà thuật lại chuyện Đức Phật đã nói với con chó sáng nay như thế. Đoạn người chủ nhà ấy chạy thẳng đến nơi Đức Phật cư ngụ và hỏi Ngài rằng:

- Tại sao ông lại mắng con chó cưng của tôi như vậy?
- Không biết là ông có muốn hiểu sự thật không? Đức Phật từ tốn trả lời bằng câu hỏi như thế.
- Dĩ nhiên là muốn
- Con chó ấy chính là cha của người đó.
- Tại sao lại như vậy? Cồ Đàm hãy giải thích đi.
- Trước khi chết, cha của người có chôn 4 hũ vàng tại 4 chân giường ngủ; nhưng chưa cho ai hay biết cả, đã vội ra đi. Vì tiếc của; nên ông phải đầu thai làm con chó để giữ của. Nếu người không tin, về nhà cho gia nhân đào dưới 4 chân giường lên, sẽ thấy 4 hũ vàng còn chôn cất tại đó.

Tiếp đến, người Bà La Môn vội vã chạy về nhà và thực hiện lời chỉ bảo của Đức Phật; quả thật đã thấy được 4 hũ vàng. Cuối cùng người Bà La Môn ấy hối hận đã đến trước Đức Phật cầu xin sám hối và từ đó Đức Phật đã kể lại chuyện trên cho đại chúng nghe. Cho nên trong Đại Tạng Kinh Nam Truyền mới chép lại nguyên bằng tiếng Pali như vậy.

Đọc câu chuyện này chúng ta thấy được gì ?

Thấy sự tái sinh không nhất thiết phải là con người ở kiếp kế tục, mà ông Bà La Môn này đã trở thành con chó. Vì cận tử nghiệp của ông chưa chấp lòng tham của và của ai chưa ai được biết; nên chỉ tựa vào nghiệp của con chó và sinh ra làm chó mới có thể giữ nhà được, tiện thể giữ của luôn. Bây giờ con ông đã biết qua lời dạy của Đức Phật là của ấy đã chôn cất ở đâu. Thế là con chó ấy đã mãn nguyện và hóa kiếp.

Cũng câu chuyện này cho chúng ta thấy rằng: Chết không phải là hết, mà chết chỉ là sự bắt đầu của một kiếp sống khác. Kiếp sống sau liên hệ với kiếp sống trước, tiếp tục trong việc đầu thai để làm con này hay con kia trong ba nẻo sáu đường của cõi dục giới hay cao hơn nữa sẽ được sanh vào cõi sắc và cõi vô sắc. Ở những cõi này tuổi thọ sẽ được dài lâu hơn; nhưng khi hưởng hết phước rồi, cũng có thể sanh lại làm người hay làm

lừa cũng không chừng. Đó là nhân và quả luôn luôn tương hợp nhau để phối thành một hoạt cảnh của tử sanh là như vậy.

Từ đó ta có thể ví dụ rằng: Sự sống của một kiếp nhân sinh, nó giống như một dòng điện. Còn thân thể con người hay con vật, giống như một bóng điện. Những bóng điện ấy dầu tốt đến bao nhiêu đi chăng nữa, chúng cũng sẽ có một ngày bị cháy, bị hư và bị hủy hoại. Thế nhưng dòng điện ấy vẫn còn. Làm sao để chúng ta biết được việc ấy? Vì lẽ nếu chúng ta thay một bóng điện khác có công suất tốt hay sáng hơn thì bóng điện kia sẽ mờ hay tỏ. Điều này chứng minh rằng dòng điện ấy vẫn còn. Vậy chết không phải là hết, mà chết chỉ là sự bắt đầu của một kiếp sống khác mà thôi. Dòng điện ấy có thể ở thể cao, thấp, nóng, lạnh v.v... tất cả đều do con người tạo ra, mà dòng điện vẫn là dòng điện. Tự thể của nó thì chẳng cao hay chẳng thấp; nhưng do con người biến chế nó thế nào, thì dòng điện kia sẽ thuận theo như vậy.

Ở đây tâm thức của con người cũng giống như một người thợ giỏi, thợ khéo như trong kinh Pháp Cú đã có dạy. Tâm ấy sẽ tạo nên thiên đường hay địa ngục; tâm ấy làm chủ, tâm ấy tạo tác. Con người, chư thiên, Bồ Tát, A La Hán, con thú v.v... tất cả chỉ đều theo sự biến hóa của tâm mà thôi. Khi làm chư thiên thì tâm ấy nương theo thần lực của chư thiên để đi mây về gió. Tâm ấy trở thành ngạ quỷ, tâm ấy sẽ mang ta vào cõi địa ngục của sự tham sân. Nếu tâm ấy là của vị A La Hán hay Bồ Tát thì sẽ thể hiện lòng từ bi và trí tuệ cao vời. Cũng với tâm này, con người sẽ thành Phật. Cho nên một vị Thiền sư người Nhật đã dạy rằng:

Ki no naka ni hana ga aru

Ishi no naka ni hi ga aru

Nghĩa:

Trong cây có hoa

Trong đá có lửa

Hoa và lửa tượng trưng cho Phật tánh hay tâm thức của mỗi chúng sanh. Hoa chỉ nở khi nhân duyên hội đủ vào mùa xuân, khi có khí trời ấm áp. Lửa chỉ xuất hiện, khi chúng ta cọ sát hai hòn đá lại với nhau. Tất cả đều phải có điều kiện và chủ nhân của nó là tâm này. Nếu chúng ta không có hành động cọ sát thì chắc chắn lửa sẽ không được phát sinh.

Từ những điểm trên đây, chúng ta là người Phật tử, chúng ta không sợ chết và cũng chẳng có gì để phải lo âu. Vì chính ngay từ giờ phút này ta đã rõ biết là sẽ đi về đâu, sau khi cuộc sống này của chúng ta chấm dứt.

Điều quan trọng là chúng ta muốn đi đâu mà thôi. Chúng ta có cần đến trợ lực của chư Phật và chư vị Bồ Tát? Hay chúng ta vẫn muốn trở lại cõi Ta Bà này để tiếp tục thực hiện lại những lời thệ nguyện khi xưa vốn chưa làm tròn? Có thể làm người mà cũng có thể làm con chó như câu chuyện vừa được dẫn chứng bên trên ?

Đây là một câu hỏi mà mỗi chúng ta đều có đầy đủ khả năng và có thể tự trả lời cho mình rồi. Cuộc đời này vốn dĩ ngắn ngủi lắm. Hãy bắt tay ngay vào việc thực hành giáo pháp của Đức Phật cũng chưa muộn lắm đâu.-

---o0o---

Chương Hai - Con người và những động vật khác trước khi sinh ra

Trong kinh Trường A Hàm, Đức Phật dạy rằng: Con người vốn xuất thân từ cõi Trời Quang Âm Thiên đến đây. Cõi này vốn nằm trong cõi dục; nhưng chúng sanh ở đó có thần thông, diệu dụng và khi đến đây cũng dùng những thần lực ấy để sinh trưởng tại đây.

Con người đầu tiên bay được và khi đến quả địa cầu, nơi chúng ta đang ở tại Cõi Nam Diên Phù Đề này. Lúc ấy đất đai rất màu mỡ, tươi ngon. Con người không cần phải nấu ăn một ngày ba bữa như bây giờ, mà ngũ cốc cũng tự sinh sản và đặc biệt là chất đất rất ngon ngọt; loài người chỉ cần lấy ngón tay chấm xuống mặt đất, đoạn bỏ vào miệng. Thế là một thức ăn toàn hảo tự hòa tan vào cơ thể của con người để nuôi lấy bản thân này.

Dần dà con người cảm thấy cần phải lấy thức ăn để dành cho ngày hôm sau và hôm sau nữa; nên mới phân chia ranh giới ruộng đất, hoa màu. Lòng tham đã bắt đầu mạnh động. Từ đó có sự tranh đấu và cãi cọ với nhau, để rồi ruộng ai nấy giữ và người nào càng giành được nhiều ruộng thì kẻ ấy trở thành điền chủ và thủ lãnh. Kẻ nào đến sau phải đi làm thuê ruộng đất cho người đi trước có nhiều đất đai, tài sản hơn. Thế là chủ nghĩa chủ tớ tự nhiên hình thành. Tiếp tục như vậy, các ông Ấp trưởng, Thôn trưởng, Xã trưởng, Quận trưởng của những bộ tộc từ từ thành tựu. Bộ tộc này chiến đấu với bộ tộc kia. Họ vào rừng săn thú, đốn củi, tạo thành lửa từ đá hay hai thanh cây cọ sát lại với nhau. Chế độ gia đình và bộ tộc hình thành bắt đầu từ trong vô thủy ấy; cho đến nay chẳng biết thời gian là bao lâu.

Con người càng cạnh tranh với nhau nhiều hơn và lòng tham cũng trở dậy không ngớt; nên con người trở nên xấu xí cũng như tàn bạo thêm. Họ không phải chỉ giết chết sinh vật để làm thức ăn, mà họ còn giết hại lẫn nhau giữa con người và con người để giành phần thắng về mình; cho

nên con người càng ngày càng xấu tệ. Thời gian vô cùng, không thể tính đếm được. Vì lẽ nếu con người càng ngày càng làm ác nhiều hơn, thì quả đất này sẽ chóng lụi tàn, không còn ngũ cốc cũng như không khí trở nên nguy hiểm và con người lại tự hủy diệt bởi chính mình.

Cũng chính trong kinh Trường A Hàm, Trung A Hàm hay luận A Tỳ Đàm về việc thành lập thế giới này, Đức Phật đã nói rõ điều ấy. Đến một ngày kia, con người chỉ còn có 6 tháng tuổi, đã biết thương yêu nhau và sanh con đẻ cái và tuổi thọ của con người thuở ấy là 10 tuổi và thức ăn của con người chỉ toàn bằng hạt cỏ. Tuyệt nhiên những loại ngũ cốc không còn có mặt trên thế gian này nữa và đồ mặc là những loại vỏ cây, loài người lấy đó để che thân; nhưng con người phải trải qua 3 giai đoạn của Tiểu Tam Tai và 3 giai đoạn của Đại Tam Tai như sau:

Giai đoạn Tiểu Tam Tai.

Đầu tiên là đói khát, kế đến là dịch bệnh và giai đoạn thứ ba là chiến tranh tàn phá con người cũng như quả đất này. Ngay trong hiện tại ở thế kỷ thứ 21 này chúng ta cũng đã, đang và sẽ chứng kiến các giai đoạn tuần tự như thế.

Hằng ngày trên quả đất này có hằng ngàn trẻ em bị chết vì đói và bệnh dịch. Người lớn thì chết bằng tai nạn giao thông như đường thủy, đường bộ và hàng không. Rồi chiến tranh xảy ra khắp nơi trên quả địa cầu này; máu chảy, thân phơi... có nhiều nơi xác chôn không kịp. Rồi động đất, sóng thần... đã chôn vùi không biết bao nhiêu là sinh linh vô tội. Thật ra đâu có người nào muốn chết, khi người ta đang sống hạnh phúc trên cõi đời này và cũng chẳng có con vật nào mà không ham sống, sợ chết. Thế nhưng con người và thiên nhiên đã tự hủy hoại mình; cho nên mới ra nông nỗi ấy.

Giai đoạn Đại Tam Tai.

Sau thời kỳ Tiểu Tam Tai là Đại Tam Tai. Đó là ba giai đoạn nguy kịch nhất mà loài người phải hứng chịu. Đó là những trận đại hồng thủy, nước sẽ dâng cao lên; không phải như Tsunami chừng 50 hay 60 mét, mà nước dâng cao ngất hết cả những cõi trong dục giới này như: Trời, người, A Tu La, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, Nam Thiệm Bộ Châu, Bắc Cu Lô Châu, Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu. Sau đó là những cõi có đời sống cao hơn trong cõi Dục là: Dạ Ma, Đâu Suất, Đạo Lợi, Tứ Thiên Vương, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại Thiên. Mười lăm cõi ấy bị tràn đầy nước. Lúc ấy các vị Thiên Tử trên cõi Sắc Giới mới hỏi Vua Trời rằng:

Nước sẽ còn dâng lên đến đâu nữa? Vua Trời trả lời rằng: Nước sẽ dừng ở hết cõi Dục, chứ không dâng lên đến cõi Sắc Giới.

Khi nước dâng lên cao thì loài người cũng theo đó mà chết. Chỉ còn lại duy nhất 10.000 người. Rồi trong 10.000 người ấy chỉ có một người biết tu thân, tích đức, sau đó gọi mời những người khác cùng giữ giới như: Ngũ giới, thập thiện, lánh dữ làm lành. Thế là một thế giới khác sẽ được tiếp tục hình thành và con người sẽ tiếp tục xuất hiện ở quả địa cầu kia.

Trước khi nước dâng lên cao thì lửa trong lòng quả đất này cũng nung nấu cao độ, làm cho quả địa cầu này vỡ tan tành, trở thành những mảnh nham thạch vụn rơi tứ tung, chẳng khác nào những mảnh vỡ của một chiếc máy bay phản lực bị tai nạn, tan tành và từng mảnh một của thân phi cơ rơi vào đại dương có nơi sâu đến 10 cây số. Thế là cát bụi lại trả về cho cát bụi.

Gió sẽ thổi mạnh. Không phải là những trận Harican cuồng phong như đã xảy ra ở Mỹ hay Úc, mà là những trận gió kinh thiên động địa làm cho nước càng ngày càng dâng cao thêm và xô đẩy con người đi vào chỗ chết. Nhiều hồn oan vất vưởng phải tìm cách nương tựa nơi những người có đời sống tâm linh cao hơn, nhằm làm vơi đi những nhọc nhằn của nhân thế.

Đó là tóm lược những gì trong kinh Phật nói mà chính tôi đã được đọc qua hay cũng có những bản kinh tự mình dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt, cũng như đọc được những bản kinh dịch từ chữ Pali sang tiếng Việt. Đây là những bộ kinh có nguồn gốc đáng tin cậy nhiều hơn. Tuy nhiên độ tin cậy như thế nào, cao hay thấp là tự nơi khả năng thẩm định của mỗi con người. Dĩ nhiên là Phật không hù dọa ai; Phật cũng không phạt vạ ai và Đức Phật chỉ dùng trí tuệ để soi sáng cho con người. Con người có tin hay không, việc ấy không bắt buộc.

Đức Phật không phải chỉ nhìn thấy một thế giới đang được thành lập hay băng hoại, mà Ngài khi nhập diệt tận định, Ngài có thể quán chiếu thấy thế gian này gấp cả trăm lần như thế. Nghĩa là ở đây có thế giới này sinh thì ở kia có thế giới khác diệt. Nghĩa là chúng không mất, dầu cho đó là những ước lệ của vật chất. Chúng chỉ hoán đổi vị trí mà thôi. Chúng giống như gió thổi, mây bay. Thoạt thấy chỗ này hiện và bỗng chốc lại bay đi, tan vào trong hư không cô quạnh; nhưng gió và mây chẳng mất; khi có đủ nhân duyên thì gió và mây sẽ hiện hữu.

Đức Phật cũng dạy rằng: Tuy nhiên quả địa cầu này sẽ có tuổi thọ dài lâu hơn; nếu con người thực hiện được những điều sau đây:

- Con người có còn tin tưởng vào ngôi Tam Bảo không?
- Con người có còn hiếu thảo với cha mẹ hay không?
- Con người có tôn trọng Sư trưởng và hòa thuận với huynh đệ hay không?
- Con người có còn lòng thương đối với chúng sanh chung quanh mình hay không?

Bây giờ chúng ta thử đi vào từng vấn đề một và phân tích ra từng sự kiện để xem sự thể nghiệm này như thế nào?

Đối với Tam Bảo; tức là ba ngôi báu trên thế gian này; con người có còn trân quý không? Đó là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo.

Tại sao gọi là Bảo? Vì lẽ trong đời này ít có và khó có gì sánh bằng; nên mới gọi là quý hiếm. Vàng bạc, đá quý rất hiếm, nhưng có tiền người ta có thể mua sắm được. Còn ba việc trên, chúng ta không thể đổi bằng tiền, mà phải đánh đổi bằng năng lực tự có của chúng ta.

Đức Phật há đã chẳng dạy chúng ta rằng: *“Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành”*. Đây là một lời tuyên dương pháp ngữ cao thượng nhất của một bậc giáo chủ của Đạo Phật.

Vì sao vậy? Nếu ai cũng cố gắng hành trì, tu tập thì Phật quả sẽ đi đến gần kề. Ngược lại, ai xa lánh sự tu tập và sự siêng năng thì quả vị giác ngộ ấy càng ngày càng xa dần. Kẻ làm việc thiện lương, chẳng khác nào người ấy đi từ miền ánh sáng này đến miền ánh sáng khác. Nếu chẳng may sa vào con đường tội lỗi, chẳng khác nào một kẻ đi từ vùng tối tăm nguy hiểm này đến chỗ tối tăm nguy hiểm khác. Do vậy chúng ta luôn phải cần đến những thiện hữu trí thức là vậy.

Đức Phật cũng dạy rằng: Ở thời mạt Pháp, Phật và Tăng sẽ không còn hiện hữu trên thế gian này nữa; nhưng Pháp thì luôn còn tồn tại. Chính Pháp là mẹ sinh ra chư Phật; chứ chư Phật không sinh ra Pháp. Pháp giải thoát ấy hiện có khắp thế gian. Chỉ khi Phật và các vị Bồ Tát ra đời, lúc ấy các Ngài chỉ tuyên lại giáo pháp kia, chứ không phải sáng tạo hay phát hiện ra một giáo pháp khác nữa; mà bao giờ và ở đâu “Tứ Diệu Đế” cũng như 37 phẩm trợ đạo vốn là căn bản của tất cả Tông Phái của Phật Giáo vốn tự có xưa nay.

Đức Phật cũng đã từng dạy trong kinh Hiếu Tử rằng: Kẻ nào biết kính thờ cha mẹ, kẻ ấy cũng sẽ biết kính thờ Phật. Trong kinh Lục Phương

hay kinh Thiện Sanh, Đức Phật cũng đã dạy rõ ràng từng bốn phận của từng cặp đôi với nhau như:

Cha mẹ đối với con cái có năm điều

Con cái đối với cha mẹ cũng có năm điều

Chồng đối với vợ có năm điều

Vợ đối với chồng cũng có năm điều

Chủ đối với tớ có năm điều

Tớ đối với chủ cũng có năm điều

Thầy đối với trò có năm điều

Trò đối với Thầy cũng có năm điều ...

Như vậy thiết nghĩ rằng Đức Phật đã chẳng phải chỉ lo riêng cho người xuất gia, mà chính người tại gia, Đức Phật cũng vẫn hằng quan tâm đến. Nếu ai đó trong chúng ta vâng lời Phật dạy biết kính trọng, vâng lời cha mẹ, biết báo ân, báo hiếu, làm lành, lánh dữ ... thì quả đất này sẽ được lợi lạc biết bao. Chư Thiên chư Bồ Tát và chư Phật sẽ hoan hỷ biết là dường nào!

Thầy trò vốn là nhân duyên, huynh đệ trong một gia đình cũng vậy. Nếu chúng ta không có duyên với nhau thì đã không thành tình nghĩa Thầy trò và nếu trong quá khứ không có sự ràng buộc thì kiếp này sẽ không trở thành huynh đệ với nhau được. Ân đức ấy, nghĩa tình này, nếu con người biết trân quý thì giá trị đạo đức sẽ luôn được thể hiện, dẫn cho thời gian hay không gian có biến đổi. Điều ấy không có gì quan trọng đối với những con người biết trọng nhân nghĩa và lấy đó làm kim chỉ nam cho cuộc sống của mình.

Điều sau cùng là con người có còn thương chúng sanh tồn tại trên quả địa cầu này không? Chúng sanh ở đây có nhiều loại, nhưng tựu chung có hai loại lớn. Đó là hữu tình chúng sanh và vô tình chúng sanh. Loại chúng sanh hữu tình là loài biết sống, sợ chết. Loài chúng sanh vô tình như cây cỏ, không thể đầu thai được làm người; nhưng chúng cũng sẽ bị đau xót khi mình hành hạ chúng. Do vậy, nếu con người chỉ biết bảo vệ sự sống của mình; trong khi đó không tôn trọng sự sống của kẻ khác; chỉ biết lo giết hại, tàn phá thì quả đất này sẽ bị thảm họa lây. Đây là một định luật nhân quả, không ai và không một vật gì có thể lọt ra ngoài lưới võng này được.

Nếu bốn điều căn bản vừa nêu trên, con người thể hiện trọn vẹn, không khiếm khuyết một điều nào, thì đoán chắc rằng: tuổi thọ của quả địa cầu này càng ngày càng dài lâu hơn nữa. Bằng ngược lại những điều trên, sau Tiểu Tam Tai thì Đại Tam Tai sẽ đến gần kề.

Chẳng ai muốn làm người thiếu phước đức; nhưng khi sinh ra, có người sẽ làm Vua, làm Công chúa, Thái tử. Có người sẽ làm quan, làm nhà Bác học; nhưng cũng có lắm người sinh ra lại cụt tay, mất chân, nghèo khó đủ điều. Cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc. Lỗi ấy tại ai? Có phải do cha mẹ hay do ta tự gây tạo từ nhiều đời?

Trong kinh dạy rằng:

*“Dục tri tiền thế Nhơn
Kim sanh thọ giả thị
Dục tri lai thế quả
Kim sanh tác giả thị”.*

Nghĩa:

*Muốn biết Nhơn đời trước
Hãy xem quả hiện tại
Muốn biết quả tương lai
Hãy xem nhân hiện tại.*

Nhân và quả; quả và nhân là những dây mắc xích. Chúng gắn liền với nhau ở nhiều nơi, nhiều chốn. Cái này có, cái kia sẽ có. Cái này sinh, cái kia sẽ mất. Nghĩa là sự tồn tại của cái này luôn có sự tồn tại của cái kia là vậy.

Nếu ta tự biết phước báu của mình và cảm nhận được những gì chúng ta đang có được. Đó là điều hạnh phúc vô song. Bằng ngược lại, chúng ta chỉ có khổ và khổ, không bao giờ tìm ra được lối thoát của sanh tử trong 6 nẻo luân hồi này. Thấy kẻ khác có phước báu, mình ganh tị, đố kỵ. Nhưng chẳng ai nghĩ rằng: tại sao kiếp trước ta chẳng khéo tu nhân, để kiếp này được như vậy. Vì đa phần chúng sanh chỉ sợ kết quả; chứ ít ai lo liệu ngay từ chỗ gây nhân. Cho nên mới ra nông nổi ấy.

Có người sinh ra thiếu tay, cụt chân; mất, tai, mũi, lưỡi chẳng đầy đủ. Đây chính là cái nhân của quá khứ đã gây ra nhiều việc bất thiện liên hệ đến các việc: Sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu v.v... Nếu người ấy biết dừng lại và sám hối tội lỗi trong quá khứ thì hiện tại không tạo

thành những kết quả như trên. Nếu hiện tại kết quả như vậy mà vẫn mãi tạo ra những ác nghiệp, thì tương lai càng đen tối biết là dường nào.

Phật Giáo Nam Tông luôn khuyên người làm phước, bố thí, cúng dường và cái quả chính là ở chốn nhơn thiên. Nếu kiếp sau sinh trở lại làm người sẽ được giàu có, an vui, sung túc. Đây là cái nhân để sinh lên các cõi trời, khi người thế gian biết làm những việc thiện.

Phật Giáo Bắc Tông cũng hướng dẫn cho Phật tử của mình tạo phước báu như: Cúng dường xây chùa, đúc tượng, tô chuông, giúp người nghèo, xây trường học, cầu cống v.v... cái quả ở cõi Tây Phương Tịnh Độ ít nhất cũng là hạ phẩm Trung Sanh. Khi sanh về đó, sẽ được nghe Pháp âm và thấy Pháp tướng của hai vị Bồ Tát Quan Thế Âm và Đại Thế Chí. Điều này kinh Quán Vô Lượng Thọ, Đức Phật đã dạy rõ ràng như thế.

Trong kinh Tạp A Hàm, Đức Phật có thuật lại một câu chuyện có liên quan về phước báu đời trước như sau:

Có một lão ăn mày, chẳng mong được gì hơn là làm Tăng Sĩ chỉ một ngày thôi. Thế là lão ta quyết định đi đến Tịnh Xá nơi Đức Phật cư ngụ để quyết định xin cáo đầu làm Tăng Sĩ. Sau khi Ngài Xá Lợi Phất và Ngài Mục Kiền Liên quán nhân duyên của lão ăn mày này lùi vào 80 kiếp của quá khứ; nhưng cả hai vị đều thấy rằng: Lão ăn mày này chẳng có nhân duyên gì với Phật Pháp cả. Bây giờ làm sao xuất gia được. Do vậy hai vị đã đuổi ông lão ăn mày đi khỏi Tịnh Xá.

Ngày hôm sau, kỳ lạ thay! Hai vị Thánh Tăng đệ tử của Đức Phật lại trông thấy lão ăn mày ngày hôm qua không được mình cho phép xuất gia; nay đã trở thành một vị Tu sĩ y áo trang nghiêm đang ngồi đó. Hỏi ra mới biết rằng: Đức Phật đã độ cho ông ta xuất gia. Vì lẽ Phật đã quán sâu hơn 80 kiếp xa xưa của ông lão ăn mày này là một người đốn củi; khi vào rừng bị cọp rượt, lão ta trèo lên cây cao và trong khi hoảng sợ ấy, cửa miệng buột ra ba tiếng là: Nam Mô Phật. Chỉ nhờ có thế mà nhân duyên đã đến và Phật đã cho ông ta xuất gia chỉ trong một ngày đêm thôi! Điều này chính lão ta muốn như vậy và Đức Phật dùng trí tuệ quán sát và Ngài đã thuận tình.

Nhân duyên là như vậy. Nó biến hiện trùng trùng. Chỉ có những bậc đại nhân mới thấu rõ được lẽ tồn vong của trời đất; còn con người bình thường, sự hiểu biết chỉ bị giới hạn nơi não bộ mà thôi.

Bây giờ ngồi xem truyền hình, đôi khi thấy người ta chiếu lại những hình ảnh giả lập về người tiền sử và các loài động vật cả hàng nhiều triệu năm

về trước; nhưng cho đến nay hầu như tất cả các nhà Bác học đều chưa đi đến một điểm chung nào cả. Vì lẽ càng tìm hiểu quá khứ, quá khứ của quá khứ lại cứ mãi hiện ra. Bây giờ không còn là không gian của một chiều, hai chiều, ba chiều hay bốn chiều, mà là không gian của nhiều chiều đang chiếu dọi tương phản với nhau cả về quá khứ cho đến hiện tại và lẫn với tương lai về sau nữa. Cho nên nhà Bác học Stefan Haukin của Anh trong hiện tại đã chứng minh cho chúng ta thấy rằng thời gian không có cái bắt đầu và cũng không có cái cuối cùng. Điều này không khác gì lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cách đây hơn 2.500 năm về trước.

Nhà Bác học Albert Einstein người Đức gốc Do Thái cũng như thế. Ông ta là cha đẻ của thuyết tương đối ở thế kỷ thứ 20 và cũng trong thế kỷ ấy người ta bình bầu ông là người đại diện cho hơn 6 tỷ người trên quả địa cầu này và ông ta đã đồng dục tuyên bố rằng:

- Ông ta là người không theo Tôn giáo nào; nhưng nếu ông chọn một tôn giáo để theo, thì đó là Phật Giáo.
- Một Tôn giáo có sức cuốn hút rất mạnh, kể từ thế kỷ thứ 21 trở đi. Đó là Phật Giáo.
- Đạo Phật không cần thãm định lại giá trị khoa học của mình nữa. Vì tất cả những lời dạy của Đức Phật đã vượt lên khỏi khoa học rồi.

Một nhà Bác học, một bậc nhân tài của vật lý, một cha đẻ của thuyết tương đối, sanh ra tại Neu-Ulm thuộc miền Nam nước Đức; ngày nay ai nhắc đến tên ông, cũng không bao giờ quên được những lời tuyên bố của ông như trên.

Như vậy khoa học dầu cho có tiến bộ đến đâu đi chăng nữa, thì cũng không thể khám phá được cái tận cùng của vũ trụ này và những hành tinh khác đang hiện hữu chung quanh nơi ta đang sống. Cho nên một lần nữa ta lại vững tin rằng: Giáo lý của Đạo Phật rất là khoa học và vượt ra ngoài sự đối đãi cũng như sự tính toán của khoa học ngày nay.

Những con vật tiền sử như: Khủng long, voi chúa, trâu rừng hay những loài thủy tộc khác, thấy to lớn gấp trăm, gấp ngàn lần hơn bây giờ. Cũng có nhiều nhà khoa học sinh vật ngày nay cho rằng những con cá sấu, rùa, ba ba, hến, sò v.v... là những biến thể của những con khủng long ngày trước. Những con trâu rừng tự nó giết chết với nhau và hóa hiện ra những loài trâu nước trong hiện tại. Những con khỉ, con vượn, con giả nhân, con đười ươi v.v... đều có một quá trình thay đổi của từng chủng

loại, trải qua hàng nhiều triệu năm khác nhau và vì thế chúng ta có thể đoán chắc rằng hàng trăm, hàng ngàn, hàng vạn năm hay hàng triệu năm sau nữa, những con vật đang hiện hữu bây giờ, nó sẽ thay đổi khác thường, như con người phải tự thay đổi cách sống của mình để hợp với môi trường sống vốn đầy khí thải ô nhiễm này để được tồn tại và phát triển. Nhờ khảo cổ học mà người ta tìm được xác chết của người tiền sử và chính cũng nhờ vào khảo cổ mà người ta đã tìm ra được những bộ xương của những con khủng long đã hóa thạch vốn đã có thời kỳ sống trên quả đất này cả hàng triệu năm về trước. Có nhiều khoa học gia thấy thế mới tin rằng: Con người không phải chỉ mới bắt đầu có mấy triệu năm nay trên quả địa cầu này, mà xa hơn về quá khứ, con người đã hiện hữu bằng nhiều hình thức khác nhau.

Có nhiều người bảo rằng: Cái gì họ thấy được, họ mới tin. Còn cái gì không thấy được thì họ không có tin. Nhưng nếu có ai đó hỏi lại rằng:

- Thế thì không khí anh có thấy chẳng?
- Không.
- Nhưng bạn có tin rằng nếu không có không khí thì bạn sẽ chết không?
- Tin chứ.

Quả thật cũng là vô lý. Trên đây thì đòi thấy mới tin. Bây giờ việc không thấy cũng phải tin như thường.

- Có bao giờ bạn thấy hình của Tổ tiên nhà anh chẳng?
- Chưa bao giờ thấy.
- Nhưng bạn có tin rằng nếu không có họ thì bạn sẽ không có mặt nơi cõi đời này chẳng?
- Tin chứ.

Cả hai điều bên trên gần như là vô lý đối với những người chỉ muốn thấy để chứng minh là đúng; nhưng cả hai đều không thấy, sau khi hỏi đáp, vẫn thấy rằng những điều không thấy vẫn đúng như thường.

Còn Tôn giáo thì sao?

Dĩ nhiên mỗi Tôn giáo có một cách riêng để hướng dẫn cho tín đồ của mình về phạm trù tâm linh này, nhưng riêng Phật Giáo, Đức Phật đã từng dạy rằng: Tin ta mà không hiểu ta, tức là hủy báng ta. Vậy thì chúng ta cần phải hiểu lời dạy của Ngài để hành trì; chứ tuyệt nhiên không phải

để thấy rồi mới tin. Vì cái thấy ấy chắc rằng đã đúng? Có một câu chuyện kể lại về “Nồi cơm của Nhan Hồi” học trò của Đức Khổng Tử như sau: Đức Khổng Tử bắt vồng nằm đọc sách, trong khi Nhan Hồi đang thổi cơm, còn Tử Lộ cùng những người học trò khác đi hái rau. Khi Nhan Hồi nấu cơm thì Khổng Tử vừa đọc sách, vừa quan sát những hành động của Nhan Hồi. Đoạn Khổng Tử gấp sách lại và chăm chú nhìn thì thấy rằng: Sau khi cơm chín tới, Nhan Hồi đã mở nắp vung và xới cơm. Kế tiếp Nhan Hồi cho vào miệng mình mấy hạt cơm bên trên đã được xới lên ấy.

Tử Lộ đem rau về luộc. Thế là Thầy trò Khổng Tử có một bữa cơm rau đạm bạc sau khi từ nước Tề chạy sang tỵ nạn tại nước Sở này. Khi Thầy trò Khổng Tử ngồi vào bàn ăn. Khổng Tử vội bảo Nhan Hồi rằng:

- Này con! Thầy trò chúng ta sở dĩ hôm nay được an ổn ở chốn này là do âm đức của Tổ tiên, ông bà, cha mẹ ta mà có được. Vậy Nhan Hồi hãy đem ba bát cơm để cúng ông bà tổ tiên, cha mẹ ta trước, các con có tán đồng không?
- Thưa Thầy! nên ạ !

Cả những trò hiện diện đều biểu đồng tình như thế. Riêng Nhan Hồi từ tốn trả lời rằng:

- Thưa Thầy không nên ạ !
- Tại sao không nên ? Khổng Tử hỏi.
- Vì con đã lỡ ăn trước rồi ạ !
- Nhưng vì sao lại ăn trước ?
- Khi con dỡ vung ra xới cơm; những lọ bù hóng từ trên trần nhà rớt xuống, đọng lại trên mặt cơm vừa xới. Con sợ Thầy và các bạn ăn vào sẽ bị bệnh; nên con đã gạt lớp bù hóng ấy đi và đã dùng trước rồi; nên xin đừng đem cơm ấy cúng Tổ Tiên hóa ra vô phép và con xin phép Thầy cùng các bạn cứ dùng. Còn con, con đã dùng rồi. Đoạn Khổng Tử ngửa mặt lên trời than rằng:
- May chứ không thì ta đã hại một người hiền !!!

Lời than ấy đã cho ta thấy sự thức tỉnh của Khổng Tử. Ông ta là một nhà hiền triết của Trung Hoa và được người đời phong cho “Vạn thế sư biểu”; chính mắt ông ta thấy Nhan Hồi đã làm gì và chính tai ông ta nghe nắp vung khê mở rồi khê đập lại. Thế mà sự thật đâu có phải như Khổng Tử tưởng tượng trong đầu mình.

Từ câu chuyện này, chúng ta phải thật là thận trọng trong những việc xét người và xem đời. Vì trong cuộc đời này không phải chỉ dùng những cái thấy, nghe để phán đoán sự việc, mà cần phải tư duy, chiêm nghiệm. Có như thế mới hoàn hảo được.

Trong kinh Tạp A Hàm có chép lại câu chuyện “Gà ấp trứng” mà Đức Phật đã dạy cho các đệ tử như sau:

Đức Phật hỏi các vị xuất gia rằng: Tại sao gà ấp trứng mà có trứng nở thành con và có trứng lại hư?

Mỗi vị trả lời một cách khác nhau và cuối cùng Đức Phật dạy rằng:

Sở dĩ các trứng không được nở ra thành con, vì gà mẹ trở trứng không đều; cho nên không đủ hơi ấm để trứng được nở.

Như vậy hơi ấm là sự quyết định tối hậu. Từ đó Đức Phật dạy rằng:

Vậy các ông đã ấp ủ hơi ấm cho 37 phẩm trợ đạo có đều chăng? Từ Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc cho đến Ngũ căn, Ngũ lực, Thất bồ đề phần và Bát thánh đạo phần ?

Các vị đệ tử chột ngộ ra Đức Phật muốn khuyên cho mọi người về công năng tu tập; chứ không phải chỉ đơn thuần là những cái trứng gà.

Tiếp đó Đức Phật dạy:

- Nhưng các người thấy khi gà con sinh ra, chúng tự bóc mình khỏi vỏ rồi chui ra khỏi trứng, hay gà mẹ bóc vỏ cho gà con ?

Bạch Thế Tôn! Chính những con gà con đã tự mình mổ lớp vỏ bên ngoài và chui ra khỏi vỏ ấy.

- Cũng thế ấy! Giáo lý ta dạy chỉ là phương tiện. Còn chính các ông phải tự lột được lớp vỏ của vô minh phiền não ấy và tự bước ra khỏi luân hồi sanh tử, chứ chẳng ai có thể giúp gì được cho các ông; ngoại trừ các ông phải tự chứng thực về điều này.
- Dạ! Bạch Đức Thế Tôn. Dạ! Bạch Đức Thiện Thệ! Chúng con đã hiểu.

Có nhiều người cho rằng con vật sinh ra, cốt để nuôi dưỡng và phụng sự cho con người; chứ tuyệt nhiên con người không có bổn phận phải phụng sự cho con vật. Nói như vậy thì không đúng hoàn toàn, nếu con vật mà nói tiếng người được, thì những con vật kia nó sẽ kiện người và chắc chắn chúng sẽ thành công. Vì lẽ con người không có tình thương khi đối xử với loài vật.

Nếu bảo rằng vật dưỡng nhơn thì tại sao không vào sở thú nộp thân cho cạp, beo, sư tử, để xem thử có đúng như vậy không? mà chính ra những con vật này cũng ít ai giết được chúng; nhưng theo định luật của thành, trụ, hoại, diệt chúng cũng tự phải chết, khi sự sống không còn nữa. Con người cũng như thế! đâu có ai giết con người; chỉ tự mình giết hại nhau qua chiến tranh, bom đạn và con người vẫn tồn tại và sinh sôi nảy nở; rồi con người phải tự chết; chẳng có ai có khả năng tạo nên sự diệt chủng, thế mà con người vẫn tồn tại để được sống, được hít thở khí trời, rồi tự mình hủy diệt mà thôi; trong khi đó con người lại tự đi hủy diệt sự sống của những loài chúng sanh khác, để mình được hưởng nhiều lợi lạc hơn. Quả là điều bất công của cuộc sống.

Một mảnh đất bình thường; nơi ấy chúng ta gieo đủ hạt giống khác nhau và bón phân đều nhau; nhưng khi cây lên mầm, trở đọt, thành cây, rồi ra hoa, ra trái... Cây chanh sẽ cho quả chua, cây quít sẽ cho trái ngọt. Cây bưởi, cây hồng, cây táo, cây đào, cây mận, cây me v.v... mỗi cây sẽ cho một loại quả có hương vị khác nhau; chẳng có loại nào khác với hạt giống nguyên thủy của nó cả. Do đó có nhiều người cho rằng: Nhân nào ra quả đó là vậy. Nhưng điều cần lưu ý ở đây là cũng chỉ chung trong một mảnh đất, chung một loại phân bón, cùng một cách săn sóc; nhưng kết quả lại khác nhau.

Cũng như thế ấy, vườn tâm của con người cũng được ươm nhiều hạt giống thiện, ác, vô ký khác nhau. Cho nên khi hoa nghiệp bắt đầu trở, sau đó thành quả thì chắc rằng quả thiện ngọt ngào hơn quả ác. Quả vô ký vừa chua vừa chát và cũng vừa ngọt nữa. Chỉ điều khác nhau là sự tạo tác; còn tâm này vốn là tâm nguyên thủy của nó.

Có nhiều loại cây sống trong rừng có cả hằng ngàn tuổi thọ; trong khi đó, tuổi thọ của loài người nơi cõi Ta Bà này đâu có mấy ai được 100 tuổi. Cho nên người xưa nói rằng: *"Sơn trung tự hữu thiên niên thọ Thế thượng nan lưu bá tuế nhơn"*.

Hoặc giả ca dao xứ Huế cũng có bài như:

*"Trăm năm trước thì ta chẳng có
Trăm năm sau có cũng như không
Cuộc đời sắc sắc không không
Trăm năm còn lại tấm lòng từ bi"*

Chỉ có lòng thương con người thể hiện cho người đồng loại, cho thú vật, cho cỏ cây thì luôn luôn tồn tại. Còn tuổi thọ của đời người, dầu cho có là

bao, một ngày nào đó rồi thân cát bụi của chúng ta cũng sẽ trả về cho cát bụi. Như vậy sự vô thường đã và sẽ chi phối chúng ta suốt trên đoạn đường sanh tử và của 6 nẻo luân hồi này.

Cây sống nhiều ngàn năm cũng trở thành thân; hoặc cũng có nhiều vị Thần không có chỗ nương nhờ; nên đi đâu thì đi, lúc về lại nhà không có nơi nương tựa; nên đã gá nghĩa vào cây.

Nên nhiều người gọi là cây thần. Những vị Thần này cũng linh thiêng đáo để; nên người xưa đã bảo rằng: “Đất có Thổ công, sông có Hà Bá” là vậy.

Đức Phật đã không cho phép những vị Tỳ Kheo vô cớ đốn cây. Vì lẽ cây cũng có sự sống. Tuy là loại thực vật, không có tâm thức như động vật, kể cả loài người; nhưng cây cũng biết buồn vui và tâm sự khi ta chăm sóc và có cảm tình với chúng. Nhựa của cây, chính là máu mủ của chúng. Ta chặt, cắt chúng cũng có nghĩa là ta giết đi sự sống của những loài thực vật này. Dĩ nhiên, nếu chúng bị cắt đi, chúng sẽ nứt hay mọc ra nhiều nhánh lá khác; nhưng chúng cũng biết đau đớn cảm nhận như động vật. Cho nên thường thường sau mỗi bài kinh, chư Tăng, Ni tại chùa thường hồi hướng cầu nguyện cho mọi loài rằng:

“Tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí” nghĩa là: Loài có tình và loài vô tình đều trọn thành Phật quả.

Hằng ngày chư Tăng, Ni dùng quá đường hay có tụng pháp: Tam đề, Ngũ quán. Hàm ý của pháp quán ấy là trừ bỏ các việc ác, nguyện làm các việc lành và cầu nguyện cho chúng sanh được vào con đường của Phật.

Ngồi vào bàn ăn, trước khi ăn cơm chúng ta phải tưởng nhớ đến do đâu mà ta có miếng ăn này. Kế tiếp hãy tự xem mình có đủ đức hạnh để nhận của tín thí này chăng. Điều thứ ba là đề phòng tâm tham lam của mỗi người và phải xem những thức ăn ấy là một vị thuốc hay để chữa bệnh gầy và cuối cùng phải phát nguyện đồng mãn là vì muốn thành đạo nghiệp; nên mới dùng đến món cơm này.

Đó là thực vật chay tịnh, không có máu huyết mà người xuất gia khi ăn uống còn phải tưởng niệm như vậy; huống chi là những động vật có đời sống cao hơn. Thế mà con người nữ nào nhẫn tâm giết hại nó? Khi chết nó đau đớn biết là đường nào?

Ngày nay nhân loại văn minh bậc nhất. Cái gì cũng nhanh, cũng lẹ, cũng tạo ra thành quả nhiều gấp 5, gấp 10 lần ngày xưa. Họ làm sao cho gà đẻ mỗi ngày 2 quả trứng, bằng cách cho thức ăn gia cầm thật nhiều và hồi thúc chúng trong vấn đề sinh sản. Bò làm sao lấy sữa cho được chất

lượng cao, bằng cách họ cho bò ăn những loại thực phẩm pha trộn những lượng thực khác béo bổ. Heo nuôi làm sao cho mau cho thịt. Nếu ai đó có dịp xem những Video về các lò sát sanh thì cũng hoảng kinh hồn vía. Vì lẽ con vật bị con người dày dọ, bóc lột, bắt công. Nếu chúng có pháp lý, chúng sẽ đi kiện và loài người sẽ bị thua. Tôi đã thấy có những con bò sữa, chẳng may sinh con. Con bê con tìm đến vú mẹ để bú. Thế là bị những người chăn nuôi vì muốn có sữa để bán ở thị trường; cho nên dùng búa đập đầu cho con bò con chết; trong khi lưỡi của con bò con, còn ngậm vú mẹ nó. Quả thật, nếu chúng ta có uống sữa, một phần nào đó cũng đã giành bớt sự sống của bò con; nên có nhiều người không uống sữa; mặc dầu sữa cũng là một loại chay. Vì ở đó không sinh ra sinh mạng nào tiếp tục nữa từ sữa này. Thế nhưng nếu ai có lòng từ khi xem đến những loạt phim này cũng phải khiếp vía và đem lòng thương đến với những loài vật này.

Ở nước Đức ngày nay kỹ nghệ về chế tạo thực phẩm chay từ đậu nành quá thịnh hành. Mới đây đài truyền hình Đức đã chính thức công bố là có 9% dân Đức ăn chay trường. Họ không ăn thịt động vật. Dĩ nhiên họ không phải hoàn toàn là Phật tử Đại Thừa; nhưng họ là những người không muốn thấy cảnh chết chóc của động vật nữa; nên họ đã ăn chay. Một dân tộc có 85 triệu người; trong đó có gần 8 triệu người ăn chay, quả là một điều tuyệt diệu. Họ không phải theo Ấn Độ giáo như Ấn Độ, mà họ là những người đang thể hiện lòng từ bi đến với muôn vật và muôn loài.

Ngày nay nếu có ai đó đi vào bất cứ một siêu thị bán thực phẩm nào ở trên khắp nước Đức, kể từ Nam đến Bắc; từ Đông sang Tây. Ở thành phố lớn như Berlin, Hannover, Stuttgart, München hay ở những làng quê hẻo lánh v.v... đâu đâu cũng có bày bán những thực phẩm làm từ đậu nành, trên ấy có in nhãn hiệu là Veggie hay Tofu. Người tiêu thụ khỏi tốn công chọn lựa. Vì tất cả đều được chế biến ở một trình độ công nghệ cao, hợp vệ sinh v.v...

Chẳng bù lại ngày xưa, cách đây gần 40 năm về trước; lúc mới đến Đức; nếu muốn mua một hũ chao, tôi phải đi từ Hannover đến Hamburg hơn 150 cây số mới có tiệm Á Châu bày bán thứ này. Còn muốn mua đậu hũ số nhiều cho lễ Phật Đản hay Vu Lan thì phải lái xe đến tận Aachen mới có; nghĩa là cách Hannover khoảng 350 cây số. Ngược lại ngày nay, bất cứ ở đâu trong tiệm thực phẩm Đức, không phải chỉ riêng có tiệm thực phẩm Việt Nam mới bày bán những loại thực phẩm làm bằng Tofu này. Nhưng có một điều lạ là đậu hũ do người Á Châu chúng ta sản xuất, đầu

bằng tay hay bằng máy thì cách đây 40 năm hay ngay cả ngày nay, nó cũng chỉ là những miếng đậu hủ trắng không hơn không kém. Trong khi đó những nhà nghiên cứu thực phẩm chay của Đức, cũng từ đậu hủ, họ chế biến ra không biết bao nhiêu là thức ăn chay ngon miệng lạ thường. Có loại ăn với bánh mì. Có loại dùng để kho, có loại dùng để chiên, để hầm, để nấu và mùi vị thì cũng đủ loại sắc màu. Đúng như vậy! cũng là hạt gạo từ Á Châu, nhưng khi được sản xuất ở Đức thì gạo ấy biến thể ra nhiều hình thức khác nhau. Đậu nành đến từ Trung Hoa, Ấn Độ, Mỹ, Mễ Tây Cơ, Ba Tây... nhưng đậu nành sau khi đến Đức đã được bào chế thành những món ăn chay thật là tuyệt vời, ngon miệng.

Bạn là người ăn chay trường ở Đức, ngày nay không còn bận tâm nhiều nữa. Vì bất cứ ở đâu như trên xe lửa, ở máy bay v.v... đều có nhiều món đồ chay cho bạn chọn mà chẳng sợ lảm. Trong khi đó các nước lân cận nước Đức tại Âu Châu này chưa có được kỹ nghệ đồ chay tân tiến như vậy.

Nếu bạn đi máy bay vào đúng ngày chay định kỳ, hay bạn là người ăn chay trường cũng khỏi cần lo. Trước 24 tiếng đồng hồ lên máy bay hay khi mua vé, bạn cho biết là bạn ăn chay theo loại nào. Ví dụ như Tây Phương, Á Châu, Ấn Độ, Ả Rập v.v... thì bạn sẽ được toại nguyện; không nhất thiết là máy bay Đức, mà bất cứ loại máy bay gì của quốc gia nào trên thế giới, bạn cũng đều có thể chọn cho mình những món ăn chay như bạn thích. Nếu bạn đi máy bay Ấn Độ thì ngược lại. Họ mang ra hầu như là đồ chay. Nếu bạn muốn ăn mặn, bạn phải đặt riêng mới có. Trong nhà hàng ở Ấn Độ cũng vậy. Nếu nhà hàng ấy có 100 ghế ngồi, thì 80 ghế dành cho người ăn chay; chỉ có khoảng 20 ghế ngồi dành cho người ăn thịt, cá. Vì Ấn Độ giáo đa phần không dùng đến sinh mạng của động vật. Nếu vào tiệm tại Ấn Độ mà kêu thịt cá, hình như được cung cấp chậm hơn là đồ chay. Vì thịt cá không có sẵn. Còn đồ chay lúc nào cũng có sẵn đấy. Ngay cả những hàng quán bày bán ngoài chợ trời cũng vậy. Thỉnh thoảng lắm mới thấy một hàng bán thịt hay một hàng bán cá; còn 80 đến 90% họ bán rau, quả, hạt đậu, mè v.v... quả thật là một xứ an bình.

Ở xứ Đức này nếu bạn đi xe lửa tốc hành ICE chạy trên 250 cây số giờ, đến giờ cơm, bạn có thể tự nhiên tìm đến toa nhà hàng trên xe lửa để ăn trưa. Trên thực đơn cả sáng, trưa, chiều, tối đều có sẵn cho bạn chọn. Ví dụ trong 12 món đồ ăn đã có 4 món chay rồi. Do vậy, bạn đi đâu xa cũng không cần phải lo mang đồ ăn chay theo cho thêm nặng hành lý. Chỉ có một điều là thức ăn được bày bán trên xe lửa đắt hơn thức ăn bày bán bình thường nơi siêu thị mà thôi.

Ngày nay các nhà khoa học đã phân tích rất rõ ràng về kết quả cũng như sản xuất của việc sản xuất đậu nành với việc nuôi một con heo để lấy thịt. Người ta cho rằng: Nếu lấy tiền vốn để nuôi chỉ một con heo trong vòng 3 đến 6 tháng để lấy thịt thì số tiền ấy có thể gieo hạt cho cả một mẫu đậu nành. Sau khi gặt hái đậu nành, số lượng thu hoạch gấp 6 lần số thịt heo có được. Trong khi thịt của một con heo kia chỉ cung cấp nhiều lắm cho một người ăn trong vòng 3 tháng; còn trọng lượng của số đậu nành thu thập được có thể dùng để tiêu thụ cho 6 người cũng trong vòng từ 3 đến 6 tháng. Và lại khi sản xuất đậu nành, cây đậu và phân bón đậu không tạo ra khí thải xấu của CO₂ nhiều. Trong khi đó nuôi một con heo, chất thải CO₂ gấp 10 lần hơn ra ngoài không khí, khiến cho môi sinh càng ngày càng tồi tệ hơn.

Có người bảo rằng ăn chay thiếu chất bổ dưỡng. Điều ấy hẳn sai. Ngày nay người ta phân tích lượng protein trong 1 kg thịt bò và trong 1 kg đậu hủ đều giống nhau; ít có sự sai biệt. Duy chỉ có điều là khi dùng chay trường, thân thể của người ăn chay hay thiếu chất bạch đản (Eisweiß) mà chất này chỉ có trong lòng trắng trứng gà và nơi dầu cá thu. Nếu bạn là Cư sĩ, ăn chay trường cũng có thể phương tiện dùng thêm hai loại trên cho đầy đủ sức khỏe mà đi làm việc. Còn nếu quý vị là người xuất gia, muốn để thể hiện lòng từ một cách trọn vẹn chắc không cần phải dùng đến hai loại vừa nêu trên.

Là những cây cỏ dại mọc lên thấp bé hai bên lề đường, đôi khi còn trở được những cảnh hoa đẹp đẽ, hương thơm lan tỏa cả một vùng, làm cho thiên nhiên càng tươi thắm hơn. Phàm là con người, nếu chúng ta chưa làm lợi lạc nhiều được cho cuộc đời, thì cũng không nên làm hại tấm lòng từ bi đối với người đồng loại hay với những động vật khác và ngay cả những loài thực vật đi nữa, chúng ta nên có lòng từ bi đối với chúng. Tuy là vô tình nhưng sự cảm ứng giữa người và cỏ cây không phải là không có.

Trước khi ta sinh ra, ta chẳng biết mặt mũi của mình như thế nào, nhưng ta biết chắc một điều rằng: Khi đã được sinh ra làm người rồi, chính ngay những giờ phút này trong kiếp sống của hiện tại, chúng ta có thể tu tạo phước đức, để một ngày nào đó chúng ta có ra đi, chúng ta sẽ gặt hái được những phước phần nhất định khi chúng ta đã cố gắng bỏ dũ làm lành. Tương lai là những gì chưa đến, quá khứ là những gì đã qua rồi. Chỉ có hiện tại mới là điều đáng nói vậy.

Còn thực vật, động vật tuy chúng không có đời sống tâm thức như con người; nhưng chúng cũng trợ duyên cho con người thành tựu đạo

nghiệp cao thượng. Do vậy, ta phải trân quý chúng và nghĩ về chúng như là những thiện hữu tri thức của mình. Vì nếu trên quả địa cầu này chỉ có một loại chúng sanh đơn độc là con người, thì còn gì vô vị bằng. Phải có nhiều chủng tộc, nhiều loại cỏ cây cùng chung khoe sắc thắm thì vũ trụ này có ý nghĩa biết là dường bao.

Viết xong hai chương trên vào ngày 25 tháng 3 năm 2014 tại chùa Tam Bảo, Moss, Na Uy.

---o0o---

Chương Ba - Hiện tượng trước khi chết

Ai sinh ra trong cuộc đời này mà không bị chết, thì kẻ ấy không phải là một con người bình thường. Vì lẽ sự thành, trụ, hoại, không hay sanh, lão, bệnh, tử vốn là một định luật mà bao con người phải trải nghiệm. Trên từ các bậc Vua chúa, Hoàng hậu, Thứ phi rồi Tổng thống, Thủ tướng; dưới cho đến những người nông dân tầm thường, những kẻ giá áo túi cơm, những người bình cùi hủi... tất cả đều phải trải qua. Cho nên cụ Nguyễn Du đã viết trong truyện Kiều là:

“Đoạn trường ai có qua cầu mới hay”

Mỗi chữ trong một câu thơ lục bát của Kim Vân Kiều này đều có giá trị thực tiễn của nó. Chiếc cầu đoạn trường tức là chiếc cầu sống chết, chiếc cầu sanh tử ấy, ai ai cũng phải bước qua hết. Khi bước qua đó thì mới hay là sự sanh tử nó nào nề là dường bao; dầu cho đó là vua quan hay thứ dân.

Vua chúa hay những bậc lãnh đạo quốc gia họ đều có phước báu riêng đời trước của họ đã tạo; cho nên trong hiện tại mới được như vậy. Bây giờ trên thế giới này, nền quân chủ sắp cáo chung, chỉ còn tồn tại ở một số quốc gia tại Á, Âu và Phi Châu; còn Úc Châu cũng như Mỹ Châu là những lục địa còn mới mẻ; nên đã không trải qua những chế độ quân chủ như 3 lục địa trên. Ở đây chúng ta có thể lấy 2 chế độ vua chúa điển hình của Nhật Bản và của Anh Quốc để chúng ta tìm hiểu về đời sống và sự sinh hoạt của họ như thế nào.

Nhật Hoàng tại Nhật không gọi là Vua như các xứ khác, mà gọi là Thiên Hoàng; có ý nghĩa là Hoàng Đế do Trời đưa xuống. Họ, những người thống trị, chỉ có cách này mới uy hiếp được lòng dân qua sự thống trị của mình. Từ đó họ sống đời cha truyền con nối, truyền tử lưu tôn; cho đến khi nào có một chế độ khác cải cách, thì ngôi vị kia mới hoán đổi qua dòng họ khác; nhưng vẫn là Thiên Hoàng. Từ thời Meiji (Minh Trị) ở thế

kỷ thứ 19 đến Taisho (Đại Chánh) và Showa (Chiêu Hòa) ở thế kỷ thứ 20; cho đến Heisei (Bình Thành) ở thế kỷ thứ 21 đã trải qua nhiều cuộc chiến khác nhau và họ cũng đã, cũng như sẽ ra người thiên cổ; nhưng lâu đài cung điện ở Kyoto hay Tokyo, bây giờ chúng ta vẫn còn thấy giàu sang, quyền quý, đẹp đẽ, uy nghiêm; nhưng tất cả cũng đều bị thời gian chi phối và cũng đã chẳng có một ông Vua hay bà Hoàng hậu nào mang theo mình về chốn tuyền đài được. Có ông sống trên 80 tuổi; nhưng cũng có ông đoán mệnh hơn. Cuộc sống cung hoàng của họ chắc cũng chẳng vui vẻ gì, chắc cũng giống như lời của một cung nữ Việt Nam đã diễn tả trong quyển “Cung Oán Ngâm Khúc” kia, hay quyển “Chín Chúa 13 Vua triều Nguyễn” đã được thuật lại. Tất cả cũng chỉ là quyền lực, sự thống trị, sự bề bàng, việc tất nhiên như thế. Vì họ là Vua.

Ngày xưa những ông Vua Trung Quốc khi băng hà các bà Hoàng, bà Phi đều phải ra tận lăng vua để ở, nhằm biểu tỏ tấm lòng chung thủy của mình; nhưng cũng chẳng có bà nào chết theo; dẫu rằng trong lịch sử cũng có xảy ra một vài sự kiện đơn lẻ. Cứ thế và cứ thế, dòng đời xuôi ngược trôi qua, kẻ quân vương, người danh tướng tất cả rồi cũng vùi thân vào ba tấc đất. Cái gì của gió trả về cho không khí, cái gì của đất trả lại cho đất đai, làm phân bón cho cây cỏ thêm tốt tươi cho cuộc sống; những gì của nước cũng tan vào nước và hơi nóng đầu tiên đã trả lại cho lửa để hòa tan vào tánh nóng của tạo hóa ấy. Ngẫm cho cùng, chẳng có ai nắm bắt và giữ chặt lại được sắc đẹp cũng như tuổi thanh xuân. Sự giàu có và quyền uy tối thượng của một đấng quân vương có quyền “tiền trăm hậu tấu” cũng chẳng làm cho mình được sống lâu hơn trên trần thế này để hưởng được lộc trời ban cho mãi mãi.

Bà Nữ Hoàng Elizabeth đệ nhất của nước Anh sống đến hơn 100 tuổi và đã trải qua hai cuộc đại chiến thế giới 1914-1918 và 1939-1945. Quyền uy của một Nữ hoàng của xứ “mặt trời không bao giờ lặn”. Sau đó ngôi vua, Bà cũng phải nhường lại cho con gái của mình để cuối cùng chiếc quan tài của một bậc nữ lưu khét tiếng trong gần một thế kỷ thứ 20 đã trị vì cũng chết, được rước đi bởi 4 con ngựa, đưa bà về chỗ yên nghỉ ngàn thu. Rồi bà Nữ Hoàng Elizabeth II trong hiện tại cũng chỉ thế thôi. Nhiều khi đọc báo thấy sự chi tiêu của Hoàng gia Anh trong hiện tại quá tốn kém, khiến cho dân chúng tốn tiền thuế quá nhiều và ngược lại bây giờ vua chúa tại đây phải đi kêu gọi tấm lòng từ ái của dân chúng hiến dâng của cải để cung điện Birmingham được tiếp tục có mặt với cuộc đời. Ngày xưa binh hùng, tướng dũng. Một lệnh xuất quân của vua chúa hay Nữ Hoàng là một tiếng sét từ thình không giáng xuống; không ai có

quyền từ chối tiếp nghinh; còn ngày nay nền quân chủ đã bị chi phối bởi dân quyền; nên tiếng nói của nhân dân đa phần được quyết định qua lá phiếu bầu cử, bầu người lãnh đạo cho tư tưởng của mình.

Những ông Hoàng, bà Chúa được người dân nể sợ, vì họ có uy quyền; nhưng những vương quyền này cũng chỉ là những quyền tạm bợ do họ chế ra để trấn áp người dân; trong khi đó họ lại chẳng tuân thủ và quyền ấy cũng mai một đi, khi một chế độ khác lên cai trị nắm quyền. Cho đến đầu thế kỷ thứ 21 này các chế độ Vương quyền tại hai xứ trên hay các nước khác tại Âu, Á, Phi đều dần dần trở nên mất thế và bám víu, để rồi một ngày nào đó những uy quyền kia cũng sẽ tự động mất đi, vì chúng đã lỗi thời.

Chế độ quân chủ đã được thiết lập tại Trung Hoa cả mấy ngàn năm lịch sử, thế mà đến năm Tân Hợi 1911, chế độ nhà Thanh đã chính thức cáo chung. Uy quyền của vua chúa đã phải chấm dứt, thay vào đó là chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Dật Tiên đã được dân chúng tôn sùng. Việt Nam chúng ta cũng vậy, gần 2.000 năm chế độ vua quan rồi cũng cáo chung vào năm 1945 của triều Nguyễn. Bảo Đại là ông vua cuối triều cũng đã phải sống lưu vong tại Pháp và cuối đời ông cũng phải chết, như bao cái chết khác lâu nay đã diễn ra trên quả địa cầu này. Nếu ai đó có nhắc đến thì chỉ là sự hoài niệm của một thuở xa xưa danh tiếng một thời mà thôi.

Kế đến là những bậc quan chức cao cấp của triều đình hay chính phủ. Họ cũng chỉ là những người đã được cha mẹ họ sinh ra như những người khác; nhưng được cái may, do họ tự nỗ lực, nên đã thành công trên con đường chính trị, học vấn hay kinh doanh; nên họ đã có những chỗ ngồi thật xứng đáng trong triều đình, nội các chính phủ hoặc những dinh thự uy quyền. Nhưng rồi một ngày nào đó bị thay ngôi, đổi chủ, họ cũng phải tan hàng. Đời đâu có gì thật và danh lợi cũng chỉ là một thoáng chốc hão huyền. Cho nên Đức Phật đã chẳng dạy về những sự vô thường như:

- Thân vô thường
- Tâm vô thường
- Hoàn cảnh vô thường
- Quốc độ vô thường

Thân này vốn dĩ do tứ đại hợp thành, dầu cho đó là những ông quan to hay Tổng thống, Thủ tướng. Tất cả đều phải khổ đau khi sinh ra và lúc chết đi. Dầu cho lúc ấy có vợ đẹp, con ngoan, tiền rủng, bạc biển cũng không thể cứu họ ra khỏi sự chết chóc được.

Tâm ta vốn thay đổi không chùng. Cho nên trong Duy Thức học gọi là “Tâm Viên Ý Mã”. Tâm ấy luôn giống như con khỉ chuyền cây và ý kia không khác nào con ngựa không cương, buông lung khó trị. Ai làm chủ được tâm; người ấy mới chính là kẻ chiến thắng. Đức Phật đã chẳng từng dạy rằng: “*Chiến thắng muôn quân không bằng tự thắng mình. Tự thắng mình mới là chiến công oanh liệt nhất*”.

Vì hoàn cảnh nên ta mới có mặt tại xứ người. Có ai trong chúng ta biết trước được rằng mình sẽ cư trú tại đâu, khi mà công ăn việc làm hay hoàn cảnh chính trị tại quê hương mình thay đổi. Do vậy mà con người phải chấp nhận hoàn cảnh để sống và tồn tại; chứ không phải hoàn cảnh chấp nhận chúng ta. Con người luôn bị động là thế. Trong kinh Đại Bát Niết Bàn, Đức Phật cũng đã từng dạy rằng: “Các pháp luôn bất định; nên Nhứt Xiển Đề cũng bất định”. Vì sao? Vì lẽ ngày hôm qua Nhứt Xiển Đề không tin vào bất cứ một cái gì hết; nhưng hôm nay và ngày mai. Nhứt Xiển Đề sẽ thay đổi. Cho nên Đức Phật đã dạy rằng: “Nhứt Xiển Đề cũng có khả năng thành Phật” là ở ý nghĩa này.

Phần kể là cõi nước cũng không thường hằng. Vì sau một cơn địa chấn, chỗ này lở đi và chỗ kia bồi thêm ra. Nơi này sâu xuống và chỗ khác nhô lên. Mới ngày nào đó nơi ấy là biển cả mênh mông, ngày sau đã trở thành ruộng đất, người ta có thể trồng dâu nuôi tằm được. Đây là tất cả những gì mà chúng ta cần phải luôn thức tỉnh.

Bây giờ chúng ta sẽ điếm qua những hiện tượng của người bình dân sẽ chấp nhận sự chết như thế nào?

Khi hơi thở không còn vào ra thân thể này nữa, thì người ta gọi là chết. Cái chết này đối với Vua quan, tướng sĩ, Thủ tướng, Tổng thống, Hoàng hậu, Thứ phi hay nhân đến người bình thường, dòng hạ tiện, tất cả đều giống nhau; không có ai khác nhau trong việc tắt hơi thở. Nếu có chẳng là chết như thế nào mà thôi.

Người dân bình thường họ xem sự sống chết là việc tự nhiên; nên họ cũng quan niệm rằng: “*sống gửi, thác về*”. Rõ ràng là quan niệm này đã làm sáng tỏ cho sự sống kia. Việc sống tại cõi này chỉ là cõi tạm; cho nên gọi là gửi. Còn thác tức là mất đi mới có nghĩa là về lại chốn xưa. Vậy chốn ấy ở đâu và nơi ấy đang có ai ở ?

Người ta quan niệm rằng: khi thác sanh vào một cõi thiện hay ác nào đó cũng đều có thể gặp lại thân nhân của mình. Vì khi sống, mình đã là bằng hữu, là cha mẹ, anh em huynh đệ trong một gia đình. Việc này có thật,

qua sự kể lại của những người sau khi chết và họ được sống lại trong quyển “The Light Beyond” đã kể những mẩu chuyện như thế.

Trong quyển “Tây Phương Du Ký” cũng có kể rất rõ về những chuyện vãng sanh và Ngài Quán Khâm đã gặp Ngài Ấn Quang Đại Sư nơi nội viện của cõi Đâu Suất. Nghĩa là Ngài Ấn Quang đang sống trong điều kiện “nhứt sanh bổ xứ”; chỉ một đời nữa, chờ nơi ấy và sẽ đi làm Phật theo bi nguyện của mình.

Những câu chuyện trong quyển “The Light Beyond” của các khoa học gia người Mỹ đã thẩm vấn những người sau khi chết, tâm thức tái nhập vào thân thể. Họ sống lại và đã kể cho các Bác sĩ cũng như những khoa học gia rằng: Họ đã gặp mặt họ hàng, thân thích như thế nào ở một cõi xa xăm sau cuối đường hầm với những ánh sáng chói chang, mà ở cõi chúng ta đang ở khó có, khó thấy được. Đây là hiện tượng của những người siêu thoát.

Còn hiện tượng sống lại qua quyển sách “Hồi Dương” của Cô Ba Cháo Gà tại Mỹ Tho cũng đã kể lại rành mạch sự tra tấn ở cõi Địa ngục không khác gì trong kinh Địa Tạng đã diễn tả mấy.

Vậy thì chết chưa phải là hết, mà sự còn ấy là còn lại những nghiệp quả lành dữ của ta đã gây tạo trong nhiều đời; đến giờ phút lâm chung, mọi hình ảnh đã được quay lại như những cuốn phim tự động có thể lần lượt chiếu lại cho chúng ta thấy. Nhờ vậy mà đã có nhiều người biết hối lỗi ăn năn sau khi đã trở về lại nhân thế.

Tiếp đến là giai cấp thấp nhất trong xã hội như những người cùi hủi, tật nguyền, câm ngọng, điên cuồng v.v... họ sẽ chết như thế nào ?

Có nhiều người khổ sở quá muốn chết đi cho rồi và đã có không biết bao nhiêu lần quyên sinh; nhưng lại không chết. Vì thấy cuộc đời khổ quá, không muốn tiếp tục sống làm gì; chỉ cốt làm khổ cho gia đình và người thân; nhưng đâu phải là ai muốn chết lại được chết và ai muốn sống được sống đâu. Có nhiều ông vua uống thuốc trường sinh cốt để sống lâu trăm tuổi; nhưng ít có ông vua nào có được tuổi thọ như vậy. Vì lẽ cuộc sống đời thường của những ông Vua hay bà Hoàng này không tự kiềm chế được những hành vi dâm dục của mình; nên dầu cho có uống thuốc cải lão hoàn đồng cũng không thể nào cưỡng lại sự chết non được. Ngược lại có nhiều người chẳng uống thuốc gì cả, mà bệnh cũng chẳng đau, tuổi thọ càng ngày càng gia tăng. Ấu đó cũng chẳng phải là việc sung sướng. Vì sống lâu mà ít hay không bệnh khổ là một phước báu; nhưng

nếu bị bịnh nan y mà sống chỉ cốt để đền trả nợ xưa thì quả đây là luật “nhân quả hiện tiền” đổ ai thoát khỏi ?

Rõ ràng là như vậy. Nhân quả hiện tiền và nhân quả báo ứng đã soi rọi cho mọi người rõ như là một “nghiệp cảnh đài tiền”, là một kính chiếu hậu. Khi chúng ta còn sống, chúng ta đã cảm nhận được rồi, đâu cần phải chờ đến khi chết, chúng ta mới thấy địa ngục. Địa ngục có ngay khi ta còn sống. Đó là địa ngục trong chốn cung son, địa ngục nơi nhà tù giam hãm những tội nhân. Địa ngục ở chốn công đường. Địa ngục nơi chợ búa; địa ngục trong một gia đình. Địa ngục nơi tam đồ, bát nạn và địa ngục nơi bát khổ gồm: Sanh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly, cầu bất đắc, oán tắng hội và ngũ ấm xí thạnh. Người ta muốn thấy mặt của Nguru đầu Mã diện nơi địa ngục mới tin rằng có địa ngục.

Như vậy đã quá muộn màng rồi.

Bây giờ ta thử đi sâu vào 8 sự khổ sở bên trên, tượng trưng cho những nỗi khổ của con người, dầu cho bất cứ ai trong cõi trần gian này cũng đều phải trải qua hết, để chúng ta chiêm nghiệm có phải thật như thế chẳng ?

Mới đây có một cuốn phim ngắn chiếu lại trên Internet về sự vô cảm của con người, để rồi tất cả đều tử vong. Câu chuyện kể về chuyến xe Bus số 44 của Trung Quốc.

Tài xế là một phụ nữ. Cô ta lái xe rất vững vàng; trên xe chở toàn những người đàn ông đi đến sở. Khung cảnh là một miền quê và hôm ấy là một ngày đẹp trời vào lúc sớm mai, khi lên xe Bus nhiều người còn ngáy ngủ. Thỉnh thoảng giữa đường có người chặn lại để lên xe. Cô ta vẫn thực hiện động tác này mỗi khi khách cần đến. Cô tài xế mở cửa xe, thu tiền, đóng cửa xe và cho xe chạy...

Một thanh niên đột nhiên xuất hiện và cô ta cũng thực hiện những động tác như trên. Khi lên xe Bus anh ta quan tâm đến cô ta nhiều hơn. Có lẽ anh ta thấy cô ta đẹp. Khởi đi từ chữ ái. Thế rồi xe lại tiếp tục dừng. Có 2 người đàn ông lên xe; họ đưa vật uy hiếp ra và bắt mọi người đàn ông trên xe phải tháo đồng hồ hay phải nộp tiền cho họ. Một người khác đứng đó khống chế cô tài xế xe Bus này. Sau khi sát phạt những người không đưa tiền, cả 2 người đều xuống xe, trong khi mọi người đàn ông trên xe tất cả đều chịu nhục để chấp nhận một hành động khó tha thứ như vậy. Đoạn người lớn con có vóc dáng đầu sở ăn cướp ấy lôi cô tài xế ra ngoài để hãm hiếp một cách tàn bạo; trong khi đó máy xe Bus vẫn nổ để đợi chờ cô tài xế quay lại. Bỗng dưng chỉ có một anh chàng đã quan

tâm về cô lúc này nhảy xuống xe chạy theo hai tên cướp cố giựt lại những đồ đã bị lấy; nhưng anh ta đã bị tên cướp kia đâm cho hai nhát dao, không thể đứng dậy nổi. Sau khi đã mãn thú tính; hai tên cướp ngay lúc ấy rời hiện trường và cô ta cũng đã trở lại xe Bus để tiếp tục công việc của mình và đồng thời lúc ấy, anh chàng bị nạn cũng đã lê lết đến được chiếc xe Bus; nhưng cô tài xế tỏ ý không bằng lòng cho anh ta leo lên xe và cuối cùng hành lý của anh ta bị cô ta quăng qua cửa sổ cho khổ chủ của nó một cách lạnh lùng, khó hiểu; thế rồi sau những giây phút suy nghĩ, cô ta đã đóng cửa xe Bus lại, chạy một mạch thật xa bỏ lại anh ta ở phía sau một cách vô vọng. Anh ta chẳng biết tại sao và cuối cùng anh ta cũng đón được một chiếc tư nhân khác để quá giang. Đến một đoạn đường nọ anh ta thấy chiếc xe kia đã đâm đầu xuống hố. Tất cả những người đàn ông trên xe kia đều chết và kể cả cô ta nữa. Có thể cô ta lạc tay lái? Hay cô ta đã cố ý muốn cứu anh chàng đã cứu mình; nên mới không cho lên xe Bus, chuyển xe định mệnh số 44 ấy để đền trả nghĩa cử của người thanh niên không hèn, chỉ đơn thân độc mã ra tay cứu cô ta dưới nanh vuốt của tử thần? Mặc dầu cuộc giải cứu không thành công; nhưng đây là một câu chuyện hết sức cao thượng và thương tâm; trong khi gần 50 người đàn ông trong xe Bus hầu như vô cảm. Một câu hỏi khác được đặt ra là liệu như thế có công bình chăng? hay đây là một công nghiệp của những người cùng đi trên một chuyến xe sanh tử ấy? Hành động tốt cứu người đã còn lại với đời và những ai cố chấp, hẹp hòi, vô cảm tự nghiệp quả của mỗi người lại phải chiêu cảm lấy.

Phim chiếu lại câu chuyện thương tâm ấy chỉ gần 12 phút thôi; nhưng đã nói lên được hết tất cả mọi mặt của cuộc đời. Một địa ngục trần gian, sự ích kỷ, sự vô cảm, sự lạnh lùng v.v... tất cả đều hiện hữu trong đoạn phim ngắn này. Cái khổ này chồng chất với cái khổ kia và cuối cùng của cái khổ vẫn là những sự khổ liên hoàn còn tiếp nối theo phía sau nữa.

Cũng giống như chiếc máy bay ma hiệu Mã Lai Á MH 370 vào ngày 8 tháng 3 năm 2014 bay qua hướng Bắc Kinh ấy, đã chẳng bao giờ đến đích. Trong máy bay có 239 người; trong đó có 2 phi công; 10 người tiếp viên và số người còn lại là những lữ khách ra đi không bao giờ trở lại, kể cả những em bé mới sinh; những người dùng Passport giả. Những cụ già; những người sắp đi gặp người yêu hay nhận nhiệm sở mới... Tất cả đều là một kịch bản mà chưa có đạo diễn nào diễn giải nổi hết sự khổ của cuộc đời.

Cả hai câu chuyện trên đã chứng minh cho cả việc sanh, lão, bệnh, tử là khổ. Còn những sự khổ khác thì như thế nào ?

Ái biệt ly ư ?

Trên thế gian này đã có không biết bao nhiêu cuộc tình xảy ra trong quá khứ dẫn đến trong hiện tại và kéo dài mãi mãi trong tương lai nữa và đã có không biết bao nhiêu cuộc tình đứt gánh giữa đường, mặc dầu trước đó đã có không biết bao nhiêu lời nguyện ước. Có người thề non, hẹn biển, sống chết có nhau cho đến lúc đầu bạc răng long; nhưng mấy ai tìm được cái giá trị hạnh phúc đích thực của những cuộc tình này? Ở bất cứ một cuộc hôn nhân nào, người ta cũng chúc nhau trăm năm hạnh phúc, bách niên giai lão, sắc cầm hòa hiệp v.v... những danh từ cao đẹp nhất đều dành tặng riêng cho cô dâu và chú rể. Điều ấy cũng dễ hiểu thôi. Vì đó là những lời cầu chúc; còn việc có thực hiện được hay không, lại tùy thuộc vào cô dâu và chú rể có thật sự giữ gìn hạnh phúc cho nhau không; ấy mới là điều đáng nói.

Một hôm tôi gặp một cặp vợ chồng trí thức; tương đối xứng đôi vừa lứa và tôi đã hỏi cả hai một câu mà cũng tương đối khó trả lời. Câu hỏi được đặt ra là:

- Vậy thì ai sẽ giữ hạnh phúc cho ai ?
- Con sẽ giữ hạnh phúc cho chồng con. Cô gái đáp như vậy.

Còn tôi, một người tu, đứng ngoài sự yêu đương thường tình của nhân thế, góp ý như thế này:

- Lẽ ra các con, mỗi người phải tự giữ lấy mình thì hạnh phúc mới đến. Lúc ấy mới có sự hòa hợp thật sự.

Cả hai đều nhoẻn miệng cười tươi và dĩ nhiên là tôi mong cuộc tình này sẽ đi đến chỗ cao đẹp như những lời chúc tụng lâu nay. Vì chàng ta cũng đã bị nhiều lần dang dở.

Tôi không biết ái biệt ly người ta khổ sở như thế nào. Vì trong hiện tại tôi không thương yêu ai riêng lẻ, mà ở trong quá khứ, một kiếp sống xa xưa nào đó tôi cũng đã yêu thương, cũng đã bị khổ đau và giờ đây nhờ ánh sáng Phật Pháp soi rọi; nên cả cuộc đời này đã thênh thang bước trên đường trần, không bị dây ái tình ràng buộc. Đó mới là một chân hạnh phúc thật sự.

Đức Phật đã chẳng từng dạy: “Người ta bị vào địa ngục, trước sau rồi cũng có ngày ra khỏi; nhưng những ai bị lưới ái buộc ràng, suốt kiếp trọn đời rồi cũng sẽ chẳng có lối ra”. Đó là tình yêu, là sợi dây ràng buộc, cũng có lắm cuộc tình vụng trộm; có người tự tử, có kẻ đi tu. Cũng không biết bao nhiêu người đã vì chữ hiếu, chữ tình mà quyên sinh để trọn lời

nguyên ước. Cũng không thiếu những thiếu phụ ôm con chờ chồng cho đến khi hóa đá lúc nào cũng chẳng hay biết. Lịch sử đã chứng minh nhiều mối tình vương giả như của Napoléon, của Từ Hy Thái Hậu, của Lan và Điệp của Kim Các Tự v.v... từ những tấm lòng trung trinh một thuở và những tình cảm kia cũng đã dẫn đến sự đổ vỡ một thời. Một trong hai người sẽ khổ đau; hoặc cả hai đều đau khổ. Vậy thì tình yêu hay tình ái nó có ý nghĩa gì? tại sao mọi con người, mọi động vật đều phải khổ đau, đau đớn, chia lìa vì nó? Ta đã biết, tại sao ta không tự chọn cho mình một lối đi?

Rồi yêu, rồi ghét, rồi oán, rồi hờn ... đôi khi trở thành người thù không đội trời chung. Vì đâu ra nông nổi ấy? Có phải vì trời? vì người? hay vì mình? Đa phần câu trả lời là tại này hay tại nọ mà ít ai nghĩ là tại chính mình đã vô tình hay cố ý gây nên. Thương đó rồi ghét đó. Yêu đó rồi hận thù nhau đó. Quả thật cuộc đời này có muôn lối rẽ. Chỉ có những người hiểu biết và những kẻ sớm giác ngộ mới mong ra khỏi sự đối đãi thường tình như thế nhân đã gặp phải mà thôi.

Cầu bất đắc, ngũ ấm xí thành cũng thế thôi. Tất cả đều dẫn đến cái khổ đau không cùng tận. Rồi một trong hai người cũng phải chết; nhưng chết như thế nào đây? Một sự bình an với hơi thở khi ra đi hay sẽ chơi voi giữa dòng đời sinh tử, không lối thoát? Nơi đâu là bến bờ và ai là người mà chúng ta có thể nương tựa được, khi mà sự khổ đau đang thập tử nhất sinh này đã mang đến cho mỗi người? Lúc ấy chỉ có than thân trách phận mà chẳng biết tự trách mình.

Thế rồi mãi cho đến một ngày kia khi thần chết gõ cửa, chúng ta mới hối hận là tại sao trong suốt một cuộc đời đã chẳng phát tâm quy y Tam Bảo, lánh dữ làm lành. Tại sao tiền của có nhiều; nay lại biến mất đi đâu? Lúc giàu có tại sao không thể giúp người nghèo đói? Có phải lúc ấy vì lòng tham chấp chặt và đóng đi cánh cửa từ bi, lẽ ra phải mở rộng để cho nhân ái tràn vào? Còn ở đây thì ngược lại; đến khi thất thế sa cơ, thần chết đến gõ cửa, lúc ấy mới ăn năn hối cải, không biết như thế có muộn màng chăng? Khi trong tay có nhiều tiền, nhiều quyền, ta lại tưởng chừng nó luôn còn ở lại mãi với ta; nhưng rồi tiền tài, danh vọng, tiếng thơm v.v... nó cũng sẽ tìm cách xa ta, ra đi không có ngày trở lại. Có chăng chỉ là những cay đắng ngậm ngùi.

Sau đây là những câu chuyện liên quan đến những hiện tượng của sự sống và sự chết. Kết quả của sự sám hối và cầu nguyện v.v... Đầu tiên là câu chuyện “Đồ Tể buông dao thành Phật” hay còn gọi là “Sự tích cây

huyết dụ” của tác giả Nguyễn Đông Chi mà năm 1974 tôi đã có cơ duyên dịch ra tiếng Nhật từ tiếng Việt khi còn ở Nhật lúc bấy giờ.

Chuyện kể rằng:

Trong làng nọ có một ngôi chùa, một Sư Cụ và một chú Tiểu. Hằng ngày mỗi sáng sớm Sư Cụ hay đánh thức chú Tiểu dậy để động Đại hồng chung, trước thời khóa công phu khuya. Ngày nào cũng như vậy. Bỗng một hôm Sư Cụ nằm chiêm bao thấy một người đàn bà mặc áo trắng đến thưa rằng:

- Thưa Ngài! Con có một yêu cầu.
- Điều gì người cứ nói.
- Bạch Ngài! Ngày mai xin Ngài đừng kêu chú Tiểu dậy động chuông, được không?
- Tại sao ?
- Nếu Ngài thực hiện được điều này thì mẹ con của con vô cùng đội ơn. Bằng ngược lại thì...
- Ờ! Ờ! Chuyện dễ thôi! Ta sẽ thực hiện điều của thí chủ yêu cầu vậy.

Như lời dặn của người đàn bà mặc áo trắng hôm trước đã báo mộng, sáng hôm sau Sư Cụ đã không kêu chú Tiểu dậy động chuông. Vì vậy dân trong làng đều ngủ dậy trễ, kể cả người đồ tể làm thịt heo đem ra chợ bán mỗi ngày. Hôm nay choàng tỉnh dậy, mặt trời đã lên cao, làm sao có thể mổ lợn được nữa. Anh ta bèn mang con dao mổ lợn hằng ngày chạy đến chùa với một tư cách hần học, giận dữ và quát tháo trước cửa chùa rằng:

- Tại sao Sư Cụ không cho chú Tiểu gióng chuông hôm nay?
- Ta chỉ thực hành điều yêu cầu của một thiếu phụ. Sư Cụ trả lời thế.

Đoạn Sư Cụ kể lại đầu đuôi câu chuyện của tối hôm trước mà Sư Cụ đã thấy cho người đồ tể nghe. Mặc dầu anh ta chưa nguôi ngoai cơn giận đấy; nhưng anh ta đã trở lại nhà và điều đầu tiên là anh đi đến chỗ chuồng heo và kỳ lạ thay, con heo mà anh định mổ thịt sáng nay; chính nó đã sinh ra một bầy lợn con rất kháu khỉnh. Bất giác anh ta rơi lệ và với trạng thái hối hận này, chàng đồ tể kia đã mang con dao vốn dính đầy máu, do giết heo quá nhiều ấy đến chùa. Khi đến trước cửa chùa lần này, anh ta không có thái độ hung hăng như lần trước nữa, mà anh ta đã quỳ xuống trước sân chùa, tỏ vẻ ăn năn sám hối một cách chân tình và con dao kia anh ta cắm sâu vào lòng đất, anh đã tự thệ nguyện rằng: “Từ nay

về sau ta sẽ không làm nghề sát sanh nữa”. Cũng do lời thệ nguyện chí thành ấy mà chỗ con dao kia đã mọc lên một cây có màu máu; người đời gọi đó là: Sự tích cây huyết dụ.

Đây là câu chuyện cổ tích; nhưng chắc chắn là có thật. Từ bao đời nay người Việt Nam đã tự kể cho nhau nghe và tiếp tục truyền miệng từ bao đời trong nhân gian như vậy và sau đây là câu chuyện xuất xứ từ Trung Quốc.

Chuyện kể rằng:

Trong làng nọ có một cặp vợ chồng sinh sống bằng nghề bán rau cải. Vợ hằng ngày mở quán bán hàng; chồng đi lấy hàng về cho vợ bán. Ngày lại tháng qua vợ chồng sống rất hạnh phúc chung với nhau dưới một mái tranh nghèo. Nơi cửa hàng của người vợ hằng ngày xuất hiện nhiều người đến mua rau cải, nhang đèn v.v... và đó cũng là cơ hội để cho những người hàng xóm rủ cô vợ bán rau của anh ta đi chùa, đồng thời cũng làm phước, bố thí, cúng dường v.v... người chồng ban đầu vẫn để cho vợ thực hiện ý định ấy; nhưng nàng càng ngày càng đi sâu hơn vào lĩnh vực tâm linh của Đạo Phật; chứ không dừng lại ở đó; chẳng những nàng không chỉ ăn chay hằng tháng mấy ngày mà còn khuyên chồng nên ăn chay theo mình nữa. Chàng ta căm tức; chẳng phải vì vợ, mà vì cái Tôn giáo gì mà lạ kỳ như thế, cũng như chàng giận cho những người hàng xóm lẻo mép kia; họ đã nói làm sao cho vợ chàng tin theo, mà bây giờ còn ép chàng nữa.

Thế rồi chàng nghĩ ra kế khác để trực tiếp làm cho nàng nản chí. Chàng lêu lổng cờ bạc, rượu chè, tiêu phá tài sản cho hả cơn “giận cá chém thớt”. Chàng càng ngày càng có thêm bợn nhậu và chính một trong những bợn nhậu này đã khuyên chàng là nên đổi qua nghề giết lợn để cho vợ khỏi có cơ hội ăn chay và việc làm phước bố thí cũng theo đó mà giảm dần. Chàng nghe có lý; nên về nhà khuyên vợ bán tiệm tạp hóa rau cải kia để đổi lấy một lò sát sanh. Ban đầu vợ chàng không khứng chịu. Nhưng vì chàng là chồng; nên nàng phải thuận theo. Ngày lại tháng qua, chàng chọc huyết lợn, vợ giữ chân lợn... cứ như thế thời gian lặng lẽ trôi qua và đôi khi người chồng còn đùa với nàng rằng: “Chính người giữ chân lợn cho người khác chọc tiết, kẻ ấy mới có tội; còn người giết lợn không có tội”. Từ đó nàng lại càng hoang mang hơn nữa; nên đêm đêm nàng vẫn niệm Bồ Tát Quan Thế Âm mật thù gia hộ. Bỗng một hôm Bồ Tát hiện về bảo rằng:

“Con không nên sợ hãi mà hãy nhất tâm niệm A Di Đà Phật cho những chú heo bị chọc huyết khi con giữ chân heo cho chồng con làm việc đó và sự nhất tâm cầu nguyện của con, sau này sẽ có kết quả”.

Nhưng chồng nàng đâu có dừng ở đó. Khi thấy việc buôn bán được, thay vì mỗi ngày giết một con, chàng làm thịt thêm hai ba con để mang ra chợ bán. Khi mỗi lợi càng nhiều thì âm thanh niệm Phật của nàng cũng càng thấm thiết hơn. Do vậy đã cảm ứng đến Đức Phật A Di Đà và tất cả những con heo kia được siêu sanh về Tịnh Độ.

Rồi một hôm nàng mộng thấy Bồ Tát đến báo rằng: “Còn 3 tháng nữa chính nàng sẽ vãng sanh”. Sáng hôm sau nàng đem câu chuyện ấy thuật lại cho chồng nghe. Người chồng không tin; nhưng gần hết 3 tháng bỗng dung sắc diện của nàng đổi khác. Đoạn nàng ngồi ngay ngắn để nghe tiếng niệm Phật từ xa kéo đến của đàn heo đã chết thuở nọ. Nàng trút hơi thở cuối cùng và chồng nàng cũng thàm niệm A Di Đà Phật, khi chứng nghiệm được sự linh ứng qua việc niệm Phật của vợ mình.

Vì cõi Phật là cõi “phàm thánh đồng cư tịnh độ”; nên nếu có ai đó niệm Phật thật nhất tâm để cầu nguyện trước khi lâm chung, thì vật ấy cũng có thể hiện tiền nơi cảnh giới Tây Phương. Vì việc ấy do sự thệ nguyện hay lời nguyện căn bản của Đức Phật A Di Đà mà có được. Chứ không phải do ta tự niệm mà được vãng sanh. Tha lực là điều kiện căn bản nhất để thành tựu được việc này.

Xem ra việc trên dễ mà khó, khó mà dễ. Từ câu chuyện này, nếu vì điều kiện trong một gia đình có hai hay nhiều tín ngưỡng khác nhau; hoặc giả người vợ phải lo việc nấu nướng cho chồng ăn; trong khi mình phải dùng chay, thì hãy thực hành việc cầu nguyện một cách chân thành nhất tâm như câu chuyện trên thì kết quả cũng không khác gì với nhau mấy. Nếu chúng ta cầu nguyện tha lực mà không được thành tựu như ý nguyện, là vì lẽ, lời cầu nguyện của chúng ta bị gián đoạn, không chuyên chú; nên chưa cảm đến chư Phật; đặc biệt là Đức Phật A Di Đà; nên chỗ ứng hiện lại làm chưa rõ nét. Chỉ khi nào cả hai bên vừa cảm vừa ứng đều ngang nhau, thì hành trình sanh tử sẽ dừng lại, để chúng ta có thể nhẹ bước về Tây trong khi tiếng trợ niệm A Di Đà vẫn còn vang vọng bên tai mà hành giả phát nguyện vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Trong quyển sách bằng tiếng Anh nhan đề là: “*Peaceful Death and Joyful rebirth*” mà tôi và Thầy Nguyên Tạng dịch ra tiếng Việt với nhan đề là: “**Chết an lạc, Tái sanh hoan hỷ**” của Đại sư Tulku người Tây Tạng, hiện đang dạy học tại Đại học Harvard Hoa Kỳ. Trong tác phẩm này có giải

trình mọi kiến giải cho việc trước cũng như trong và sau khi tái sanh; nhưng trong sách cũng có viết nhiều điểm đặc biệt; nhất là Ngài định nghĩa thế nào là một công đức?

Ngài thí dụ rằng: Cũng như những giọt nước mưa; mới ban đầu còn ít, sau đó nước nhiều dần sẽ tạo thành ao và từ ao, nước ấy sẽ chảy vào hồ và từ hồ, nước sẽ chảy ra sông. Cuối cùng sông kia sẽ đưa nước chảy vào biển cả. Ngài kết luận rằng: Cuối cùng thì trong biển cả đại dương kia có rất nhiều nước, mà không thể thiếu những giọt nước ban đầu kia được. Từ đó Ngài dạy về công đức như sau:

Người Phật tử chúng ta đi chùa cúng Phật một cành hoa, lễ Phật một lễ; hay nhấn đến cúng dường tịnh tài để xây chùa, đúc tượng, tô chuông. Ngoài ra còn làm những việc từ thiện như: Xây trường học, làm cầu cống cho người qua lại v.v... Tất cả những việc nhỏ đến lớn này cũng giống như những giọt nước mưa ban đầu vậy. Với công đức để thành Phật quả, không thể nào thiếu những công đức lúc ban đầu; cũng như biển cả kia, tuy nhiều nước đấy; nhưng chẳng thể thiếu những giọt nước mưa tuy nhỏ; nhưng rất quan trọng ấy. Vì thế, khi còn sống, còn hiểu biết, chúng ta nên làm một cái gì đó, để một ngày nào đó, chúng ta sẽ ra đi và sự ra đi ấy sẽ mang đến cho chúng ta nhiều sự lợi lạc to lớn vô cùng.

Cũng như có một người đã qua đời; gia đình, thân nhân, bè bạn cầu nguyện và làm phước. Lẽ ra người thân ấy sẽ quá vãng; nhưng do những công đức mà người thân đã tích tạo; nên mạng sống của người qua đời lại được kéo dài thêm trong năm hay ba năm nữa. Như vậy không phải là phép màu sao? Hay chúng ta còn mong đợi ở một phép màu nào khác hơn nữa ?

Chết, có rất nhiều người sợ. Vì họ không biết rằng: Họ sẽ ra đi về đâu. Có người thì bảo rằng: Chết là hết, đâu có gì để phải lo. Điều ấy chưa hẳn đúng. Vì lửa hết; nhưng củi vẫn còn và trong cây củi ấy vẫn luôn luôn hàm chứa về sự hiện hữu của lửa. Phật tánh cũng lại như thế. Nó không xa cũng chẳng gần, không trong cũng chẳng ngoài; mà nó tự tại vô ngại, tồn tại trong khắp thế gian này.

Giờ đây mọi vật và mọi việc dường như đã được lắng đọng lại, để cho ai đó, nếu có một cái nhìn thiện cận về sự tái sanh, cũng có thể có được một cơ hội tốt để nhìn lại con đường tâm linh của mình đã trải qua và cần phải thẩm định lại kỹ càng nhiều hơn nữa.

Nếu một người hiểu đạo, trong gia đình sắp có người lâm chung thì nên đến chùa nhờ quý Thầy đến nhà để trợ niệm vãng sanh. Trong nhà

thương cũng có thể làm được điều này, nếu thân nhân người sắp quá vãng có sự yêu cầu với bệnh viện. Điều căn bản là phải tỉnh táo, sáng suốt, không lo âu, vội vã. Vì người sắp mất sẽ tựa và người thân qua những hành động và cử chỉ của người thân để nương nhờ. Nếu người thân chuyên lo làm phước, bố thí, cúng dường... hồi hướng phước báu cho người sắp quá vãng, thì người ấy sẽ được lợi lạc vô cùng. Nếu thân nhân thỉnh Thầy, Cô thuyết giảng về lý vô thường, khổ, không, vô ngã cho người sắp ra đi, thì sự buông xả của họ cũng có một ý nghĩa đặc biệt. Nếu có kẻ vì giận hờn mà không có sự hóa giải qua lời kinh, tiếng kệ; khiến cho người sắp mất nặng nề quấy luyến... thì quả vị giải thoát hãy còn xa. Vị Pháp sư được cung thỉnh, hãy chí thành cầu nguyện và hướng tâm linh của người sắp mất ấy vào một điểm tựa nhất định nơi cửu phẩm liên hoa ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, thì còn gì hơn được nữa ?

Cận tử nghiệp của người thân rất quan trọng khi sắp ra đi. Lúc ấy nếu có sự khai thị rõ ràng của chư Tăng, Ni giới đức thì người sắp mất sẽ tỏ ngộ thêm vào tâm thiện ấy vẫn luôn duy trì cho đến khi thần thức lìa thể xác. Lúc ấy bóng đã ngã về Tây và câu Phật hiệu cứ tiếp tục nương theo đó mà trợ niệm cho người có tâm thành hướng về Phật. Như vậy sự vãng sanh sẽ có, không thể khác hơn được.

“Có ăn mới no, có tu mới chứng”. Đó là câu tục ngữ mà trong nhiều đời, người Việt Nam của chúng ta đã làm quen. Vậy thì động từ “ăn” và “tu” là hai hành động mà chúng ta cần phải thể hiện trước. Nếu chúng ta không hạ thủ công phu, không chuyên chú cầu nguyện thì kết quả sẽ không được cao như chính chúng ta hay người sắp mất mong đợi.

Lúc sắp ra đi là lúc tâm thức của người ấy sáng hẳn lên, cũng giống như ngọn đèn dầu trước khi tắt, thường hay phụt lên cao hơn và sáng tỏ hơn nhiều lần bình thường. Từ đó chúng ta phải thấy rằng: Đây là dịp tốt để khai thị cho Thân trung ấm của hương linh để có thể đi đầu thai về một thế giới cao hơn.

Nếu có những người không thích nhau lúc sống thì cũng không nên gần nhau lúc chết; ít nhất là trước hay trong khi lâm sàng cũng như ít nhất là sau 8 tiếng đồng hồ người ấy sẽ thở hơi thở cuối cùng. Vì lẽ người sắp lâm chung lúc ấy rất sáng suốt để nhận diện ra rằng: Người mình không thích đang có mặt ở nơi đây. Nhiều khi lẽ ra, người sắp mất sẽ được sanh vào một thế giới cao hơn; nhưng vì giận người đối diện. Sự sân hận làm chủ, khiến cho người sắp ra đi dễ bị rơi vào cảnh địa ngục hơn là tự tại thông dong nơi những cảnh giới cao hơn.

Có nhiều người Việt Nam cho rằng: “Nghĩa tử là nghĩa tận”. Điều ấy không sai; nhưng hãy đến thăm họ sau hơn 8 tiếng đồng hồ mà người ấy đã tắt thở, để không làm cản trở việc đi đầu thai của người kia. Việc này chính thân nhân trong gia đình nên để ý và chính những người không thích nhau khi còn sinh tiền cũng không được phép quên điều này.

Ngoài ra, khi đứng trước người sắp ra đi chỉ nên nhắc lại những kỷ niệm vui trong khi chung sống giữa hai người hay giữa bạn bè với nhau. Mong những hình ảnh đẹp ấy gọi nhớ vào tâm thức của người sắp mất là điều nên làm và hãy đừng nên kể lể, khóc than về những việc xấu xa cũng như những việc chưa làm được của mình và người thân. Vì lúc ấy cả hai bên cũng không thể giải quyết được điều gì. Phải biết lo dọn dẹp tâm thức thật là trong sáng để thọ nhận những nghiệp quả tốt khi lâm chung là điều quan trọng nhất.

Cũng có nhiều hiện tượng xảy ra như người cha chờ cho đứa con thân yêu nhất trở về bên giường bệnh. Lúc ấy người cha mới nhắm mắt và thở ra hơi thở cuối cùng để vĩnh biệt thế nhân. Điều này có thật và đã có không biết bao nhiêu người đã chứng kiến cảnh tử biệt sinh ly ấy. Đây cũng là điều hiển nhiên mà trong giáo lý của Đạo Phật có thể thừa nhận được.

Trong trường hợp người thân của mình chưa quy y Tam Bảo thì cũng nên khuyên người sắp ra đi nên hướng về Tam Bảo và mời Thầy truyền tam quy ngũ giới cho người thân trên giường bệnh vẫn được lợi ích như thường. Ngay cả lúc sắp lâm chung, vì có quá nhiều để phải lo và quên bẵng đi điều này, thì trong vòng 49 ngày làm lễ quy y cho hương linh cũng không muộn. Dĩ nhiên lúc còn sống, được thọ nhận lễ quy y thì tốt hơn.; nhưng với một số người không xem trọng việc này lúc sống thì quy y lúc ở trạng thái lâm sàng hay sau khi chết, trong vòng 49 ngày cũng là điều đáng quý.

Gia đình nên tụng kinh Thủy Sám hay Lương Hoàng Sám để thay thế cho hương linh sám hối những tội lỗi đã gây nên từ trong vô lượng kiếp. Hương linh nhờ đó mà ra đi một cách nhẹ nhàng hơn. Dĩ nhiên niệm Phật, tụng kinh cầu vãng sanh nó không phải là chuyện áp đảo cho người ấy phải ra đi. Nó chỉ nhằm ý nghĩa trợ duyên, mà người sắp ra đi không thể thực hiện được. Mọi lễ nghi và khi hồi hướng, người tụng kinh đều phải nhắc lại ý nghĩa này nhiều lần cho người đang nằm trên giường bệnh được nghe.

Tôi đã có nhân duyên tụng kinh và niệm Phật cho những người sắp ra đi, khi còn nằm trên giường bệnh. Ví dụ như câu chuyện của Đạo hữu Diệu Thanh thân mẫu của Thầy Hạnh Tấn. Câu chuyện vãng sanh của Đạo hữu Thiện Pháp Hà Thị Lan Anh tại Hannover. Câu chuyện ra đi nhẹ nhàng của cố Thượng Tọa Thích Thiện Thông và của Sư cô Thích Nữ Hạnh Châu 90 tuổi, là những câu chuyện của hai vị Phật tử tại gia và hai vị xuất gia để quý vị được lâm tường. Từ đó chúng ta sẽ có một niềm tin quyết liệt vào Tam Bảo để cầu nguyện vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà.

Đầu tiên là câu chuyện vãng sanh của Đạo hữu Diệu Thanh. Lúc ấy vào năm 1994, khi Thầy Hạnh Tấn còn đang du học tại Ấn Độ. Nghĩa là cách nay đã đúng 20 năm rồi. Hai mươi năm là một phần năm của một thế kỷ. Sao mà nó nhanh như vậy ?

Buổi chiều hôm đó chúng tôi cùng con gái của Đạo hữu Diệu Thanh vào bệnh viện Siloa tại Hannover để thăm và cầu nguyện. Đang lúc tụng kinh cầu an, tôi nhìn thẳng vào mặt bà và thấy hai tay của bà bầm tím lạ thường; tôi nghĩ rằng: Chắc bà sẽ không qua khỏi. Do vậy liền đổi sang tụng kinh cầu siêu. Khi Thần chú Vãng sanh quyết định Chơn ngôn vừa tụng dứt, thì hơi thở của bà cũng đã không còn tiếp tục nữa. Trước khi hồi hướng, tôi có nói về Vô thường cho bà ta nghe. Vì sáng hôm sau tôi phải đi Úc; nên đã điện thoại cho Thầy Hạnh Tấn; lúc ấy Thầy đang tá túc trong cư xá tại Đại học New Dehli. Gọi không gặp Thầy ấy; nên tôi đã nhờ Thầy Chơn Thiện nhắn lại. Sau khi về lại Đức, Thầy Hạnh Tấn đã thỉnh Hòa Thượng Thích Tánh Thiệt, trụ trì chùa Thiện Minh, Pháp quốc, sang Đức để chủ trì lễ tổng táng.

Câu chuyện tưởng chừng không thật. Thế mà là một sự thật của một đời người, ra đi nhẹ nhàng không đau nhức, than khóc, níu kéo người thân. Mấy ai có được như vậy ?

Câu chuyện kế tiếp là của Đạo hữu Thiện Pháp Hà Thị Lan Anh. Bà ta sống tại Stuttgart. Chí nguyện bình sinh của bà là thực hành theo pháp môn Tịnh Độ để cầu Phật tiếp dẫn về Tây Phương sau khi lâm chung. Ngoài ra tuy bà ở Stuttgart; nhưng hay nguyện rằng: “Nếu khi ra đi, thì được chết tại chùa Viên Giác Hannover”. Có lẽ do lời nguyện tha thiết như vậy; nên vào một năm nọ, cách khóa tu gieo duyên vào đầu tháng 7 dương lịch, bà đã cùng với nhiều người bạn đạo về chùa. Ngày mai, 1 tháng 7 là bắt đầu vào khóa tu. Tối đó ngày 30 bà tự nhiên nói nóng lạnh và chở vào nhà thương Laatzen. Lúc ấy chư Tăng Ni và Phật tử vân tập về chùa Viên Giác rất đông. Hầu như tất cả đều vào nhà thương để hộ

niệm. Gian phòng chật cứng người. Tiếng hộ niệm càng dồn dập, thanh thoát bao nhiêu thì ánh từ quang của Đức Phật A Di Đà dội sáng vào phòng bà nằm chùng ấy. Lẽ thường vào mùa hè, khí trời quá nóng bức, với số người đông đảo như vậy; nhưng ở đây thì ngược lại. Tự nhiên một không khí thanh lương, mát dịu như trong kinh A Di Đà diễn tả. Thế rồi bà thuận thế vô thường ra đi trong niềm hân hoan của mọi người. Vì bà ước gì đã được vậy.

Việc vãng sanh của Thượng Tọa Thích Thiện Thông, tôi đã có ghi trong quyển “Có và Không” rồi. Tiện đây tôi cũng xin nhắc lại vài việc chính yếu mà thôi.

Việc xảy ra cách đây gần 10 năm. Lúc ấy vào cuối tháng 6 cả âm và dương lịch đều khớp nhau; nên trời không có trăng. Thế mà khi quan tài của Thầy đem về để trong phòng học của Tăng Ni chùa Viên Giác thì hào quang ngũ sắc đã dội thẳng từ trên Phật điện xuống tận dưới tầng cuối cùng; nơi có để áo quan của Thầy tại đó. Hôm đó có mấy chục người Phật tử ở lại tụng kinh Địa Tạng đã chứng kiến việc này.

Trước đó 2 ngày. Ngày ấy nhằm vào ngày sinh nhật của tôi thì Thầy nhập viện vì bị đứt mạch máu dẫn lên đầu. Từ bệnh viện nhỏ chở lên bệnh viện lớn, rồi từ bệnh viện lớn chở về lại bệnh viện nhỏ để chờ ngày ra đi. Tôi đến bên Thầy để nói về vô thường và sự sanh diệt cho Thầy nghe trong trạng thái đang gắn dây dẫn thuốc đầy mình. Mắt Thầy nhắm nghiền lại; nhưng khi hỏi Thầy có hiểu không, thì Thầy khẽ gật đầu. Tôi bảo rằng:

- Thừa Thầy! Bây giờ có 2 cách. Một là Thầy đứng dậy đi bình thường như không có chuyện gì đã xảy ra. Nếu Thầy làm được vậy, chắc cả bệnh viện này họ sẽ xin quy y Tam Bảo nơi Thầy đó.

Việc thứ hai –Thầy là dịch giả và tác giả của những sách, kinh về Tịnh Độ. Bây giờ Thầy đã rõ Vô Thường là gì rồi. Nếu sống được Thầy hãy thực hiện như cách trên. Nếu Thầy cảm thấy không thể, thì nên nhẹ nhàng ra đi theo câu Phật hiệu của chúng tôi niệm cho Thầy đây. Vì lẽ chúng ta là người xuất gia, sẽ không có ai chăm lo cho chúng ta trong những ngày còn lại khi Thầy nằm liệt giường đâu. Thầy hãy tự quyết định phần này. Thế là Thầy khẽ gật đầu và nhắm mắt.

Chỉ cần niệm tiếp dẫn thêm 2 tiếng đồng hồ nữa là Thầy đã nhẹ nhàng ra đi vào cõi Phật. Đòi người đứng là như thế. Chỉ một hơi thở ra không hít vào, đã trở thành dĩ vãng và là người của xa xưa cũ rồi.

Câu chuyện kế tiếp là của Sư Cô Hạnh Châu, đệ tử xuất gia của tôi. Lúc cô ra đi cách đây mấy năm, Cô thọ 90 tuổi đời và có được 20 năm xuất gia tại chùa Viên Giác Hannover. Tôi đã viết đâu đó về Cô nhiều rồi. Bây giờ chỉ xin ghi lại những điểm chính yếu mà thôi.

Trước 3 tháng, Cô đã chọn ngày ra đi cho Cô là vào một dịp lễ Vu Lan năm nọ. Tôi có hỏi Cô là: Tại sao Cô chọn vào dịp ấy? Vả lại tôi thấy Cô vẫn còn mạnh khỏe mà?

- Bạch Thầy! Con muốn có nhiều Thầy, Cô về hộ niệm cho con và quý Phật tử nữa.

Trông Cô vẫn khỏe mạnh, tự đi, đứng, giặt giũ, tắm rửa... không làm phiền đến ai. Thế mà đến chiều thứ sáu của Lễ Vu Lan năm nọ, cách nay chừng 6 năm, Cô than mệt và mọi người vào phòng Cô để hộ niệm. Đêm tối Thứ Sáu ấy tiếng niệm Phật rền vang cả một góc chùa. Tất cả đều luân phiên tụng niệm. Trưa thứ bảy tôi có vào thăm, thấy hơi thở của Cô bắt đầu dồn dập và mọi người vẫn chí thành niệm Phật. Đến khoảng 3 giờ chiều, trong khi tôi đang giảng pháp cho mọi người nghe trên chánh điện thì Sư Cô Hạnh Bình lên báo tin là Sư Cô Hạnh Châu đã ra đi rồi. Thế rồi tôi cùng những thính chúng đang nghe pháp trên chánh điện chùa Viên Giác đều đồng chấp tay và niệm “Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật” 3 lần. Mọi người tham dự lễ Vu Lan năm đó đều chứng kiến sự ra đi nhẹ nhàng của Sư Cô Hạnh Châu và kể từ chiều tối thứ bảy hôm đó cho đến chiều chủ nhật, suốt 24 tiếng đồng hồ, mọi người đều niệm Phật liên tục cho Cô như thế, sau đó mới đem vào nhà quàn.

Trước ngày đi đưa 2 hôm, tôi cho chở quan tài của Sư Cô về chùa để tụng kinh và cầu nguyện. Kỳ lạ thay trên tháp 7 tầng của chùa Viên Giác những vòng hào quang ngũ sắc (năm màu) đã hiện lên giữa ban ngày, nhiều người đã chụp hình được và niềm tin với Tam Bảo lại càng sâu sắc hơn; nhất là pháp môn niệm Phật.

Bây giờ ngồi tại Na Uy viết lại những dòng chữ này, tôi kể lại 4 chuyện đã qua trong vòng 20 năm tại xứ người, mà dường như những việc ấy mới xảy ra đâu đây, không phân biệt thời gian và năm tháng được. Vả chăng! đời người thì giới hạn, mà không gian lại vô cùng ?

Người tu theo pháp môn Tịnh Độ, cầu nguyện sau khi lâm chung, sanh về thế giới cực lạc của Đức Phật A Di Đà cũng đều giống nhau ở một điểm là có nhiều diễm lành khi lâm chung, thân, tâm an tịnh, thần sắc sáng sủa; không bị đen đúa, khó nhìn. Có nhiều vị tắt thở hơn 24 tiếng đồng hồ;

nhưng nét mặt lại tươi nhuận hơn trước khi lâm chung. Dường như câu Phật hiệu đã rót tận thật sâu vào xương tủy của người mất vậy.

Cũng có nhiều cái chết thật khổ đau, vì khi sống không tin sâu nhân quả; không hướng về Tam Bảo, không làm phước bố thí cúng dường mà còn phỉ báng Tam Bảo, nói xấu Tăng Ni, gièm pha đạo Phật thì nghiệp quả nhân tiền của họ, tôi cũng đã chứng kiến nhiều lắm; nhưng thiết tưởng không nên nêu lên ở đây. Vì những việc như thế chẳng giúp ích gì cho người còn sống. Chúng ta chỉ nên quán tưởng đến những người ra đi tốt đẹp như vậy để một mai đây, nếu ta có thuận thế vô thường, cứ như vậy mà hành trì, thì sẽ được lợi lạc nhiều hơn.

Trên đây là những điều thực chứng, mắt thấy, tai nghe. Tôi chỉ muốn ghi lại sự thật để người đời sau lấy đó làm tin mà tu hành chân chính thì quả vị vãng sanh không còn xa nữa. Tất cả ai ai cũng có thể làm được, dầu cho đó là người phàm hay kể cả Thánh hơn.

Pháp môn Tịnh Độ niệm Phật cầu vãng sanh là một pháp môn bất khả tư nghi như vậy, chúng ta nên bắt đầu ngay từ bây giờ; chứ không nhất thiết là chờ cho đến giây phút lâm chung mới cung thỉnh chư Tăng Ni đến nhà cầu nguyện, mà niệm tụng danh hiệu Phật; nhất là Đức Phật A Di Đà, ngay khi còn sống cũng được lợi lạc vô cùng.

Tất cả chúng ta nên đồng chấp tay và cùng niệm “Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật” một hay nhiều lần như thế lại càng quý hóa hơn.-

---o0o---

Chương Bốn - Thân trung ấm

a) Chuẩn bị cho việc ra đi

- Chính mình
- Người thân

b) Thời gian hơi thở lìa thể xác

- Bản thân
- Người thân trong gia đình

c) Việc tấn liệm, ma chay

- Tuần thất
- Làm phước, bố thí, cúng dường

Mỗi người của chúng ta, hiện sanh ra trong cuộc đời này đều phải trải qua nhiều giai đoạn khác nhau; nhưng có tất cả 3 giai đoạn của cuộc sống. Đó là lúc đang sống gọi là thân tiền ấm. Lúc hơi thở rời khỏi thân xác cho tới 49 ngày gọi là thân trung ấm và thời gian sau đó gọi là thân hậu ấm. Vậy ấm là gì ?

Ấm nghĩa là che khuất, tối tăm. Ngày nay dịch theo kiểu mới gọi là Uẩn; cũng có nghĩa là sự tích chứa. Ấm hay uẩn này tích chứa các sắc pháp. Chúng gồm có 5 uẩn như: Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Chữ ẤM có lẽ không thuận khi đọc tụng kinh điển; nên gọi là Uẩn cho dễ đọc chẳng? Trong bài kinh Bát Nhã cũng có đoạn gọi là: „Ngũ uẩn giai không“; chứ không thấy dịch là ngũ ấm giai không; nhưng nếu có dịch như vậy cũng không phải là sai, khi so với nguyên ngữ nghĩa của nó từ tiếng Sansrit là: Skadas = ngũ ấm; Skandha = ngũ uẩn.

Năm loại ấy được cấu tạo bởi thân thể của các loài động vật. Đó là:

1- Sắc uẩn: Nghĩa là tất cả những loại vật chất hữu hình trong thân thể của chúng ta như: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân hay những cảnh trần bên ngoài đối lại với năm căn này.

2- Thọ uẩn: Chỉ cho sự tác dụng cảm thọ sự vật của tâm này đối với cảnh kia.

3- Tưởng uẩn: Tác dụng sự tưởng tượng sự vật của tâm đối với cảnh.

4- Hành uẩn: Tác dụng mọi hành động lành, dữ, tham, sân, si v.v...

5- Thức uẩn: Đây là bản thể hiểu biết phân biệt sự vật của tâm đối với cảnh.

Nếu lấy một loại hữu tình để nhận xét thì sắc pháp ấy thuộc về thân; còn thọ, tưởng, hành và thức thuộc về tâm. Trong tâm ba thứ thọ, tưởng, hành thuộc về tâm tính, mỗi thứ là một loại tác dụng đặc biệt; nên gọi là tâm sở hữu pháp; tức là pháp sở hữu của tâm vương (gọi tắt là Tâm Sở). Duy chỉ có một mình Thức là tự tính của tâm; nên gọi là tâm vương .

Năm ấm hay năm uẩn ở đây dùng để chỉ cho các loài hữu tình có thân ở Dục giới và Sắc giới. Dục giới đều do 5 uẩn này mà thành. Còn các loài hữu tình không có thân ở Vô sắc giới đều từ 4 uẩn (trừ Sắc uẩn) mà thành. Kinh Tăng Nhất A Hàm quyển 27 nói rằng: „Sắc như bọt nước tụ lại. Thọ như bong bóng nổi phập phồng. Tưởng như hơi nước bốc lên. Hành như cây chuối. Thức như huyền pháp. (Trích và dựa theo Từ Điển Phật Học Hán Việt trang 820).

Dựa theo kinh Tăng Nhất A Hàm chúng ta phân tích tỉ mỉ về thí dụ trên, thì sẽ hiểu tường tận về ngũ ấm này.

Sắc đây tức là sắc pháp. Phàm cái gì có hình tướng đều là sắc. Vì những sắc này có thể thấy bởi mắt, ta có thể sờ mó được. Trong kinh Kim Cang muốn phá cái sắc này; nên trong đoạn cuối Phật dạy rằng:

“Nhược dĩ sắc kiến ngã

Dĩ âm thanh cầu ngã

Thị nhơn hành tà đạo

Bất năng kiến Như Lai”

Nghĩa:

“Nếu dùng hình tướng để thấy ta

Dùng âm thanh để cầu ta

Người này làm việc tà

Chẳng thể nào thấy Như Lai”

Nếu nhìn hình tướng hiện có trên thế gian như núi, sông, vũ trụ hay nhân đến thân thể này, dưới cái nhìn của người chứng đạo thì chúng chẳng khác nào những bọt nước tụ lại. Đã là bọt nước thì đâu có gì là thật. Dưới làn sương mai, bọt nước đẹp thật đó; nhưng khi ánh thái dương lên thì bọt kia lại tan thành mây khói rồi. Cho nên chư Tổ thường ví thân này giống như bọt nước là vậy.

Thọ như bong bóng nổi phập phồng. Những cảm thọ mà chúng ta có được như: Vui, buồn, giận hờn, hạnh phúc, khổ đau, giàu nghèo, sang hèn v.v... tất cả những loại này cũng giống như chum bong bóng nổi phập phồng trên mặt nước. Chúng có đó rồi tan đó. Thực thể của nó chỉ là sự giả tạm, không có thật tướng.

Tướng giống như hơi nước kia bốc hơi lên. Chúng ta nghĩ rằng: Người đối diện ấy thương mình hay ghét mình; nhưng trên thực tế chưa hẳn đã là vậy. Tất cả đều chỉ do mình tưởng tượng mà thôi. Sự tưởng tượng ấy có lúc đúng, lúc sai. Khi đúng thì mình vui, khi không đúng, tâm mình buồn bã. Thật ra sự đúng, sai do sự tưởng tượng, nó không có thực thể của nó. Chỉ là sự phán đoán mà thôi.

Hành tức là những việc làm. Việc làm ấy giống như bóc vỏ một cây chuối. Ban đầu chúng ta thấy có hình tướng là một cây chuối; nhưng càng bóc vỏ vào bên trong, chỉ thấy có lõi chuối. Nếu cố gắng bóc đến tận cùng, sẽ

không còn một cái gì được gọi là cây chuối như lúc ban đầu nữa. Do vậy những việc làm của chúng ta; tất cả đều có tính cách đối đãi và tương đối; không có gì là tuyệt đối cả.

Thức như huyền pháp mà cũng chính là tâm vương. Nếu chuyển giả này có thể thành chơn được thì phải qua công phu tu tập nhiều đời. Nếu không thì thức ấy vẫn là huyền cảnh; không phải thực tướng. Tâm vương hiện ra muốn thâm nhiếp sơn hà đại địa này và tâm vương ấy làm chủ tất cả các phần ngũ uẩn bên trên. Theo thức ấy, tâm vẫn còn biến hiện ở sự chấp ngã và từ đó sẽ dẫn đến chỗ hay chứa, bị chứa và chấp thủ về cái ta để được yêu hay ghét. Nhưng cũng chính tâm vương này, nếu biết chuyển, nó cũng sẽ trở thành Như Lai Tạng hay Phật tánh vậy.

Như thế thành Phật là thành cái gì? Câu hỏi nghe đơn giản, mà việc trả lời nó chẳng giản đơn chút nào. Thiên đường, địa ngục cũng tâm này mà ra. Giải thoát, giác ngộ, đọa lạc cũng từ tâm này mà đến. Cho nên trong nhiều kinh sách khác nhau có đề cập đến tâm này rất tỉ mỉ, nhằm giúp cho hành giả gạn lọc lại những trần cấu của mình, để cho bản tâm thanh tịnh được gạn đục khơi trong và nhờ đó bản lai diện mục của con người sẽ sáng tỏ nhiều hơn.

a) Chuẩn bị cho việc ra đi

Người hiểu đạo thì xem việc ra đi như là một chuyện bình thường. Việc gì đến nó sẽ đến. Không chờ đợi và cũng không sợ hãi cho một chuyến ra đi vĩnh viễn như vậy. Còn những người không hiểu đạo thì sợ hãi cho một chuyến ra đi vĩnh viễn như vậy; nên đã chuẩn bị cho mình nhiều loại như:

Xây kim tĩnh, mua hòm để trước trong nhà. Những vật này vẫn là những vật có hình tướng. Nó sẽ bị thời gian thay đổi. Có nhiều người nghĩ là khi tuổi già mình sẽ chết tại Việt Nam; nên đã lo xây kim tĩnh và quan tài cũng đã mua trước để chờ ngày; nhưng không ngờ có một ngày phải xa quê hương và khi vô thường đến, trút hơi thở cuối cùng tại đất khách quê người. Như vậy việc xây kim tĩnh và mua sắm quan tài trước, liệu có được ích lợi gì ?

Có người lo chuẩn bị ma chay cho thật kỹ. Định mời bao nhiêu khách, giết bao nhiêu heo, bò v.v... Đây là một cái chết có tính toán mà còn làm hại đến lòng từ bi. Trong khi chưa biết sau khi chết mình sẽ sinh về đâu, mà giết hại thêm sinh mạng của những kẻ khác nữa; khiến cho nghiệp dĩ vốn đã nặng nề; nay lại càng đè thêm lên trên hai vai của người sắp ra đi.

Hoặc cũng có lắm người chuẩn bị phân chia tài sản, của cải cho con cái. Chia cái này cho đứa này; chia cái kia cho đứa kia. Nhiều khi chưa tắt hơi thở cuối cùng đã có lắm người đến đòi nợ và cũng đã có không biết bao nhiêu việc thương tâm mà báo chí đã đề cập đến. Ví dụ như cha mẹ già, con cái không chịu săn sóc hỏi han, lại chẳng muốn cha mẹ sống lâu; nên đã tìm cách giết cha hay giết mẹ để mong rằng được giành nhiều phần của cải về mình. Đây là những cảnh đã đương và xảy ra nhan nhản hằng ngày trên thế giới này. Vì sao lại xảy ra nông nổi ấy?

Vì lòng tham lam, vì đố kỵ, vì muốn có mối lợi lớn v.v... nhưng tất cả những loại thuộc về sắc pháp này đâu có loại nào vững chắc trong thế gian mà không bị chi phối bởi thời gian và không gian? Người hiểu đạo sẽ chuẩn bị cho mình một sự ra đi nhẹ nhàng hơn. Nếu họ có tài sản, của cải cũng lo đem phân phát; nhưng không phải chỉ riêng cho con cái mình, mà cả đến những người nghèo khổ nữa. Đây chính là người biết lo và hướng dẫn con cái mình làm theo.

Về bản thân, người hiểu đạo lo sám hối, tụng kinh và niệm Phật trong những ngày còn lại ở cõi đời này chuyên nhất hơn, thành thực hơn và chí tín chí thành cầu sau khi mạng chung được sanh về thế giới Tây Phương Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà.

Trong những bản kinh căn bản của Nam Tông, chúng ta vẫn thường hay gặp những đoạn kinh sau đây, khi đọc đến như: “Ta việc sanh đã hết. Những phạm hạnh đã lập. Việc cần làm đã làm xong và ta biết rõ một điều, kiếp sau không còn tái sanh nữa”. Đây là kết quả của sự tu hành miên mật của các bậc Thánh. Các Ngài đã rõ đường đi và lối về. Còn chúng ta thì sao?

“Ta việc sanh đã hết có nghĩa là sẽ chứng quả vị A La Hán, cũng có nghĩa là Vô Sanh. Bậc Vô Sanh là bậc có trí tuệ và sự hiểu biết siêu phàm về mình cũng như về người một cách thấu đáo. Do vậy những phạm hạnh thuộc về các hành vi đạo đức, giới luật hay những phạm trù của vô ngã, vị tha đã xiển dương rành mạch. Các vị A La Hán và các vị Bồ Tát biết rõ rằng: Việc nào cần phải làm và việc nào không nên làm; để cuối cùng các Ngài xác định được rằng: Ta biết chắc một điều. Điều ấy là điều không còn trở lại làm người trong kiếp sống luân hồi sanh tử này nữa.

Như vậy ai trong chúng ta, khi sinh ra trong đời này, nếu biết tu tâm, dưỡng tánh, thực hành toàn là những thiện niệm thì chắc rằng lúc sắp lâm chung sẽ không ân hận cho bất cứ một việc gì cả, mà luôn được tự

tại an vui. Còn tất cả những việc như: Có, không, còn, mất, được, thua v.v... chỉ là những vấn đề đối đãi thường tình trên thế gian này mà thôi.

Trong khi niệm Phật muốn nhất tâm phải vừa niệm và vừa quán tưởng ý nghĩa của câu Phật hiệu hay hình dáng của Đức Phật A Di Đà và Tây Phương Tam Thánh đang đứng trên hoa sen. Trên đầu Ngài có nhục kế chiếu hào quang đến tận 10 phương vô biên thế giới. Thân Ngài có 32 tướng tốt, mắt, tai, mũi, lưỡi đều trang nghiêm lạ thường. Tay phải Ngài nâng hoa sen tượng trưng cho Tứ Thánh. Tay trái Ngài duỗi thẳng xuống để cứu lục phàm. Chúng ta hình dung với cánh tay từ ái ấy, ta sẽ được Ngài nâng lên và hai bên lại có các Ngài Quan Âm và Thế Chí tiếp dẫn.

Ngoài ra khi niệm Phật, hành giả cũng nên liên tưởng đến cảnh giới Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Trong kinh Tiểu Bản A Di Đà đã được diễn ra như thế nào thì chúng ta nên hình dung như vậy trong khi niệm Phật, để những niệm niệm liên tục ấy sẽ giúp cho ta không bị phân tâm khi hơi thở sắp tàn. Ta quán tưởng nơi cảnh giới Cực Lạc ấy đang có Tây Phương Tam Thánh ngự trị; nơi ấy có ao Thất bảo, có chim nói pháp, có những loài hoa sen quý nở ra nơi đó. Trên mỗi hoa sen đều có mỗi vị hóa Phật. Chúng ta cũng có thể mừng tưởng được rằng: Chính mình là một Bồ Tát trong những hóa Phật ấy. Có thể đời nghiệp của ta chưa vẹn toàn, nên tâm thức của ta vẫn còn nằm ở Trung phẩm. Do chúng ta làm phước, bố thí cúng dường trong đời này mà có được; nhưng hành giả cũng có thể quán tưởng rằng: Ta sẽ sanh về được Thượng phẩm. Có như vậy chúng ta mới giữ giới thanh tịnh và sự tin tưởng 12 bộ kinh của Đại Thừa một cách tuyệt đối được.

Tất cả việc làm xấu hay tốt trong cuộc đời này đều do những thói quen mà có được. Có những thói quen tạo cho ta thành kẻ hư hỏng như: Đánh bạc, uống rượu, ngủ ngày v.v... nhưng cũng có nhiều thói quen đáng ca tụng và tán thán. Ví dụ như thói quen phóng sanh, cứu người, giúp đời, làm từ thiện. Tuy là những việc nhỏ; nhưng lâu ngày tích tụ sẽ được nhiều. Sự tu tập cũng như vậy. Đức Phật há chẳng dạy cho chúng ta trong 37 phẩm trợ đạo sao? Trong đó Tứ Chánh Cần cũng không kém phần quan trọng. Đó là:

“Việc ác chưa sanh, đừng làm cho nó sanh.

Việc ác đã sanh rồi, đừng làm cho nó sanh nữa.

Việc thiện chưa sanh, làm cho nó sanh.

Việc thiện đã sanh rồi, hãy làm cho nó sanh thêm nữa”

Như vậy cũng đủ để chứng minh cho chúng ta thấy rằng: Sự tu tập bao giờ cũng cần có sự cố gắng. Đó là sự chuẩn bị cho chính mình mà cũng là điều làm cho thân nhân của mình an tâm nữa. Nếu có người nào đó niệm Phật một cách miên mật, cũng có thể biết chắc chắn ngày ra đi của mình ít nhất là trong vòng 3 tháng. Những dấu hiệu sáng suốt mà biết ngày lâm chung là do từ việc niệm Phật mà thành tựu. Đây không là một phép lạ, mà đã có không biết bao nhiêu gương niệm Phật của người xưa đã để lại cho ta chiêm nghiệm. Nếu chúng ta thực hành, sẽ không bao giờ ra khỏi sự vãng sanh. Vì Đức Phật A Di Đà trong lời nguyện thứ 18, Ngài cũng đã có nguyện rằng:

“Giả sử khi ta thành Phật, nếu có chúng sanh nào đó trong 10 phương vô biên quốc độ, nhớ niệm đến danh hiệu của ta một cách nhất tâm, từ 1 cho đến 10 niệm mà ta không tiếp dẫn về thế giới của ta, thì ta sẽ không ở ngôi chánh đẳng chánh giác. Ngoại trừ những kẻ phạm tội ngũ nghịch và nhứt xiển đề”.

Phân tích kỹ càng lời nguyện thứ 18 này theo Ngài Thân Loan Thánh Nhơn (Shinsan Shonin) giáo tổ Tịnh Độ Tông của Nhật Bản, thì Ngài cho rằng: Chữ “giả sử” bây giờ không cần để tâm đến nữa. Vì đây là lời nguyện khi Đức Phật A Di Đà còn là một Pháp Tạng Tỳ Kheo. Còn bây giờ Ngài đã là Đức Phật A Di Đà, đang thuyết pháp trên cõi Tây Phương Cực Lạc. Vì thế lời nguyện ấy cũng chẳng cần phải nhứt tâm bất loạn. Vì lẽ sự vãng sanh của chúng ta là do bốn nguyện lực của Ngài, dùng lòng từ bi để tiếp dẫn chúng ta về đó và Ngài biết chắc rằng: Ta muốn sanh về; nên không cần phải nhất tâm.

Đoạn cuối của lời nguyện thứ 18 này có nói: Ngoại trừ những kẻ giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật ra máu và phá hòa hợp Tăng cũng như những người không tin vào Tam Bảo. Nhưng lời nguyện này ở trong quá khứ; còn hiện tại trong kinh Đại Bát Niết Bàn và kinh Quán Vô Lượng Thọ cho chúng ta thấy rằng: Những người này vẫn được vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc với hai điều kiện quan trọng là sự tâm quý, biết xấu hổ về những việc làm tội lỗi ngày xưa của mình và phải có những thiện hữu trí thức đi kèm, giúp ta tỏ ngộ.

Trong kinh Đại Bát Niết Bàn dạy rằng: Tất cả các pháp bất định; nên nhứt xiển đề cũng bất định. Ngày trước Nhứt xiển đề không tin; nhưng ngày nay Nhứt xiển đề thay đổi. Do vậy Nhứt xiển đề cũng có khả năng thành Phật.

Phạm trọng tội ngũ nghịch hầu như trong tất cả kinh cũng như luật đều loại trừ. Tuy nhiên, trong kinh Quán Vô Lượng Thọ phần quán thứ 16 có giải thích rất rõ ràng về khả năng của những người này khi vãng sanh về đó. Nghĩa là trong suốt 12 tiểu kiếp như vậy, tâm thức của người được sanh mà bị phạm những tội trên, khi về đây phải ở trong “thai cung biên địa” và “nghi thành”. Suốt trong thời gian ấy không được nghe Pháp, không được thấy Phật và Thánh chúng. Chỉ một điều duy nhất là không bị sinh tử luân hồi chi phối và không còn bị lưu chuyển trong 6 đường sinh tử nữa. Ở lại đó, tiếp tục tu hành sẽ hoán chuyển lên phẩm vị cao hơn để gặp chư vị Bồ Tát, các vị Thánh chúng cũng như ở cõi Thượng phẩm thì luôn được nghe những pháp vị nhiệm mầu từ kim khẩu của Đức Từ Phụ A Di Đà.

Đây là một pháp môn tương đối dễ hành trì trong đời mạt pháp này. Nếu chúng ta không chuyên tâm tu niệm thì lỡ đi một cơ hội, không biết cho đến bao giờ chúng ta mới làm thân người được như hôm nay, cho nên mỗi người trong chúng ta nên hạ thủ công phu là vừa, mà dẫu cho không may, trong đời ngũ trược ác thế này, chúng ta bị phạm những lỗi lầm vừa kể thì xa xa ở phía trước kia vẫn còn Đức Từ Phụ A Di Đà đứng đó chờ ta để vớt lên thuyền giải thoát, thì còn gì sung sướng bằng. Đây chính là một sự hân hoan, một việc an ủi mà trong đời này khó có và ít có gì có thể sánh bằng.

b) Thời gian hơi thở lìa thể xác

Đây là thời gian quan trọng nhất của người sắp lìa đời lẫn người thân trong gia đình. Nếu ta có chuẩn bị trước thì sẽ được lợi lạc cho cả hai. Nếu không biết tiên liệu, thì nỗi khổ này biết nói sao cho xiết.

Quyển “*the Light Beyond*” có nghĩa là “Ánh sáng bên kia” của các khoa học gia và Bác sĩ người Mỹ đã theo dõi hiện tượng hấp hối, lâm sàng này và hầu như sự thể nghiệm nào của những người chết này sau khi sống lại, họ đều kể rằng: Trạng thái lúc hơi thở lìa thể xác rất là an lạc. Tâm thức của họ hay bay bổng lên trần nhà, rồi nhìn xuống các Bác sĩ, Y tá đang mổ xẻ họ. Họ không cảm thấy đau đớn gì cả và những gì họ muốn nói, muốn chia sẻ với Bác sĩ hay Y tá, những người này không hiểu ý của họ. Thế rồi họ lìa xác và dạo chơi đi nhiều nẻo khác nhau. Có lối màu đen; nhưng đa phần là màu ánh sáng trắng ở cuối đường hầm. Tâm thức của họ rất sung sướng và có nhiều người đã gặp Đức Chúa cũng như họ muốn ở lại lâu hơn nữa ở cảnh giới ấy; nhưng đột nhiên họ bị đánh thức và hồn họ phải nhập trở lại vào xác để tiếp tục sống những ngày còn lại.

Đó là tất cả những gì mà các khoa học gia về y khoa đã thẩm định được. Nghĩa là đến sâu hơn tận cùng của cái chết; nhưng sau đó là gì nữa thì các nghiên cứu này chưa được trình bày.

Ở đây chúng ta có thể căn cứ theo kinh Phật và dựa theo những điều của khoa học vừa tìm tòi để luận bàn, thì việc hành trì, tu học để được giải thoát sanh tử một cách tự nhiên như nó thì tốt đẹp biết là dường bao!

Đa phần trong những kinh sách của Phật giáo khuyên chúng ta rằng: “Không nên quyến luyến, khóc lóc, bi lụy, kêu gào. Vì lẽ người chết khó mà siêu thoát”. Qua những chứng minh của khoa học bên trên. Điều này hẳn đúng. Vì lẽ lúc ấy tâm thức của người chết đang vui, tại sao thân nhân lại gieo nỗi buồn vào tâm họ ? Do vậy theo lời khuyên của Phật Giáo Tây Tạng: “Chúng ta nên kể những chuyện vui và những kỷ niệm đáng nhớ trong đời để cho người sắp chết được vui lây; chứ không nên kể chuyện buồn phiền và nhất là những người ít ưa thích thì không nên có mặt vào thời điểm này, khiến cho tâm thức của người mất dễ bị đọa lạc vào cõi xấu xa hơn. Thay vào đó, những người còn sống nên trợ niệm cho họ bằng câu Phật hiệu Nam Mô A Di Đà Phật càng tha thiết chừng nào thì càng tốt chừng ấy”.

Những điểm ánh sáng ở phía sau đường hầm chứng tỏ cho ta thấy rằng: Với những người có tâm thức sắp được giải thoát, họ liền nương vào ánh sáng để đi lên. Còn những người phải đọa vào chốn khổ hơn thì họ sẽ theo màu đen để đi xuống. Đó là một định luật hiển nhiên đã có trước. Đến đây chúng ta cũng có thể liên tưởng đến câu chuyện “Nhị hà bạch lộ” mà Tổ Thiện Đạo của Trung Hoa đã chứng minh và Ngài Thân Loan Thánh Nhơn đã lặp lại trong quyển “Tịnh Độ Tông Nhật Bản” chúng ta thấy không khác nhau mấy về những điều mà ngày nay khoa học đã khám phá ra.

Ngài cho rằng: Khi tâm thức của người mất lìa khỏi thể xác thì sẽ trực tiếp gặp hai dòng sông. Một dòng sông màu đen và một dòng sông màu trắng. Dọc theo dòng sông màu đen ấy có rất nhiều sự cám dỗ. Dọc theo dòng sông màu trắng ấy, xa xa phía trước có Đức Phật A Di Đà và các vị Thánh Chúng đang đứng đó để chờ đợi chúng ta. Chỉ cần người sắp ra đi tâm an, niệm chánh và được sự trợ niệm vãng sanh của người thân hay các thiện hữu trí thức thì tâm thức ấy sẽ được lên thuyền Bát Nhã để được chở về bến giác Lạc Bang. Đó là sự thật qua sự chứng minh của khoa học ngày nay và tư tưởng Tịnh Độ của những bậc Đại Sư ngày trước đã giới thiệu qua nhiều kinh sách khác nhau.

Khi tôi đang viết đến đoạn này thì được hay tin là: Hòa Thượng Thích Trí Tịnh vừa viên tịch tại Việt Nam vào lúc 9 giờ 15 phút sáng ngày 28 tháng 3 năm 2014 nhằm ngày 28 tháng 2 năm Giáp Ngọ. Ngài thọ thế 98 tuổi đời và 69 Tăng lạp. Đây là một vị Hòa Thượng của Phật Giáo Việt Nam đã có công rất lớn trong việc phiên dịch kinh điển từ chữ Hán sang tiếng Việt, như các kinh: Địa Tạng, Bát Nhã, Bảo Tích, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Đại Bát Niết Bàn v.v... bộ nào bộ nấy có cả ngàn trang. Công đức của Ngài thật là không nhỏ. Đặc biệt Ngài tu theo pháp môn Tịnh Độ là lấy pháp môn niệm Phật trì danh làm đầu qua sự phát tâm tín, hạnh, nguyện như Ngài Ấn Quang Đại Sư ở Trung Quốc đã hành trì. Tôi tin rằng Ngài đã vãng sanh ngay từ lúc Ngài vừa tắt hơi thở sáng nay. Vì suốt cả thời gian những ngày còn lại trong đời Ngài, Ngài chỉ chuyên tâm niệm một câu Phật hiệu A Di Đà và nơi Thượng phẩm Thượng sanh đã có sẵn hoa sen báu đón chào Hòa Thượng rồi.

Một cuộc đời tu đạo và hành đạo như thế; nhưng chưa bao giờ Ngài lơ là trong câu niệm Phật. Bất cứ ở đâu và giờ phút nào, trong tâm Ngài cũng luôn hiện hữu hình ảnh của Đức Phật A Di Đà. Mong rằng Ngài sẽ được như nguyện và bao nhiêu người đọc kinh sách của Ngài dịch cũng sẽ được lợi lạc nhiều hơn. Vì lẽ những công đức pháp thí ấy đã được hành trì một cách trọn vẹn. Nơi trời Tây này chúng con chỉ biết thầm niệm “Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật” để cầu cho Ngài nhẹ gót về Tây và ở nơi đó, Ngài còn có nhiều cơ hội để hóa độ cho các chúng sanh khác nữa.

Riêng với những người phạm giới trọng mà có ăn năn sám hối thì khi lâm chung vẫn được chứng quả Dự Lưu thì nơi Đức Phật còn tại thế đã có 2 mẫu chuyện tiêu biểu của chàng Vô Nãi và Vua A Xà Thế như thế.

Vô Nãi cố tâm hại Phật; nhưng Đức Phật muốn hóa độ cho người này; nên đã hiện ra, để Vô Nãi khỏi giết mẹ mình. Chỉ một câu nói của Đức Phật mà Vô Nãi đã tỉnh ngộ. Sau khi Vô Nãi chạy theo không kịp, trong khi Đức Phật vẫn đi và Vô Nãi bảo:

- Này Cồ Đàm! Ông hãy dừng lại.
- Chính người mới là kẻ nên dừng lại. Còn Như Lai đã dừng lại từ lâu rồi.

Khi Vô Nãi nghe được câu nói này từ kim khẩu của Đức Phật thì liền buông dao xuống và xin quy y đầu Phật. Chính lúc ấy là lúc Vô Nãi sám hối ăn năn tội lỗi của mình và ông đã được Đức Phật độ cho xuất gia và dự vào hàng Thánh Chúng.

Chuyện khác được kể rằng: Sau khi vua A Xà Thế giam cha mình là vua Tần Bà Sa La vào ngục thất nhiều ngày tháng; nhưng vua cha vẫn khỏe mạnh bình thường. Vì có bà Vi Đề Hy vẫn thường hay tiếp tế thức ăn qua thân thể của mình, A Xà Thế lấy làm giận dữ và đòi giết cha mình ngay. Hoàng hậu Vy Đề Hy nghe vậy mới kể lại chuyện xưa cho A Xà Thế nghe rằng:

“Ngày xưa cha con cũng thương con lắm chứ! Lúc nhỏ con bị mụn ghẻ mọc đầy mình. Miệng ghẻ nào cũng làm mủ. Cha con sợ con đau nhức; nên mới dùng miệng của mình để hút hết tất cả những nọc độc ấy và nuốt vào người. Nếu không làm như vậy thì ngày nay con đâu có thể còn sống mà giết cha để cướp ngôi”.

Khi nghe được câu chuyện này A Xà Thế rất hối hận và bảo: “Quân bây đâu! Hãy thả Phụ Vương ta ra ngay”. Chính sự hối hận ấy A Xà Thế trở thành bậc Thánh và vua cha Tần Bà Sa La ngay lúc đó cũng đã băng hà và dự vào Thánh quả Dự Lưu. Vì lâu nay Phụ vương của A Xà Thế thường hay tu pháp Bát Quan Trai giới để thân được an và tâm được tịnh. Pháp tu giữ giới trong 24 giờ đồng hồ trong một ngày một đêm do chính Đức Phật dạy cho vua Tần Bà Sa La thực hiện và ngày nay người Phật tử tại gia vẫn còn hành trì miên mật khi có cơ duyên tu tập tại nhà hay tại chùa.

Còn đối với những người tại gia cũng như xuất gia phạm những giới như: Sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu thì sao?

Những người liên hệ với nghiệp sát như: Giết heo, bò, trâu, gà, vịt, rắn, cá v.v... để mưu sinh thì hiện đời giảm tuổi thọ. Đời sau sinh ra làm người chắc chắn sẽ bị nhiều bệnh hoạn liên hệ với thân và thường hay có tuổi thọ ngắn ngủi hơn người thường. Nhiều người làm nghề đồ tể trước khi chết hay kêu la thảm thiết; nhiều khi rống lên những tiếng oái oăm như heo, bò trước khi bị chọc tiết. Người nhà không biết làm sao, phải đem con dao và chậu hứng máu huyết lại để cho chính người đó thổ huyết ra, rồi mới chịu chết. Cả một đời giết hại không biết bao nhiêu là sinh vật để mưu sinh, đến giờ phút lâm chung, thường là chịu những quả báo nhãn tiền như vậy. Cho nên người xưa cũng thường hay nói:

“Ngày xưa trả báo thì chầy

Ngày nay quả báo ở ngay nhãn tiền”

Có nhiều loại báo khác nhau như: Quả báo ngay trong đời này, quả báo qua đời khác và có nhiều loại quả báo nằm liên tiếp theo trong những

đời sau nữa. Đó là: Hiện báo, dư báo và dị thực báo. Có nhiều người làm ác; nhưng quả xấu chưa đến, cứ tưởng là đã lọt sổ. Tuy nhiên vì dư báo đời trước còn thừa; nên trong hiện tại vẫn được an vui giàu có. Ngược lại khi dư báo thiện đã hết, thì ác báo quả dị thực ở nhiều đời sau sẽ kéo đến bủa vây. Thông thường những người làm những nghề này ít tin vào nhân quả, tội phước báo ứng; nên mới làm ăn, buôn bán với những nghề như vậy.

Trộm cướp không phải là một nghề; nhưng nếu ai đã lỡ sa vào con đường tội lỗi này mà chẳng ăn năn chừa bỏ thì kiếp này hay kiếp sau luôn thiếu thốn, đói nghèo. Cơm không đủ ăn, áo không đủ ấm. Hoặc có làm ra được của cải thì cũng bị nước trôi, nhà cháy v.v... kết cuộc thì nghèo khổ vẫn hoàn lại nghèo khổ.

Người tại gia phạm vào giới tà dâm; người xuất gia phạm vào 4 giới trọng; nếu không ăn năn sám hối thì tội lỗi vẫn là tội lỗi, không thể sạch được. Nếu người xuất gia và cả người tại gia có tâm tâm quý, sám hối tội lỗi xưa của mình, đồng thời cũng có những thiện hữu trí thức của mình giúp cho mình tỉnh ngộ, thì chính nhờ cả hai việc này mà theo kinh Quán Vô Lượng Thọ nói rằng: “Ít nhất cũng có thể vãng sanh về Tây Phương, nằm ở thai cung biên địa và nghi thành thuộc Hạ phẩm thượng sanh và Hạ phẩm trung sanh. Ngược lại, nếu những người phạm vào lỗi này mà không có ai chỉ bảo hay hối tâm thì nghiệp cảnh đài tiền sẽ ghi rõ những tội phước để gia hình khi thân trung ấm của người ấy trải qua giai đoạn phải lãnh lấy nghiệp báo.

Nói dối và uống rượu cũng vậy. Người nói những lời không thật, làm cho ân ái chia lìa; không có ai tin tưởng lẫn nhau và đời sau khi sinh ra làm người sẽ bị câm, ngọng, điếc, đui, trí nhớ tàn lụi. Do vì hay dối trá và dùng những chất say. Nếu trước khi lâm chung, chính cá nhân người ấy biết hối cải và có người làm phước, bố thí, cúng dường thì tội ấy sẽ nhẹ hơn. Ngược lại chẳng ai đoái hoài đến để lo toan những việc cần làm như vậy thì người sắp lâm chung sẽ chịu những hình phạt nặng nề ở cõi này hay cõi khác khi được tái sanh.

Vậy tự lực là gì và tha lực sẽ giúp cho chính ta hay người thân trong những trường hợp ở trên như thế nào?

Tự là chính mình. Lực là năng lực, là sức mạnh tự thân. Ví như người học trò đi học thì việc đầu tiên là phải học bài, hiểu rõ những lời giảng của ông Thầy. Thầy giáo chỉ đóng vai hướng đạo, giúp đỡ, chỉ bày. Còn học

trò phải hạ thủ công phu, quyết tâm học tập thì khi đi thi hơn 80% đậu cao là cái chắc. Còn hên xui, may rủi hay thông minh chỉ chiếm chỉ số 20% còn lại mà thôi.

Vậy thì tha lực như thế nào?

Tha lực là bên ngoài. Sức mạnh ở bên ngoài. Sức mạnh ấy vẫn tồn tại qua sự thệ nguyện của chư Phật, các vị Bồ Tát và các bậc Thánh Nhơn. Người thường vẫn thực hiện được; nhưng tự lực còn mỏng manh, làm sao tha lực mạnh mẽ được. Trong khi việc tự cứu mình còn chưa xong, làm sao đi cứu người khác được?

Ví dụ như một hạt cát thật nhỏ, ta bỏ vào nước, cát ấy sẽ chìm. Nếu một tảng đá thật lớn, chở trên một chiếc thuyền to, thì tảng đá kia sẽ nổi. Tội lỗi nhỏ và lớn tượng trưng cho hạt cát và tảng đá. Nếu tự mình thì không thể nổi, phải nương vào một lực khác to lớn hơn; lúc ấy mới có khả năng cứu vớt được.

Một thí dụ khác để làm rõ về tha lực này. Ví dụ như một người biết bơi, có khả năng bơi qua sông, biển độ một tiếng đồng hồ; nhưng sau đó mệt như người. Nếu lúc ấy có một tấm ván trôi giạt đầu gần đó để người bơi có thể tựa vào thì cơn mệt nhọc kia vơi dần và khỏi bị chìm xuống nước. Tha lực có nghĩa là điểm tựa và một điều quan trọng ở đây chúng ta cần hiểu rõ là: Đức Phật A Di Đà với lời thệ nguyện cao cả muốn giang hai tay ra để cứu vớt chúng sanh về cõi Cực Lạc của mình. Nguyện đó là chiếc thuyền, là tấm ván. Những loại này có công năng chở những vật thể kia qua bên kia bờ. Khi đến được bến bờ rồi thì nhiệm vụ không còn phải chuyên chở nữa và tội lỗi như hạt cát hay hòn đá kia, con người phải tiến tu đạo nghiệp để tự mình, làm cho nó nhỏ dần, rồi mất hẳn đi; chứ không phải Đức Phật A Di Đà thay thế hoàn toàn vào khả năng ấy. Dĩ nhiên với một bậc Đại Giác, các Ngài đều có đầy đủ quyền năng; nhưng chúng ta phải tự thực hiện những việc này; chứ các Ngài không thay thế cho chúng ta được.

Trong kinh Pháp Hoa cũng có dạy như vậy. Khi thấy các con đang bị ở trong nhà lửa, người cha đau xót, muốn lao vào để cứu; nhưng người cha không vào, mà chỉ dùng phương tiện, để dụ dỗ các con mình phải tự chạy ra ngoài. Trước cha hứa cho con ba xe; nhưng khi ra khỏi nhà lửa rồi, người cha chỉ cho một xe. Đó là Nhất Thừa chứ không phải Tam Thừa như đã hứa. Thế mà người cha vẫn không phạm vào lỗi nói dối. Chỉ vì muốn cho con cái của mình sanh vào chỗ cao quý hơn.

Ở đây chúng ta thấy có cả tự lực và tha lực đi kèm nhau. Tự lực ấy là các con tự chạy ra. Còn tha lực tức là người cha dùng sự dụ dỗ để cho con thoát khổ được an lạc. Cả hai đều không có lỗi, mà nhờ đó các con khỏi bị chết cháy trong biển lửa của cuộc đời.

c) Việc tấn liệm, ma chay

Việc đầu tiên sau khi thân nhân của mình ra đi là điện thoại về chùa để nhờ quý Thầy và quý Phật tử đến hộ niệm, ít nhất là 8 tiếng đồng hồ; nếu nhiều hơn càng tốt. Tối đa có thể là 24 tiếng đồng hồ. Đồng thời nhờ quý Thầy xem ngày liệm, ngày đưa tang hay ngày thiêu.

Trong kinh Bát Dương có nói rằng: "Sanh hữu hạn, tử bất kỳ". Nghĩa là khi sanh con, người mẹ có thể rõ biết khi nào, con chuẩn bị ra đời; nhưng khi chết, đâu có ai có thể biết ngày tốt để chết được. Cái chết có thể đến bất kỳ vào lúc nào. Vậy chúng ta phải xem ngày để làm gì ?

Xem ngày tốt xấu thật ra là cho người còn sống để an tâm hơn; chứ không phải xem cho người chết. Vì người chết rồi, có thể đi đầu thai ở nơi khác, thì họ cần phải xem ngày chôn cất để làm gì? Thế nhưng không làm thì không được. Vì người còn sống muốn thế để được an lòng.

Thông thường người ta vẫn nói rằng: "Ma chê, cưới trách". Nếu con nhà giàu mà khi cha mẹ chết, đám tang làm bình thường quá; không nói lên được tất cả những hiếu sự của người xưa, thì họ sẽ chê, tại sao như thế này hay như thế nọ. Quả thật trên đời này, biết ở sao cho vừa lòng người. "Ở rộng người cười, ở hẹp người chê. To chê béo, thấp chê lùn. Béo sao béo trực, béo tròn. Gầy sao xương sống xương sườn hao ra". Thật là thiên nan vạn nan. Đó là thế gian pháp. Còn Phật Pháp thì sao?

Sau khi thỉnh vấn quý Thầy, quý Thầy dạy như thế nào về nhập liệm, đưa đám, tuần thất v.v... thì nên làm theo như vậy để báo hiếu cho mẹ cha hay người đã khuất. Thứ nhất, quý Thầy có nhiều kinh nghiệm trong việc ma chay. Thứ hai, nếu có sự chỉ bảo cho thân nhân của người mất, cốt chỉ làm lợi lạc cho cả âm dương hai ngã; người sống cũng như kẻ chết, chứ không bị lâm vào cảnh mê tín dị đoan; tiền mất mà tật còn mang vào người. Kết cuộc rồi sau một lễ tang sẽ không có ý nghĩa gì cả, mà con cái lại buồn phiền nhau; nếu không được hướng dẫn rõ ràng khi một tang lễ sắp được tổ chức tại nhà hay tại chùa.

Quý Thầy sẽ xem ngày giờ theo lịch đã có sẵn và tuổi tác của người thân trong gia đình cũng như của người mất. Có gì không hiểu thì những người thân đi thỉnh Thầy phải hỏi rõ. Ví dụ như việc tang chế muốn để

theo cách nào? Sau khi liệm thì thiêu hay chôn và chôn ở đâu v.v... Đây là những vấn đề rất cần thiết và rất tế nhị, cần phải thông qua tất cả những thành viên trong gia đình. Sau khi chấp thuận, mới liên lạc với nhà quản để chuẩn bị cho một tang lễ thật có ý nghĩa.

Thông thường ở Đức ngày nay ngoài việc thổ táng chôn cả quan tài người mất còn có thể hỏa táng và việc hỏa táng có những điểm như sau:

Sau khi hỏa táng có thể gửi về Việt Nam hay gửi đi đâu tùy ý; nhưng bắt buộc nơi nhận cốt kia phải có giấy tờ hợp lệ gửi qua Đức và được dịch ra Đức ngữ, sau đó nhà quản tự chuyển cốt của thân nhân thẳng đến địa chỉ của những nơi đã có sẵn. Nhiều khi thân nhân cũng có thể mang theo đi cùng; nhưng trường hợp này rất ít xảy ra tại Đức. Điều đặc biệt là không được để cốt của thân nhân của mình tại nhà. Vì đây là luật của xứ Đức. Riêng chùa Viên Giác tại Hannover chỉ được để cốt của thân nhân đến 49 ngày, sau đó phải mang ra chôn tại nghĩa địa của chùa.

Cách khác là xin giấy xuất cảnh cốt ấy và mang sang Ấn Độ để rải trên sông Hằng hay sông Ni Liên hoặc trên núi Linh Thứu.

Cách tiếp theo là nói với nhà quản là sau khi thiêu sẽ làm lễ thủy tán. Tại Đức có 3 nơi được phép rải cốt. Đó là biển ở Kiel, biển ở Wilhelmshaven và ở Puttgarten. Tất cả đều tùy thuộc vào tang chủ và mùa mưa nắng của những biển này.

Ngày nay ở Đức có một cách táng khác. Đó là chôn trong rừng; nhưng không được làm mồ mả, mà thân nhân người mất chọn những gốc cây lớn rồi chôn vào đó. Có thể một thời gian sau, không còn ai có thể biết đến người mất chôn ở gốc cây nào nữa. Vì gốc cây ấy cũng sẽ già chết và người sau đến thì không có dấu vết gì để biết rằng: Người thân của mình đã được chôn ở nơi đó.

Việc liệm xác bên này tương đối đơn giản hơn ở Việt Nam chúng ta. Sau khi đem về nhà quản, các nhân viên tại đó họ tắm rửa sạch sẽ, đoạn mặc đồ cho người mất theo như ý của gia đình muốn. Tiếp đó họ đem để vào quan tài mà gia đình đã chọn sẵn. Kế tiếp xác ấy sẽ được để trong phòng lạnh, chờ cho đến khi nào làm lễ nhập liệm chính thức, nhà quản mới dậy nắp quan lại. Có nơi vì đường xá xa xôi, chư Tăng Ni không đến các địa phương nhiều lần được; nên lễ xem mặt cuối cùng trước khi đem đi chôn hay thiêu, cũng là lễ nhập liệm luôn. Sau lễ nhập liệm là lễ phát tang, cúng vong và đi điếu. Ở Việt Nam những lễ nghi này cử hành trong nhiều ngày khác nhau; nhưng tại những xã hội Âu Mỹ này người ta không có nhiều thời gian; nên tất cả đều được cử hành chung trong một

lễ từ 1 cho đến 2 tiếng đồng hồ như vậy. Sau khi làm lễ tại lễ đường; nếu xác ấy sẽ thiêu, thì xe tang sẽ chở xác ấy đi đến nơi hỏa táng. Thông thường thân nhân không được biết là thiêu ngày nào. Vì lò thiêu ở đây họ ít cho thân nhân có mặt lúc đốt xác, giống như trường hợp ở Nhật hay Việt Nam chúng ta. Đến đó đa phần phải đợi chờ theo thứ tự để thiêu. Lò thiêu ở Đức thường chỉ có cho vào đó từng một quan tài và sau 1 hay 2 tiếng đồng hồ mới đốt xác khác. Ở đây họ đốt bằng điện, rất vệ sinh; nhưng ít tiện nghi và nhanh chóng như ở Nhật Bản. Tại Nhật mỗi lò thiêu có cả hàng 100 chỗ thiêu xác như thế. Khi quan tài được chở đến chỗ thiêu thì chư Tăng Ni đứng phía trước để tụng kinh siêu độ, trong khi xác vẫn được thiêu. Sau 1 tiếng đồng hồ nhân viên nhà hỏa táng mang ra một khay xương đủ loại, thân nhân tự tay mình gắp những mảnh xương đã được thiêu xong đó bỏ vào hũ và cuối cùng mang về chùa để làm lễ. Sau thời gian để trong chùa 1 hay 2 năm thì đem ra nghĩa địa trong vườn chùa của gia đình đã có sẵn, an trí vào đó. Đó là phong tục của Nhật Bản; còn của Việt Nam và của Đức lại khác nhau nhiều hơn nữa.

Nếu là chôn cất luôn cả quan tài thì sau khi làm lễ tại chỗ nhà lễ bái xong, có 4 hay 8 nhân viên nghĩa địa cho quan tài lên xe và đẩy từ từ đi sau quý Thầy; trong khi đó 3 hồi chuông Thánh đường vang lên để tiễn đưa người quá cố. Đặc biệt tang lễ tại Đức không diễn ra rình rang ở ngoài đường phố như tại Việt Nam, mà chỉ cử hành đơn giản tại nghĩa trang hay tại nhà quán. Họ không phô trương như Việt Nam mình vốn có như xưa nay, mà người chết, dầu đó là ông hay bà gì đi nữa. Tất cả cũng đều chỉ được làm lễ từ 1 đến 2 tiếng đồng hồ là cùng.

Khi đến huyệt mộ, các nhân viên nghĩa địa cho hạ quan tài xuống; trong khi chư Tăng Ni tụng Đại Bi, Thập Chú và thân nhân rải hoa và bỏ đất xuống huyệt mộ để tiễn đưa lần cuối và cắm nhang ở phía trước mộ để tưởng niệm người đã ra đi. Sau khi nghi lễ chấm dứt, các nhân viên nghĩa địa mới lấp huyệt mộ lại; còn thân nhân đi ra tiệm để đãi khách cơm trưa hoặc uống trà, cà-phê. Một số khác về lại nhà để làm lễ trí linh.

Đây là một lễ tổng táng bình thường cho bao nhiêu người tại xứ Đức này; ngoài ra cũng có một số lễ nghi đặc biệt cho những trường hợp đặc biệt khác, phải xin phép riêng; nhưng rất hiếm khi gặp.

Sau ngày chôn cất hay hỏa thiêu là ngày tuần thất. Thông thường trong một tuần lễ cũng đã có thể cử hành nghi lễ này rồi; nhưng đôi khi có nhiều người chết quá; nên phải chờ đám này xong rồi mới đến được đám khác; cho nên có khi cũng kéo dài đến 10 ngày hay 2 tuần lễ. Hoặc giả có những người tự tử hay mất tích thì thời gian chôn cất hay thiêu

xác phải cần giáo nghiệm của pháp y; nên gia chủ bắt buộc phải chờ đợi, sau đó mới có thể cử hành những lễ nghi như gia đình mong muốn.

Nhưng tại sao phải là con số 7 cho mỗi tuần và kéo dài trong 7 lần như vậy.

Đây là con số linh thiêng trong Phật Giáo. Hầu như cái gì có liên quan đến số 7, đều trở nên quan trọng. Ví dụ như Đức Phật giảng trong kinh Đại Bảo Tích phẩm thứ 40 về việc nhập thai của các chúng sanh cũng căn cứ theo con số 7. Cứ mỗi tuần 7 ngày như vậy là thai nhi phát triển như thế nào, cho đến tuần thứ 38 của 7 ngày ấy là thai nhi sẽ hạ sanh. Trong kinh này Đức Phật chỉ dạy rất rõ ràng về việc gá thai của một tâm thức (sẽ đề cập thêm việc này ở những chương sau).

Thông thường nếu người chết ngày thứ hai thì mỗi chủ nhật cúng một thất. Vì sao vậy? Vì cúng ngày mà tâm thức của hương linh còn sống thì hương linh có thể hưởng được nhiều phước báu hơn. Cứ 7 ngày, nếu hương linh ấy chưa đi đầu thai được, thì phải chết và tìm cách đầu thai trong tuần lễ kế tiếp. Như vậy sự cúng kiếng cầu nguyện, tụng kinh rất quan trọng cho những tâm thức như vậy để dễ dàng đi đầu thai.

Nếu là tâm thức hoàn toàn thiện lương thì sau khi hơi thở lìa khỏi xác, tâm thức ấy thẳng tiến về các cõi chư Thiên đã định sẵn, do những việc làm phước đức của mình đã có ở đời trước mà được hình thành. Nếu là tâm thức của những người được vãng sanh, thì họ không có quay trở lại dương thế nữa.

Nếu là tâm thức của những kẻ phải đọa vào trong 3 đường dữ, thì lập tức ngay lúc ấy; lúc mà tâm thức vừa lìa khỏi xác, thì Ngưu đầu Mã diện sẽ hiện ra để dẫn hồn kẻ làm ác vào các cõi địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh (việc này có thể đọc tụng trong kinh Địa Tạng để rõ thêm về các cảnh giới địa ngục).

Nếu cho đến 49 ngày mà vẫn không đi đầu thai được, thì tâm thức của người mất ấy không còn gọi là Thân trung ấm nữa, mà đã trở thành các loại ma, như ma ba tuần, ma ác, dân ma v.v... (sẽ đề cập những vấn đề này ở phần sau). Như vậy chết không phải là hết, mà chết chỉ mới là bắt đầu một cuộc sống mới khác mà thôi.

Đến chung thất đa phần các gia đình đều cúng lớn hơn các thất kia. Có thêm phần xả tang cho một vài người nào đó trong gia đình và cũng có thể cúng dường trai tăng, đồng thời cũng có lễ phóng sanh, làm phước, bố thí giúp đỡ cho những người nghèo khó v.v...

Cúng dường là một hạnh nên làm. Vì ta có cho đi thì mới thấy được hạnh bố thí là cần thiết. Nếu ai trong chúng ta cũng bo bo giữ mãi mãi tài sản, của cải cho mình thì phước báu làm sao có thể sanh thêm được. Việc cúng dường này trong kinh Phật gọi là: "Đẳng tam luân không tịch". Nghĩa là: "Ba việc thanh tịnh không có sự đổi dời". Đó là:

Người cúng dường thanh tịnh, không tính toán. Tùy theo khả năng của mình mà dâng cúng của cải, tài sản lên chư Tăng và Tam Bảo.

Người nhận của cúng dường thanh tịnh; nghĩa là chư Tăng tham dự lễ cúng dường phải có ý nghĩ thanh tịnh về những vật được cúng, không có ý mong cầu nhận được của cúng dường ấy.

Cuối cùng là của đem dâng cúng dường thanh tịnh. Nghĩa là vật cúng dầu cho nhỏ hay lớn cũng không phải là vấn đề quan trọng. Cốt sao cho vật kia thể hiện được tấm lòng của gia chủ trong việc cúng dường tứ vật dụng lên chư Tăng Ni như: Thuốc men, đồ ăn uống, đồ mặc và chỗ ở. Ngày nay còn có thêm phần tịnh tài để chư Tăng Ni có phương tiện di chuyển đó đây.

Đây được gọi là 3 việc thanh tịnh. Nếu thiếu một trong ba hay hai trong ba, công đức vẫn còn cả hai bên. Nếu cúng dường mà cả 3 ý nghĩa trên đều không có thì không còn gọi là: "Đẳng tam luân không tịch" nữa.

Giúp người nghèo cũng là giúp cho chính mình và giúp cho các hương linh sớm đi đầu thai (công đức này trong kinh Địa Tạng có nói rõ). Người sống cũng như người chết đều được hưởng phước lây. Theo truyền thống Phật Giáo Tây Tạng họ còn tin tưởng rằng: Sở dĩ những người chết đi và sống lại được là nhờ gia đình tạo ra phước báu cúng dường này. Lẽ ra người ấy đã phải chết; nhưng nhờ việc cúng bái, cầu nguyện của thân nhân trên dương thế quá thiết tha; nên Diêm Vương đã cho trở về lại nhân gian và sống thêm một thời gian nữa, sau đó mới tiếp tục chết. Nếu trong thời gian này người được sống trở lại ấy biết được những việc phước đức cần phải tu và phải thực hiện, thì đến giờ phút lâm chung, chính họ sẽ được sanh về ở một cảnh giới cao hơn.

Như vậy người đi bố thí phải cảm ơn người nhận của bố thí mới phải. Vì lẽ nếu không có người đi xin thì làm sao mình có cơ hội để thực hiện được lòng từ bi. Chính người đi xin hay người được cúng dường đã giúp cho người bố thí hay cúng dường có một cái nhìn thông thoáng hơn giữa người cho, kẻ nhận và vật được đem ra cho; nhất là trong trường hợp này vật cho ấy nhằm hồi hướng đến hương linh đang trong thời kỳ Thân trung ấm lại đóng một vai trò quan trọng vô cùng.

Phóng sanh cũng là một hành động thiện. Vì con vật nào cũng ham sống, sợ chết như chúng ta. Nếu lỡ mà bị bắt và không có người phóng sanh, thì chúng sẽ bị hy sinh vào chảo dầu hay nồi nước sôi. Nếu có gia chủ nào đó phát tâm phóng sanh nhân các ngày tuần thất, thì chính những con vật ấy cũng sẽ thầm cảm ơn người đã cứu mạng sống cho chúng và kẻ chết trong gia đình ấy cũng được hưởng lây qua hành động phóng sanh của thân nhân mình trên cõi nhân gian này.

Chương này là một chương tương đối rất quan trọng đối với tất cả mọi người. Chúng ta nên đọc kỹ để lo hậu sự cho mình hay cho người thân của mình để đỡ lúng túng khi ra đi hay giúp người khác ra đi, để một mai khi đang cáo phó và cảm tạ, không nhất thiết phải đăng câu: "Trong lúc tang gia bối rối...". Tại sao lại bối rối? – Vì lẽ không chuẩn bị kỹ càng trước mà thôi. Ở đây chúng ta đã và sẽ sẵn sàng chấp nhận một sự thật hiển nhiên của Thân trung ấm như vậy thì chúng ta chẳng có việc gì đáng buồn, mà chỉ còn biết chờ đợi sẵn sàng việc tử sanh ấy khi nào trở lại nữa mà thôi.

Viết xong Chương Ba và Chương Bốn này ngày 29 tháng 3 năm 2014 tại chùa Đôn Hậu, Trondheim – Na Uy.

---o0o---

Chương Năm - Tâm thức của người mất sau 49 ngày

Ở chương bốn chúng tôi có đề cập đến vấn đề đi đầu thai; nhưng chưa đi vào chi tiết lắm. Do vậy, chương này sẽ giải thích tỉ mỉ để độc giả có cái nhìn xác thực hơn, qua kinh điển của Phật Giáo. Đặc biệt ở đây là Phật Giáo Đại Thừa.

Trên nguyên tắc, nếu người nào muốn kiếp sau vẫn trở lại làm người, thì trong hiện kiếp chỉ cần thực hiện Tam Quy và Ngũ Giới một cách trọn vẹn thì khi trở lại làm người sẽ được hưởng phước báu của những người đã giữ giới. Đó là: Không sát sanh, không trộm cướp, không tà hạnh, không nói dối và không dùng những chất say.

Những người ở hiện kiếp đã tu Thập Thiện một cách trọn vẹn làm phước, bố thí, cúng dường cũng như tu Lục Độ Ba La Mật thì khi thần thức vừa rời khỏi xác, liền được bay bổng lên cao và nhập vào cảnh giới của chư Thiên, từ cõi trời Sắc giới trở lên Vô sắc giới. Nếu ai tu Bồ Tát Hạnh; thực hành Lục Ba La Mật như bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định và trí tuệ, thì có thể trở thành Bồ Tát để hóa độ chúng sanh.

Những ai cầu vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ thì Phật và nhị vị Thánh Chúng sẽ đến nghinh tiếp chúng ta khi hơi thở không còn vào ra nơi thân thể này nữa và tùy theo hiện thể đã trồng được những căn lành gì; để cứu phẩm liên hoa ở Tây Phương được tương xứng hay cao hơn như thế nữa.

Riêng những người không tin nhân quả, tội phước báo ứng và không có thiện hữu trí thức đi cùng cũng như chẳng có tâm sám hối khi làm những việc ác báo, thì chắc chắn khi thần thức lìa khỏi xác phàm; ma vương, quỷ sứ sẽ đến nghinh tiếp về chốn Diêm Đài để trị tội và xét xử.

Như vậy chúng ta thấy tổng cộng có 4 loại để đi đầu thai hay giải thoát; hoặc đọa lạc. Dĩ nhiên cũng có nhiều biệt lệ; nhưng nói chung là như vậy. Ở đây chúng tôi chỉ đi chi tiết về việc Thân trung ấm đi đầu thai làm người; còn những loại đầu thai khác, xin được tinh lược, không đề cập nhiều ở trong sách này.

Lúc còn sống, nếu con người có ý muốn tái sanh trở lại làm người, thì với cái nhân ấy, nó sẽ dẫn dắt thần thức của mình nghiêng về hướng đó, mà không thích đi lên, cũng chẳng muốn đi xuống; nghĩa là đi ngang để chọn nghiệp và đầu thai. Nếu trong quá khứ người ấy có tâm luyến ái với kẻ nào nhiều, thì chính đây là cái nhân để thần thức ngã về hướng đó. Nó sẽ đi tìm cho đến khi nào gặp được; giống như ý của nó muốn mà thôi. Thời gian có thể từ khi mất cho đến 49 ngày. Đây là thời gian quyết định để tâm thức đi đầu thai.

Tâm thức rơi vào trạng thái sáng suốt, biết người khác một cách dễ dàng; nhưng người khác không thể thấy và biết tâm thức của mình. Nhiều khi tâm thức làm những cử chỉ bình thường; nhưng những người thân thương nhất cũng không thể hiểu. Bắt đầu từ giờ phút tắt hơi thở cho đến 1 rồi 2 hay 3 tiếng đồng hồ. Tâm thức ấy hân hoan, vui vẻ quan sát thấy tất cả mọi hình ảnh, động thái và cảnh vật chung quanh; trong khi những người thân đứng bên cạnh cái xác bất động ấy đang lo toan, khóc lóc. Tâm thức muốn bảo người thân như: Cha, mẹ, vợ, con và những người thân thuộc đừng làm như vậy; nhưng chẳng ai hiểu cả. Thế rồi thời gian cứ thế trôi qua, tâm thức thấy những người thân chẳng ai để ý đến mình; nên đã tìm cách bay đi xa hơn nữa. Thỉnh thoảng lại về nhà để thăm vợ, con và bà con quyến thuộc của mình; nhưng lại chẳng thấy ai để ý đến; nên cứ thế lại ra đi. Tâm thức bây giờ có tính cách quyết đoán và tự lập hơn. Nghĩa là đi tìm cái gì mình thích và mình muốn; chứ không đợi chờ người thân nữa. Có thể là ngay trong ngày đầu, tâm thức ấy đã đi đầu thai làm người đâu đó; nhưng cũng có thể là ngày thứ 2 cho

đến 7 ngày đầu. Nếu không thể gá thai được vào nơi mình mong muốn thì tâm thức ấy lại chết đi để đi đầu thai tiếp vào tuần thất thứ 2 và thứ 3 cho đến thất thứ 7. Cứ bắt đầu mỗi tuần thất là một sự lựa chọn. Do vậy, nếu thân nhân muốn cho tâm thức đi đầu thai một cách dễ dàng, thường hay cúng thất vào ngày chưa chết; nghĩa là ngày còn sống để tâm thức ấy có thể hưởng phước báu của người cúng, mà có thể đi chọn nghiệp nhanh hơn, đồng thời sẽ được ở vị trí làm người cao hơn bình thường và sẽ hội đủ được cả 3 điều kiện để đi đầu thai. Đó là cha mẹ tương lai của tâm thức ấy đã sẵn sàng sinh con chưa. Tinh trùng và noãn sào đã đến thời kỳ khế hợp chưa? lúc ấy tâm thức mới gá vào thai mẹ được. Nếu thiếu 1 trong hai hay 2 trong 3 điều kiện trên, thì một chúng sanh tương lai không thể thành hình. Do điều kiện này cho nên ta vẫn thường thấy những bào thai sinh ra thiếu thán, bị chết yểu, hoặc cha mẹ không muốn sinh con, mà con vẫn sinh ra để báo ân hay báo oán nợ xưa. Nếu trong 3 trường hợp trên được hội đủ thì kết quả sẽ như sau:

Nếu thai nhi là con trai; nó sẽ nhận mẹ nó trong tương lai là VỢ của nó trong khi cha mẹ liên hệ thể xác với nhau. Nếu nó là con gái thì nó sẽ nhận cha nó trong tương lai là CHỒNG của nó trong lúc hiện hữu thể xác của hai người; để rồi đến 9 tháng 10 ngày gồm 38 tuần lễ 7 ngày như vậy, một chúng sanh lại ra đời. Mỗi tuần lễ trong 7 ngày các chủng tử của một con người được cấu thành và qua tứ đại gồm: Đất, nước, gió, lửa chúng sanh ấy sẽ có 404 thứ bệnh đi kèm; chung với 84.000 lỗ chân lông của những loại trần lao phiền não. Một con người được xuất hiện (theo kinh Đại BảoTích, phẩm thứ 40 Nhập thai).

Cho nên khi mang thai là con gái, người mẹ sẽ kém vui và nếu là con trai, thì ngược lại. Khi sinh ra đời, đứa bé trai sẽ được mẹ thương hơn và đứa bé gái, người cha có nhiều tình yêu thương hơn. Dĩ nhiên điều này chỉ có tính cách ước lệ; chứ không là tổng thể. Điều ngoại lệ bao giờ cũng đi kèm cho mọi sự kiện trên thế gian này. Từ tình thương khác phái, dầu là cha con hay mẹ con; nếu quá gần gũi; nghiệp xưa sẽ hình thành. Vì lẽ người bây giờ được gọi là con đó, ở một kiếp quá khứ xa xôi nào đó, là chồng, là vợ của chính mình đời này và do tâm ái nhiễm ấy mà cứ mãi quấn quýt lẫn quấn bên nhau, để làm chồng hay làm vợ với nhau trong nhiều đời nhiều kiếp như vậy. Trong kinh Bồ Tát giới nói rất rõ về điều này. Đó là: "Tất cả nam tử là cha ta và tất cả nữ nhơn là mẹ ta. Ta chẳng ăn thịt chúng sanh, bởi vì ta không ăn thịt cha ta và mẹ ta".

Nếu nhìn từ điểm nhìn nhân bản này thì con vật cũng có thể là cha mẹ mình ở đời trước. Cho nên người tu học, muốn thoát ly sinh tử luân hồi.

Điều đầu tiên là phải đoạn trừ ái dục. Ái là nguyên nhân chính trong 12 nhân duyên và qua vô minh, khiến cho con người của chúng ta luôn bị dòng tử sinh, sinh tử chi phối. Người xuất gia sở dĩ không thành lập gia đình, thì đây là lý do chính. Vì còn ái ân là còn bị chi phối bởi nghiệp lực và sự đầu thai. Chỉ khi nào ra khỏi con đường sinh tử; lúc ấy mới là lúc giải thoát được sanh tử luân hồi. Thực sự ra việc lập gia đình, sinh con đẻ cái, nó không là việc xấu xa, tội lỗi; mà nó là cái nhân để tiếp tục sinh ra cái quả như trên.

Ở đây chúng ta cũng nên phải rõ ràng thêm vấn đề này nữa. Gần đây có nhiều người quan niệm rằng: Chỉ niệm Phật A Di Đà thôi, là có thể thành Phật. Dầu cho là Cư sĩ và sự hộ niệm cho ma chay không cần thiết đến các vị Tăng sĩ để hộ niệm nữa. Đây là một quan niệm vô cùng tai hại và sai trái. Vì lẽ chưa có một Cư sĩ nào được thành Phật, mà ái ân vẫn còn trong hiện tại. Nếu nói giải thoát vãng sanh về thế giới Tây Phương thì có thể; chứ không thể nói là thành Phật được.

Phật Giáo Nam Tông cũng định nghĩa việc này tương tự như vậy. Một vị A La Hán; có nghĩa là Vô Sanh hay Khất sĩ, Sát Tặc. Đã là A La Hán thì không còn bị sanh tử chi phối; nhưng hầu như chưa có một vị Cư sĩ nào còn đang mang ái dục trong người mà chứng được A La Hán. Đặc biệt bên Nam Tông; chỉ có người xuất gia mới chứng được quả vị này. Nếu có chăng, chỉ là những vị Bồ Tát hay A La Hán hóa thân làm Cư sĩ để chứng quả vị này. Chứ tuyệt nhiên ngay cả Đại Thừa hay Nguyên Thủy, quả vị Phật và A La Hán chỉ riêng người xuất gia, cắt lìa ái ân mới có thể chứng. Còn nếu là Cư sĩ tại gia chỉ có thể chứng đến quả vị Bồ Tát hay 3 quả đầu trong 4 Thánh quả mà thôi (Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm và A Na Hàm). Do đó ở bất cứ hoàn cảnh nào cũng nên cung thỉnh chư tôn đức Tăng Ni đi trợ duyên hộ niệm cho người sắp lâm chung, lại là điều tối cần thiết; ngoại trừ những nơi không có Tăng Ni thì các vị Cư sĩ có thể đảm trách việc này.

Những ai không được cúng quảy, lo lắng cầu nguyện hay làm phước bố thí cúng dường trong vòng 49 ngày này thì tâm thức ấy khó có thể đi đầu thai một cách nhanh chóng, mà phải tìm cách để đi đầu thai vào lục thú. Đặc biệt là ở những cõi như A Tu La, Địa ngục, Ngạ quỷ và Súc sanh. Ở đây chúng ta có thể tìm hiểu thêm về những loại quý, thần và ma.

Trong luật Phật dạy rằng: “Chư Thiên ăn buổi sáng, Phật dùng ngọc trùa, súc sanh ăn sau giờ ngọc, quỷ ăn vào ban đêm”. Vì loài quỷ tượng trưng cho sự tham lam, bòn xén; nên bụng nó to, đầu nó lớn và đặc biệt là cổ của quỷ rất nhỏ. Do đó nó không ăn được những loại vật thực bình

thường, mà những vật đó phải hóa thành lửa, chúng mới ăn được. Trong luật Sa Di giới thứ 9 có một đoạn nói về không được ăn phi thời vì "nga quý văn bát, yết thịnh hỏa khởi". Nghĩa là khi loài quỷ đói nghe tiếng khua của chén bát thì lửa bắt đầu đốt cháy chúng. Vả lại cổ họng của quỷ rất nhỏ, khi nghe chén bát khua, chúng nhướng cổ lên và vì thế cổ nhỏ kia bị đứt lìa khỏi thân thể. Người xuất gia vì lòng từ bi, thương tưởng những loài vật khác, không nỡ hại lòng từ. Do vậy chư Tổ và chư Phật đã chế giới này có liên quan đến đời sống của nạ quỷ là như thế.

Vậy có ai đã thấy quỷ chưa ? Dĩ nhiên là đã có người đã được thấy rồi và cũng có kẻ muốn thấy. Nhưng không phải ai cũng thấy được và cũng không phải khi thấy rồi mới tin là có quỷ. Điều ấy hẳn không nhất thiết phải là như vậy. Vì ở trên thế gian này, chúng ta đâu có cần phải ở tù, để biết rằng những người ở tù là khổ cực. Nếu có ai đó kể lại đời sống trong tù như thế này hay như thế kia, liệu chúng ta có tin không ? Đó là những nhân vật sống, sau khi mãn hạn tù, họ kể cho ta nghe, mà ta còn không tin, lại còn đòi vào tù để xem ra sao nữa, thì quả là phí công vô ích. Ở đây cũng thế, Đức Phật dùng trí tuệ siêu việt của mình để thấy rõ sự sinh hoạt trong 6 nẻo 3 đường khổ như thế nào và từ đó Ngài đã chỉ cho chúng ta phương pháp để diệt trừ khổ. Thế mà có người vẫn còn nghi ngờ, thử hỏi còn ai có thể nói để cho họ tin ? Có khi lúc họ hiểu được rồi, thì cái hiểu sau lại thua cái hiểu trước nữa. Thế giới thì vô cùng, mà sự hiểu biết của chúng ta thì có giới hạn. Do vậy khả năng của chúng ta chỉ hạn hẹp trong một phạm trù nào đó mà thôi; chứ không thể hiểu hết mọi việc trong cuộc đời này được.

Thần là gì? Thần là những vị đã siêu phàm. Tuy nhiên họ gồm 2 loại là Thiện Thần và Ác Thần. Thiện Thần A Tu La hay hộ trì Phật Pháp, giúp đỡ cho những người khó khăn. Còn Ác Thần A Tu La chỉ hay đi gây sự, tranh đấu, kiện cáo với nhau. Những câu chuyện trong kinh Trường A Hàm, Trung A Hàm, Đức Phật đã kể lại nhiều lần các loài A Tu La đi đánh nhau với cõi trời Tứ Thiên Vương. Hầu như lần nào A Tu La cũng bị thua. Các vua của A Tu La bị bắt và cung điện của A Tu La cũng đã nhiều lần bị Tứ Thiên Vương ngự trị. Đây là loại thần vừa thiện mà vừa ác, tạo nên sự lo sợ, tranh đấu với nhau.

Ma đây là những thế lực xấu hay làm hại những người tu hành; nhất là Thiên Ma Ba Tuần. Họ là những chúng sanh ở cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên. Một ngày sống ở cõi này (cõi thứ 15 trong cõi Dục giới) bằng 1.600 năm ở cõi thế gian này. Họ tuy có thọ mạng lâu dài; nhưng hay hiện ra những điềm dữ để che mắt, lừa dối Thánh Nhân và ngay cả Đức Phật.

Ngài A Nan đã bị Thiên Ma Ba Tuần gây trở ngại lúc Đức Phật sắp vào Vô Dư Y Niết Bàn. Đức Phật dạy rằng: Một bậc Đại Giác Thế Tôn sẽ được trụ thế lâu hơn trên cõi đời này; nếu có sự thừa thĩnh; nhưng lúc ấy Ma Ba Tuần đã hiện ra và che mất sự suy nghĩ của Ngài A Nan; nên Ngài A Nan chỉ mê man như người ngái ngủ. Đến khi nhớ lại lời của Đức Phật dặn, Ngài A Nan thừa thĩnh, thì đã trễ rồi. Vì lúc ấy Đức Thế Tôn đã vào Nhập Diệt Tận Định lần thứ hai rồi.

Đức Phật dĩ nhiên là Ngài không lầm; nhưng Thiên Ma Ba Tuần lợi dụng lúc Đức Phật dễ dãi, ít quan tâm, chúng lại xen vào. Ví dụ như khi Ngài sắp thành Phật ở dưới cội Bồ Đề, Thiên Ma Ba Tuần đến dụ dỗ, quyến rũ, lôi kéo... cuối cùng đã không thành công; nhưng chúng quyết kỳ kèo cho được một lời hứa của Đức Phật và Ngài đã bảo với Thiên Ma Ba Tuần rằng: „Khi nào Đệ tử xuất và tại gia của ta đủ các chúng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di thì ta sẽ diệt độ“. Căn cứ theo lời hứa này của Đức Phật mà Ma Ba Tuần đã bám sát theo Ngài trong suốt 45 năm hoàng hóa đó đây, để rồi chỉ với một căn bệnh xoàng, mà Ma Ba Tuần đã hiện ra lúc Ngài ở tuổi 80 và Ngài đã chấp nhận lời thừa thĩnh của Ma Ba Tuần là: Còn 3 tháng nữa Ngài sẽ vào Vô Dư Y Niết Bàn.

Đó là những loài ma có uy đức. Chúng có thể dùng những xảo thuật của mình để ám hại những bậc sắp ra đời cứu nhân độ thế. Vì lẽ người xưa cũng thường hay nói rằng: "Phật cao nhưt xích, ma cao nhưt trượng; ma ở đầu trượng, Phật tại hư không". Kể ra Ma luôn luôn bằng một phần mười của Phật. Nơi nào có Phật là nơi ấy có Ma. Vì vậy những người tu hành chân chính cũng hay bị ma quấy nhiễu là chuyện thường tình. Nhưng điều quan trọng chúng ta phải cần nắm rõ là: "cái thiện luôn luôn thắng cái ác và cái chánh luôn thắng cái tà". Những loại Ma này dầu cho có ở trong bất cứ cõi trời nào trong Dục giới này, thì họ vẫn là Ma chứ không thể là Phật, là Bồ Tát hay A La Hán được.

Đa phần những loài ma ít có uy đức; nên hay dựa vào những người thiếu niềm tin, thiếu nghị lực cũng như ít hiểu biết để phá hoại hoặc chọc phá, tạo ra những việc không đâu; cốt làm cho người và người nghi ngờ nhau, khó cảm thông với nhau. Chỉ vì căn bản của các loài ma; loài quỷ thần này là tánh tham lam, bòn xén, đổ kỵ lẫn nhau; nên hay gá vào những người cũng có tánh như vậy để dễ hành hoạt trong cuộc sống của loài này.

Do những lý do như trên; nên khi người Phật tử tại gia quy y Tam Bảo rồi thì không quy y theo Thiên Thần và quỷ vật nữa. Vì thiên thần và quỷ

vật kia không phải là những bậc xuất thế gian, dễ lôi kéo con người vào chỗ tội lỗi, sa đọa.

Quý thần thường hóa sanh từ loài người thì tâm địa vẫn còn gần gũi với chúng sanh ở cõi Nam Diêm Phù Đề này; nên khi các bậc Đại Sư khai thị về vô thường, khổ, không và vô ngã v.v... chắc chắn một điều chúng dễ lãnh hội hơn là những loài thấp hơn, khi đầu thai làm quý thần. Đa phần những loài quý thần này đều không biết đến Tam Bảo. Do đó việc quy y và giữ giới là điều khó có. Tuy nhiên nếu có vị Thần nào muốn gần gũi và phụng trì ngôi Tam Bảo thì các vị Đại Sư có thể khai thị, chỉ bày cho họ phương pháp tu hành, bỏ dũ làm lành, trở về với những điều thiện lương, để không còn phá phách nữa. Từ đây chúng ta thấy rằng: Đã làm được thân người là một phước báu lớn rồi. Cái phước do cha mẹ sinh ra, có đầy đủ ngũ căn, được nghe, được học và được hiểu giáo pháp của Phật mà không chịu cái tà quy chánh, quy y Tam Bảo, ăn chay niệm Phật thì quả là điều phí phạm vô cùng. Vì chúng ta đâu có ai có thể biết được rằng: Khi lỡ bị đầu thai làm thân ma hay quý thần thì làm sao có thể gặp được Phật Pháp một cách dễ dàng như khi còn làm thân người. Đối với Đạo Phật, không có gì là bắt buộc; ngay cả vấn đề giới luật. Với giới luật chư Phật muốn ngăn ngừa tội lỗi của người tại gia và người xuất gia nên mới chế ra giới, nhằm thăng tiến đời sống tâm linh và đời sống đạo đức của mỗi người. Còn chúng ta thực hiện trọn vẹn hay chỉ được một phần, Đức Phật cũng không phạt mình và mình cũng không phải vì thế mà vào địa ngục. Có chăng, tất cả đều do tự mình tạo ra mà không biết sám hối, ăn năn nên mới ra nông nỗi ấy. Do vậy việc thọ giới cũng như giữ giới là một cơ hội để chúng ta làm đẹp bản thân và đời sống tâm linh của mình. Cho nên trước khi lâm chung mà được thọ giới tại gia và xuất gia là điều cần thiết vô cùng.

Với những người bị ám sát, tai nạn máy bay, tai nạn lưu thông hay bị chiến tranh, động đất, sóng thần v.v... là những điều mà người chết không dự tính trước. Có thể họ còn rất trẻ, mà cũng có thể là những kẻ đã già nua. Hoặc giả họ là những người đang có địa vị trong xã hội, đang độ xuân thì v.v... thì ít ai nghĩ rằng cái chết nó đến nhanh như vậy; nhưng bom rơi, đạn lạc, tai nạn lưu thông xảy ra nhan nhản hằng ngày trên thế giới, khiến cho có không biết bao nhiêu người phải chết oan uổng; có thể họ quên hết quá khứ đã được làm người. Ngay lúc ấy họ bị rơi vào một trạng thái hỗn loạn; không tự làm chủ mình được; cho nên tâm thức có thể bỏ Thân trung ấm phải trải qua trong vòng 49 ngày mà

roi vào trạng thái hôn mê và đi đầu thai làm ma quỷ hay những vị thần gần gũi với mình nhất.

Đối với những người chết lâu năm, không có người cúng quảy, cầu nguyện, hồn ấy vất vưởng đó đây; đói khát muôn bề. Nếu có một cơ hội nào đó, họ hay dựa vào người thân hay người có năng lực để nói lên điều mình muốn nói, mà lâu nay chưa có thể nói được. Từ những việc này chúng ta thấy nhiều hiện tượng lạ của những người vốn sống chất phác bình thường; nhưng có ai đó nhập vào thì họ khác hẳn, đổi giọng nói và mắt láo liên, ít bình thường. Người chung quanh sẽ sợ họ; nhưng đó chỉ là một hiện tượng mà thôi. Sau khi trì chú hay cho uống nước cúng Phật; hoặc giả làm lễ quy y cho họ thì họ sẽ ra đi và trả lại thân xác bình thường của họ đã nhập vào người khác để nói điều muốn nói. Trong những trường hợp này; nên thỉnh chư Tăng Ni trong Phật giáo, giáo hóa và quy y cho họ. Không nên nhờ các vị Pháp sư đến để trừ tà cứu quỷ. Vốn là điều mà chính các quỷ thần cũng không muốn. Vì họ cũng muốn được sống trong thế giới của họ. Chẳng ai muốn bị đoạn tuyệt với quá khứ; nếu không có lý do và không được hướng dẫn một cách rõ ràng.

Quý Thầy bên Phật Giáo thường không bắt nạt các loại quỷ thần mà chỉ cầu nguyện cho họ được siêu thoát, hóa kiếp và hay có thái độ thương xót, muốn giúp đỡ họ thoát kiếp; chứ không phải dìm họ xuống, không cho họ ngấc đầu lên, để cho người khác được sống. Nhiều khi các quỷ thần thường hay giận tức, đập phá hay tìm cách hại lại người mình đang mượn xác để gọi hồn nữa. Cho nên những Đại Lễ Trai Đàn Chấn Tế chư Tăng hành trì nghi thức Du Già, mục đích là để siêu độ cho những hương linh này. Nào là chết oan, chết cháy, chết chìm, chết không có mồ yên mả đẹp; chết bụi, chết bờ. Cho nên trong kinh Phật dạy có nhiều loại cô hồn khác nhau. Nào là 10 hay 12 và đôi khi kể ra đến 36 loại tất cả. Mỗi loại có một cách sống riêng và có một cảnh giới riêng; nhưng khi đã tham dự được vào pháp hội cam lồ giải cứu hồn oan, thì tất cả đều được ân triêm lợi lạc; cả âm lẫn dương cách nhau đôi ngã, vẫn có thể hiểu rõ như thường.

Ở tại các chùa mỗi ngày vào lúc 17:00 giờ thường hay có nghi thức cúng Mông Sơn thí thực. Đây là một nghi lễ xuất xứ từ Trung Hoa được cử hành tại núi Mông, dựa theo việc Ngài A Nan nhập định thường thấy con quỷ xuất hiện trong động đá của mình; nên cầu Phật giáo hóa. Từ đó các nghi lễ và giáo lý của Đại Thừa hay tăng hoa lên nhiều cấp độ khác nhau, từ tinh thần nguyên thủy này. Có nơi quá rườm rà, đã trở thành

mê tín dị đoan; nhưng căn bản vẫn xuất phát từ xa xưa, khi Phật còn tại thế; chứ không phải mới có đây.

Tinh thần của Phật Giáo Đại Thừa là tinh thần thăng hoa tất cả những giá trị đẹp của Phật Giáo Nguyên Thủy, vốn đã có từ thời Đức Thích Ca Mâu Ni. Khi Phật Giáo được truyền đến Trung Quốc, Phật Giáo kết hợp với nền văn hóa tại đây. Lúc Phật Giáo đến Việt Nam, Đại Hàn, Nhật Bản và Tây Tạng rồi ngày nay là phương Tây, Phật Giáo phải hội nhập vào những xã hội và văn hóa đó. Do vậy tuy là tùy duyên; nhưng không biến đổi hoàn toàn bản chất thanh tịnh, hòa hợp; đặc biệt là từ bi và trí tuệ của Đạo Phật. Do vậy, Đạo Phật đâu có đi đâu và ở đâu vẫn được các dân tộc sở tại đón tiếp một cách nhiệt tình. Vì chủ trương của Phật Giáo là không loại bỏ tín ngưỡng nhân gian vốn sẵn có nơi bản địa, mà còn làm cho phong phú hơn nền văn hóa, phong tục, tập quán của nước đó bằng nhiều hình thức khác nhau, qua cái nhìn kết hợp tự thân của mình. Ví dụ như Phật Giáo Tây Tạng không loại trừ Đạo Bon. Phật Giáo Nhật Bản vẫn có thể chấp nhận Thần Đạo song hành cùng dân tộc. Phật Giáo Trung Hoa, Đại Hàn và Việt Nam vẫn chấp nhận truyền thống Đạo Thờ Cúng Ông Bà Tổ Tiên v.v... Nhờ vậy mà Phật Giáo càng ngày càng phong phú và đa dạng hóa ở nhiều phương diện khác nhau.

Từ ngày 1 đến ngày 10 tháng 4 năm 2014 tại Tu viện Viên Đức vùng Ravensburg thuộc miền Nam nước Đức có một cuộc Đại hội của các Tu sĩ Phật Giáo Đức gồm các truyền thống Đại Thừa như: Việt Nam, Nhật Bản. Tiểu Thừa như Miến Điện và Kim Cang Thừa như Tây Tạng v.v... Họ đã có một điểm chung là Đức Phật; nhưng họ cũng đã có những điểm riêng khi bàn về cái ăn, cái mặc của chư Tăng Ni thời Phật còn tại thế, thì họ cũng có những ví dụ và nhận xét khôi hài về Adam và Eva đã ăn trái cấm; nên mới bị đày xuống trần gian. Khi nói đến Đức Phật săn sóc bệnh nhân một cách tận tình bằng cách bảo Ngài A Nan đem khăn sạch để Đức Phật lau khô vết thương cho người đệ tử, thì họ - những người xuất gia theo các truyền thống đến từ Tây Phương thấy rằng: Đức Giáo Hoàng Franciscan cũng đã hôn chân bệnh nhân theo tục lệ của Tin Lành v.v... những mẩu chuyện như vậy là những chuyện vui và hay độc đáo. Đó là tánh sáng tạo, tánh tự chủ khi người ta xa lạ đến với Phật Giáo phải có một cái gì làm chuẩn mực và từ đó họ đứng vững để đi lên.

DBO được hiểu là Deutsche Buddhistische Ordensgesellschaft (Cộng Đồng Tăng Già Phật Giáo Đức). Đây là một thành quả có được sau 30 năm, chính cá nhân tôi đã vận động từ những buổi họp đầu tiên tại Wachendorf vào thời điểm năm 1979. Lúc ấy mới có DBU. Đây là một tổ

chức Phật Giáo hỗn hợp cả Cư sĩ và Tu sĩ. DBU có nghĩa là Deutsche Buddhistische Union; nghĩa là Hiệp Hội Phật Giáo Đức. Tôi đã quan sát sự sinh hoạt của họ trong nhiều năm và đề nghị là tại nước Đức này nên có 2 tổ chức riêng biệt. Một của Tăng Ni và một của Cư sĩ. Ban đầu họ không tán thành và bảo rằng: Phật Giáo bình đẳng trên mọi phương diện. Điều ấy không sai; nhưng hình thức và đời sống của người Cư sĩ không thể bình đẳng với người Tăng sĩ sống không gia đình được. Chỉ chừng ấy việc thôi mà 30 năm sau mới thực hiện được và bây giờ hội DBO này đã hoạt động đến năm thứ 9 rồi và lần này họ bầu thành phần Ban Chấp Hành mới trong nhiệm kỳ 3 năm sắp tới. Riêng tôi vẫn đảm nhận cương vị Cố vấn cho Tổ chức này như xưa nay.

Dưới hình ảnh Đức Phật và giáo lý của Ngài, cá nhân tôi cảm nhận rất là vi diệu. Vì Đạo Phật bây giờ không phải chỉ có cho người Á Châu, mà cho tất cả những ai tìm đến con đường cần cầu giải thoát này. Trong tương lai gần Phật Giáo sẽ có mặt khắp nơi trên quả địa cầu. Một điều cũng khá thú vị là đậu nành và đậu hũ xuất phát từ Á Châu cả gần thế kỷ nay, đậu hũ của Á Châu sản xuất vẫn là đậu hũ làm thủ công nghệ, chưa được kỹ nghệ hóa bao giờ; ngoại trừ Nhật Bản; nhưng ở Nhật, đậu nành cũng chỉ mới sản xuất số nhiều; chứ chưa có nhiều loại như ở Đức ngày nay. Nhớ là chuyện xưa gần 40 về trước (1977-2014) khi tôi mới đến Đức, nếu muốn ăn chao và đậu hũ thì từ Hannover phải đi đến Hamburg hay Aachen mới có bán những loại này. Nghĩa là phải đi hàng trăm cây số như vậy mới có vật liệu ăn chay để mua. Còn ngày nay, sau gần 40 năm ấy đậu nành và đậu hũ ở riêng của xứ Đức này có bày bán khắp nơi tại các tiệm thực phẩm của Đức và có hàng mấy chục loại khác nhau sản xuất từ đậu nành. Mới đây đài truyền hình Đức có loan tin rằng: Vào thời điểm năm 2014 xứ Đức này có 9% dân số ăn chay trường. Nghĩa là hơn gần 8 triệu người trong 85 triệu dân của Đức. Dĩ nhiên họ không hoàn toàn là những Phật tử Đại Thừa; nhưng họ đã có tình thương đối với súc vật; nên không muốn hại mạng chúng và ăn chay là kết quả của ảnh hưởng do Phật Giáo Đại Thừa mang lại vậy.

Những Tăng Ni thuộc nhiều truyền thống này họ thực tập cấm túc trong 10 ngày tại Tu viện Viên Đức sau khi đã bầu cử Ban Chấp Hành mới. Mỗi ngày họ có những giờ chung ngồi thiền, chung ăn cơm trong tĩnh thức, chung bàn Phật sự cho tương lai của xứ Đức này; nhưng họ cũng có những cái riêng theo truyền thống của mình là không dùng chiều cho những ai theo Phật Giáo Nam Tông và có nhiều vị thực tập chánh niệm bằng cách tịnh khẩu suốt trong một thời gian dài như vậy. Quả thật cây

Phật Giáo đã đâm chồi nảy lộc và quả thật Phật Giáo sẽ gặt hái nay mai tại xứ Đức này. Đây là một tin vui, mà nhiều người Phật tử tại Đức đang chờ đợi.

Thuở Đức Phật còn tại thế, Ngài đã giúp giải quyết cho nhiều vấn đề của nhiều giai tầng trong xã hội ở nhiều lãnh vực khác nhau. Ví dụ một hôm có một người đàn bà mất con, rất đau khổ đến trước Đức Phật kêu cứu rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Đứa con của con đã bị mẹ con quỷ La Sát bắt giấu đi và ăn thịt rồi. Con đau khổ quá và kính mong Ngài cứu giúp cho con.

Đức Phật từ tốn lắng nghe câu chuyện này và sau đó cho Đệ tử của Ngài đi tìm cách bắt con của quỷ La Sát giấu nhem không cho quỷ mẹ biết. Quỷ La Sát mẹ tìm con mình bất cứ nơi đâu cũng không gặp và nghe mách rằng: Đệ tử của Ngài Cồ Đàm đã bắt con của quỷ ta; nên quỷ đến trước Đức Phật thưa rằng:

- Sao Thế Tôn nữ nào làm chia cắt tình mẫu tử của con vậy?
- Vậy người thương con của người lắm sao?
- Bạch Ngài! Đúng vậy!
- Vậy tại sao người lại đi bắt con nít của người khác để ăn thịt?
- Nếu con không ăn thịt con nít thì lấy gì để ăn?
- Không sao cả - Cứ mỗi giờ ngọc Tăng sẽ cúng xuất sanh. Nếu các người dùng của cúng này thì không được đi bắt con nít về ăn thịt nữa.

Quỷ La Sát mẹ cúi đầu đánh lễ Đức Phật và từ đó về sau tại mỗi chùa thường khi cúng quá đường, hay cúng xuất sanh như sau:

*“Đại Bàng Kim Súc điếu
Khoảng dã quỷ thần chúng
La Sát quỷ tử mẫu
Cam lồ tất sung mãn
Án Mục Lục Lăng Ta Bà Ha”*

Nghĩa:

“Đại Bàng chim cánh vàng

*Cùng các loài quý thần
Mẹ con quý La Sát
Cam lồ đều đầy đủ
Án Mục Lục Lăng Ta Bà Ba”.*

Như vậy Đức Phật và chư Tăng Ni chính là những người cứu vớt cả người sống lẫn người chết. Cả những người chết rồi mà không siêu thoát, đi đầu thai làm quý dữ, bắt con nít ăn thịt như chim Đại Bàng cánh vàng, là một trong những loài động vật to lớn và các loài quý ăn thịt con nít; nên Đức Phật đã dùng từ tâm của mình để cứu độ cho chúng bằng nhiều hình thức khác nhau, cốt mong cho chúng đầu thai về những thế giới an lành, hơn là làm loài quý đói.

Trong thế giới Hoa Nghiêm trùng trùng duyên khởi, Đức Phật đã dùng con mắt từ bi và trí tuệ của mình nên đã thấy tất cả sự khổ não của chúng sanh; nên chư Tổ về sau này nhân cơ hội đó cúng thí cho cô hồn tại chùa mỗi ngày và bắt đầu như sau:

*“Nhược nơn dục liễu tri
Tam thế nhứt thiết Phật
Ưng quán Pháp giới tánh
Nhứt thiết duy tâm tạo”.*

Nghĩa:

*“Phàm người nên rõ biết
Ba đời tất cả Phật
Hay quán tánh Pháp giới
Tất cả do tâm tạo”.*

Điều này hẳn chẳng sai một mảy may. Sở dĩ thế giới này, sơn hà, đại địa chúng sanh này có, là do tâm của mình tạo ra. Tâm tạo thiên đường, tâm tạo địa ngục, tâm tạo ra ngạ quỷ và chính tâm ấy làm chủ tất cả mọi việc trên thế gian này. Từ đó chư Tổ mới giải thích cho các hương linh việc lợi lạc của sự quy y Tam Bảo và sám hối cho các Phật tử, các loài hữu tình và các loài vô tình. Sau đó mời họ đến để nghe pháp; nghe xong được thọ hưởng sự cúng dường cháo, nước v.v... như vậy là lòng thương đã được thể hiện. Không phải chỉ riêng những người còn sống, mà tất cả những ai đã chết; nhưng không may sau 49 ngày không đi đầu thai được,

phải làm nọ quở hay súc sanh; hoặc những hồn oan không có nơi nương tựa, thì chùa chiền là nơi mà những hồn lơ vậ có thể đến đó để nương nhờ.

Khi cúng cháo, cúng cơm cho hương linh, không luận người ấy là quốc tịch nào; chúng ta phải dùng hết tâm niệm chân thành để giúp cho, thì những hồn oan ấy mới được nhờ và quyết không phải vì thí cho có chuyện, khiến cho những quỷ dữ ấy giận hờn, vì không được đối xử đàng hoàng; khiến cho chúng phải đầu thai vào cảnh giới khổ hơn nữa, thì cũng khổ thân. Việc thí cho không có tính cách ép buộc, mà cách đem cho lại vô cùng quan trọng, cho cả âm dương đều được lợi lạc, thì đó mới là điều đáng làm vậy.

Thái độ của người Phật tử đối với các loài quỷ thần, chúng ta nên kính trọng họ; không nên xem thường họ. Vì họ có thần thức rất mãnh cảm. Có những loài quỷ thần ở các cõi cao trong Dục giới có đời sống và tuổi thọ hơn cả loài người. Do vậy chúng ta không nên đem tâm của chúng sanh để so sánh với những loài quỷ thần như vậy; hoặc giả cũng không nên xem thường những loài chúng sanh này. Vì chúng hay có tâm hờn giận, ganh ghét, chỉ muốn báo thù, báo ân, trả oán. Cho nên chúng ta chỉ lấy lòng từ bi để ban rải ra cho chúng thì chúng mới không tạo những nghịch cảnh đối với ta.

Có nhiều người hỏi rằng: Vậy sau 49 ngày có còn cúng giỗ cho hương linh người mất nữa không? Và tại sao có nơi phải cúng 100 ngày, rồi giáp năm, đại tường, đám giỗ nữa v.v... Đây có phải là sự trộn lẫn giữa Phật Giáo và đạo thờ cúng ông bà chăng ?

Xin thưa là, theo Phật Giáo đúng 49 ngày là đủ để đi đầu thai; không cần phải cúng bái nữa. Nếu trong thời gian này hiện tượng vãng sanh đã xảy ra như khi tắt thở, hơi nóng nằm ở đỉnh đầu hay ít ra thì ở ngực, chúng ta có thể tin chắc là người mất ấy đã vãng sanh hoặc đã trở lại làm người; không cần cúng bái nữa cũng không sao. Nhưng với những người khi chết hơi nóng nằm ở vùng bụng trở xuống thì phải đi đầu thai vào ba đường dữ; chắc chắn là khó vãng sanh. Cho nên thân nhân của người mất cần phải cúng quảy nhiều hơn lúc xưa, làm phước bố thí chu đáo hơn, để hồi hướng cho hương linh, thì nhờ vào những phước báu ấy mà hương linh có thể đi đầu thai tiếp theo trong thời gian sau đó.

Ngoài ra Tiểu Tường (giáp năm). Đại Tường (hai năm) là con số thời gian theo Đạo thờ Ông bà Tổ tiên là thời gian cư tang để báo hiếu, tránh làm những chuyện lỗi đạo như cưới hỏi, tiệc tùng, khiến cho người mất

không vui. Do vậy người thân trong gia đình phải chia sẻ sự mất mát này một cách chân thành thì mới có thể trợ duyên cho hương linh mau siêu thoát được.

Ngoài ra việc giỗ quảy mỗi năm còn lại nó mang ý nghĩa tưởng niệm nhiều hơn. Vì lẽ như bên trên đã trình bày: Cái chết chỉ là cái mới bắt đầu. Nên đây cũng là cơ hội để cho con cái trong gia đình có cơ hội ngồi lại bên nhau để tưởng nhớ về công ơn sanh thành của cha mẹ và ông bà Tổ Tiên, là những người mà chúng ta vốn mang nặng ơn đức sanh thành, khó khăn nuôi dưỡng. Đây là một đạo hiếu, mà người Phật tử không nên bỏ qua để trở thành người con bất hiếu. Việc này trong giáo lý của Đức Phật không cho phép. Cho nên chúng vẫn thường hay nghe rằng: “Tâm hiếu là tâm Phật, hạnh hiếu là hạnh Phật”. Hay nói xa hơn: Kẻ nào biết thờ cha mẹ, kẻ ấy là kẻ biết thờ Phật.

Căn cứ vào những điều như sau để biết được thân nhân của mình sanh vào nơi nào sau khi tắt thở và hơi nóng còn tụ lại nơi đó.

“Đảnh Thánh, nhãn sanh Thiên

Nhơn tâm, ác quý phúc

Bàng sanh, tất cái ly

Địa ngục, cực tâm xuất”

Nghĩa:

Đỉnh Thánh, mắt sanh Thiên

Người ngục, ác quý bụng

Súc sanh, ở đầu gối

Địa ngục, giữa bàn chân

Ở đây đã thể hiện nổi bật của 6 loại chúng sanh trong 6 loại để sanh về những cõi lành và cõi dữ, sau khi chúng sanh ấy trút hơi thở cuối cùng. Chúng ta nên xem lại một lần cho thật kỹ, để chúng ta hiểu rõ hơn về việc vãng sanh và việc đọa lạc sẽ như thế nào, để từ đó chúng ta có một cái nhìn thiết thực hơn trong vấn đề đi tái sanh của một chúng sanh.

Nếu hơi nóng nằm trên đỉnh đầu của một người sắp lâm chung, thì chúng ta biết chắc rằng người ấy sẽ thành A La Hán hay Bồ Tát, nhắm đến quả vị Phật. Nếu ngoài hiện tượng trên ra, còn có những hiện tượng khác, ví dụ như ánh sáng phóng quang của Đức Phật A Di Đà đến tiếp

dẫn hay không khí trong phòng trở nên mát dịu và mùi thơm hương trầm không đốt mà tự nhiên thơm v.v...

Nếu hơi ấm nằm nơi con mắt; cũng có nghĩa là giữa hơn trung; nơi lông trắng giữa chơn mày này Đức Phật thường hay chuyển hào quang để nói pháp như trong các kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa v.v... thì chúng ta biết rằng: Đức Phật đang nói pháp cho chúng sanh ở cõi chư Thiên hay các Thiên Tử.

Nếu hơi nóng nằm nơi miệng – nơi mà Đức Phật cũng hay phóng hào quang để độ cho những loại thiện thần và ngay cả ác thần nữa, thì lúc ấy chúng ta hiểu rằng: Đức Phật đang chuyển pháp luân cho những loài A Tu La, vốn cả thiện lẫn ác để cho những quý thần này nghe pháp. Vì vậy khi trong gia đình theo dõi và thấy thân nhân của mình như vậy, thì biết rằng: Thiện ác đáo đầu chung hữu báo. Các báo ấy hiện ra đã rõ ràng rồi.

Tại vùng ngực nếu còn thấy hơi ấm xuất hiện lúc cuối cùng, thì người này chắc chắn sẽ trở lại nhân gian không còn gì đổi khác được. Vì lẽ khi Đức Phật muốn độ cho loài người, Ngài hay chuyển pháp luân nơi chữ VẠN ở tại ngực của Ngài để loài người dễ cảm nhận được lời pháp của Phật.

Nếu thân nhân thấy hơi nóng của người thân mình nằm nơi bụng thì biết chắc rằng người ấy sẽ bị sanh vào cảnh giới ngạ quỷ. Bắt đầu từ đây sẽ sanh về ba cảnh bên dưới, chúng sanh ấy phải chịu nhiều sự khổ sở bức bách về tâm, lúc bị hành phạt ở nơi các cõi dữ.

Súc sanh thì hơi nóng cuối cùng nằm ở nơi đầu gối. Đôi lúc chúng ta còn nói là bàng sanh. Bàng có nghĩa là những động vật có xương sống nằm ngang. Ví dụ như: Trâu, bò, heo, gà, cọp, sói, chó, ngựa, dê, ngỗng. Sở dĩ phải bị sanh vào đây, vì thông thường khi còn sống ở trên đời những người này ngang bướng, ương ngạnh, tạo nhiều sự dâm dục v.v... nên phải đầu thai vào đây để chịu khổ.

Cuối cùng nếu hơi nóng nằm ở tận giữa lòng bàn chân, thì phải biết chắc rằng: Thân nhân của mình sẽ vào chốn địa ngục. Trong kinh Địa Tạng và nhiều kinh điển khác có diễn tả về nỗi khổ trong nhiều địa ngục khác nhau như: Địa ngục hầm lửa, địa ngục phần xí, địa ngục đao kiếm, địa ngục cửa đôi v.v... Có người lại phải bị đọa vào cõi địa ngục vô gián; nghĩa là ở địa ngục không có thời gian ra khỏi. Nếu chịu đủ những hình phạt rồi, gió mát đưa ra khỏi ngục thất, tội nhân nghĩ là đã khỏi; nhưng lại phải trở vào loại ngục khác nữa. Cho nên gọi là vô gián. Đức Phật vẫn thường hay dạy rằng: Ở những địa ngục khổ sở như vậy; nhưng cũng có

ngày có thể ra khỏi. Còn kẻ nào đã mắc vào lưới ái tình thì trăm ngàn vạn kiếp cũng khó dứt bỏ được.

Đức Phật thường hay dùng ánh sáng hào quang của mình để soi rọi vào từng cõi như thế để thuyết pháp; có vậy các chúng sanh ở đó mới thừa hưởng những phước báu, lợi lạc. Nếu ở địa ngục mà Đức Phật dùng ánh hào quang ở cõi người hay cõi chư thiên chiếu rọi vào thì các chúng sanh ở đó không thể cảm nhận được. Vì ở địa ngục không thể thấy được ánh sáng của thế gian hay chư Thiên; nên kết quả phải tương ứng như vậy.

Vì sự khổ của chúng sanh chưa dứt hẳn; cho nên các vị Bồ Tát thường thị hiện và lập lời thệ nguyện ở những cõi ấy để cứu độ chúng sanh. Trong đó có Ngài Địa Tạng là một. Ngài nguyện rằng:

“Khi nào trong địa ngục không còn một chúng sanh nữa thì ngài mới thành Phật. Nếu địa ngục vẫn còn một chúng sanh, thì quả vị Phật Ngài không nắm giữ”.

Chúng ta thấy chư vị Bồ Tát có lời đại nguyện như vậy, mà ta vẫn còn chần chừ, không cố gắng tu hành để cho chính mình được thoát khổ và cũng làm cho các Ngài giảm bớt thời gian để thành Phật; nếu không, các Ngài vẫn ở địa vị Bồ Tát để lo cứu khổ cho chúng sanh.

Ngài đang cầm hạt minh châu để chiếu soi vào địa ngục; nơi có những kẻ khổ đang đợi chờ. Một tay khác Ngài cầm cây tích trượng, ý Ngài muốn mở toang các cửa ngục để cứu khổ chúng sanh đang chìm đắm lâu ngày ở cõi khổ này. Cho nên mỗi năm nhân ngày Tụ Tứ; tức lễ mãn hạ an cư, nhằm vào mùa Vu Lan báo hiếu, cũng là mùa xá tội vong nhân. Các oan hồn nhờ đây mà có thể cao đăng Phật quốc. Vì chính sự gia trì của chư Tăng Ni mà thần lực của chư Phật, chư vị Bồ Tát mà các hương linh được nhờ.

Do vậy sự cúng bái, cầu nguyện cho thân nhân của mình quá vãng sau 49 ngày cũng là điều cần thiết. Nếu thân nhân của chúng ta có cơ duyên sanh vào cảnh cao quý rồi, thì chúng ta cũng nên đem lòng từ đến để hồi hướng hết cho tất cả các loài chúng sanh khác chẳng may đã bị đọa lạc vào chốn trầm luân, thì nhờ tiếng kinh, lời kệ, việc làm phước, bố thí, cúng dường kia, họ sẽ được nương nhờ. Đây là một tha lực tối cần thiết. Tuy là vô hình; nhưng nó ảnh hưởng không ít trong đời sống tâm linh đối với những ai chưa được siêu thoát.

Dầu cho nhìn từ đức tin của một Tôn Giáo hay tính vô tư của khoa học; hoặc giả theo tín ngưỡng bình dân đi chăng nữa thì tất cả những sức

mạnh của tâm linh đó dồn vào, cộng lại, chúng có thể làm cho ngọn gió đổi chiều và việc ác trở thành việc thiện. Việc tuy nhỏ; nhưng nếu mỗi ngày chúng ta thực hiện một ít thì trong thời gian chẳng bao lâu, kết quả sẽ đến. Đây chính là một sự thành công. Dầu cho việc cầu nguyện cũng phải như vậy; chứ không thể nào khác hơn được.

---o0o---

Chương Sáu - Sống như thế nào và Chết sẽ đi về đâu?

Thế giới có từ khi nào và thế giới, vũ trụ này sẽ tồn tại bao lâu và sau đó sẽ đi về đâu? Đó là những câu hỏi rất lớn, mà ai trong chúng ta cũng không thể trả lời được. Chỉ có những bậc Đại Giác mới có thể kham năng; nhưng các Ngài cũng đã chẳng nói ra hết. Vì có nói ra con người cũng chẳng hiểu. Vì sao vậy? Vì sự hiểu biết của chúng ta cũng như nắm lá cây trong bàn tay của Đức Phật, mà sự hiểu biết của Ngài thì giống như lá trong rừng kia, nhiều vô số kể. Từ đó việc sống như thế nào và chết sẽ đi về đâu cũng là một đề tài to lớn; nói bao nhiêu cũng không hết lời, diễn tả bao nhiêu cũng không hết ý. Chúng ta chỉ biết đơn thuần qua lời dạy của Đức Phật trong các kinh điển rằng: Thế giới này, vũ trụ này có từ vô thủy và sẽ kết thúc bằng chỗ vô chung. Vì sao vậy? Vì cái này sanh thì cái kia mất; cái này tồn tại thì cái kia phải di chuyển đi nơi khác. Nó chỉ thay đổi vị trí, chứ hoàn toàn không mất hẳn.

Như đã có lời đề cập ở chương trước rằng: Đức Phật cho chúng ta biết, tất cả các chúng sanh đang hiện hữu nơi cõi Ta Bà này đều từ cõi trời Quang Âm Thiên đầu thai đến đây. Vậy cõi này là cõi như thế nào?

“Đây là một trong các tầng trời ở cõi Sắc, tức là tầng thứ 3 của đệ nhị thiên; tầng trời này ở trên Vô lượng quang thiên và ở dưới Thiếu Tịnh Thiên. Chúng sanh ở cõi này không có âm thanh, chỉ do ánh sáng phát ra từ định tâm để thay cho ngôn ngữ mà truyền đạt ý nghĩa, vì thế nên gọi là Quang Âm Thiên. Chúng sanh có nghiệp tương ứng bậc thượng phẩm cõi Nhị Thiên được sanh về cõi trời này, được sắc tối trắng, thân cao 8 do tuần, sống lâu 8 đại kiếp, lấy sự vui mừng làm thức ăn, trụ trong an lạc, ánh sáng tự nhiên, đầy đủ thần thông, có thể bay đi trong hư không.

Luận câu xá quyển 12 (Đại Chánh quyển 29, 63 thượng) nói: “Ban đầu có một hữu tình ở cõi trời Cực quang tịnh, chết đi, sinh xuống cõi trời Đại Phạm làm Đại Phạm Vương. Sau, các hữu tình khác cũng từ cõi trời kia chết đi, sinh xuống cõi trời Phạm Phụ (...) dần dần sinh xuống nữa, cho mãi đến cõi người (...). Sau, sinh xuống ngạ quỷ, bàng sanh, địa ngục”.

Đây có ý nói chúng sanh hữu tình của thế giới Ta Bà này chính đã từ cõi trời Cực Quang Tịnh (Quang Âm Thiên) và lần lần sinh xuống.

Kinh Tăng Nhất A Hàm quyển 34 thì nói rằng: “Lúc kiếp sơ, các Thiên Tử từ cõi trời Quang Âm đến thế gian này nếm thử mùi ngon của đất, người ăn ít thì thân thể không nặng nề, không mất thần túc; nên vẫn bay về lại được chốn xưa; còn người ăn nhiều thì thân thể nặng nề, mất hết thần túc; nên không thể bay trở về lại cõi trời được nữa.

Ngoài ra, một bộ chúng của của Ngoại Kim Cương Viện thuộc Mạn Đà La Thai Tạng giới của Mật Giáo cũng đã xuất thân từ cõi trời Quang Âm Thiên này (Xem kinh Trường A Hàm quyển 20; kinh Khởi Thế quyển 7; kinh Đại Lâu Thán quyển 4; Bí Tạng Ký) (Trích Phật Quang Đại Từ Điển trang 4445 và 4446).

Như vậy chúng ta đã rõ biết là loài người từ đâu đến theo lời Phật dạy trong các kinh điển khác nhau; nhằm chỉ bày cho chúng ta nguồn gốc có từ cái này sinh và cái kia diệt; cái này mất, cái kia sẽ tồn tại. Như vậy thủy tổ của loài người là từ cõi Sắc giới; những chúng sanh tại đó có hình tướng, có ánh sáng, có thần thông và vẫn còn bị nghiệp lực chi phối; nên vẫn còn bị sinh tử luân hồi và tuổi thọ càng ngày càng giảm thiểu lại. Giảm đến mức không còn giảm được nữa, thì vũ trụ này sẽ đổi thay. Như vậy chúng ta có thể hiểu rằng: Các chúng sanh ấy không mất hẳn, mà chỉ thay đổi từ cõi này sang cõi khác; từ nơi này đến nơi kia và lúc làm thân này, thân nọ. Chỉ có những người hoàn toàn giải thoát sanh tử rồi; mới có thể chứng vào Vô Dư Y Niết Bàn, nếu không còn lời nguyện trở lại cõi nhân gian này nữa, thì người ấy vĩnh viễn không còn tái sanh lại làm người nữa.

Trong quyển “Tịnh Độ Tông Nhật Bản”, Ngài Thân Loan cho rằng có 2 cách để vãng sanh. Cách thứ nhất gọi là vãng tướng. Nghĩa là sau khi đầy đủ những điều kiện để vãng sanh rồi, chúng sanh ấy về tại Tịnh Độ Tây Phương Cực Lạc và không có ý muốn trở lại cõi này hay những cõi khác nữa. Những người được gọi là Hoàn tướng vãng sanh. Có nghĩa là sau khi được vãng sanh về thế giới Cực Lạc, người ấy vẫn còn tâm nguyện muốn cứu độ chúng sanh ở cõi Ta Bà này; nên đã phát nguyện trở lại cõi này để tiếp tục thực hiện hạnh nguyện Bồ Tát của mình.

Nếu đem Phật học ra để luận chứng thì khoa học chỉ thể hiện được những gì mắt thấy, tai nghe; còn những việc xa xôi như vậy khoa học chưa thể làm được. Có thể vào một ngày nào đó con người sẽ hiểu xa và sâu hơn như thế; chứ không phải chỉ biết được qua khoa học là con

người mới có mặt trên quả địa cầu này chừng mấy triệu năm, cũng là những chứng minh chưa rõ ràng. Nhưng con người có mặt ở cõi này để làm gì?

Câu trả lời có muôn hình vạn trạng và ta được biết rằng vì sự ham muốn mà con người bị mất thần thông và phải ở lại cõi này trong một quá trình sanh tử dài lâu như vậy. Cái dục nó làm chủ con người; nên con người mới mãi xoay vần trong sáu nẻo, ba đường là vậy. Đó chính là sự ham muốn về tiền tài, của cải, sự cao ngạo; sự ham muốn về sắc đẹp của cõi này hay cõi khác; sự tham danh, hiếu chiến, muốn mình hơn và kẻ khác phải thua. Ăn uống thì chẳng chừa một loại gì; miễn là vật ấy có thể đưa vào miệng được. Còn ngủ nghỉ thì cũng muốn có nhiều thời gian hơn để ngủ. Nguyên nhân chính, đó là sự biếng nhác của con người.

Có nhiều người “giàu nứt trứng, đổ vách”; nghĩa là không có chỗ chứa cho hết; nhưng nhân quả vẫn luôn công bình; nên “chẳng ai giàu được ba họ, mà cũng chẳng có ai phải khó ba đời” cả. Nghĩa là “hết cơn bỉ cực đến ngày thái lai” là vậy. Cái giàu và cái nghèo qua sự đánh giá có được của vật chất như: Vàng, bạc, đá quý v.v... thì chúng cũng chỉ là những vật vô tri mà thôi. Con người làm chủ đồ vật; chứ đồ vật không làm chủ con người được. Nếu con người để cho đồ vật làm chủ, thì đồ vật là chủ nhân ông của con người rồi. Từ đó chúng ta có thể suy ra rằng: “Vật chất chỉ là phương tiện của cuộc sống, chứ không phải là mục đích của cuộc sống”. Ai biết được điều này; có nghĩa là người ấy sẽ tự làm chủ bản thân của mình được.

Trong truyện Kiều cũng có mấy câu thơ cuối cũng đã diễn tả được hết những việc liên quan đến vận mệnh của nàng Kiều suốt cả một cuộc đời lưu lạc qua các chữ tài, sắc, tai họa v.v... như thế này:

“Đã mang lấy nghiệp vào thân

Cũng đừng trách bởi trời gần trời xa

Thiện căn ở tại lòng ta

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài...”

Rõ ràng là như vậy. Lúc thì chìm, lúc thì nổi, lúc long đong; nhưng cũng nhiều khi danh vọng lên đến tột đỉnh, nhất là khi đã được ở bên Từ Hải để ơn đền oán trả. Thế mà trớ trêu thay, dầu tài giỏi đến đâu, dầu đẹp cho sắc nước lưng trời như nàng Kiều đi nữa, thì cái tâm mới là quan trọng; còn cái tài lại kém thua đến ba lần. Như vậy đủ thấy rằng: Cuộc đời này có tiền, có sắc, có danh cho đến tột đỉnh cao sang trên trần thế

này, thì một ngày nào đó cũng phải vĩnh viễn ra đi, để cuối cùng cái tâm kia, mới là cái để quyết định tất cả, chứ không phải là cái tài. Trong truyện Kiều cũng có câu:

*“Bắt phong trần phải phong trần
Cho thanh cao mới được phần thanh cao
Có đâu thiên vị người nào
Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai
Có tài mà cậy chi tài
Chữ tài liền với chữ tai một vần”*

Quả thật cụ Nguyễn Du đã quá tài tình để gieo vần tiếng Việt đúng với âm thanh và vần điệu của nó, mà chắc rằng nguyên ngữ bằng chữ Hán qua truyện Thanh Tâm Tài Tử không thể nào tạo nên được một nguyên bản tuyệt vời như dịch bản của cụ Nguyễn Du. Từ đó ta cảm nhận được tất cả những gì đã được diễn tả trong truyện Kiều qua ngòi bút thần kỳ của cụ Nguyễn Du về thân phận của nàng Kiều và các nhận xét trong truyện.

Tài và tai đều đem đến phận bạc cho con người. Chỉ có tu tâm dưỡng tánh, thể hiện đường ngay thẳng, thì chính trong cái họa bị rớt xuống sông Tiền Đường; nếu không có cái tâm của Sư Giác Duyên thì làm sao Kiều có thể sống sót được và nhờ đó mà Kim-Kiều mới được tái hợp. Tác phẩm này đã nói lên được hầu hết những việc tiêu biểu của con người, thiết tưởng cũng không cần phải đi xa hơn nữa; nhưng ở đây muốn trùng tuyên lại để vinh danh cái thiện trong cuộc đời và cái giả hợp ở trong cuộc sống.

Giàu có của cải, vàng bạc chất như núi cao đi nữa thì khi chết cũng không ai có thể mang theo được một vật gì cả; ngoại trừ cái tâm này phải đối diện với thiện ác mà thôi. Cái tâm là chủ thể của mọi vấn đề. Tâm sinh ra vạn pháp; chứ vạn pháp không sinh ra tâm. Vì vậy làm chủ tâm là chính, chứ không phải làm chủ thân và những vật tùy thân. Vì những thứ này cũng chỉ là những thứ giả, không thật; dầu cho đó là vàng hay kim cương đi nữa.

Nói về sắc dục thì lịch sử trải qua mấy ngàn năm đã có không biết bao nhiêu câu chuyện đã xảy ra. Trên từ vua quan, dưới cho đến thứ dân. Ai ai cũng bị một chữ “tình” chi phối. Có người mất nước như Đắc Kỷ, Trụ Vương hay nụ cười của người đẹp Bao Tự của Trung Hoa. Riêng chỉ mỗi

truyện Kiều, chúng ta cũng có thể lấy đó làm nhiều dẫn chứng cụ thể, để từ đó tự mỗi cá nhân cũng có thể lấy làm bài học kinh nghiệm cho đời mình.

Nếu Thúc Sinh, Từ Hải, Hồ Tôn Hiến không vì cái sắc đẹp của nàng Kiều là:

*“Kiều càng sắc sảo mặn mà
So bề tài sắc lại là phần hơn
Làn thu thủy, nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh
Một hai nghiêng nước, nghiêng thành
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai...”*

Qua mấy câu thơ trên chúng ta phải nhận chân ra việc tả chân dung của cụ Nguyễn Du thật là quá tuyệt vời. Ở trên đời này làm sao có được những con người đẹp như tiên và hơn tiên như thế. Đẹp đến nỗi mà hoa còn phải ghen, liễu còn phải hờn. Đúng là nét đẹp mỹ miều; cho nên nụ cười thứ nhất của nàng Kiều cũng như của Đắc Kỷ đã làm cho thành trì nghiêng ngã và nụ cười thứ hai của các nàng đã làm cho đất nước rơi vào tay kẻ khác.

Thế nhưng tục ngữ Việt Nam cũng có câu:

“Cái nét đánh chết cái đẹp”.

Người Đức cũng có những câu tục ngữ không kém gì của chúng ta mấy. Đó là:

“Die Schönheit vergeht, die Tugend besteht”

Nghĩa đen: *“Sắc đẹp mau tàn, đạo đức mới còn tồn tại”.*

Dầu là Đông hay Tây; Nam hay Bắc, chúng ta vẫn luôn gặp nhau ở một chỗ. Đó là chữ tâm; hay nói đúng hơn là đạo đức. Chính cái tư cách, cái đạo đức ấy mới làm nên con người; chứ con người mà không có đạo đức chẳng khác nào cái cây không có cái lõi. Chính cái lõi bên trong ấy mới là điều căn bản để cây kia còn tồn tại; còn cái thân cây bên ngoài có bị hư, bị cháy, bị bầm dập thế nào đi chăng nữa, điều ấy chẳng có gì để đáng nói cả. Vì lẽ bệnh ngoài da, trước sau rồi cũng sẽ lành. Chỉ có bệnh trong tâm mới là điều cần cấp thời chữa trị.

Cũng chỉ vì nước mắt của nàng Kiều mà Từ Hải phải chết đứng, khi phải chịu đầu hàng Hồ Tôn Hiến. Nếu không có Kiều thì Từ Hải đâu phải chịu quy hàng. Điều khuyên của Kiều không sai đối với triều đình; nhưng lâu nay Từ Hải vốn là kẻ anh hùng riêng một cõi. Bây giờ lại phải phủ phục dưới triều đình thì còn cái nhục nhã nào bằng. Tuy nhiên đã có Kiều bên cạnh; nên Từ Hải an lòng. Cuối cùng rồi, chính cái sắc đẹp ấy của nàng đã làm cho anh hùng phải đến thời mặt lộ.

Ở đời thường, có không biết bao nhiêu cảnh trái ngang về chữ tình và sắc đẹp. Thiết nghĩ có viết lại đây cũng bằng thừa.

Vì lâu nay vốn dĩ đã là vậy. Người xưa cũng đã nói rằng:

“Nhơn tham tài nhi tử, điều tham thực nhi vong”

Nghĩa là con người, nếu tham lam tiền tài, danh vọng thì cái chết nó không chừa; còn chim chóc háu ăn, không biết lượng sức mình khi đồ ăn quá ngon, quá nhiều; lại ăn nhiều quá, cũng sẽ dẫn đến cái chết.

Còn danh ư? Xã hội ngày xưa cũng như ngày nay mấy ai tránh khỏi. Cũng chỉ vì hai chữ công danh mà người ta phải bỏ mạng nơi sa trường. Vì danh ấy tạo nên thế đứng cho con người; nên ngôi vị đế vương, Thủ tướng, Tổng thống v.v... là những chốn, những nơi mà con người muốn luôn đạt đến; nhưng khi đến đó rồi, có thấy gì đâu; ngoại trừ một chiếc ngai vàng vô hồn và bốn bức tường vô cảm. Nếu ngai vàng và điện ngọc cùng con ngoan là tuyệt đối thì không ai hơn Thái tử Tất Đạt Đa cách đây hơn 2.500 năm về trước cả. Vì vương triều, quốc thổ... Vua Tịnh Phạn đã sẵn sàng giao lại cho con mình; nhưng Thái tử Tất Đạt Đa đã từ chối và quyết chí đi xuất gia tìm đạo, hầu tìm đường giải cứu chúng sanh. Nếu ngày xưa, Thái tử Tất Đạt Đa vì danh lợi, ở lại với cung son, thì vị vua ấy cũng chỉ trị vì có một vương quốc nhỏ ở miền Bắc xứ Ấn Độ. Thế nhưng Ngài đã hy sinh tự kỷ cá nhân của mình. Hy sinh danh lợi riêng tư có sẵn để đi tìm cho nhân sinh một cánh cửa giải thoát mới và sau khi thành Phật được người đời xưng tụng khắp trần gian này. Ngày nay biên giới giác ngộ ấy không còn nằm trong xứ Ấn Độ nữa, mà chính giáo lý vị tha, vô ngã của Đức Phật đã mang sự lợi lạc đến cho cả hằng tỷ người, thì sự hy sinh danh vọng và địa vị một thời ấy của Thái tử Tất Đạt Đa, nó có một giá trị vô song, luôn luôn miên viễn với thời gian và năm tháng.

Cái ăn, cái mặc vốn là những vấn đề cần thiết lâu nay trong cuộc đời này; nhưng ăn làm sao cho đừng hại lòng từ bi, mặc làm sao cho khỏi tổn của Đản Na Tín Thí là một điều quan trọng mà Đức Phật đã căn dặn hàng đệ tử xuất gia rất nhiều lần và nhiều kiểu cách khác nhau để xứng đáng với

công lao của tín thí đã dâng cúng vào. Một hạt cơm của tín đồ mang đến cúng dường vào chùa nó có một giá trị vô song; nên trong cuối mỗi bữa Ngọ trai, chư Tăng Ni thường hay phục nguyện để hồi hướng cho họ như:

*“Thân phi nhứt lữ
Thường tư chức nữ chi lao
Nhứt thực tam xang
Mỗi niệm nông phu chi khổ*

Phổ nguyện:

*Ân sư huấn dục
Phụ mẫu sinh thành
Đàn Na thí chủ
Tăng ích phước điền
Pháp giới hơn thiên
Tề thành Phật đạo”*

Nghĩa:

*“Thân mặc từng sợi chỉ
Phải nhớ người dệt vải
Ngày ăn cơm ba bữa
Phải nhớ công người cày*

Lại nguyện

*Ân Thầy dạy dỗ
Cha mẹ sinh ra
Người cúng kẻ thí
Phước điền tăng nhanh
Pháp giới trời người
Đều thành Phật đạo”.*

Rõ ràng là cái ân, cái nghĩa qua bao việc khó nhọc của cuộc đời cho chén cơm, manh áo... người xuất gia phải luôn nhớ nghĩ đến và thầm cảm ơn họ. Nếu không có những người này sản xuất thì làm sao cung ứng nhu

cần căn bản cho con người được. Cho nên kẻ thọ ơn lúc nào cũng phải biết ơn người đã mang ta đến gần với con đường giác ngộ, hiểu biết.

Người Pháp cũng nói rằng:

“Manger pour vivre et non vivre pour manger”

Nghĩa: Ăn để mà sống; chứ không phải sống để mà ăn”.

Ăn là một phương tiện trong đời sống hằng ngày; chứ không phải là mục đích. Mục đích chính là nhờ vào cái ăn này để nuôi thân và từ đó chúng ta mới ra khỏi chỗ hiểm nguy của sanh tử được.

Còn ngủ nghỉ vẫn là một đề tài mà xưa nay luôn được bàn đến. Vậy ngủ bao nhiêu thì đủ? Có người nói rằng: Mỗi ngày ngủ 8 tiếng đồng hồ mới đủ. Có người bảo phải nhiều hơn. Có người nói ít hơn cũng không sao. Nhưng đúng hơn hết "biết đủ là đủ". Nếu người không biết đủ thì bao nhiêu cũng không đủ cả. Từ tiền tài, vật chất, danh vọng, sắc đẹp, địa vị, ăn uống, ngủ nghỉ v.v... đều như vậy. Khi ta chủ động làm chủ mọi vấn đề trên, thì dầu cho ở trong bất cứ hoàn cảnh nào đi chăng nữa, ta vẫn thấy tự tại an nhiên. Nếu chúng ta không nhận định và thực hành điều này một cách mạnh mẽ, quyết liệt, thì ta sẽ bị chúng làm chủ. Lúc ấy ta không còn là ta nữa.

Ngày xưa khi Đức Phật còn tại thế, mỗi ngày đêm Ngài thường chỉ nghỉ có 2 tiếng đồng hồ và sau mỗi lần nghỉ dậy như vậy trong các kinh sách hay nói rằng: Đức Phật từ trong chánh định mà dậy; nghĩa là dầu trong cái ngủ nghỉ của Ngài; tất cả Ngài đều làm chủ và Ngài muốn thức lúc nào; chính cái định và trí tuệ sai khiến; chứ không phải cái vô minh nó có thể làm chủ được. Người nào ngủ nghỉ nhiều thì trí tuệ dần kém, mà trong ba đời chư Phật, thành được đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác, tất cả đều nhờ vào trí tuệ. Chính trí tuệ quyết định và soi sáng mọi hành hoạt của chúng ta.

Có nhiều người bảo rằng: Nếu phải làm hay thực hiện các việc trên một cách rất ráo như vậy thì có gì có thể gọi là Ngũ Dục nữa. Vì cõi này là cõi ham muốn, mà diệt dục tức là từ bỏ những ham muốn đi. Như vậy cuộc đời này còn có ý nghĩa gì nữa? Vậy phải sống để làm gì? Dĩ nhiên khi còn là người Cư sĩ, phải lăn lộn với cuộc đời và bị cuộc đời chi phối; nhưng nếu chúng ta vươn lên, ta cũng có thể dựa vào hàng Thánh; Còn nếu ta buông bỏ, lêu lổng thì cuộc đời này nó sẽ cuốn ta theo, không một chút nhân nhượng nào. Khi sinh ra ở cõi Dục này; chúng ta đã mang theo được 50% là việc thiện còn 50% là việc ác. Vì cõi này là cõi tương đối

mà. Thế nhưng từ 50% thiện ấy, nếu chúng ta cố gắng tu tập và hành trì miên mật 37 phẩm trợ đạo, thì đây là hướng để đi lên. Chúng ta vẫn thấy những con người bình thường và đồng thời chúng ta cũng thấy những con người bình thường như những bậc Thánh Tăng. Đồng thời chúng ta cũng sẽ gặp những con người tầm thường nữa. Đó là những con người đi từ 50% tốt trở xuống những phần xấu xa, sâu thẳm của cuộc đời. Vậy thì việc tốt, việc xấu v.v... tất cả đều do ta tự tạo ra; chứ không có ai chi phối chúng ta cả. Đây là một phép lạ mà mọi người cần phải biết. Phép lạ ấy không phải là bay lên hư không hay đi trên mặt nước, mà là đi hai chân thật vững chãi trên mặt đất vậy.

Cũng là con người mà có người bình thường, có người không bình thường, có người cao cả, có kẻ Thánh nhân, có người phi thường, mà cũng chẳng thiếu những con người tầm thường, thiếu tư cách của một con người thực sự. Chính những hành vi tạo tác; chính những hành động, cử chỉ và tư cách của mỗi con người, làm nên giá trị đích thực của con người đó; chứ không phải là vàng bạc, kim cương, son phấn trang sức ở bên ngoài thân thể của mình.

Sống như thế nào, đã được trả lời như bên trên. Nếu chúng ta biết "biết đủ muốn ít" thì cuộc sống sẽ mang lại cho chúng ta nhiều sự an lạc hơn. Ngược lại, nếu chúng ta đua đòi, không sợ đến nhân quả và nghiệp báo, thì dầu cho anh hay chị trong kiếp lai sinh có thể làm đến Đế Thiên Đế Thích ở trên cõi trời thứ 33 thì anh hay chị vẫn thấy thiếu thốn như thường. Vì ông Trời này có đến 3.000 bà vợ và bà nào cũng đẹp; nhưng thật sự ra chỉ có một chánh cung Hoàng Hậu mà thôi. Còn những Hoàng Hậu bên cạnh đó, là Hoàng Hậu hóa thân của chánh cung Hoàng Hậu này. Sở dĩ có nhiều Hoàng Hậu như vậy là để cung ứng cho cái dục ở cõi Sắc này chẳng? Và như thế vẫn chưa đủ; nên các ông vua vẫn cứ truyền tử lưu tôn đến các đời sau. Cho nên Thiên Tử của Trung Quốc phải có đến 999 bà Phi cùng một bà Hoàng Hậu mới vừa lòng; nghĩa là chỉ thua vua Trời ở cõi gần nhất một bà Hoàng Hậu mà thôi.

Ai trong chúng ta sanh ra rồi cũng phải sống. Có người chỉ sống trong bụng mẹ mới được mấy tháng là đã phải thay đổi kiếp khác để tái sinh; có người ra chào đời liền gặp hạnh phúc, may mắn, sanh vào nhà quyền quý, có kẻ hầu người hạ; nhưng cũng có lắm người khi sinh ra đã bị mù, đui, câm, điếc, ngọng nghịu, tật nguyền. Có người sống được vài chục tuổi lại phải chết, khi tuổi thanh xuân vẫn còn tràn đầy nhựa sống. Có người sống khổ sở, tha hóa, cô cút một mình. Có kẻ bất hiếu với cha, với mẹ. Có người sống lâu đến 80 hay thậm chí đến 100 tuổi. Có người khỏe

mạnh, chẳng bệnh hoạn đau yếu gì; trong khi đó có không biết bao nhiêu người phải vào ra bệnh viện không biết bao nhiêu lần. Có người hạnh phúc, có kẻ khổ đau. Vì sao vậy?

Trong kinh đã dạy:

*“Dục tri tiền thế nhân
Kim sanh thọ giả thị
Dục tri lai thế quả
Kim sanh tác giả thị”*

Nghĩa:

*Muốn biết nhân đời trước
Hãy xem nhân đời này
Muốn rõ quả đời trước
Hãy xem việc hiện tại.*

Nếu hiện tại tốt thì tương lai sẽ tốt. Ta chỉ có thể sửa đổi trong hiện tại; chứ nghiệp trong quá khứ chúng ta sẽ không thể chuyển đổi được nữa. Còn tương lai nằm ngoài tầm tay mình, làm sao chúng ta có thể sửa đổi được.

Chúng ta được cái may mắn là sinh ra ở cõi Nam Diêm Phù Đề này, có Phật và Thánh chúng thị hiện. Nếu chẳng may chúng ta sanh vào các cõi Đông Thắng Thần Châu, Bắc Cu Lô Châu hay Tây Ngưu Hóa Châu, thì những nơi đó chỉ sống sung sướng hưởng lạc; nhưng lại không có Phật ra đời. Vậy ai sẽ hướng dẫn cho chúng ta tu học? Trong đời này cũng có cái khổ của tam đồ và bát nạn; nhưng nếu chúng ta cầu nguyện chí thành, thì mọi việc sẽ được viên mãn hơn. Đó là những người sanh ra trước Phật quá lâu, khi ấy Phật chưa xuất hiện ra đời này. Vì đây ở vào khoảng cuối của thời mạt pháp trước. Hoặc cũng có người thiếu duyên; nên sanh ra sau thời kỳ mạt pháp của Phật trong nhiều kiếp; nên cũng đã chẳng gặp Phật và nghe được giáo pháp của Ngài. Giáo Pháp của Đức Phật chia ra làm 3 thời kỳ. Đó là:

Thời chánh pháp, chúng sanh có tu, có hành và có chứng.

Thời kỳ tượng pháp, chúng sanh có tu, có hành và không chứng.

Thời kỳ mạt pháp, chúng sanh có tu, không hành và không chứng.

Ba thời gian ra đời và tồn tại giáo lý như thế của một Đức Thế Tôn trong mỗi kiếp khác nhau và giữa những thời gian mật pháp và chánh pháp có nghĩa là trước hay ra đời sau Phật.

Những người bị những bệnh như: Đui, mù, câm, ngọng, điếc cũng là một nỗi khổ lớn của một kiếp nhân sinh. Vì chẳng ai muốn như vậy; nhưng vì nghiệp dĩ đã tạo ra ở đời trước rồi; nên trong hiện tại phải chịu quả báo như thế. Đây cũng là nỗi khổ của những chúng sanh trong cõi Dục này; khiến cho chúng ta không khỏi ngậm ngùi khi bị hệ lụy như vậy.

Cái khổ cuối cùng của 8 nạn khổ bên trên là thế trí biện thông. Có nghĩa là những người hiểu biết quá nhiều. Dùng tài cán của mình để biện minh cho những sự hiểu biết đó; nhưng sự hiểu biết ấy chắc gì đã đúng. Vì vậy cho nên tâm chấp trước, cống cao ngã mạn lại nổi lên, làm cản trở niềm tin với Tam Bảo, với Phật Pháp. Cái chấp thủ vào một hay nhiều vấn đề; chính là sự cản trở trên tiến trình giải thoát sanh tử; những người sống với loại thế trí biện thông này thường hay coi trọng danh dự, địa vị, sự hiểu biết và hay xem thường nhân quả, nghiệp báo hay luân hồi v.v... từ đó dẫn họ đến một trong 8 nạn khổ ở thế gian này là vậy. Cho nên những câu kệ trên đã giúp cho chúng ta biết rằng chúng ta sẽ đi về đâu, sau khi chúng ta gây ra cái nhân trong hiện tại của kiếp này.

Người xưa thường nói:

“Thiên đường hữu lộ vô nhân vấn

Địa ngục vô môn hữu khách tầm”.

Nghĩa :

“Thiên đường có lối không người hỏi

Địa ngục không cửa, lắm người tìm”.

Nơi giải thoát sanh tử, thanh tịnh trang nghiêm đã có lối đi, có lời Phật dạy, có Thánh nhơn chờ đợi ở đó; nhưng mọi người thấy khó, ít dùng năng lực tự có và tha lực cầu nguyện để được thăng tiến cho cuộc sống của tâm linh. Chỉ vì ngại khó.

Còn địa ngục; nơi chốn tội lỗi, tối tăm... thế nhưng có nhiều người muốn vào. Điều này cũng dễ hiểu thôi. Vì lẽ đi lên cao thì ngược chiều và cần dùng đến nhiều sức lực. Còn đi xuống, không cần gì cả; chỉ cần hướng đến bên dưới thì cái lực chiêu cảm của nghiệp cũng đủ mạnh để lôi kéo ta đi vào con đường hiểm nạn. Thế mà nhiều người vẫn tự nguyện vào.

Để chứng minh điều dễ hiểu này bằng ví dụ sau đây: Ngày rằm, mùng một cửa chùa nào chẳng rộng mở và mỗi tháng 4 ngày chủ nhật, nhà thờ nào cũng mở cửa để đón các tín hữu đi lễ; nhưng so ra với những chỗ du ngoạn; những nơi cờ bạc; những chỗ ăn chơi, không ai gọi mời mà nhiều người còn tự nguyện bỏ tiền ra đi mua vé để được vào. Vì họ nghĩ rằng ở đó có nhiều niềm vui. Tuy biết rằng có sa đọa, có tội lỗi. Tuyệt nhiên không sợ nhân mà chỉ sợ quả mà thôi. Còn Bồ Tát thì ngược lại, ngay từ đầu thấy cái nhân không tốt và biết chắc là cái quả cũng sẽ khó lường; cho nên họ sẽ dừng ngay lại những gì không phải đạo.

Chư Tổ cũng hay dạy rằng:

“Ái bất nhiễm, bất sanh Ta Bà

Niệm bất nhất, bất sanh Tịnh Độ”

Nghĩa:

Ái chẳng nhiễm, chẳng sanh Ta Bà

Niệm chẳng nhất (tâm), chẳng sanh Tịnh Độ”

Ta Bà này là chỗ phải kham nhẫn mới có thể độ mình và độ người được. Nếu Bồ Tát vào đời mà thiếu sự kiên nhẫn và phải mặc chiếc áo giáp nhẫn nhục này vào thì mới có thể đi vào đời một cách an nhiên được. Cũng có nơi nói rằng:

“Sát sanh, thăng thiên đường

Phóng sanh, đọa địa ngục”

Nghĩa:

Sát sanh, lên thiên đường

Phóng sanh, xuống địa ngục.

Nếu chỉ hiểu theo nghĩa đen thì câu này dường như đối chọi hoặc tương phản ý nghĩa của giáo lý nhà Phật xưa nay; nhưng không phải vậy. Chữ sát sanh ở đây có nghĩa là giết những sự sống, những mầm mống sinh ra bởi tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, biên kiến, kiến thủ, tà thủ và giới cấm thủ. Những loại này nên giết sạch đi. Vì chúng là nguyên nhân sinh ra những bệnh tật của ngu si, ngã mạn, tà kiến. Nếu làm được như vậy thì sẽ lên được cảnh giới giải thoát.

Còn phóng sanh ở đây có nghĩa là buông lung, giúp cho sự sống của phỉn não càng ngày càng tăng, ái dục càng ngày càng nhiễm nặng, tự ái,

ngã mạn, buông lung vô độ... thì tất nhiên khi chết đi, cửa địa ngục đang chờ đợi những người có hành vi phóng sanh như vậy.

Vì thế cho nên trong kinh Bát Đại Nhân Giác đoạn mở đầu có nói rằng: Các vị Bồ Tát muốn thay thế cho các chúng sanh để thọ nhận những khổ báo trên đời này. Thế mà chúng sanh chưa ý thức được những tâm nguyện của các vị Bồ Tát. Dĩ nhiên khi các Ngài đã phát nguyện, các Ngài chẳng nề hà gì những khó nhọc, hay ngay cả nhiều lúc nguy hiểm đến tánh mạng nữa; nhưng các Ngài vẫn không mản tới. Miến sao những chúng sanh bị chìm đắm trong sanh tử được an vui, hiểu được giá trị của sự tu học, làm việc thiện lương là các Ngài đã hoan hỷ nhiều rồi.

Bồ Tát thấy chúng sanh khổ; nên vào ra trong cảnh khổ và lần dẫn dắt chúng sanh ra khỏi nhà lửa của tam giới ấy; nhưng chúng sanh mãi ham nơi dục lạc; nên đã quên băng đường về. Ở đó để cho lửa nóng đốt cháy. Bồ Tát thấy vậy, bèn dùng phương tiện để dụ cho chúng sanh ra khỏi nhà cháy này, nhằm thoát hiểm. Có như thế sanh mạng của chúng sanh mới được an toàn.

Cũng có nhiều người không tin là có kiếp sau, mà họ nghĩ là việc chết sẽ kết thúc những chặng đường đã đi qua, sau đó là một khoảng không to tướng; không Phật, không Chúa, không giải thoát, không đọa lạc, không địa ngục, không thiên đường... Nếu chấp nhận một chủ nghĩa hư vô như vậy, thì bây giờ họ tha hồ làm ác, đâu có đời sau đâu mà sợ quả báo. Dĩ nhiên là họ không tin là có địa ngục; nên họ mới quan niệm như vậy; nhưng ở đây chúng ta thử tìm hiểu một trong nhiều địa ngục, để từ đó hiểu biết thêm về các cảnh giới khác nhau bên ngoài cảnh giới mà chúng ta đang sinh sống đây.

“A Tỳ Địa Ngục là một trong 8 địa ngục nóng. A Tỳ hay A Ty, tiếng Phạn là Avici. Còn gọi là A Tỳ Địa Ngục, A Ty chỉ địa ngục. Dịch ý là Vô Gián Địa Ngục. Kinh Quán Phật Tam Muội Hải quyển 5 phẩm Quán Phật Tâm (Đại Chánh 15, 668 trung): “Vì sao gọi là địa ngục A Ty ? - A là không, Ty là ngăn che; A là không, Ty là cứu; A là không gián cách, Ty là không động dật; A rất là nóng bức, Ty là rất buồn bã; A là không thoải mái, Ty là không dùng trụ. Không thoải mái, không dùng trụ, gọi là địa ngục. A Ty. A là lửa bốc, Ty là nóng cháy. Lửa mạnh đốt tâm, gọi là địa ngục A Ty.

Phẩm Quán Phật Tâm còn nói, địa ngục này nằm ở tầng dưới cùng của các địa ngục, có 7 lớp thành sắt, 7 tầng lưới sắt, 7 lớp nội thành có rùng gươm. Ở dưới có 18 ngăn, chung quanh 7 lớp đều là rừng dao. Có 18 ngục tốt. A Ty có 4 cửa ra vào, trên các ngưỡng cửa có 80 cái chõ, đồng

sôi phun lên, từ cửa chảy tràn vào. Những chúng sanh giết cha hại mẹ, sỉ nhục sáu thân, sau khi chết phải rơi vào địa ngục này.

Các chúng sanh chịu khổ ở địa ngục A Ty đều không thể kham nổi những cực hình như bị rang, rán (chiên), vì đau đớn quá mà kêu gào; cho nên nơi đây còn được gọi là A Ty hoán địa ngục (địa ngục kêu gào). Lại vì lửa mạnh đốt người; nên gọi là A Ty tiêu nhựt địa ngục (địa ngục nóng cháy). Lại vì địa ngục A Ty rộng mênh mông, không một sức phàm nào có thể thoát ra được, nó kiên cố như một thành trì lớn; cho nên gọi là A Ty đại thành (xem kinh Trường A Hàm quyển 19 phẩm địa ngục; kinh Đại Lâu thán quyển 2 phẩm Nê Lê; kinh Khởi Thế quyển 4 phẩm địa ngục; luận Câu Xá quyển 11; Phiên dịch danh nghĩa tập quyển 2); (xem thêm phần Vô Gián địa ngục) (Trích Phật Quang Đại Từ Điển trang 85-86).

Nếu ai tin nơi Đức Phật là một bậc đại trí tuệ, đại giác ngộ, thì cũng có thể tin rằng Ngài cũng có thể dùng thần thông diệu dụng và trí tuệ tuyệt vời để thấy khắp các cõi nước trong 3.000 thế giới lớn nhỏ; ngay cả cõi Tây Phương Cực Lạc, cách thế giới Ta Bà này 10 vạn ức cõi Phật như thế, mà Đức Phật vẫn còn thấy được, thì một cảnh giới của Địa Ngục Vô Gián mà Đức Phật đã mô tả trong kinh Trường A Hàm vốn là những kinh căn bản, có xuất xứ từ tiếng Pali, thì chúng ta không thể nghi ngờ gì khác được. Đó chỉ là những lời Phật dạy. Phật đã vì chúng sanh bị trôi lăn trong cõi địa ngục; nên mới giới thiệu rõ nét như vậy. Còn tin hay không, khi nắp quan tài đập lại thì nghiệp cảnh đài tiền sẽ hiện ra trước mắt rồi. Lúc ấy có bỏ chạy đi đâu cho khỏi những tội lỗi mà mình đã gây ra trong kiếp này và quá khứ; chỉ có địa ngục mới có thể chứa hết được mà thôi.

Người xưa đã chả thường nói rằng: “chưa thấy quan tài, chưa đổ lệ” là vậy. Vì nhiều người nghĩ rằng: sự chết nó sẽ đến với ai xa lạ kia; chứ nó sẽ không đến với mình. Vì mình còn trẻ mà. Cho nên câu nói trên ngụ ý nhắc khéo cho mọi người biết rằng: Khi sắp vào quan tài thì đã quá muộn màng rồi. Ngày xưa Phật hỏi các vị Đệ tử rằng:

- Đời người sống được bao lâu ?
- Bạch Thế Tôn! 50 tuổi
- Ông mới ở ngoài da
- Bạch Thế Tôn! 80 tuổi
- Ông đã được vào xương
- Bạch Thế Tôn! Chỉ trong một hơi thở

- Chính ông mới là người đã vào được trong tâm.

Rõ ràng là như vậy. Con người khi hít vào mà không thở ra; tức là đã xong một đời rồi, làm sao định nghĩa được là bao nhiêu tuổi mới phải chết, hay được chết hoặc bị chết? Ai hiểu được sự vô thường thì người ấy sẽ thực hành pháp tu một cách nhanh chóng, không phải suy nghĩ gì nữa cả. Còn ai chỉ muốn “bói tông tìm vết” mà không có ý thức về việc này thì sự chứng thực vẫn còn xa.

Trong sách Trần Thế cũng có nói rằng:

“Dép dưới giường, lên giường vội biệt

Sống ngày nay, chẳng biết ngày mai

Mạng người hô hấp kinh thay

Nghĩ cơn vĩnh biệt tuyền đài mà đau”

Có người tối đi ngủ, để dép bên dưới giường; sáng mai đến không còn có cơ hội để xỏ chân vào dép nữa. Như vậy là đời người cuối cùng rồi cũng chỉ trong hơi thở mà thôi. Khi cơn vĩnh biệt chia ly đến, thì mọi người mới ngỡ ngàng. Lúc ấy đã quá trễ rồi, không còn thời gian để chuẩn bị nữa. Chi bằng ngay từ bây giờ. Bắt đầu từ ngày hôm nay phải hạ thủ công phu để tu tập; ý niệm rõ ràng việc sống chết là có thật; nó đến với ta bất cứ lúc nào. Địa ngục và thiên đàng cũng có thật. Nó không phải là những nơi chốn để hù dọa hay thưởng phạt, mà nó chính là một định nghĩa chính xác nhất để trả lời cho câu hỏi như ở đầu chương này đã nêu ra là: sống như thế nào và chết sẽ đi về đâu, vậy.

---o0o---

Chương Bảy - Hiện tượng của những hồn ma

Đã gọi là hiện tượng thì chẳng có gì thật cả, mà sự thật của hiện tượng; ấy chính là không. Đã là không thì nói làm gì; nhưng cái không ấy vẫn có đối với nhiều người; nên cần phải đề cập đến là vậy. Có người tin có ma và có người không tin rằng ma hiện hữu. Vậy thì, ai tin có, cứ cho rằng có; ai tin không thì cứ gọi là không. Vì lẽ cái thấy, cái nghe, cái nhận biết của mỗi người trong chúng ta, không ai giống ai cả. Khi chúng ta xem, đọc hay nghe một việc gì, cứ bình tĩnh suy tư và sau đó có thể đứng từ điểm 50% của sự việc để nhìn tới hướng 100% nằm ở phía trước để thấy đúng cái gì và sai cái gì, và cũng từ 50% ấy hãy nhìn lui lại thật kỹ ở phía sau để nhận xét và phán đoán. Hãy khoan đi tới kết luận vội. Vì xưa nay trong cái đúng luôn ẩn tàng cái sai và trong cái sai ấy, tận cùng cũng

có một ít cái đúng nằm nơi đó. Cho nên bất cứ một vấn đề gì khi đến trước mắt ta, hãy chậm rãi quan sát, chấp nhận hay không, rồi từ đó mới nhận xét và thực hành.

Tôi vẫn thường hay ví dụ về quả sầu riêng cho dễ hiểu. Người thích trái cây loại này thì bảo rằng ngon đáo để, ăn vào để ngậm mà nghe; nhưng người không thích sầu riêng, chỉ nghe mùi thôi là đã dội ngược lại rồi; chứ đừng nói gì đến ăn. Cho nên người không thích thì bảo sầu riêng thối, sầu riêng hôi. Nhưng trên thực tế, bản thể của sầu riêng nó là vậy. Nó chẳng hôi, chẳng thối mà cũng chẳng thơm. Nếu có, chỉ vì người đối diện nhận xét, phê bình nó; chứ nguyên thủy, nó vẫn là nó. Khi sinh ra vốn đã có gai, khi già đi thì có người chọc cho rụng xuống đất hoặc tự rụng, rồi tự lột vỏ để người đời thưởng thức những múi sầu riêng nhiều thịt ấy.

Chương này tôi sẽ kể lại tất cả những chuyện ma, quỷ và những người bị nhập, kể từ khi tôi biết đến nay. Nó sẽ là những nụ cười hóm hỉnh, khó nói ra được, mà nó cũng có thể là một sự sợ hãi vô cớ; nhưng đây là sự thật đã xảy ra trong đời tôi từ khi tôi xuất gia cho đến nay đã đúng 50 năm rồi. Trong 50 năm ấy đã có không biết bao nhiêu là vật đổi sao dời; nhưng những câu chuyện như thế này nó vẫn còn nằm sâu trong tâm khảm của mình. Tôi nhớ là tôi đã kể đâu đó trong những lần thuyết giảng liên quan với đề tài tái sanh, hay gì gì đó; nhưng hôm nay tôi ghi vào sách tử tế để chứng minh cho những gì đã xảy ra trong quá khứ và vẫn còn luôn liên hệ đến hiện tại.

Khi tôi vào chùa xuất gia ở Viên Giác và Phước Lâm tại Hội An, Quảng Nam khi tuổi đời mới ở vào độ tuổi 15. Tuổi trăng tròn này nếu ở đời chắc có nhiều mộng mơ lắm; nhưng với tôi, với lứa tuổi ấy đã có một định hướng rõ ràng cho tương lai mình, là tôi sẽ đi xuất gia, xa gia đình và xa tất cả. Dĩ nhiên là tôi cũng không biết sẽ được cái gì với một đời sống xuất gia như vậy; nhưng lòng đã quyết; nên từ bỏ tất cả để vào chùa. Khi vào chùa, tôi không ngờ ngần bất cứ một điều gì cả. Vì trong tâm tôi luôn sẵn sàng chấp nhận mọi thử thách gian nan, dầu cho bất cứ là việc gì đi nữa, tôi cũng sẽ sẵn sàng ứng phó. Không chối bỏ, không chạy trốn, không lẩn tránh trách nhiệm.

Tất cả đều ở trong thái độ sẵn sàng như thế, thì một hôm Thầy trụ trì Thích Như Vạn kêu bọn Điều chúng tôi lên dặn.

- Này! Các Chú – Ngày mai Thầy đi vắng. Các chú phải nhớ là chiều nào cũng phải cúng cô hồn nha !

- Mô Phật! Bạch Thầy. Chúng tôi chấp tay và cúi đầu.

Thầy có vẻ vừa ý lắm; nhưng trong tâm của chúng Diệu chúng tôi thì rất vui. Vì Thầy đi rồi, mình ở nhà tự biên, tự diễn, những chú lớn khác đã có công việc riêng của Thầy giao rồi; nên chúng tôi ngoéo tay nhau là sau khi Thầy đi rồi, chiều nay và chiều mai sẽ không cúng cô hồn, làm sao Thầy biết được và chú nào thừa lại với Thầy thì sẽ bị loại ra ngoài. Đoạn chúng tôi leo lên cây me, cây bàng chùa Phước Lâm để chơi trò trẻ thơ như cút bắt, nhảy cao v.v... một buổi chiều qua, rồi hai buổi chiều qua cũng cứ như thế; không ai trong chùa biết là chúng tôi không đi cúng cháo cô hồn. Cả đám Diệu 4 hay 5 chú gì đó nhìn nhau tủm tỉm cười. Tối đó Thầy về, chúng tôi vẫn thái độ bình thản, như chẳng có việc gì xảy ra; nhưng sáng hôm sau, sau giờ ăn mới là điều đáng nói.

Thầy bảo: Tại sao các chú ở nhà không cúng cô hồn?

Chú này nhìn chú kia nghi ngờ. Tại sao chúng mình đã ngoéo tay với nhau là không nói; nhưng tại sao Thầy lại biết? À, thì ra có lẽ là chú Thị giả tối hôm qua hầu Thầy, bị Thầy gạn hỏi; nên đã trình thưa chẳng? Thế là tất cả các chú đều hướng về chú Thị giả. Chú ta tỉnh bơ, giống như là chẳng có chuyện gì xảy ra. Vì chú tự nghĩ là mình không chủ động việc ấy, thì có gì để mà lo.

Sau bữa ăn sáng, chúng tôi lại nghi ngờ nhau và lớn tiếng đổ lỗi cho Chú này và nói xấu qua Chú khác. Khi Thầy nghe lớn tiếng nên mới vọng hỏi từ trong phòng ra là:

- Cái gì mà tụi con lớn tiếng vậy?

- Bạch Thầy! các Chú này nghi con thưa với Thầy việc các Chú không đi cúng cô hồn trong 2 ngày qua cho Thầy biết...

Thầy từ tốn nói rằng:

- Không phải vậy đâu! Tối qua khi Thầy vừa chợp mắt thì thấy có không biết bao nhiêu người mặc áo trắng đến báo tin cho Thầy hay là họ đói quá. Thầy mới hỏi tại sao thì những người ấy trả lời rằng: Vì 2 ngày qua các Chú không cúng cháo cho họ ăn.

Chúng tôi sau khi nghe xong câu chuyện này đều rớt tóc gáy và xin chí thành sám hối và hứa với Thầy là từ nay về sau sẽ không dám làm những điều như vậy nữa.

Câu chuyện ấy xảy ra từ năm 1964 tại Hội An và nay là 2014; nghĩa là 50 năm, tôi lại có suy nghĩ như thế này: Những người chết oan uổng và nhất

là những người sau 49 ngày họ không đi đầu thai được. Vì không có thân nhân cúng quảy; nên mới ra nông nổi ấy. Chỉ có chùa mới là nơi giúp họ có thể no đủ; nên họ phải nương vào để đủ no cơm, ấm lòng. Vì họ là những chúng sanh chưa có hình tướng nên cơm cháo phải qua những câu thần chú gia trì, cơm, cháo, bánh, trái kia mới tự hóa nhỏ và loãng ra được. Nhờ đó các loài cô hồn này, trong đó có cả ngạ quỷ cũng dự phần. Bài chú ấy như sau:

Biến thực biến thủy chơn ngôn

Nam Mô Tát Phạ Đát Tha, Nga Đa Phạ Lồ Chi Đế. Án Tam Bạt Ra, Tam Bạt Ra hồng (3 lần)

**Nam Mô Tô Rô Bà Da, Đát Tha Nga Đa Da, Đát Điệt
Tha. Án Tô Rô Tô Rô, Bát Ra Tô Rô, Bát Ra Tô Rô Ta Bà Ha (3 lần)**

Án Nga Nga Nẳng, Tam Bà Phạ, Phiệt Nhựt Ra Hồng (3 lần)

Ba câu thần chú này nguyên ngữ bằng tiếng Phạn, chỉ được dịch âm ra các câu ngôn ngữ của Phật Giáo Đại Thừa khác như: Trung Hoa, Đại Hàn, Tây Tạng, Nhật Bản, Việt Nam... chỉ bằng âm; chứ không có nghĩa. Vì nội dung của 3 câu thần chú này là biến các đồ ăn và thức uống ra thật loãng, để cho cô hồn và ngạ quỷ có thể thọ hưởng được.

Câu chuyện tiếp theo cũng tại chùa Phước Lâm ở Hội An vào năm 1966. Nguyên là trong chùa chúng tôi ở toàn là những người xuất gia; chỉ có một người Cư sĩ duy nhất. Đó là Cô Năm làm công quả, chuyên lo nấu nướng, dọn dẹp trong chùa và lo cơm nước cho chúng tăng; nhưng đột nhiên có chuyện không may xảy ra là trong chùa có một chú bị mất cây bút máy. Thuở ấy đa phần viết bằng ngòi viết lá tre và chấm mực bằng phẩm màu xanh. Giấy viết toàn là giấy súc; khi chấm mực xanh viết vào giấy thì chữ nhòe ra. Thế mà chúng tôi đốt đèn cây vào ban đêm, vẫn có thể soi rọi vào những mặt chữ được, rồi tái hiện vào trong não bộ của con người, cũng quả là điều linh diệu. Do vậy, bút máy là một loại bút cao cấp. Ngòi bút máy rất đẹp và mỗi khi hết mực, chỉ cần bơm mực vào ống là có thể an tâm ngòi viết, mà không sợ mực đổ lên người, hay lên giấy như những người học trò ngòi bên cạnh. Thế nhưng chú Phong đã bị mất một cây bút máy như vậy. Chú Hạnh Thu là một người rất nghiêm khắc; nên đã họp chúng lại và đầu tiên là mỗi chú đều phải tự phê lỗi của mình, sau đó là người khác phê bình lỗi của người đối diện. Ban đầu, mới họp chẳng quen, trông và nghe việc này nó ê ẩm lắm. Tuy nhiên, qua những kiểm điểm mỗi tháng 2 lần trong chúng như vậy, ai cũng thấy tự mình có

tiến bộ rõ rệt. Đây tôi muốn nói về cái tiến bộ của nội tâm, của những người mới ở ngoài vào chùa. Vì đời sống ở trong chùa đa phần nó khác nhau rất nhiều so với đời sống thế tục; trong các cử chỉ như: Đi, đứng, nằm, ngồi v.v... Cho nên oai nghi tế hạnh là những điều căn bản. Thế mà hôm nay đã có người bị mất trộm và dĩ nhiên là phải có người trộm, thì vật kia mới mất chứ? Nhưng ai là người lấy đây ?

Quả là một câu hỏi mà ai trong chúng tôi cũng khó có thể trả lời được. Cho nên có chú đề nghị là nên cầu cơ.

- Cầu cơ? Chú Hạnh Thu lớn tiếng hỏi lại như vậy.
- Nhưng cơ gì?
- Thì cơ làm bằng ván hòm hay đế guốc bằng gỗ cũng được.

Một chú đề nghị như vậy.

Thế là giữa đêm khuya thanh vắng của một đêm trăng rằm, các chú Diệu chùa Phước Lâm, có chú còn để chỏm, có chú cao lớn, có chú ốm o gầy mòn; nhưng cũng nghịch đảo để... Bên trên bàn cầu cơ tôi thấy có chữ Phật, Thánh, Người, Ma, Quỷ... nghĩa là từ dưới lên cao đều hiện hữu. Một bên có vẽ hình trái tim và người ta để con cơ vào đó. Bên này để là “giáng”, bên kia để chữ “thăng”. Khoảng chung quanh giống như một cái vòng cung thì viết 24 chữ cái A, B, C... lên đó. Điều quan trọng là tất cả mọi người cần phải thành tâm dưới khói trầm hương và đèn cây tỏa rạng. Một chú đọc:

“Ba Lãng nhất dạ động đình thu

Nhật kiến cao phong thủy trọng phù

Văn độ Thần tiên nhất thiết kiếp

Sơn hà phù thủy cộng du du.

Ba Lãng trong suốt một hình

Hồn cao chót vót một mình chơi vơi

Thần tiên cuộc sống tuyệt vời

Non bằng hồ thủy một đời phiêu du”.

Đó là 4 câu chữ Hán và 4 câu tiếng Việt. Tôi không còn nhớ là mình nhớ có đúng không. Vì việc xảy ra đã 50 năm rồi. Chúng tôi đọc mà chẳng biết mình đọc cái gì; nhưng nhiều người đọc thật thành tâm, tự dung thấy ngón tay trở của một chú đặt lên trên miếng cơ rung rinh và miếng cơ tự nhiên di chuyển từ chữ “Thăng” và cuối cùng thì trụ lại ở chỗ chữ

“Thánh”. Thánh đây chẳng biết là Thánh nào; nhưng chúng tôi trong lòng ai cũng mong Thánh chỉ cho đúng người lấy cây bút máy qua việc cầu cơ này để cho trong chùa được yên.

Một chú lớn hỏi: Ông là Thánh gì?

- Thánh ở cõi Tiên

Vậy xin Thánh ở cõi Tiên ứng vào cơ và chỉ gấp vào những vần chữ cái để cho chúng con ráp nhau lại và sẽ rõ biết được người nào đã lấy cắp cây bút máy.

Thế là Thánh ở cõi Tiên bắt đầu chạy đến vần L rồi qua vần U và những vần kế tiếp v.v... Đoạn cơ ngưng lại một hồi và cơ tự chạy về chỗ chữ “Thăng”. Từ đó người đứng cầu cơ trở lại bình thường, tay không run như khi còn bị mất lại nữa. Sau cầu cơ, dĩ nhiên là cơ chỉ không rõ lắm. Cứ lắp chữ và suy luận hoài chẳng biết là ai; nhờ vậy mà có chú ra đầu thú và sám hối tội lỗi của mình. Từ đó cả chúng thở phào nhẹ nhõm.

Điều tôi muốn nói ở đây không bàn về chánh tín hay mê tín; nhưng tại sao phải dùng đến ván của quan tài và gỗ mục cũ? Có lẽ những loại này vẫn còn gián tiếp hấp thụ bởi nhân điện của người mất cũng như người đã xử dụng chiếc guốc lâu năm; nên khi tay người còn sống chạm vào cơ và cơ ấy tiếp xúc với những tia quang phổ của người kia hợp lại, thêm lời cầu nguyện chân thành nữa; nên con cơ kia tự động di chuyển và dĩ nhiên người được ngồi cầu cơ không thể tự mình sắp đặt trước được. Vì mắt bị bị tối, không thấy gì cả. Ngón tay tiếp xúc với cơ chỉ đi theo mệnh lệnh của con cơ mà thôi.

Tôi nghe nói bên đạo Cao Đài cũng thường hay cầu cơ; nhưng vì chưa tham dự một lễ nào; nên không biết cách cầu cơ của họ ra sao? Nghe đâu mỗi lần như thế có cả Phật, Bồ Tát, chư Thiên giáng cơ để nói những điều ẩn ẩn hiện hiện và cốt giúp cho con người ăn hiền ở lành, tu tâm dưỡng tánh.

Vậy đây là hình thức gì?

Những gì trong khả năng của con người không làm được, người ta thường hay cầu khẩn đến những bậc Thần Linh, hay Phật, Bồ Tát. Mỗi vị thị hiện ra trong cuộc đời này một hình ảnh, một cách thức khác nhau. Cho nên người ta thường nói “hữu cầu tắc ứng” là vậy. Cái nào có chí thành, chí kính, thì cái đó có ý nghĩa của sự việc đó. Còn việc cầu có được hay không, lại do phước đức của mỗi người và dĩ nhiên là có lúc được, lúc không; lúc đúng, lúc sai, chứ không phải lúc nào cũng đều đúng cả.

Một câu chuyện khác xảy ra vào năm 1963 tại quê hương tôi. Lúc ấy tôi đã chuẩn bị đi xuất gia. Năm đó trời miền Trung hạn hán và bệnh tật cũng nhiều. Tự nhiên từ đâu đó loan tin là ở trên Bàu Huyện có Đức Quan Thế Âm Bồ Tát thị hiện. Ai uống được nước ao đó thì bệnh nào cũng có thể chữa hết. Dĩ nhiên là cũng có người tin mà cũng lắm người không. Trong làng tôi ở có một gia đình nọ có bà vợ đau lâu năm; nhưng chẳng lành; uống thuốc gì cũng không khỏi. Gặp ai bảo Thầy giỏi, thuốc hay thì gia đình đều bỏ công và tiền bạc ra để đi tìm cho được Thầy Lang ấy về bắt mạch cho thuốc; nhưng cuối cùng rồi “tiền hết nhưng tật vẫn còn mang” rồi bịnh đau cũng hoàn lại đó. Nay nghe có Phật Bà Quan Âm hiện ra để cho thuốc; nên bà ta đang bệnh; nhưng mừng lắm và kêu chồng nói:

- Này ông! Cha con ông cố gắng làm sao đi xin nước Bàu Huyện về cho tôi uống để xem thử như thế nào?

- Việc đi thì cũng không khó; nhưng... Ông chồng bỏ lửng câu trả lời; nhưng hai cha con cũng chuẩn bị ngày hôm sau ra đi với mấy chai trống trên tay, cốt xin nước Thánh đem về cho bà.

Thật ra thì hai cha con nhà nọ chẳng đi đến Bàu Huyện, mà suốt ngày lêu lổng dạo chơi đâu đó, để tối về, vào lu nước của nhà mình múc mấy chai và đầy lại; đoạn khe khẽ mở cửa vào nhà với dáng điệu mỗi mệ. Bà ta hỏi:

- Sao cha con ông đi lâu dữ rứa? Ở nhà tôi chờ phát mệ luôn.

- Ừ! Thì phải cố chen lấn mới múc được mấy chai và cẩn thận mang về lại nhà cho bà đó.

- Ở đâu vậy? Hãy đưa nhanh cho tôi.

Cha con ông từ tốn, tự nhiên, trong khi bà vội vàng uống lấy uống để hơn nửa chai nước lạnh kia và nuốt ngực lia lịa bảo rằng: Mát quá, ngọt quá...

Sau chừng một tiếng đồng hồ, cha con ông trở lại giường bệnh để hỏi bà:

- Sao! Bà thấy thế nào?

- Khỏe quá ông ơi! Đúng là Bồ Tát đã gia hộ.

Cha con ông nhìn nhau vừa vui mừng vừa tự hỏi rằng: Tại sao thuốc uống không hết mà nước lạnh uống lại hết bịnh?

Sau đó bà ta uống thêm 2 chai nữa là hết bịnh vĩnh viễn luôn.

Về sau này, khi bà ta hết bệnh vĩnh viễn rồi, mới đem câu chuyện này kể lại cho mọi người nghe sự thật về những chai nước ấy và căn bệnh của bà. Bà cười như mếu và bảo rằng:

- Chỉ có Bồ Tát mới cứu tôi được đó. Còn cha con ông thì...

Câu nói không có phần kết; nhưng rõ ràng là một niềm tin mãnh liệt vào Phật và Bồ Tát thì có thể cứu khổ được không biết bao nhiêu là kiếp nhân sinh khốn khổ trong cuộc đời này. Bồ Tát đã thị hiện hóa thân trong nhiều hình thức khác nhau và tâm nguyện của Bồ Tát là lúc nào cũng ban vui cứu khổ; nên nếu có chúng sanh nào đó hợp với lời nguyện trên thì những vấn đề tâm linh dễ được tháo bỏ. Từ đó người ta thăng hoa cuộc sống của mình lên một mức cao hơn nữa. Đó là “Đức tin sẽ sinh ra mọi thứ công đức”.

Trong thời gian mấy mươi năm ở Đức thỉnh thoảng tôi vẫn gặp một số trường hợp không bình thường của một số người, mà họ gọi là hiện tượng ma nhập. Người thân trong gia đình thường rất khổ sở với những việc như vậy. Nghĩa là cuộc sống bình thường không có gì thay đổi; nhưng khi có ai đó nhập vào thì người kia mạnh lên gấp đôi, gấp ba và đổi giọng đàn bà thành đàn ông, đàn ông thành đàn bà. Có người thì chịu vào chánh điện để lễ Phật, nghe kinh; nhưng cũng có lắm con ma cứng đầu, không chịu quy y Tam Bảo và cũng không chịu gặp quý Thầy. Đa phần những con ma như thế có cặp mắt đỏ chói, rất hung hăng, khác xa với một người bình thường lắm. Lúc thì la to, nói những gì chẳng ai hiểu. Lúc thì nói lí nhí trong miệng suốt ngày.

Tất cả những trường hợp như vậy, tôi đều làm lễ trong mấy chai nước, trì chú Dược Sư vào đó và bảo thân nhân người bệnh kia cho uống mỗi ngày 3 lần đến khi nào hết bệnh thì thôi. Nếu bệnh chưa hết mà nước đã hết thì về chùa lần nữa để lễ Phật và cầu nguyện. Tôi hay để mỡ lên trên đầu để tụng Đại Bi Thập Chú hay có khi để mỡ trên đầu của người bệnh, gia trì cho đến hết 5 đệ Lăng Nghiêm và Thập Chú mới lấy mỡ đi. Sau đó bảo lễ Phật, sám hối. Nhiều người ngoan ngoãn nghe theo.

Cũng có lắm khi tôi cho vào trong Đại Hồng Chung gióng lên nhiều tiếng; khiến cho những tà ma nhập vào người ấy phải chạy ra ngoài để người sống được yên; nhưng cũng có lắm con ma không chịu nghe theo tiếng Đại Hồng Chung; nên đã thổi thục chối từ và sau đây là những câu chuyện có thật xảy ra tại chùa Viên Giác Hannover.

Một hôm Thầy Hạnh Lý có thừa với tôi là: Bạch Sư Phụ! Có một cô gái bị một anh chàng trẻ tuổi chết oan nhập vào và đã đổi giọng nữ thành giọng nam, đang ở trên chánh điện. Nhờ Sư Phụ lên xem dùm.

Tôi mặc áo lễ vào và bước lên chánh điện. Con ma lễ phép “Bạch Sư Ông” và nói:

“Con khổ quá Sư Ông ơi! Con bị tai nạn xe hơi và chết tại Hà Nội; nhưng không siêu và trong cổ của con vẫn còn găm cái bánh xe nơi đây. Nhờ Sư Ông lấy dùm ra cho con”.

Đó là giọng của đứa con trai nói; nhưng thật ra cô là con gái. Khi bình tĩnh hỏi cô có sự tại sao thì cô ta kể lại rằng:

Cô đang sinh sống làm ăn tại Đức, khi nghe tin của cha cô ta qua đời; nên cô đã về quê dự đám tang của Ba cô; sau đó cô qua Đức lại và con ma này nó theo con hoài, con chịu không nổi; nên nhờ Sư Ông cứu cho con.

Tiếp đến khi bị nhập thì tôi hỏi rằng: Tại sao lại nhập vào người ta làm gì như vậy? thì con ma nam trả lời rằng: Tại vì con này nó yếu lắm, nên con nương vào nó để ăn nhờ.

Ồ! Quả thật con ma này cũng khôn đó! tôi thầm nói trong bụng như vậy và con ma này nhập cư vào Đức không có Visa. Nó đi theo một cô gái, mà cô này chẳng muốn có sự hiện hữu của nó bao giờ ở trong gia đình cả. Vì cô ta còn có chồng và con nhỏ 2 tuổi nữa. Đoạn tôi hỏi:

- Vậy thì bây giờ con muốn gì?

- Con muốn quý Thầy trưa nay cúng dùm cho con hai mâm. Một mâm cho Ba con và một mâm cho người này.

Tôi nhìn qua Thầy Hạnh Lý và ngầm bảo Thầy ấy lo việc cúng cơm trưa nay dùm. Thế nhưng khi Thầy Hạnh Lý xuống nhà bếp của chùa nói sao không biết và bảo rằng: Cúng một mâm được rồi. Làm gì cúng tới hai mâm. Thế là con ma hiện thân ra người nam, nổi giận đùng đùng, tạo ra tư thế giận dữ không chấp nhận điều ấy.

Sau khi nghe thuật lại điều này, tôi nghĩ rằng: Con ma này cũng khôn thật. Yêu sách đòi hai mâm mà không cúng đủ hai mâm, lại tỏ ra giận dữ. Sau đó Thầy Hạnh Lý chịu làm cúng hai mâm và nói với con ma nhập rằng:

- Sau khi cúng 49 ngày thì đi nghe!

Không biết con ma có nghe không hay giả vờ, nó chẳng trả lời gì cả. Sau khi cúng vong hai mâm xong; thấy con ma ấy vẫn hiện nguyên hình là con ma nói tiếng con trai thì Thầy Hạnh Lý hỏi:

- Thế bây giờ còn muốn gì nữa?

- Con muốn quý Thầy cúng cô hồn thật lớn vào chiều nay và sau khi cơm ăn xong thì con đi.

- Nói cho thật nhé !

- Dạ vâng! Con ma trả lời thật nhỏ nhẹ.

Chiều hôm ấy cả Thầy Trụ Trì Hạnh Giới và Thầy Quảng Chúng, Hạnh Luận cũng như Thầy Hạnh Lý và có cả tôi nữa cũng lên chánh điện chùa Viên Giác để cúng cô hồn theo lời đề nghị của ma. Tôi nghĩ rằng: Những con ma này là những con ma chết oan ức, chưa được giải thoát; nên phải giúp cho nó theo Phật để siêu sanh; điều kiện đầu tiên là phải quy y Tam Bảo cho nó. Chứ cho nó ăn hôm nay thì mai nó cũng nhập lại cô này và vào chùa đòi ăn theo yêu sách, cách này hay cách nọ mà thôi.

Đoạn tôi hỏi nó:

- Con có muốn quy y Tam Bảo không?

- Quy y là cái gì vậy?

- Là nương vào lực của Tam Bảo Phật, Pháp, Tăng để giải thoát; chứ đừng nương vào cô này nữa. Vì cô này có chồng và có con dại, con phải buông tha cô ta ra.

- Con nghe lời theo Sư Ông.

- Nhưng mà chưa hết, sau khi quy y Tam Bảo còn phải nên thọ trì ngũ giới nữa.

- Nhưng ngũ giới là gì vậy Sư Ông?

- Đó là: Không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu.

- Những giới này con có thể giữ được cả; nhưng xin Sư Ông lấy tay lấy dùm bánh xe mắc kẹt trong cổ của con ra đi.

- Không có gì khó cả và sau khi quy y, ta sẽ cho con một pháp danh để theo đó mà tu hành.

Một lễ quy y đơn giản cử hành ngay tại bàn ông Tiêu Diện Đại Sĩ và sau đó tôi cho pháp danh cho con ma này là Đồng Thoát. Có ý muốn nói đến

sự giải thoát sanh tử. Con ma này tỏ ý vui mừng và chịu nghe kinh, khi quý Thầy tụng từ “Nhược hơn dục Liễu tri...”. Đến chỗ “Án, noan, noan, noan, noan, noan. Nam Mô Tam Mãn Đà Mẫu Đà Nấm Án Noan... tôi bảo con ma là hãy ngồi dậy để thọ nhận những giọt nước cam lồ của Phật thì con ma bây giờ đã hoàn hồn lại một cô gái bình thường, tươi tỉnh và bảo rằng:

- Thưa Sư Ông! Con đã ăn hết 3 bát cháo rồi; nhưng bạn của con, một lũ lâu la theo con lâu nay đang đứng chờ phía trước cửa chùa, vì quý Thầy chưa cho phép vào.

- Hãy cho vào hết đi và Sư Ông sẽ quy y cho cả một tập thể một lần.

Sau khi quy y cho đám lâu la kia xong, con ma đã được quy y trước quay ra chúng bạn của ma mà bảo rằng:

- Này nhé! Lâu nay chúng mày là đồ đảng của ta, là thuộc hạ của ta. Bây giờ tất cả chúng ta đều quy y nơi cửa Phật. Vậy thì chúng ta là bạn với nhau thôi; chứ không còn chủ tớ nữa.

Không biết là lũ ma kia có biết gì không; nhưng sau ngày cúng lễ cô hồn lớn ấy tại chùa Viên Giác Hannover thì cô gái kia không còn trở lại chùa nữa và nghe đâu đời sống của cô ta đã hoàn thiện như cũ.

Đây là câu chuyện có thật 100% xảy ra tại chùa Viên Giác Hannover cách đây hơn một năm về trước. Vậy đây là gì ?

Từ câu chuyện trên đây,, chúng ta đều thấy rằng: Việc cúng bái, giỗ chạp, Tết nhất, cầu nguyện, siêu độ, chẩn tế cô hồn, cúng Mông Sơn thí thực v.v... tất cả đều có ảnh hưởng cả 2 chiều, nghĩa là cả người sống lẫn kẻ chết. Người sống có cơ hội thể hiện lòng từ, bố thí cầu nguyện và nhờ lực này mà người chết được hưởng lây. Từ đó những linh hồn đi vất va vất vương lâu nay có cơ hội được về gần những nơi giải thoát hơn. Nếu không cúng quảy, cầu nguyện thì cũng giống như hiện tượng của Phan Thị Bích Hằng đi tìm mộ liệt sĩ trong thời gian gần đây mà thôi.

Chuyện được kể là có nhiều người lính bị chết trận mấy mươi năm nay, sau chiến tranh năm 1975 mọi người ít còn ai nhắc đến những người đã mất tích nữa. Xem như đó là một việc vô vọng. Thế nhưng có một vị Tiên hay một vị Thánh nào đó có uy lực và có lời nguyện là sẽ dựa vào một người và qua người đó, sẽ mách bảo những hình hài vô chủ đã chết nơi chiến trường lâu nay, bây giờ có thể tìm lại được thân nhân để mang hài cốt về lại quê quán cũ.

Câu chuyện chỉ đơn thuần là vậy; nhưng có người chết trận đã năm sáu chục năm nay mà vẫn không đi đâu thai được. Hồn còn lẩn quẩn nơi xác; chỉ chờ cơ hội có người có khả năng thì tựa vào đó để nói lên nhu cầu đòi hỏi của mình. Thỉnh thoảng vẫn có những thông tin sai, hoặc cũng có những nhà ngoại cảm ăn theo để tìm nguồn tài chánh; nhưng tất cả đều thất bại. Nhà nước thấy vậy, muốn dùng cô Phan Thị Bích Hằng vào việc khác; nhưng những vị Thiên Thần dựa vào cô, họ không thực hiện được. Cho nên khi trao qua lãnh vực khác thì Phan Thị Bích Hằng không thể thành công. Những vị Thiên Thần này cũng khôn lắm. Nếu làm sai ý nguyện thì các Ngài sẽ không hiện hữu nữa.

Hiện tượng này đã một thời làm náo động tại Việt Nam; đôi khi còn lan đến cả ngoại quốc nữa; nhưng đây chỉ là việc của thế gian. Việc của sự đối đãi, hơn thua; chứ không phải là việc giải thoát luân hồi sanh tử. Muốn giải thoát sanh tử phải nương vào lực Tam Bảo. Nhờ năng lực này mới có thể cứu ta ra khỏi bể khổ sanh tử trầm luân.

Chuyện tiếp theo xảy ra cách đây hai năm tại Niệm Phật Đường Tam Bảo tại Reutlingen; nơi Ni Trưởng Thích Nữ Như Viên trụ trì. Năm đó có Hòa Thượng Tịnh Nhân từ Việt Nam qua, Thầy Huệ Pháp từ Ấn Độ đến. Ngoài ra còn có cả Thầy Hạnh Thức và Cô Hạnh Trang nữa. Khi đọc sớ xong, tiếp đến là phần hồi hướng cho lễ Vu Lan, tự nhiên tôi nghe tiếng động cửa thình thình ở phía sau chánh điện vang lại. Kế tiếp lại nghe tiếng heo tru và tiếng chó sủa. Tiếng tru càng ngày càng lớn và tiếng sủa càng ngày càng to. Tôi chẳng hiểu chuyện gì, vì đang chú tâm phục nguyện và hướng về phía bàn Phật. Tôi khẽ thưa Thầy Tịnh Nhân là nhờ Hòa Thượng đến xem thử chuyện gì ? Đó là một người đàn bà độ 53 tuổi đang thở hổn hển trước 150 người hiện diện đang dự lễ Vu Lan hôm đó. Mọi người dẫn bà ta qua một cái phòng khác và hỏi có sự tại sao, thì bà ta nói rằng:

“Chính bà là mẹ của người này, bà chết đã 50 năm rồi, khi người con gái này mới có 3 tuổi và bà ta theo suốt một cuộc hành trình dài như vậy để cứu giúp con gái của mình và bây giờ con gái của bà bị nạn; nên bà muốn quý Thầy giúp cho nó; nhưng phải là Thầy Phương Trượng kia, chứ không phải ông Hòa Thượng này”.

Thế là Hòa Thượng Tịnh Nhân chờ cho tôi làm lễ xong, kể đó qua phòng bên để hỏi thăm tự sự thì được biết rằng: Bà mẹ muốn giúp con gái mình mà không thể giúp được; chỉ nhờ quý Thầy giúp đỡ mới an toàn. Thế là bà ta kể hết mọi chuyện cho tôi nghe và nhân danh là người mẹ của người con gái 53 tuổi này. Sau đó tôi đề nghị là nên quy y Tam Bảo để

được theo Phật về Tây và bà ta đã gặt đầu; nên tôi đã làm cho bà ta một lễ quy y Tam Bảo đơn giản trước giờ cúng vong.

Ở đây những điều căn bản cần nêu ra là: Tại sao người chết ấy không hiện về ban đêm để nói cho người con gái hay biết, mà lại hiện về lúc cúng lễ Vu Lan?

Vì Vu Lan cũng có nghĩa là lễ cứu cái tội treo ngược. Dầu cho là tội gì đi nữa, thì ngày ấy là ngày xá tội vong nhân và nhân cơ hội này những hồn oan mới được vào chùa để nghe kinh, nghe pháp cũng như dự lễ chẩn thí cô hồn hay cúng vong linh. Chỉ có những cơ hội đó, vong hồn chết oan uổng ấy mới có đủ nghị lực mà tham gia những pháp hội này. Vì không bị xua đuổi. Chỉ do chúng ta mời mọc, cho phép họ mới vào. Tuy âm dương hai ngả; nhưng vẫn có một điểm thông thoáng giữa người còn và kẻ mất; nên có thể giao thoa với nhau trong khung cảnh của Thiền Môn có sự chứng kiến của mọi người và sự trợ duyên của chư Tăng Ni. Nếu ai bảo chết là hết, thì điều này chưa hẳn đúng. Vì có nhiều người chết, chưa siêu, hồn vẫn còn vất vưởng đó đây. Họ chỉ có thể nương nhờ vào người thân để dự phần cầu nguyện thanh cao này, để hồn họ đỡ bơ vơ lạc lõng, khi không có chỗ nương nhờ.

Cũng trong ngày hôm đó trên đường đi dự lễ Vu Lan tại Niệm Phật Đường Tam Bảo về, chúng tôi ghé thăm và làm lễ cho một nhà hàng của người Việt Nam ở vùng gần Frankfurt. Gia chủ đã thỉnh từ lâu; nên tôi đã kết hợp thời gian tiện lợi để đi đến làm lễ nơi này. Tạm dừng trên đường đi, tôi cảm nhận có điều gì lạ lạ và mọi người chọc Thầy Hạnh Thức đang ngồi chung trong xe hơi là: Biết đâu hôm nay sẽ có người nhập vào Thầy Hạnh Thức? - Thế là mọi người cười xòa và Thầy Hạnh Thức cũng chẳng nói gì thêm.

Khi đến trước cửa tiệm, tôi quan sát thấy khách qua lại quá nhiều, mà chẳng ai vào tiệm này; trong khi hai tiệm hai bên lại đầy khách. Khi hỏi cô chủ, mới được biết rằng: Chủ tiệm trước là một người Đức. Không biết ông làm ăn thất bại ra sao đó; nên đã tự tử trên lầu và kể từ đó về sau hồn oan của ông cứ về mãi; khiến cho ai đến làm ăn ở đây cũng đều phải bỏ đi.

Hòa Thượng Tịnh Nhân nghe vậy cũng lưu tâm và tôi mời Thầy ấy làm chủ lễ. Khi Thầy ấy mới triệu thỉnh đến câu thứ 3 và vừa mới Nam Mô Nhất Tâm Triệu Thỉnh... thì cô chủ tiệm đang quỳ lạy sì sụp đó bỗng đứng khua chân múa tay, mặt mày đỏ au, rồi nằm lăn ra trên mặt đất, trong khi đó miệng cô ta thốt ra tiếng gì chẳng ai nghe rõ. Đoạn Thầy

Tịnh Nhân lấy tràng hạt của mình đang đeo trên cổ xuống và đeo vào trên cổ của cô ta. Thầy ấy lấy tay mình để lên trên đầu của cô ấy và bảo với giọng nhỏ nhẹ rằng: Hãy nhiếp tâm niệm Phật, cầu Phật gia hộ. Tôi không biết là con ma nhập này có hiểu tiếng Việt không; nên tôi đã dịch sang tiếng Đức và sau đó cô ta ngồi yên ổn đầu đó rồi, tôi mới nói về Tứ Pháp Ấn bằng tiếng Đức cho con ma Đức này nghe. Đó là vô thường, khổ, không và vô ngã. Tôi đã lặp lại lời Phật dạy rằng:

“Phàm tất cả những gì có hình tướng đều phải bị chi phối của vô thường. Ngay cả thân thể này của chúng ta cũng vậy. Khi còn trẻ khỏe thì khác, lúc già rồi tóc bạc, da nhăn, trí óc trở nên tàn lụi; không còn lanh lẹ như thuở thanh niên lúc 18 tuổi nữa. Đó chẳng phải vô thường là gì nữa? Bao nhiêu người giàu sang phú quý, bổng chốc của cải đã tan tành. Ví dụ sự việc xảy ra tại hai tòa nhà thương mại ở New York Hoa Kỳ vào ngày 11 tháng 9 năm 2001 vừa qua thì trong ta ai cũng rõ. Đâu có ai ngờ chỉ trong tích-tắc, một tòa nhà kiên cố mấy chục tầng đã biến thành tro bụi và hàng ngàn người đã bị chết oan trong thảm họa này. Họ hầu như là những người được may mắn hơn những người khác, vì có công ăn việc làm, có xe hơi nhà lầu; không ai chờ đợi việc như thế cả; nhưng việc vẫn xảy đến. Ai có thể ngăn lại được đây. Cho nên căn bản của vô thường ấy là khổ. Sự khổ ấy nó cũng không phân biệt ai cả. Khi nghiệp đến, thì mọi vật đều khó thoát khỏi lưới hái của tử thần.

Căn bản của khổ ấy chính là không. Vì mọi vật trên đời này đều không có thật tướng. Thật tướng của mọi vật đều không và cái không ấy là kết quả của vô ngã mà ra. Thật ra đâu có cái gì là ngã. Do ta nương vào sự chấp thủ mà cứ nghĩ đó là đúng; nhưng trên thực tế có nhiều điều sai trái, mà mình đâu có nhận chịu. Phải nhìn thẳng vào bộ mặt thật của nó. Hãy đừng để nó đánh lừa mình.

Từ vô minh nên con người mới gây ra nhiều tội lỗi; những hành động không sáng suốt và từ đó tạo nên một chuỗi dài của sanh tử triền miên. Muốn vô minh không còn nữa thì phải tận diệt cái chết trước rồi sau đó mới đến cái già bệnh, cái sanh v.v... cứ như vậy đi ngược lại dòng sanh tử thì mọi sự sẽ vượt qua

Trong khi tôi thao thao bất tuyệt như vậy thì cô chủ tiệm đã trở lại trạng thái bình thường và với thái độ như lúc đầu, cô đánh lễ Tam Bảo cũng như chư Tăng Ni hiện diện hôm đó. Sau đó có người hỏi cô là: Cô đã biết điều gì xảy ra với cô trong suốt thời gian ấy không? Thì cô ta trả lời là không biết gì hết.

Thầy Huệ Pháp, Thầy Hạnh Thức, Ni Trưởng Như Viên và tôi hôm đó đã chứng kiến việc xảy ra trước mắt 2 lần cùng trong một ngày như vậy. Cho nên nếu ai đó có hỏi rằng: Tôi có tin không ? thì tôi trả lời rằng: Dĩ nhiên là tôi tin chứ. Tin có những oan hồn chưa siêu thoát và họ chỉ muốn dựa vào một người nào đó để nói lên tâm nguyện của mình và tôi hy vọng rằng hôm ấy hồn ma chết oan của ông đã được mãn nguyện, vì tôi đã thuyết giảng toàn bằng tiếng Đức cho hồn ông ta hiểu. Từ ấy về sau chẳng thấy cô chủ tiệm này liên lạc về chùa nữa. Cũng có thể là buôn bán khá hơn; nên quên đi chuyện cũ, mà cũng có thể là cả gia đình sợ quá nên đã dọn đi nơi khác rồi chẳng?

Chuyện kể tiếp là chuyện cách đây mấy mươi năm, khi Đan Mạch chưa có chùa và chưa có Thầy nào đến cư trú tại đó thì Hội Hồng Thập Tự của Đan Mạch hay gọi điện thoại qua chùa Viên Giác tại Hannover để nhờ tôi giúp đỡ. Một hôm họ có một đám tang của một người ty nạn, họ muốn mời tôi đến và Hồng Thập Tự dàn xếp cho tôi ở lại tại một khách sạn tương đối sang. Vì thuở ấy người ty nạn mới đến, vẫn còn ở trong các trại tạm cư, chưa có nhà riêng; nên không đón tôi về nhà họ được. Chỉ có cái may mắn là một số quý Phật tử nấu chay tại nhà và mang đến khách sạn cho tôi vào tối hôm ấy để cho tôi dùng. Tôi cảm ơn họ.

Tôi đặt lưng xuống giường để ngủ trong trạng thái bình thường và tự nhiên nửa đêm tôi nghe như có tiếng nói bên tai mình và bảo rằng: Ông hãy nằm quay đầu lại. Vì dưới này có một cái mộ chôn cất đã lâu năm. Có lẽ lúc đó tôi nghe cũng trong cơn vô thức, mà tôi hành động cũng vô thức nữa; cho nên sáng hôm sau trước khi thức dậy, quan sát thì thấy rõ ràng, tối hôm qua thì cái đầu mình xoay về hướng đó; nhưng sao bây giờ lại ở hướng này? Tôi nhớ lại câu chuyện đêm qua và cũng không muốn kể câu chuyện này lại cho ai nghe cả. Nhưng sau khi làm lễ đám tang xong, tôi đã nói chuyện với quý Phật tử vùng Ejsberg trong cả tiếng đồng hồ, những người trong Hội Hồng Thập Tự thấy có sự gần gũi như vậy; cho nên họ hỏi tôi có muốn ở lại thêm một ngày nữa không? nếu muốn thì họ sẽ tiếp tục thuê phòng số 1 của khách sạn hôm qua để cho tôi ở lại. Tôi trả lời là xin cảm ơn! Hôm nay tôi phải về lại Đức; nhưng họ đâu có biết rằng: Tôi ớn cái phòng số 1 của khách sạn kia vào tối hôm qua biết là đường nào.

Tôi tụng chú vãng sanh để cầu cho họ siêu. Có lẽ vì khi chết, bị oan uổng gì đó; nên bây giờ cần phải báo mộng cho người có thể giúp đỡ được cho mình vậy thôi. Nên đầu là người Đức, người Đan Mạch, người Nga, người Mỹ, người Pháp v.v... ai cũng có tình cảm, ai cũng có tâm linh. Họ vẫn

biết vui, biết buồn, biết thương, biết ghét, biết lẽ phải và biết việc trái đạo; nên họ đã biểu hiện tấm lòng của mình qua những việc gởi gắm tâm linh như đã thể hiện qua hai câu chuyện tại Đức và tại Đan Mạch như trên. Chúng ta cũng chẳng lấy gì làm lạ. Vì ở đâu cũng có những thiện thần và ác thần. Thiện thần thì luôn gìn giữ, ủng hộ như các Tứ Thiên Vương luôn luôn ủng hộ Đức Bốn Sư của chúng ta trong mọi tình huống mà Đức Phật cần đến; nhưng đồng thời Ma Ba Tuần nó cũng sẵn sàng chờ đợi ở đó khi nào Đức Phật và chúng Tăng sơ hở thì nó sẽ chen vào: nhằm phá hoại gây rối tổ chức, gây rối nội bộ, gây rối con người; cốt làm cho phân ly ra thì chúng mới hả dạ. Vì đó chính là nhiệm vụ của Ma Ba Tuần mà.

Việc gặp ma, mỗi người đều có mỗi cách kể khác nhau, chẳng ai giống ai cả. Vì những loại thiên ma ba tuần, ma trời, ma đấng già, ma vương, ma quỷ, ma cà rồng v.v... mỗi loại đều có những thủ thuật khác nhau; nhưng chỉ chung có một điều. Đó là ma. Ma được định nghĩa là Mara; có nghĩa là sát giả, đoạt mệnh, năng đoạt mệnh giả, chướng ngại v.v... Ma ở đây dùng để chỉ các loại ác thần chuyên cướp lấy mạng sống con người và làm trở ngại những việc thiện.

“Cứ theo phẩm Hàng Ma trong kinh Phổ Diệu quyển 6 thì khi Đức Phật thành đạo, Ma Vương Ba Tuần sai 4 ma nữ tên là Dục Phi, Duyệt Bỉ, Khoái Quan và Kiến Tông đến nhiễu hại Đức Phật.

Theo phẩm Đạo Lợi Thiên trong kinh Trường A Hàm quyển 20 và kinh Quá Khứ Hiện Tại nhân quả quyển 3, thì Ma Vương là Tha Hóa Tự Tại Thiên, trụ ở tầng trời thứ 6 ở cõi Trục, là vị Thần chuyên phá hoại chánh pháp, được gọi là Thiên Tử Ma, hoặc Thiên Ma Ba Tuần.

Còn theo kinh Tăng Nhất A Hàm quyển thứ 27, thì Ma Vương Ba Tuần có đầy đủ 5 lực là: Sắc lực, thanh lực, hương lực, vị lực và tế hoạt lực.

Kinh Phật Bản Hạnh tập quyển thứ 12 thì nêu ra 12 thứ ma quân là: Tham muốn, hay tức giận, đói khát, lạnh nóng, tình ái đả đui, ngủ nghỉ, kinh hãi khiếp sợ, ngờ vực, sân hận phẫn nộ, tranh giành danh lợi, ngu si không trí, tự cao khoe khoang và thường hay chê bai người khác.

Nói theo nội quán thì tất cả những gì làm náo loạn chúng sanh như phiền não, nghi hoặc, mê luyến v.v... đều gọi là ma; chướng ngại do thân tâm của mình sinh ra, gọi là nội ma; chướng ngại từ bên ngoài đến, gọi là ngoại ma; cả 2 gọi chung là Nhị Ma.

Theo luận Đại Trí Độ quyển 5 thì ngoài thực tướng của các pháp, còn tất cả đều là ma.

Luận Du Già Sư Địa quyển 29 nêu ra có 4 loại ma:

1) Ngũ ấm ma, cũng gọi là ngũ uẩn ma, uẩn ma, ngũ chúng ma, ấm giới nhập ma. Năm Uẩn hay sinh ra các thứ khổ não, là nhân duyên cướp mất mệnh sống

2) Phiền não ma: Phiền não thường mang lại khổ đau từ lúc sinh ra cho tới khi chết.

3) Tử ma: Chính cái chết được gọi là tử ma.

4) Thiên Tử ma: Cũng gọi là Thiên ma; những việc làm chướng ngại sự giải thoát sanh tử.

Tứ ma thêm “tội ma” thành ra Ngũ Ma; hoặc tứ ma thêm 4 tâm điên đảo như vô thường, vô ngã v.v... thành Bát ma.

Hoa Nghiêm kinh tùy số diễn nghĩa sao quyển thứ 29 thì nêu ra 10 loại ma. Đó là: Uẩn, phiền não, nghiệp tâm, tử, thiên, thiện căn, tam muội, thiện tri thức, bồ đề pháp trí.

Đại Thừa Pháp Uyển nghĩa lâm chương quyển 6, phần đầu, thì tổng hợp các loại ma chia thành 2 thứ: Phần Đoạn ma và Biến dịch ma. Phần đoạn ma chính là phiền não chướng, ngăn trở sự chứng đạo của hàng Nhị Thừa. Còn Biến dịch ma tức là Sở tri chướng, ngăn ngại sự chứng đạo của hàng Bồ Tát. Phần Đoạn và Biến Dịch mỗi loại có 4 ma, cộng thành 8 ma.

Ngoài ra Ma Ha Chỉ Quán quyển 8 hạ, có nói rất rõ về các ma chướng sinh khởi trong khi tu thiền.

Về phương pháp đối trị ma thì có thể niệm tam quy, ngũ giới hoặc tụng chú trừ ma, niệm Phật v.v... Trong pháp tu Mật Giáo thường hạn chế một khu vực nhất định có kết giới pháp, để ngăn ngừa sự xâm nhập của ma chướng.

(Xem kinh Tạp A Hàm quyển 33; kinh Hàng Ma trong Trung A Hàm quyển 30; kinh Phật Bản Hạnh tập quyển 22; Phẩm Phá Ma trong Phật sở hành táng quyển 3; Huyền Ứng âm nghĩa quyển 24; Tuệ Uyển âm nghĩa quyển hạ; Tuệ Lâm âm nghĩa quyển 12, 25). (Trích Phật Quang Đại Từ Điển trang 2998 và 2999).

Như vậy chính thức có 4 loại ma và từ đó sinh ra 10 loại ma; nhưng ma nào cũng chỉ có 2 loại. Đó là ma từ bên trong ra và hai là ma từ bên ngoài đến. Tâm của ta cũng giống như cái nhà có cửa mở, đóng. Người nào đó cứ mở cửa tâm hoài, không chịu đóng lại, thì gió nghiệp sẽ thổi vào và lúc ấy trong ngoài hợp nhau sẽ tạo thành nhiều loại ma khác nhau. Nhưng ở đây phải hiểu, tất cả đều không thật. Chỉ là sự ảo hóa biến hiện mà thôi

Phiền não chướng và sở tri chướng là những loại ma làm cơ sở sự tu học của các bậc Thanh Văn và các bậc Bồ Tát. Đây là những loại ma căn bản xuất phát từ nội tâm lan ra ngoại cảnh của Nhị Thừa và Đại Thừa. Nếu tu học mà phiền não chưa đoạn diệt, thì tham, sân, si vẫn còn có cơ hội bộc phát chiếm lĩnh lấy tâm từ và tâm bi của chúng ta. Riêng hàng Bồ Tát, đối với Phật, vẫn còn phàm phu như thường. Đó là những Bồ Tát còn đang ở địa vị Sơ Địa cho đến Đệ Bát Địa. Chỉ khi nào đạt được đến Đệ Cửu Địa tức là Càng Huệ Địa và Đệ Thập Địa, tức là Pháp Vân Địa, thì lúc ấy các vị Bồ Tát mới thanh thoi trong kiếp luân hồi, không còn bị bất cứ một loài ma nào khuấy nhiễu nữa. Bồ Tát sẽ thông dong vào ra trong sanh tử. Thân tuy ở địa ngục như Đền Bà Đạt Đa; nhưng tâm ông không ở nơi ấy; nên gọi là vô chướng ngại.

Phàm là con người, chưa giải thoát sanh tử, ngũ ấm ma vẫn đeo đuổi chúng ta hằng ngày. Đó là những loài ma phát sinh từ sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm và thức ấm. Tất cả những loại này luôn bị biến đổi bởi vô thường, sanh diệt và vòng luân hồi sanh tử là chốn mà họ phải ra vào; nên đủ các loài ma hiện ra nơi cõi đời này. Cũng chính ma là những hiện tượng mà những hiện tượng này xuất hiện dưới nhãn quan của sự chấp trước cho nên phiền não, khổ đau vốn là căn bản, cội nguồn. Khi chúng ta biết rõ những thứ này không là thật có thì chúng ta phải nương vào Tam Bảo; nương vào Pháp Phật để có thể an tâm tu tập và những loại ma chướng ấy không còn có khả năng và sức mạnh để quấy phá chúng ta nữa.

Có nhiều người hỏi rằng: Vậy thì phải làm sao để hàng phục những loại ma này? Và tại sao cái ác bây giờ nó nhiều hơn cái thiện vậy?

Đúng là như thế! Ngày hôm nay con người vì quá ham mê đến vấn đề lợi nhuận; nên đã quên đi tất cả sự tai hại cả mình lẫn người, miễn sao có lợi cho mình là được; ngoài ra chẳng cần để ý đến ai hết. Nhưng chúng ta phải biết chắc một điều là cái thiện bao giờ cũng thắng cái ác; chứ cái ác không thể thắng cái thiện được. Ví dụ như Ma vương có lý, yêu cầu Đức Phật đừng thành đạo, đừng chuyển pháp luân, để cho vô minh tràn ngập

thế gian này. Có như vậy chúng mới dễ phân chia thế gian này ra để cai trị, mang nhiều tội lỗi ấy; nhưng Đức Phật của chúng ta quyết rằng sẽ không dừng lại ở bóng tối, mà bước lên trên tất cả mọi thử thách gian nguy, đôi khi kể cả tánh mạng của mình, để chiến thắng những dục vọng yếu hèn và làm cho ánh sáng chân lý càng ngày càng tỏa rạng khắp đông tây, thì đó mới là mục đích tối hậu giữa thiện và ác vậy.

Nhiều người chiêm bao thấy ác mộng, thấy phi thân, thấy Phật, Bồ Tát v.v... tất cả những cái thấy này không có gì để làm điểm tựa y cứ hết. Nó chính là những hiện tượng của tâm thức biến đổi mà thôi. Đây cũng là những loại ma biến hiện, bởi do sự suy nghĩ quá đáng, tâm không làm chủ được chính mình. Cho nên những lúc như thế, thức thường biến hiện nên những dị tượng. Thức là cảnh biến hiện của tâm. Cho nên khi tâm tán loạn thì thức sẽ thay đổi tùy theo tình huống của trong từng trạng thái một. Đôi khi chúng ta lầm đó là Phật; nhưng ma cũng có thể giả làm Phật, làm Bồ Tát được. Đức Phật dạy Ngài A Nan rằng: Chính Thiên Ma Ba Tuần cũng có ngũ thông, chỉ thiếu một loại thần thông nữa là bằng Phật. Cho nên phải thận trọng trong mọi lãnh vực, khi thấy những hiện tượng như trên.

Hôm nay ngày 5 tháng 4 năm 2014 tại Tu Viện Viên Đức thuộc vùng Ravensburg, miền Nam nước Đức có tổ chức khóa Tu Bát Quan Trai, có 27 giới tử chính thức và 4 người dự thính. Lịch sinh hoạt vẫn bình thường như mọi khi; nhưng tối hôm ấy có một buổi sinh hoạt đặc biệt trao đổi giáo lý và sự hiểu biết giữa Tăng Già Phật Giáo Đức (họ tu học và họp tại đây từ ngày 1 đến ngày 10.4.2014) và các giới tử Thọ Bát Quan Trai người Việt Nam. Không khí thật trang nghiêm; nhưng cũng không kém phần cởi mở và đạo vị. Ví dụ như người Phật Tử Việt Nam thì tha thiết muốn hỏi về những giáo lý căn bản của Đạo Phật, trong khi đó người Đức cũng muốn hiểu về sự tu học của Phật tử tại gia tu hằng ngày ở gia đình như thế nào v.v... Thật là thú vị. Vì xưa nay chưa bao giờ có được buổi giao lưu suốt 2 tiếng đồng hồ như vậy. Đây là kết quả cây trái đầu mùa mà chúng ta đã gặt hái được, sau hơn 30 năm gieo trồng giống sen nơi xứ tuyết này.

Có nhiều câu hỏi liên quan đến ma như: Con rất sợ ma, kính xin quý Thầy Cô chỉ cho con cách làm sao đừng sợ ?

Ai trong chánh điện cũng cười rộ. Sau đó một Sư Cô người Đức vốn là Bác sĩ; nhưng đã đi xuất gia theo truyền thống Phật Giáo Tây Tạng tại Hamburg và đã thọ Tỳ Kheo Ni 18 năm rồi. Cô ta giải thích về hiện tượng của ma như giải thích về 4 loại ma căn bản như phía trên bằng tiếng Đức.

Đó là tử ma, ngũ âm ma, phiền não ma và Thiên ma. Mỗi loài ma như vậy có cách quyến rũ riêng của nó. Nếu chúng ta không có năng lực tự có thì sẽ dễ bị lầm lẫn. Do vậy cần phải quy y Tam Bảo; nương vào lực của Tam Bảo cũng như siêng năng tụng kinh và lễ bái, sám hối, cầu nguyện v.v... nội từng ấy việc thôi, là ma nó cũng không dám quấy hại mình. Ngược lại, nếu chúng ta chẳng làm gì cả, thì ma nó sẽ quấy hại mình (mọi người đều cười hoan hỷ).

Đến một câu hỏi khác, mà tất cả quý Thầy Cô khác đang hiện diện ở đây đều trả lời hết. Đó là: Quý Thầy Cô có mặc y áo như vậy đi ra ngoài đường không? hay mặc cái gì khác ?

Một Thầy trả lời rằng: Trước khi Thầy ấy đến với Phật Giáo và xuất gia để làm một Tăng sĩ thì Thầy đã nghiên cứu qua tất cả các Tôn Giáo khác như: Thiên Chúa, Tin Lành, Chính Thống Giáo, Jehova, Hồi Giáo, Ấn Độ Giáo và những giáo phái khác tại Đức; nhưng mà Thầy ấy chưa thấy Tôn Giáo nào bình đẳng và có một trí tuệ cao vời như Phật Giáo; nên Thầy ấy đã bỏ tất cả lại sau lưng để đi tu, thì chiếc áo này nó rất quan trọng. Vì nhờ nó mà đã giúp cho Thầy ấy trong những lúc lơ là.

Kế tiếp là một Sư Cô gốc người Thụy Sĩ, vốn là một Giáo sư Đại Học. Cô cũng chỉ mới xuất gia và thọ Sa Di Ni theo truyền thống Phật Giáo Tây Tạng và cô ta kể rằng: Vì đi dạy học tại Đại Học; nên Cô không thể mặc chiếc áo Tu sĩ vào trường. Tuy nhiên bên trong cùng của các lớp áo, Cô vẫn mặc một chiếc áo nhà tu, các Sinh viên mới hỏi và Cô cũng đã nói về lý do bảo vệ cho lý tưởng Tăng sĩ của mình. Đây chỉ là một phương tiện.

Một Sư Cô tu theo truyền thống Phật Giáo Nam Tông của Miến Điện thì cho biết rằng: Chiếc y ấy là một phép màu. Sư Cô đi đến đâu cũng vẫn y như vậy. Ở vùng của Sư Cô ở (Kempten) nếu Sư Cô mặc đồ đời để đi khất thực thì chẳng ai cho gì cả (mọi người đều cười).

Đến phiên Sư Cô Bác sĩ người Đức trả lời thì ai cũng nở những nụ cười rất hoan hỷ. Sư Cô nói rằng: Tại Hamburg cũng có nhiều Tôn Giáo khác nhau. Họ mặc y phục của Tôn Giáo họ cũng không có ai để ý gì. Đây là một thành phố rất cởi mở; cho nên Sư Cô thấy cũng không có gì trở ngại khi mặc những y áo này khi đi ra ngoài đường; nhưng nhiều lúc cũng thấy nhớ những kỷ niệm xưa, nhất là khi Phục Sinh đến hay Giáng Sinh về, Cô lại muốn đi nhà thờ. Lúc ấy Sư Cô lại vận đồ Tây (mọi người cười thoải mái) và chính tôi cũng thêm vào với những tràng cười này là: Vậy thì chúng ta nên tổ chức các lễ này tại chùa đi (lại thêm những tràng vỗ tay và nhiều nụ cười hơn nữa).

Cuối cùng là Sư Cô Doko, người Đức tu theo Thiền Nhật Bản và có quan hệ nhiều với Phật Giáo Việt Nam; nên khi nào Sư Cô đến chùa Việt Nam thì đáp y theo truyền thống Việt Nam; khi nào dạy Phật Pháp cho những người Đức, thì Sư Cô đáp y theo Nhật Bản và nhiều lúc đi ra đường mặc đồ ngắn kiểu Nhật Bản thì có nhiều người hỏi Sư rằng: Có phải là Thầy dạy Karate không ? (lại những tràng cười nghiêng ngả).

Ngày chủ nhật 6 tháng 4 năm 2014 cũng là ngày đáng nhớ, sau khi làm lễ xả giới Bát Quan Trai nơi chánh điện của Tu Viện Viên Đức, các Phật tử đã tụ tập tại trai đường để chuẩn bị làm lễ cúng dường Trai Tăng. Lời tác bạch hoàn toàn bằng tiếng Đức và chư Tăng Ni Đức tu theo truyền thống Phật Giáo Tây Tạng đã làm lễ thọ nhận lễ cúng dường bằng một bài kinh ngắn. Tiếp đến Phật tử cúng dường tịnh tài lên chư Tăng Ni để làm phương tiện hoằng pháp; nhưng chư Ni theo truyền thống Phật Giáo Nam Tông Miến Điện thì không trực tiếp nhận tịnh tài, mà chỉ nhận tứ vật dụng và tịnh tài được trao qua cho người bạch y để lo phụng sự ba ngôi Tam Bảo. Những nghi lễ đã chấm dứt; nhưng dư âm vẫn còn đọng lại nơi tâm tư của chư Tăng Ni người Đức cũng như những Phật tử Việt Nam hiện diện tu học hôm đó và tất cả đều cùng nhận xét rằng: „Thật là tuyệt vời“ và mong muốn trong tương lai sẽ còn nhiều cơ hội như thế nữa để được học hỏi cũng như trao đổi kinh nghiệm.

Bên Phật tử Việt Nam đều có chung một nhận xét là: Khi người Đức đã chấp nhận theo Đạo Phật; tức là họ đã tìm hiểu giáo lý của Đức Phật chắc chắn là sâu sắc hơn người Việt mình. Vì đa phần họ đều xuất thân từ Thiên Chúa giáo. Còn chúng ta theo Đạo Phật truyền thống; nên nhiều người ít quan tâm về nền Đạo mà mình đang theo. Do vậy đây cũng là cơ hội để thẩm định lại giá trị tu học của Phật tử Việt Nam của chúng ta.

Họ cũng hiểu ma là gì và cũng rất thấu triệt về bốn loại ma đã nêu ra bên trên. Họ cũng rõ biết tại sao sau 49 ngày của thân trung ấm, mà các tâm thức ấy không thể đi đầu thai được và sau đó lại đi về đâu. Họ rõ biết sự khổ nhọc của sự tu hành để chứng quả vị Bồ Tát hay Đạo Quả Niết Bàn. Đây chính là những hoa quả tốt mà ngày nay người Tây Phương đã gặt hái được. Ngày nay Phật Pháp đã vươn xa và vươn cao lắm rồi; nó không còn giới hạn ở các nước Á Châu của chúng ta nữa. Vì những nơi chốn này cũng giống như một gốc cây đã cằn cỗi, chỉ có nhiệm vụ nuôi sống thân cây, để cho cành xanh, lá tốt và hoa nở đầy vườn tại chốn trời Tây này.

Chương Tám - Cái chết có phải là một việc đáng sợ không?

Ai sinh ra trong cuộc đời này cũng phải chết, có ai sống mãi mãi được đâu. Thế nhưng có nhiều người xem sự chết là quan trọng; cho nên đôi khi chỉ chú trọng đến phần thể xác mà chẳng để ý đến phần tâm linh. Bây giờ chúng ta có thì giờ để ngồi xuống, nhìn thật sâu và cảm nhận thật kỹ về giáo lý của Đức Phật, để nhận chân ra chơn lý về hiện tượng tử sinh ấy, để từ đó chúng ta sẽ tu tập được nhiều hơn.

Khi hơi thở đã hết thì tứ đại bị dần dà phân hủy. Đầu tiên là gió, sau đó là lửa; tức là hơi nóng trong người; kế tiếp là nước và cuối cùng là đất. Lâu nay sống trên cõi trần này năm bảy mươi năm, chúng ta ăn, uống, tiêu xài không biết bao nhiêu là thực phẩm và không khí của đất trời; nhưng có khi nào chúng ta cảm ơn chúng một cách đích thị đâu. Chúng ta vẫn mãi rong ruổi trên đường đời để tranh danh, đoạt lợi. Chúng ta chỉ hướng tới mà chẳng quay về hay quay vào nội tâm của chúng ta để xét đoán, thẩm định về giá trị của sự sống cũng như của việc chết. Mãi cho đến khi nào, sự sống không còn bám víu ta được nữa; lúc ấy mới đeo đuổi một sức lực cuối cùng. Đó là khẩn thiết cầu nguyện; nhưng liệu rằng như thế, có thể lấp trống được những lỗ hổng của niềm tin chẳng? hay đó cũng chỉ là một cơ hội cuối cùng, cần phải làm cho có làm; rồi sau đó ra sao thì ra?

Ở Phi châu có một số bộ tộc khi người ta về già họ cho người ấy vào rừng, leo lên cây nháy xuống và sẽ bị chết. Sau đó họ lấy xác ấy đem băm ra nhiều mảnh để cho thú vật ăn. Đây cũng là một quan niệm về hiếu đễ của những bộ tộc ấy chẳng? Vì lẽ để chôn dưới đất thì cũng chỉ cốt nuôi dưỡng cho cây cỏ; còn bây giờ đem thịt của mình cho thú ăn cũng là một cách chôn xác vào lòng thú, làm cho thú no và mình không bị phân hủy theo thời gian và năm tháng của định luật vô thường? Khi mà khoa học chưa tiến bộ và ánh sáng ít dọi vào những rừng rậm Phi châu này thì người ta vẫn sống, vẫn bị bệnh, vẫn chết chóc, vẫn tật nguyền. Cho nên trong từng giai đoạn một của lịch sử, những con người ấy tự chọn cho mình một giải pháp trong khi sống cũng như chết cho nhẹ nhàng hơn. Cuộc sống du mục thường không bị trói buộc bởi thời gian hay hoàn cảnh. Cho nên nay họ ở chỗ này và mai họ ở chỗ khác. Nghề nghiệp chính của họ là săn thú để nuôi thân. Họ đã chứng kiến nhiều cái chết của thú rừng và dĩ nhiên là họ cũng ham sống, sợ chết; nhưng cái chết đối với họ dường như là một việc tự nhiên, vì có sinh ra thì phải có chết đi.

Họ không lo nghĩ về việc sống và dường như cũng chẳng để ý đến ngày mai. Nếu thịt thú rừng hết thì đi săn tiếp tục, nước hết thì xuống suối múc, củi hết thì vào rừng chặt về làm củi, bổi. Không cần hộp quẹt, họ vẫn có lửa là nhờ sự cọ xát giữa hai thân cây với nhau và lửa từ đó phát sinh. Tất cả mọi việc đối với họ dường như là đất trời đã dành sẵn cho họ như thế và họ cứ tiêu xài hời hợt như không nghĩ đến ngày mai.

Không biết rằng họ có biết đến hạnh phúc và khổ đau chăng? Vì lúc nào cũng thấy trên gương mặt của họ tươi cười, rạng rỡ?

Họ tin vào thần linh, cho nên khi bệnh hoạn họ ít uống thuốc, mà chỉ mời thầy Lang đến nhà để trị bệnh, như phun nước vào người bệnh, hay đuổi tà, đuổi quỷ để những thần hồn này khỏi quấy phá bệnh nhân. Thế mà cũng có người đã hết bệnh; nhưng cũng có người bệnh lại nặng thêm hơn. Rồi cái chết cũng phải đến.

Dân tộc Tây Tạng ở trên núi cao, họ không có đất để chôn cất; cho nên khi có người chết, họ cũng thả xác vào rừng cho kên kên xé xác làm mồi nuôi thân. Nhưng được một điều là người chết đa phần theo Phật Giáo, nên họ hiểu là tâm thức họ sẽ đi về đâu, khi họ hiến thân cho chim kên kên như vậy. Có lẽ đối với người Tây Tạng, đây là cách tốt nhất để họ chôn thân mình vào lòng thú; có thể cũng là một cách để thể hiện lòng từ bi đến với muôn loài, khi mà thân thể của mình không còn hữu dụng nữa.

Nhiều người Phật Tử Việt Nam hay lo sợ rằng: Nếu trong vòng 8 tiếng đồng hồ sau khi tắt thở, không ai được quyền đụng vào thân thể họ, thì làm sao các Bác Sĩ có thể lấy nội tạng của họ để giúp cho những người khác được. Điều này hẳn quan trọng nhưng cần phải lưu tâm việc này. Khi chúng ta phát nguyện dâng hiến nội tạng cho người khác, khi hơi thở lìa khỏi thể xác này; tức là người ấy không sợ cái bị mổ xẻ đau đớn để lấy tim, phổi, mật, gan v.v... Như thế sự phát nguyện ấy đã được chư Phật và chư vị Bồ Tát chứng minh ngay từ khi phát nguyện, do vậy sẽ không bị ảnh hưởng khi muốn hiến nội tạng cho y khoa. Đây là tinh thần của Bồ Tát hạnh rất đáng trân quý. Ví dụ như không có ai hiến máu tươi hay hiến tủy sống, thì những người thiếu máu và những người cần tủy để tiếp tục sống thì làm sao có thể thực hiện được và cuộc sống của người kia sẽ như thế nào? nếu không có sự quan hoài của những người có tâm niệm hiến dâng kia?

Đa phần người Âu Châu họ sợ cái già sớm đến với họ và nhất là cái Chết. Cái Chết làm cho họ lo lắng nhiều hơn. Vì lẽ họ sinh ra ở các nước Tây

Phương này với truyền thống theo Đạo Thiên Chúa. Họ được học rằng: Ai tin Chúa thì lên Thiên Đàng và ai không tin Chúa thì xuống Địa Ngục. Từ đây họ có cái nhìn thật bi quan khi nghĩ đến cái già và cái chết. Cho nên họ lo lắng khi về già, nhất là những ai không tin theo Chúa; nhưng dẫu có tin mà họ lỡ nghi ngờ, thì với họ tương lai sau cánh cửa của sinh tử là gì, khiến cho họ phải lo âu. Họ chuẩn bị cho cái chết bằng nhiều cách khác nhau. Ví dụ như tại Âu Châu ngày nay có những nhà quản có quảng cáo những cỗ quan tài đặc biệt, trong đó có gắn cả chuông điện thoại, lỡ ra người chết có sống dậy thì có thể bấm chuông để người bên ngoài biết. Họ sợ cái chết và họ tiếc cho sự sống, ham sống như vậy đó. Đây cũng là cơ hội để cho những nhà quản này kiếm thêm lợi nhuận và những người giàu có họ chi ra một số tiền khả dĩ như thế để níu kéo sự sống, tuy rằng vô vọng; nhưng nó cũng có thể an ủi họ được ít nhiều, khi mà niềm tin của họ không còn có khả năng bám víu vào đâu được nữa.

Riêng người Phật Tử có nhiều cơ hội để thăng hoa cuộc sống của mình lên những cõi cao hơn sau khi chết; hay ngay cả đọa lạc vào những nơi chốn khổ ải trầm luân. Họ biết rằng: Không phải chỉ có một con đường mà họ phải đi sau khi chết; nên họ hầu như không phải sợ đối diện với sự chết ở phía trước. Dĩ nhiên là cũng có nhiều người ngoại lệ nghĩ rằng: Nếu thiêu xác sau khi chết thì nóng lắm, họ chỉ muốn được chôn thôi. Nhưng họ đâu có biết rằng khi mà thần thức đã rời khỏi thể xác này 8 tiếng đồng hồ rồi thì cái xác ấy không thể sống lại được nữa và dẫu cho có thiêu, chôn hay thực hiện bất cứ lễ nghi nào đi chăng nữa thì nó cũng không ảnh hưởng đến cái tâm thức kia, vốn đã rời thể xác từ lâu rồi.

Cũng có lắm người khư khư giữ quan tài trong nhà cho đến cả 100 ngày và nhiều người giàu có giữ cho đến cả một năm sau, nhưng làm như thế để làm gì? cuối cùng rồi cũng phải đem đi chôn thôi. Cũng có người sau khi thiêu xác người thân rồi, mang về nhà, rồi ngay cả khi ngủ cũng ôm hũ cốt ấy để ngủ; hoặc ngày nay cũng có thêm nhiều kiểu chế tạo nữ trang kỳ quặc, nghĩa là họ xay nhuyễn xương của người chết, rồi trộn chung với một hợp thể hóa chất, sau đó đem gắn nạm vào những loại nữ trang như nhẫn, dây chuyền đeo cổ, bông tai v.v... , họ nói rằng: Như vậy người thân có thể luôn ở bên cạnh mình.

Dĩ nhiên với sự chết, mỗi người đều có quan điểm khác nhau, chẳng ai giống ai cả. Nếu có giống thì đó là việc ai cũng phải chết, nhưng chết như thế nào mới là điều đáng nói mà thôi. Có người thì sống cũng dở sống mà chết cũng dở chết. Có người muốn chết mà lại không thể chết được và có nhiều người muốn sống mà cũng chẳng thể sống được nhiều hơn.

Nếu là Phật Tử thì phải nên hiểu rằng sự sống chết là do nghiệp lực và những hành động của mình đã gây ra trong quá khứ, có liên hệ đến hiện tại và tương lai của mỗi người được chờ đón tốt hay xấu, tất cả đều lệ thuộc vào những gì mà chúng ta gây ra trong hiện tại mà thôi.

Mới đây có một câu chuyện xảy ra tại Trung Quốc, mới nghe thật là thương tâm. Đó là câu chuyện của một cậu bé bị ung thư não và Mẹ cậu ta bị hư một lá gan. Khi cậu ta biết rằng không còn kéo dài bao lâu nữa, do Bác Sĩ cho biết như thế, thì cậu mới nài nỉ mẹ rằng: Hãy lấy lá gan của em, sau khi em tắt thở, để thay gan cho người mẹ. Ban đầu mẹ em không bằng lòng. Vì nghĩ rằng: Bao giờ mẹ cũng phải hy sinh cho con, chứ tại sao con phải hy sinh cho mẹ. Lần thứ hai, thứ ba, rồi thứ tư... Cuối cùng thì người mẹ đã đồng ý. Vì người mẹ nghĩ rằng: Dầu sao đi nữa thì con của cô ta sẽ mất; nhưng nếu cô ta còn mang trong người mình lá gan của đứa con trai do mình sinh ra, thì đây cũng là cách gìn giữ lại những kỷ niệm và hoài bão của con mình. Cậu con trai rất vui khi nghe mẹ cậu ta đồng ý và mấy ngày sau cậu ta qua đời. Gan được cắt đem thay vào gan cho mẹ cậu. Tim và phổi còn dùng được cứu chữa thêm cho hai bệnh nhân khác nữa. Các Bác Sĩ phải làm một phút mật niệm cho em, trước khi họ mổ xẻ cơ phận của em để đem đi thay vào cho ba người khác nữa. Như vậy cái chết của em cũng đã giúp và cứu được thêm ba người khác còn sống được thêm nhiều năm nữa.

Đọc qua mẩu tin trên ta thấy được gì? Dĩ nhiên là có nhiều cách suy nghĩ khác nhau; nhưng điểm chung của mọi người là cảm phục cho lòng can đảm của một chú bé. Ngay cả người lớn chưa chắc gì thực hiện được điều này. Chỉ vì cái ích kỷ, cái tư lợi của mỗi cá nhân nó làm chủ con người, nên một sự hy sinh như vậy phải nói là vĩ đại và hiếm có ở trên đời này. Dầu sao đi nữa thì em bé kia đã ra người thiên cổ, nhưng hành động hy sinh để cứu mẹ em và hai người khác đã để lại đời đời. Cái ý niệm, hành động làm lợi lạc cho tha nhân ấy luôn còn tồn tại; chứ không phải cái xác thân tứ đại này. Xác thân này một ngày nào đó sẽ tan rã, so với một em trai 7 tuổi nếu đem đi thiêu thì chỉ cần một tiếng đồng hồ là sẽ chỉ còn xương và tro. Trong khi đó ý nghĩ của em, có lẽ vì quá thương mẹ; nên em đã chẳng thiết đến sự sống của mình và đã tự nguyện hành động như vậy. Quả là trên đời này chỉ có một mà không có hai trường hợp lặp lại như thế nữa.

Câu chuyện trên cho ta thấy rằng: Em nhỏ này không sợ chết và nếu có chết thì em ta đã cứu được mẹ mình được tiếp tục sống; ngoài ra còn có thêm hai người nữa sẽ hưởng được phước báu này từ lời nguyện của

em. Như vậy em ta đã chết; nhưng thực sự ra em đang sống và cũng đã có không biết bao nhiêu người đang sống; nhưng thật sự là những người ấy đã chết dần trong lòng người.

Khi Đức Phật còn tại thế, Ngài thấy Ngài Maha Kasapa (Đại Ca Diếp) về già yếu đuối, nhưng cứ mãi ở nơi bãi tha ma quán tử thi và bạch cốt; nên Đức Phật có ý khuyên Ngài Ca Diếp nên trở về Tịnh xá để sống cùng với Tăng Đoàn. Ngài Ca Diếp cảm ân sự quan tâm của Đức Phật, nhưng Ngài đã từ chối lời đề nghị ấy và Ngài vẫn cương quyết sống cho hết trọn đời với lý tưởng đã nêu ra. Đó là sống đời tịnh hạnh, ba y một bát, mặc áo bá nạp hoại sắc và khi thiền định luôn dùng đối tượng là xác chết để quán về vô thường và sự sinh diệt của tự thân. Do vậy mà trên Pháp Hội Linh Sơn khi giảng pháp, Đức Thích Ca Mâu Ni đã trao truyền chính pháp nhân tạng cho Ngài và Ngài chính là vị Sơ Tổ được truyền thừa tâm thiền của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni.

Để làm vui đi nỗi sợ của sự chết, chúng ta, dầu cho là Phật Tử của Đại Thừa hay Nam Tông, Tây Tạng hay Âu Mỹ và ngay cả những vị Tăng sĩ đi chẳng nữa, chúng ta cũng nên quán "Tứ Niệm Xứ" là bước đầu của 37 phẩm trợ đạo, nhằm giúp cho tâm ta được an và niệm ta được vững vàng trong khi sống cũng như lúc sắp lìa đời.

Vậy Tứ Niệm Xứ là gì? Đó là bốn chỗ, bốn nơi đáng nhớ nghĩ đến, luôn tâm niệm tới như: Quán thân bất tịnh, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã và quán thọ thị khổ. Chữ quán ở đây có nghĩa là nhìn sâu vào; nhìn rõ sự vật vật đều do ngũ uẩn cấu thành. Sau khi thành tựu sẽ được ở lại tăng trưởng; kế tiếp là hủy hoại và bước cuối cùng sẽ là hủy diệt. Rồi cứ thế, cứ thế mãi mãi xoay vần trong sáu nẻo đường sanh tử. Khi nhìn thật sâu chúng ta sẽ tự chủ được hơi thở và nhận thức của mình. Điều này có ý nghĩa ngược lại với cái nhìn cạn cợt, hời hợt. Người có cái nhìn sâu là người đã làm chủ được bản thân mình một phần nào rồi. Từ đó từng hơi thở, từng hành động, lúc nào ta cũng là chủ thể, ta là chủ động trong mọi tình huống. Do vậy ta phải cần quán triệt những pháp này như: Quán thân bất tịnh.

Thân này gồm có nhiều phần và nhiều lỗ chân lông, nhưng nơi chín cửa thường hay tiết ra nhiều vật bất tịnh. Đó là 2 con mắt, 2 lỗ mũi, 2 lỗ tai, 1 cái miệng, đường tiểu tiện và đường đại tiện. Thông thường thì chúng ta ham ăn cho ngon, mặc cho đẹp, nghe nhạc cho hay, xúc dầu cho thật thơm v.v... nhưng có mấy ai suy nghĩ cho thật kỹ về cái ăn, cái mặc của chúng ta chẳng? Để có được cái ăn, người ta phải tìm đủ mọi cách để săn cho được con mồi. Đến khi bắt được mồi rồi, người ta nghĩ đến nhiều

cách để thủ tiêu con mồi ấy. Nào xào, nào chiên, nào nấu v.v... họ mới nghĩ đến đó thôi và chưa nghĩ tiếp tục là sau khi mới nuốt qua khỏi cổ, thì vật kia rơi vào bao tử, rồi xuống ruột non và đi qua ruột già để cuối cùng thì bị tống khứ ra đường đại tiện. Khi ăn vào ta thấy ngon bao nhiêu thì khi thải ra càng hôi hám bấy nhiêu. Mới ngày hôm qua ấy thật ngon thật đẹp, nhưng qua ngày hôm sau khi những chất kia qua các bộ phận sàng lọc đã trở thành một chất khó ngửi, khó xem.

Chính ta sẽ không dùng lại vật thừa thải ấy được, nhưng cũng có những con vật cho rằng chất thừa thải ấy là ngon nên mới ăn lại như chó, heo v.v... Rồi con người ăn thịt heo trở lại.

Nếu cứ quán xét chỉ một vòng luân hồi của thức ăn thôi là ta đã thấy ngán ngẩm rồi, đừng nói gì đến việc ôm chúng vào lòng để hôn hay ngủ nghỉ cùng chúng, quả cũng không phải là điều giản đơn chút nào.

Hai con mắt của ta mỗi ngày chảy ra không biết bao nhiêu là nước mắt và đọng lại không biết bao nhiêu là ghen đơ. Thế mà người ta hay đi sửa mi, sửa mắt cốt để đánh lừa cái nhận biết thiếu chánh kiến của kẻ đối phương mà thôi. Nào lông mày, lông mi, lông nheo đều giả hết; chẳng có cái nào do tự nhiên sanh, cho nên cái sự thật ở đây đều là những sự giả hiệu cả. Thế mà đã có không biết bao nhiêu người „trao mắt gởi tình“, nhưng tình ấy đâu có thật. Nó cũng chỉ là những hiện tượng mà thôi. Đã là hiện tượng thì nó không có thật tướng, nhưng tại sao chúng ta vẫn mãi miết tin vào?

Hai lỗ tai cũng như thế. Mỗi ngày sản xuất ra không biết bao nhiêu là cứt ráy; ngửi cũng khó ngửi, làm sao nói ăn lại được vật này? Thế mà đã có không biết bao nhiêu người chết mê chết mết về lỗ tai ấy, về tiếng dụ dỗ ngọt bùi, nên mọi người đã lầm tưởng. Ví như khi người ta mới thương yêu nhau, nói với nhau thật nhỏ, nhưng nghe thật là rõ. Đến khi tuổi trung niên cập kê, cả hai vợ chồng nói sao cho chúng tỏ được cái bản ngã của mình là đúng; còn của kẻ đối phương là sai. Từ đó sinh ra cãi vã, ly dị, ly thân v.v... Thế rồi đến lúc tuổi già, cả hai người đều cùng điếc; cho nên nhiều khi nói lớn đến nổi bể cái nhà mà cả hai người đều không biết là nói cái gì và cả hai đều không nghe được với nhau điều gì cả. Nghĩa là "ông nói ông nghe, bà nói bà nghe". Đến lúc này rồi rõ ràng là phần ai nấy biết vậy.

Bây giờ đến hai cái lỗ mũi. Hằng ngày mũi này tiết ra không biết bao nhiêu là nước mũi, cứt mũi, lông mũi v.v... Tất cả đều đơ nhóp. Vì những thứ mũi dãi này không ai có thể ăn lại được. Thế mà cũng đã có nhiều

người rất mê lỗ mũi cao, lỗ mũi trái tim v.v... cho nên tốn không biết bao nhiêu tiền cho thẩm mỹ viện và ở cuối đời "cái nét đánh chết cái đẹp", chứ không phải bơm thuốc, sửa chữa, giồi nén cho đẹp với thị hiếu, hợp với tự nhiên. Quả là điều đáng nói vô cùng.

Cái miệng này mới là độc địa. Hằng ngày ăn vào không biết bao nhiêu loại và nói ra không biết bao nhiêu lời. Cho nên người xưa thường nói rằng: "Họa tùng khẩu xuất, bệnh tùng khẩu nhập". Nghĩa là cái họa từ miệng mà đến, cái bệnh từ miệng mà vào. Chỉ hai động tác vào ra của thức ăn và lời nói. Thế mà những loại này đã khiến cho ta khổ sở vô cùng. Người xưa cũng có nhiều câu nói rất hay còn để lại như: "Ông trời chỉ sinh ra có một cái miệng và có đến hai cái lỗ tai". Điều ấy có nghĩa là chúng ta phải nghe nhiều hơn phải nói. Nếu ta nói thì phải "nói năng như chánh pháp và yên lặng như chánh pháp".

Đường tiểu tiện mỗi ngày cũng bài tiết ra không biết bao nhiêu là phân khối nước tiểu, lúc đục lúc trong, lúc vàng lúc đậm. Nào là tinh trùng dơ nhớp. Thế mà đã có không biết bao nhiêu người sống chết với việc này. Việc tử sinh cũng từ đây mà ra. Việc luân hồi cũng từ đây mà đến. Thế nhưng người đời đâu có nhòm góm bao giờ. Bỏ cái này, tìm đến cái kia. Bỏ cái nọ, quay lại cái này. Nghĩa là không bao giờ biết đủ.

Lỗ hồng thứ 9 trong 9 lỗ là đường đại tiện. Khi đi nhiều thì mệt mỏi khó chịu; nếu hai ba ngày không đi tiêu được, quả là một khổ nhục vô cùng. Từ ruột non qua ruột già, rồi từ ruột già những phân này được tổng khứ ra ngoài, có mùi hôi nồng nặc. Ngoái nhìn lại nhiều người còn không dám làm, huống nữa là xử dụng chúng. Đồ ăn thức uống ngon, ngọt ngày hôm qua ta mới ăn vào, đến hôm nay khi thừa thải ra, chúng ta còn không muốn nhìn, muốn thấy nữa. Vậy thì thân này đâu có gì là thanh tịnh?

Nếu chỉ so sánh 9 nơi bài tiết này từ chư Thiên đến loài người và từ loài người nhìn xuống các loài khác nữa, thì ta sẽ thấy như sau: Con heo ăn cám, ủ đất, ăn đồ dơ ngay cả đồ thừa thải của con người mà chúng cho là ngon, nên chúng mới ăn. Trong khi đó con người cho là con heo, con chó dơ bẩn. Nhưng nếu là chư Thiên, mỗi khi chư vị nhìn xuống cõi trần này, thấy con người ăn đủ loại, sống chung quanh với mình đủ loài và làm những chuyện dơ dáy khó xem, thì chư Thiên cũng xem mình giống như là con chó, con heo mà mình đã xem chúng như vậy. Ở mỗi cảnh giới có một đối tượng nhận biết của tia quang phổ. Do vậy chỗ này cho là sạch thì chỗ cao hơn lại cho đó là dơ.

Chư Thiên ở cõi vô sắc giới khi nhìn đến chư Thiên ở cõi sắc cũng thế thôi. Vì trên một bậc, họ có lối sống khác nhau, không giống như những chúng sanh ở những cõi dưới và ngược lại nếu những chúng sanh ở các cõi dưới nhìn lên những cõi bên trên, thì họ thấy rằng những cõi bên trên là những cảnh giới giải thoát hơn, sung sướng hơn, không giống như hoàn cảnh của nơi họ đang ở.

Nếu quán được thân thể của chúng ta bất tịnh như vậy thì tâm chúng ta sẽ chùng xuống, tự ngã sẽ được dẹp bỏ. Vì tất cả những điều bên trên, khi phân tích ra, chúng không có gì là bản ngã thực sự cả. Vậy tại sao ta lại phải khổ vì nó, đau đớn vì nó, thất bại vì nó? Chỉ một điều đơn giản là mình chưa làm chủ được mình thật sự mà thôi.

Bây giờ đến phần quán sát về tâm của chúng ta. Thân đã có những phần chúng ta thấy được. Do đó việc quán sát thực tập về sự bất tịnh, không phải là khó. Vì có đối tượng nên ta dễ tập trung đề tài khi chiếu sâu vào từng mục một để thẩm thấu vấn đề. Còn tâm, không phải là chuyện đơn thuần để chúng ta có thể nắm bắt được. Cho nên chư Tổ thường hay dạy rằng: „Tâm viên, ý mã“. Tâm ta chẳng khác nào con khỉ chuyền cây. Lúc thì thế này, lúc thì thế khác. Nó không bao giờ ở yên một chỗ. Ví dụ như khi nó thích thì nó thương, khi nó yêu thì nó mến; nhưng đến khi nó ghét thì cũng chính cái tâm yêu thương vừa rồi lại đổi giọng và đổi hướng; nó bảo các giác quan khác phải ghét theo nó.

Cái ý này cũng vậy. Cái ý tức là cái hiểu biết của cái tâm. Khi tâm làm chủ của việc đúng sai, thì cái ý nó phụ họa theo. Cái ý cũng có thể nói là cái tánh cũng không sai. Ví dụ như người kia nói rằng: "Ồ! Bà ấy cái tâm tốt lắm, mà cái tánh lại chẳng được gì". Cả hai cái này nó lúc hiện hữu, lúc thay đổi, lúc có, lúc không, lúc yên lặng, lúc trời dậy; khó có thể lường được. Bình thường chúng ta đối xử với ai thật là tử tế, nhưng một cơn giận nổi lên là mặt mày ta đỏ au và những lời nói giận dữ, không kiểm soát, kèm chế được từ đó phát ngôn ra; khiến cho kẻ đối diện phải đau lòng, mặc cảm, tự ti, ganh ghét v.v... vì sao vậy?

Vì lẽ người hay giận dữ là người hay chấp thủ. Có nghĩa là bất cứ điều gì mình làm hay việc mình nói ra đều đúng; nhưng trên thực tế không phải vậy. Vì chúng ta đứng nơi biên kiến để trả lời về việc ấy, thì việc ấy cũng chỉ đúng có một nửa là cùng; chứ không thể đúng hết 100% được. Bởi vì ta đang đứng trong vòng đối đãi thì ta sẽ không thấy được vòng ấy tròn hay méo; chỉ khi nào ta đứng ngoài vòng kia để trông vào; lúc ấy mới có thể biết được là vòng ấy có tròn hay không mà thôi. Cái chấp thủ nó là

như vậy. Nó bảo mọi cái khác phải vâng lời. Nếu không, nó sẽ hù dọa tự tử, lên tiếng phê bình, chửi bới nhục mạ v.v...

Ý mã nghĩa là cái ý ấy cũng giống như con ngựa không cương vậy. Ngựa không cương thì ai có thể điều khiển nổi. Khi nào chúng ta chuyển cái ý này trở thành chỗ thuần thực rồi thì tâm từ bi mới sanh. Khi lòng từ thể hiện rõ nét thì những sự nóng giận, bực tức vô lý trong đời sống bình thường sẽ không có lý do để hiện hữu nữa. Cho nên Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 hay nói rằng: „Nếu trong tâm của bạn có lòng từ bi ngự trị thì hận thù không có cơ hội để tồn tại nữa“. Hai điều này nó cũng giống như là ánh sáng và bóng tối vậy. Khi ánh sáng tới thì bóng tối phải đi. Khi bóng tối ngự trị, thì ánh sáng sẽ lùi dần vào bóng tối. Chúng ta phải làm sao cho ánh sáng ngự trị mãi mãi và nhiều hơn trên thế gian này, để việc thiện thể hiện rõ ràng hơn, thì con người sẽ được an lạc và hạnh phúc hơn. Ngược lại nếu chúng ta không tìm cách tiêu diệt, xa lánh bóng tối, mà còn dung dưỡng, tin theo thì ánh sáng từ bi và giác ngộ sẽ mãi còn xa đến với mình.

Ý tốt và ý xấu, tánh tốt và tánh xấu nó cũng giống như chất chua và chất ngọt trong một quả cam. Khi cam còn non, ta ăn nó chua; nhưng qua thời gian và năm tháng, khi trái cam chín muồi rồi, lúc ấy ta ăn sẽ thấy ngọt. Vậy thì chất ngọt ấy từ đâu đến? - Trả lời vắn tắt là từ chất chua ấy biến thành. Chỉ trong thân của một quả cam, mà qua tháng ngày, nó tự chuyển biến được dưới ánh sáng mặt trời và các ngoại duyên; nên chất chua kia đã trở thành chất ngọt. Ở đây câu „phiền não tức Bồ Đề“ cũng có thể so sánh với quả cam ấy. Trong thân ta có chứa tâm; ngoài thân không có tâm và ngoài tâm không có thân. Cả hai đều tồn tại và phát triển bên nhau. Một bên tung thì một bên hứng. Bên này khổ thì bên kia cũng không hạnh phúc, an lạc được. Từ những phiền não, khổ đau của cuộc sống như: Tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ và tà thủ là 10 chủng loại căn bản của phiền não. Chúng sẽ mang chúng ta đến khổ đau. Chúng ta phải nhận diện ra mặt mũi thật của chúng, đưa nào thuộc về tham, đưa nào thuộc về sân, đưa nào thuộc về si và từ đó ta sẽ lấy giới, định, huệ để trị nó. Nó sẽ chuyển hóa từ từ. Từ lúc còn thô sẽ chuyển sang tế. Từ lúc lớn chuyển thành nhỏ. Từ khi xấu chuyển thành tốt. Việc này nó cũng giống như việc thực hiện những điều lành, cũng giống như chúng ta đi từ vùng ánh sáng này sang vùng ánh sáng khác. Ngược lại nếu chúng ta luôn mãi bám gốc vào cội rễ của tham sân thì chẳng khác nào chúng ta cứ lần mò từ bóng tối này bước vào bóng tối khác. Kết quả chỉ có khổ đau và tục lụy mà thôi.

Trong Duy Thức học có nói về bát thức. Tức là 8 loại ý niệm của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, Mạt Na và A Lại Gia. A Lại Gia thức cũng còn gọi là tâm vương, Mạt Na được nhắc đến như là tâm chấp ngã, chấp thủ. Năm loại đầu như: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân nếu ta làm chủ được, ta sẽ chuyển 5 nhóm này trở thành trí tuệ của Thành Sở. Ý thức theo Duy Thức học nói thì nó thuộc loại „công cũng đứng đầu mà tội cũng đứng đầu“. Anh chàng thứ 6 này không kém phần nguy hiểm, tráo trở khi ta dẫn tâm về lại nhà mình. Nếu chúng ta chặn tâm được, thì ý thức ấy sẽ biến thành trí tuệ quan sát một cách tài tình. Thức thứ bảy sẽ biến thành trí tuệ bình đẳng với muôn loài và muôn vật. Khi lòng từ bi ngự trị ở nơi này thì kết quả của tâm sẽ là những lời diệu ngọt, đầy ắp sự yêu thương chúng sanh của một vị Bồ Tát muốn đem lòng từ để phổ độ chúng sanh.

Trí tuệ toàn hảo nhất là cảnh giới vẹn toàn của tâm vương. Lúc ấy ông vua của từ bi và trí tuệ đã ngự trị nơi tâm thức rồi thì mọi cảnh vật, mọi đối thủ, mọi công việc, mọi hành động... đều nhân danh từ bi và trí tuệ để ra quân, thì lúc ấy chính là lúc mà ta làm chủ được tâm của ta rồi. Nó cũng giống như những hơi thở bình thường của ta. Vào ra tự tại. Khi ta chưa làm chủ, nếu khi quán hơi thở, đếm từ 1 đến 10 rồi từ 10 trở lại một; nhiều lúc ta đếm sai, vì tâm ta đang đi dạo chơi nơi cảnh giới khác, không hiện hữu nơi cõi tâm và ta không làm chủ được hơi thở của mình. Khi nào chính ta làm chủ được tâm này thì ta là chủ nhân ông của mọi sự, mọi vật. Nghĩa là chúng ta đã chuyển từ chua sang ngọt; từ phiền não, khổ đau trở thành Bồ Đề cao thượng rồi đó. Việc này nó không khó, nhưng nó cũng không dễ. Ví dụ như chỉ một cánh cửa duy nhất, nhưng mỗi lần ta bước ra khỏi cửa thì ta bảo rằng: Đi ra và khi ở ngoài vào thì chúng ta bảo rằng: Đi vào. Vào và ra là hai động tác, hai trạng thái khác nhau. Vì có sự điều khiển của tâm, nên chúng ta nói như vậy; nhưng trên thực tế thì bản thể của cái cửa kia nó không vào mà cũng chẳng ra gì cả. Nếu có chẳng, nó chỉ là một vật bị động của cái nhìn biên kiến mà thôi.

Bây giờ đến phần quán pháp vô ngã.

Hòa Thượng Thiện Siêu định nghĩa rằng: Vô Ngã ấy chính là Niết Bàn hay nói khác hơn Niết Bàn là vô ngã. Vậy vô ngã là gì? Vô ngã là không chấp vào có, chẳng chấp vào không; không chấp còn mà cũng không chấp mất. Mọi hiện tượng của có, không, còn, mất nó không có thật, mà mình tự chấp nó là thật có; nên chính mình mới khổ, nhất là khi nó đã từ bỏ mình để đi nơi khác. Lúc ấy chính là lúc mình khổ đau nhất. Nếu mình quán sát nó không có thật tướng, nó do nhân duyên giả hợp để thành tự, thì ta sẽ không bị khổ đau chi phối.

Ngài Xá Lợi Phất tu theo ngoại đạo suốt gần cả một cuộc đời, nhưng chưa tìm ra lẽ đạo. Một hôm Ngài Xá Lợi Phất gặp Ngài A Thuyết Thị đi khất thực trên một con đường, với dung nghi đĩnh đạc. Ngài Xá Lợi Phất đến gần và hỏi rằng: Ngài tu theo Pháp môn gì và Thầy của Ngài là ai? Ngài A Thuyết Thị từ tốn trả lời rằng: Thầy của ta là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Phật đã dạy ta tu theo pháp duyên sanh.

- Thế nào là pháp duyên sanh, thưa Ngài ?

- Thầy ta dạy:

Tất cả các pháp đều do nhân duyên sanh

Tất cả các pháp đều do nhân duyên diệt

Và tự tánh của pháp là không.

Khi Ngài Xá Lợi Phất nghe đến câu thứ ba thì Ngài đã chứng quả Dự Lưu rồi. Vì lẽ lâu nay chưa có vị Thầy nào dạy được cho Ngài một pháp để tu như vậy. Kể đó Ngài Xá Lợi Phất muốn học hỏi thêm; nhưng Ngài A Thuyết Thị từ chối và khuyên Ngài nên đến học hỏi nơi Đức Phật.

Ngài Xá Lợi Phất vui mừng về gặp Ngài Mục Kiền Liên và cả hai cùng rủ nhau đến trước Đức Phật xin đánh lễ và quy y, thọ giới và hai Ngài đã thành tâm xưng lên rằng:

Con xin quy y Phật

Con xin quy y Pháp

Con xin quy y Tăng

Thế là tánh Tỳ Kheo đã thành tựu, quý Ngài đã trở thành kẻ đầu tròn áo vuông của một Tăng Sĩ.

Nếu hiểu tất cả các pháp trên thế gian này đều do nhân duyên hòa hợp mà thành tựu và cũng chính các pháp ấy do nhân duyên không hội tụ đầy đủ cho nên tan rã. Điều này chứng minh qua sự hình thành của quả đất và sự tan vỡ của quả đất này cũng giống như thế. Tuy thời gian có lâu dài đấy, nhưng pháp như duyên sanh thì không đổi. Sanh và diệt là hai trạng thái của có và không. Khi còn đối đãi thì sự có không ấy xuất hiện rất rõ ràng, hiện thật; nhưng khi sự đối đãi của sự hiện hữu ấy không còn nữa, có nghĩa là nó không bị chi phối và không nữa thì chính ấy là Vô Ngã. Làm tất cả việc gì mà không có cái ngã đi kèm, thì việc làm ấy sẽ viên mãn. Làm việc gì mà còn phân biệt đối xử, bỉ thử v.v... thì việc ấy là việc còn chấp tướng, chứ không phải là Vô Ngã. Niết Bàn nó không phải là nơi chốn để đến, mà là một trạng thái của tâm khi được rảnh

rang, không bị trói buộc bởi hình thức này hay tánh cách nọ, thì đó gọi là Niết Bàn và Vô Ngã cũng vậy.

Quán sát phần thứ tư là quán thọ thị khổ.

Thọ đây là tất cả những sự cảm thọ về các loại như: Sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp. Khi ta tiếp xúc với sắc trần, ta cảm nhận được cái này hay cái kia dở; cái này đẹp cái kia xấu v.v...; nhưng thực tế của bản thể thì nó không xấu mà cũng chẳng đẹp. Ví dụ như nước chảy qua chỗ có bùn thì nước đục; nước chảy qua chỗ sỏi cát thì nước trong. Khi cảm thọ của tâm ta nhằm lúc nước bị đục hay được trong, thì ta cho rằng đó là nước trong hay nước đục; nhưng bản thể của nước vẫn là trong. Nếu ta thấy được tự tánh của nó; tức là ta đã bước ra ngoài mọi lãnh vực đối đãi của cuộc đời này.

Sự cảm thọ của âm thanh, mùi hương, vị ngọt v.v... cũng là những cái khổ đi kèm do tâm dẫn dắt. Nếu ta không làm chủ được mình thì những loại này nó sẽ tìm cách làm che mờ tâm của ta. Nó cũng là một loại ma Ba Tuần làm cho tâm ta không thể sáng suốt nhận định đâu là đúng, đâu là sai; đâu là chánh, đâu là tà. Nó cũng giống như tình yêu, nó đánh lừa nhãn quan và nhận thức của ta. Khi yêu thì ta thấy cái gì cũng đẹp cũng hay. Người đối diện sao mà mỹ miều, duyên dáng quá. Nếu có ai đó góp ý vào là tại sao lấy cô đó, thì ta sẽ phùng mang, trợn mắt lên ngay. Vì lúc đó sự cảm thọ của yêu đương nó đang ngự trị trong tâm và cảm thọ này là cảm thọ cao nhất trong lúc ấy; cho nên khi người khác đề cập đến thì động chạm đến tự ái và bản ngã của mình; nên mình phản biện ngay. Nhưng nói cho cùng thì sự cảm thọ này căn bản của nó vốn là phiền não và khổ đau; nhưng ta không nhận biết ra thôi; đến khi sự thật phũ phàng kéo đến qua thời gian chung sống với nhau, những cảm thọ yêu đương lúc ban đầu không còn nữa. Lúc ấy chính là lúc đem những tật xấu ra tố khổ với nhau, rồi ly dị, ly thân v.v... Lúc ấy chỉ có nhắm vào tiền của để chia chác; chứ tình yêu đã cao bay xa chạy rồi. Cho nên khi quán sát về sự cảm thọ này, ta phải nhận chân ra mặt thật của nó.

Đến cảm xúc và pháp trần cũng như vậy thôi. Bởi vì sự chấp thủ là chính; cho nên cái nào thuận với tâm thì tâm ấy sẽ cho phép mình phán xét sự kiện để chấp nhận hay tha thứ. Cảm nhận của sự va chạm, sờ mó ta thấy mịn màng, trơn láng, thô xấu, mềm mại hay cứng cõi v.v... cũng là những sự cảm thọ tương đối khi ta va chạm vào một vật gì hay một sự sở hữu nào đó. Nhưng tất cả cũng đều là giả; chẳng có gì thật cả. Từ khứu giác đến vị giác và thính giác... tất cả chúng ta đều bị đánh lừa. Thế mà chúng ta không biết nguyên nhân của những loại này đều mang đến

cho chúng ta sự khổ đau; chứ ngoài khổ đau ra không còn cái gì khác nữa.

Nhiều người thất tình, thất chí thường hay muốn uống rượu để tiêu sầu; hút thuốc để quên đi sự nhũn nhượ của trần thế; khi nhìn khói thuốc bay hay đánh bạc để quên đi những phiền muộn; nhưng kết quả là gì, chắc ai trong chúng ta cũng đã rõ: Càng uống rượu người ta càng say; khi say rồi thì trí tuệ dần kém, phước đức hao mòn, không còn ai tới lui làm bạn với ta nữa. Lúc ấy chỉ có rượu là bạn của mình; nhưng chất men này sẽ đưa ta đi vào con đường trụy lạc.

Thuốc lá và đánh bạc cũng thế. Ban đầu ta chưa biết hút thuốc cũng muốn hút thử. Khi đã ghiền mùi thuốc lá rồi thì không thể bỏ được. Cho nên nhiều người dám tuyên bố rằng: “Vợ có thể bỏ, nhưng thuốc thì không thể bỏ được”. Đó chỉ là một loại trong tứ đồ tởm; khi ta lớn lên ta mới tập thử, thế mà khi đã ghiền rồi thì không thể nào bỏ được; huống là những nhân tố cội gốc của tham, sân, si, vốn có từ trong vô lượng kiếp, làm sao chúng ta có thể nhổ cho nó đứt phăng cội rễ này được. Thật là thiên nan vạn nan, chứ tuyệt nhiên không phải dễ.

Ai cũng biết rằng:

Bài bạc là bác thẳng bần

Cửa nhà tan nát ra thân ăn mày

Nhưng sòng bạc vẫn dựng lên khắp nơi và dụ người không làm chủ được mình khi cảm thọ hơn thua đủ và muốn chiến thắng làm chủ; nên mới ra nông nổi ấy. Mới đây ông Hoeneß là Chủ tịch Hiệp hội đá banh của đội banh München đã khai trước tòa rằng: Chỉ trong một ngày ông đánh bạc lỗ thua đến 18 triệu Euro tại Thụy Sĩ. Đây là số tiền không nhỏ trong việc ông trốn thuế trong 28 triệu Euro mà ông đang sở hữu.

Rõ ràng là những cảm thọ ấy gây nên khổ đau cho chính mình, cho con người, cho những người gần gũi với mình. Dầu cho có sám hối, ngồi tù đi nữa thì vết nhơ của lương tâm, của lịch sử loài người vẫn còn đó, không và chưa bao giờ có thể xóa nhòa đi được sự sai trái của mình gây nên cho người, khiến cho phải mang họa vào thân.

Nếu chỉ cần quán sát tận tường “Tứ Niệm Xứ” này thì tâm ta sẽ dừng đứng trước mọi sự việc xảy ra trên cuộc đời này. Dầu cho ai đó có chửi ta, khen ta, chê ta, hờn trách ta, tán thưởng ta, hạ bệ ta, nói xấu ta hay đua nịnh ta v.v... tất cả cũng chỉ là những hiện tượng mà thôi. Vì thế hãy sống với chính mình và nương vào giáo lý vô ngã của Đức Phật để đối trị

tâm này thì tâm ta sẽ thành thoi tự tại, bằng ngược lại, chúng ta lúc nào cũng chấp nhứt, chê trách v.v... thì cuối cùng chỉ có mình bị khổ, chứ người khác không khổ gì cả.

Một kinh nghiệm bản thân của chúng tôi thường ứng dụng lâu nay trong cuộc sống hằng ngày, muốn gọi đến quý vị và nếu quý vị ứng dụng được, thì đó là một điều lợi ích vô cùng cho tâm mình. Nếu mình có thấy hay nghe thì cũng nên chỉ thấy và nghe cái tốt của người khác, đừng bao giờ chỉ thấy hay muốn thấy cái xấu của người đối diện và dẫu cho người đối diện có nói xấu mình đi nữa thì mình xem như việc khen, chê vốn là chuyện thường tình trên thế gian này. Căn bản của nó là không thật tướng thì mình chấp vào đó để làm gì? Khi quý vị thực hiện được điều này thì trong tâm của quý vị sẽ tích tụ được nhiều tình thương hơn là hận thù; nhiều điểm tốt hơn là điểm xấu. Lúc ấy tâm của quý vị sẽ bao dung hơn và tâm tha thứ, vị tha sẽ vượt lên trên tất cả. Lúc ấy chính là lúc mình tự tại vô ngại nhứt. Bạn hãy thử thực tập và chắc chắn kết quả sẽ như nguyện ở một ngày không xa; không có gì khác hơn điều này mà tôi đã trình bày với bạn. Một cảm giác an lạc sẽ bao phủ toàn thân, một sự hoan hỷ sẽ thể hiện đầy đủ ở khắp mọi nơi và mọi chốn.

Mọi việc trên đời đều không qua khỏi cái thẩm thấu của tâm, thì sự chết hay sống, còn hay mất, có hay không v.v... nó cũng giống như một đám mây bay giữa bầu trời, như có lần Minh Châu Hương Hải Thiền sư thời Trịnh Nguyễn phân tranh đã nói:

Nhạn quá trường không

Ảnh trầm hàn thủy

Nhạn vô lưu tích chi ý

Thủy vô lưu ảnh chi tâm

Nghĩa:

Nhạn bay trên không

Ảnh chìm dưới nước

Nhạn chưa có ý lưu dấu

Nước cũng chẳng có tâm giữ lại dấu kia

Chỉ chừng ấy thôi, cũng sẽ làm cho tâm ta an lạc. Tôi mong rằng: Tất cả chúng ta sẽ được như vậy.

Viết xong 4 chương này tại Tu Viện Viên Đức Ravensburg thuộc miền Nam nước Đức vào ngày 7 tháng 4 năm 2014.

---o0o---

Lời Cuối Sách

Tác phẩm thứ 63 này tôi đặt bút xuống để bắt đầu viết vào ngày 21 tháng 3 năm 2014 tại chùa Tam Bảo, Na Uy và cho đến hôm nay ngày 8 tháng 4 năm 2014 là chấm dứt. Tác phẩm này gồm có 192 trang viết tay, khi đánh máy và Layout theo khổ A5 chắc cũng còn lại trên dưới 200 trang. Như vậy tổng cộng số ngày để hoàn thành tác phẩm này là 19 ngày tất cả; nhưng thật ra tôi viết tổng cộng chừng 10 ngày; 9 ngày còn lại là mấy cái cuối tuần tôi phải lo giảng pháp tại chùa Tam Bảo và Đôn Hậu ở Na Uy, cũng như lễ Thọ Bát Quan Trai, Hạp Tăng Già Đức tại Tu Viện Viên Đức Ravensburg thuộc miền Nam nước Đức. Như vậy trung bình mỗi ngày tôi viết 19 trang viết tay trong khoảng từ 6 đến 8 tiếng đồng hồ.

Xin niệm ân tất cả những ai đã giúp đỡ cho tôi có được nhiều thời gian như vậy để được ngồi vào bàn viết để viết, để suy nghĩ và để dàn trải tâm mình ra thật rộng, nhằm cống hiến cho đời những hiểu biết căn bản về giáo lý của Đạo Phật, đồng thời đây cũng là những hình ảnh mà tôi muốn để lại cho đời sau, để biết rằng: Trong khoảng thời gian như thế, có một con người như thế đã đến và ở chốn này để hoạt động Phật sự. Vì vậy hầu như tất cả những tác phẩm cũng như dịch phẩm của tôi, tôi đều viết tay, chứ không đánh máy thẳng vào Computer. Việc này thư ký giúp tôi cũng như việc Layout để hoàn thành một cuốn sách là do những người kế tiếp đảm nhận.

Tư tưởng của tôi không hay bằng một số các tác giả khác; ý tứ và văn chương không mạch lạc, chải chuốt như những người chuyên môn viết văn; nhưng nếu ai đọc quen văn của tôi viết qua hơn 60 tác phẩm thì sẽ để ý một điều về tánh chân thật của nó; không câu độc giả; không tạo ra sự nghi ngờ khi tìm đến giáo lý của Phật Đà. Một nền giáo lý sâu thẳm của Nguyên Thủy Phật Giáo và Phật Giáo Đại Thừa cũng như Kim Cang Thừa, tôi đã đắm mình vào đó thật sâu và tuyển chọn ra những điều nào đơn giản và dễ hiểu nhất để cống hiến cho các độc giả xa gần. Điều quan trọng hơn hết là thời gian để đọc sách. Có nhiều người bảo rằng: Công việc của họ hằng ngày ở hăng và ở nhà đã chiếm hết 2/3 thời gian rồi. Làm sao có thì giờ để mà đọc những tác phẩm dày mấy trăm trang và đa phần khô khan, nặng phần triết lý như thế? Họ muốn có những tác phẩm

cô đọng và ngắn gọn hơn; khi đọc vào là hiểu liền, không cần phải tra cứu nữa v.v... Đó là nhu cầu của độc giả ngày hôm nay. Đôi khi họ cũng ít đọc sách, vì đã có Internet. Muốn tìm cái gì đó, chỉ cần nhấn nút máy Computer là trên màn hình Google đã chỉ cho tất cả. Cho nên những người ít có thời gian hay chọn giải pháp này; nhưng riêng tôi, người hay thích đọc sách và viết sách lại suy nghĩ khác. Bởi lẽ lịch sử, triết học cũng như tư tưởng v.v... không thể tóm gọn chỉ nằm trên một trang giấy, mà phải cần giải bày, phân tích, càng kỹ lưỡng bao nhiêu thì càng có giá trị bấy nhiêu. Viết sách là để cho người thích đọc sách đọc; chứ không phải chỉ để xem đầu đề sách rồi gấp sách để vào tủ lại. Như thế muôn đời chỗ kiến giải của mình vẫn còn cạn cợt. Muốn vào sâu trong biển Pháp của chư Phật và chư vị Bồ Tát thì chúng ta nên bắt đầu ngay từ bây giờ và lúc này; chứ không thì sẽ trễ.

Từ cuối năm 2003 đến cuối năm 2012 đúng 10 năm như thế; mỗi năm tôi có được ít nhất là 1 tháng ở Á Châu và 2 tháng tại Úc Châu để đi hành hương, tịnh tu và nhập thất. Đây là cơ hội tốt nhất để tôi dịch kinh, viết sách. Vì không vướng bận bất cứ một chuyện gì cả. Tu Viện Đa Bảo tại Sydney Úc Châu là nơi tôi đã dừng chân 10 mùa nắng hạ ở đó. Trong 10 lần của 10 năm ấy, ít nhất là tôi đã hoàn thành trên 10 tác phẩm như vậy. Năm nay về đây, cả mùa đông năm 2013 tôi đã chẳng đặt bút viết được một chữ nào. Cuối cùng rồi những Phật sự tại các địa phương lại chia hết những thời gian của tôi.

Đặc biệt vào ngày 8 tháng 8 năm 2013 vừa qua, Hòa Thượng Thích Minh Tâm đã ra đi vĩnh viễn. Do vậy công việc của Giáo Hội tồn đọng quá nhiều; nên tôi phải nghiêng vai ra gánh vác với quý Thầy trong Giáo Hội. Mãi cho đến đầu năm 2014 này tôi đã nhìn lại năm qua và phác họa cho mình một chương trình làm việc cho năm 2014 này. Nếu không bắt tay vào việc viết, thì chẳng bao giờ viết được nữa cả. Lợi dụng có 1 tuần lễ ở Na Uy và những ngày về lại Tu viện Viên Đức, vừa tham gia các khóa tu, vừa cố gắng để hoàn thành tác phẩm này. Có như vậy độc giả trong năm nay mới có cơ hội để đọc được tác phẩm thứ 63 này. Có nhiều người bảo rằng: Đâu cần phải viết cho nhiều tác phẩm; chỉ cần viết một hay hai tác phẩm giá trị là được rồi. Nghe cũng hữu lý đó; nhưng cái lý ấy không dành cho tôi và một số người khác ham đọc cũng như thích viết. Việc viết lách nó như con tằm nhả tơ, con bò cho sữa hằng ngày; không thể chờ đợi và cũng chẳng phải hẹn qua ngày khác. Nếu hẹn qua ngày khác biết đâu sữa sẽ không còn nữa và tơ sẽ nằm nguyên trong con kén! Do vậy viết là một nhu cầu, một việc cần thiết đối với riêng tôi trong mọi

hoàn cảnh và tình huống. Nếu mình chọn cho mình mỗi năm có được một tác phẩm hay một dịch phẩm như Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, bào huynh của tôi; không chóng thì chầy, chỉ cần 5 hay 10 năm thôi, ta sẽ có một số tác phẩm; trong ấy sẽ có vài tác phẩm có giá trị.

Đa phần con người mang tính bẩm sinh là lười biếng nên cứ hện lần hện lửa năm này qua tháng nọ; nhưng chuyện vô thường và bệnh tật nó đâu có hện với ta. Chúng sẽ đến cùng một lúc. Lúc đó tự nhìn lại đời mình trong một quãng thời gian mấy mươi năm thật là vô ý vị. Vì những chuyện muốn làm, chưa bắt đầu được một cái gì cả. Lúc ấy sự ra đi của mình cũng chẳng được thanh thản chút nào. Riêng tôi, phần lập thân, lập công, lập phước, lập đức xem như đã toại nguyện. Do vậy những ngày còn lại trong cuộc sống này, tôi chọn Tu viện Viên Đức để hành trì cũng như đọc Đại Tạng Kinh và viết lách, thiết nghĩ cũng không sai ý nguyện của mình. Vì tu viện có một vị trí thật là tuyệt vời; nằm gần Bodensee, không khí rất trong lành. Các nước Thụy Sĩ, Áo, Ý muốn qua đây cũng gần hơn và rất tiện lợi trong việc di chuyển. Tôi ở đây mỗi ngày thấy được bầu trời rất trong, cây rất xanh và trên mỗi cành cây đều mang đầy hoa trái. Con người và hoàn cảnh chung quanh cũng rất thuận tiện; cho nên tâm tôi rất tự tại và dường như mọi việc có, không, còn, mất... tôi đều có thể gác qua một bên để đi sâu vào lãnh vực tâm linh của mình.

Ở tuổi 65 của năm nay là tuổi bắt đầu đi xuống. Bệnh tật đã thể hiện ở thân và từ từ thì giờ dành cho Bác sĩ cũng như Nha sĩ nhiều hơn những năm trước; nhưng trong tâm tôi vẫn luôn cố gắng là lạy cho xong quyển 2 của bộ kinh Đại Bát Niết Bàn mỗi chữ mỗi lạy trong mỗi mùa An Cư Kiết Hạ tại chùa Viên Giác Hannover. Đó là tâm nguyện của tôi, mong rằng sức khỏe sẽ cho phép để thực hiện xong nguyện vọng đã có từ hơn 30 năm nay tôi vẫn cùng Đại chúng chùa Viên Giác tại Hannover trong mỗi mùa An Cư Kiết Hạ thường thực hành như vậy. Đây không phải là việc khoa trương, mà là một pháp tu, một hạnh nguyện. Do vậy tôi vẫn thường nói rằng: Nếu sau này tôi có ra đi, mọi việc khen chê hãy để lại cho đời; chỉ nên nhớ một điều là từ 50 năm nay (1964-2014) trong suốt 50 năm trường ấy tôi đã hành trì miên mật kinh Lăng Nghiêm vào mỗi buổi sáng tại chùa, tại tư gia hay trên máy bay, xe hơi, tàu hỏa v.v... và cũng trong suốt 30 năm (1984-2014) vào mỗi tối từ 20 giờ đến 21 giờ 30 trong mỗi mùa An Cư Kiết Hạ, tôi và Đại chúng chùa Viên Giác vẫn hành trì lễ bái kinh điển mỗi chữ mỗi lạy và mỗi đêm như thế thường lễ bái từ 300 đến 350 lạy. Hãy chỉ nhắc đến những việc này là đủ rồi. Vì tất cả những điều hay đẹp đã được nói và viết lên trên tờ báo Viên Giác số

201 xuất bản vào tháng 6 năm 2014 vừa qua để kỷ niệm tôi xuất gia đúng 50 năm và 65 năm tuổi đời. Như thế thiết nghĩ đã quá đủ và quá tuyệt vời; chắc không có gì để cần phải nói thêm nữa.

Ở tuổi 60 trở lên là tuổi “thuận nhĩ”; nghĩa là nghe cái gì cũng thuận tai. Điều ấy hẳn đúng. Vì mọi việc ở đời này, cái gì cũng đã kinh qua; nào giận, hờn, thương, ghét, được, mất, tốt, xấu v.v... thiết nghĩ đã quá đủ để tuổi này đi vào sự chiêm nghiệm của tự thân, không cần phải so đo thiệt hơn gì nữa cả. Có người bảo rằng: Trong mỗi tác phẩm như vậy, tôi đều gói gắm tâm sự của mình vào đó. Điều này có hẳn phải đúng không? Dĩ nhiên là không sai, nhưng cũng không phải là hoàn toàn. Ví dụ như quyển tiểu thuyết lịch sử “Chuyện tình Liên Hoa Hòa Thượng” cũng đã được dựng thành tuồng cải lương dài hơn 3 tiếng đồng hồ; trong ấy tôi gói gắm tâm sự của mình cũng không phải là ít. Còn tác phẩm này ở tuổi xế chiều, cũng là tác phẩm để chuẩn bị cho bao nhiêu sự ra đi như thế và tôi cũng sẽ dự phần vào. Viết cho người khác cũng là viết cho chính mình vậy. Vì qua 65 năm của cuộc sống, tôi chưa thấy được một cái gì là vĩnh cửu cả; ngoại trừ giáo lý tối thượng thừa của Đạo Phật. Tôi cũng đã kinh qua bao nhiêu lời hứa hẹn của Đệ Tử xuất gia và tại gia; nhưng giữa đường họ không thực hiện nổi chữ hứa. Mặc dầu những người ấy mình tin tưởng rất nhiều. Cho nên tất cả cái gì xảy ra trong cuộc đời này, cũng chỉ là một hiện tượng mà thôi; ngay cả sự sanh và sự tử cũng như vậy.

Xin niệm ân tất cả những ai đã hỗ trợ tác phẩm này được thành hình như: Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng ở Úc đã nhờ Đệ tử Quảng Tuệ Pháp ở Việt Nam Layout hình bìa thật là có ý nghĩa. Thầy Hạnh Lý chùa Viên Giác Hannover đã đọc lại lần cuối và dò lỗi chính tả. Chú Sanh ở văn phòng lo đánh máy để kịp đưa đi Đài Loan in trong mùa hè này. Đạo Hữu Như Thân lo Layout để hoàn chỉnh một tác phẩm và cuối cùng là phần hỗ trợ tài chánh cúng dường ấn tống để in ấn quyển sách này cả 2.000 bản. Quả là những điều đáng ca ngợi, tán thán và xin hồi hướng đến tất cả những công đức có được này về với pháp giới chúng sanh, nguyện thành Phật Đạo.

Tác giả : Thích Như Điển

Viết xong tác phẩm này vào sáng ngày 8 tháng 4 năm 2014 tại Tu viện Viên Đức, Ravensburg thuộc miền Nam nước Đức, trong khi bên ngoài mặt trời và hoa lá đang khoe sắc thắm muôn màu.

HÉT